

Số: /BC-BCT

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

**BÁO CÁO****Tổng kết việc thi hành Luật Thương mại, Luật Cạnh tranh,  
Luật Quản lý ngoại thương, Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng**

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Công Thương đã tiến hành tổng kết việc thi hành các Luật: Luật Thương mại, Luật Cạnh tranh, Luật Quản lý ngoại thương, Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng. Kết quả như sau:

**I. BỐI CẢNH THỰC HIỆN TỔNG KẾT****1. Bối cảnh trong nước và quốc tế liên quan đến dự thảo****(1) Luật Thương mại**

\* Về các nội dung đã phân cấp, phân quyền theo Nghị định số 139/2025/NĐ-CP và Nghị định số 146/2025/NĐ-CP

Sau khi Quốc hội Khóa XV xem xét thông qua Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương (được xác định là 02 luật gốc của nền hành chính), để bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất trong hệ thống pháp luật, đặc biệt là bảo đảm các nguyên tắc phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền được quy định tại Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Bộ Nội vụ đã tham mưu, trình Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Kế hoạch triển khai các nhiệm vụ, giải pháp về đẩy mạnh phân quyền, phân cấp theo quy định tại Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương (kèm theo Quyết định số 608/QĐ-TTg ngày 15/3/2025); trong đó, đã yêu cầu các Bộ, cơ quan ngang Bộ phải rà soát tổng thể các luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội để điều chỉnh thống nhất với nguyên tắc phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền được quy định tại Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025<sup>1</sup>.

Triển khai thực hiện các chủ trương của Đảng, Chính phủ về phân cấp, phân quyền gắn với tổ chức mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, trên cơ sở Kết luận số 155-KL/TW của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Kế hoạch số 40/KH-BCĐ của Ban Chỉ đạo sắp xếp đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, Bộ Nội vụ đã tham mưu cho Chính phủ ban hành Kế hoạch số 447/KH-CP về xây dựng các Nghị định phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền gắn với thực hiện mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp; trong đó, căn cứ quy định về ủy quyền lập pháp tại khoản 2 Điều 32 Luật Tổ chức Chính phủ năm 2025 và khoản 1 Điều 54 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025, Chính phủ đã giao trách nhiệm cho các bộ ngành tập trung xây dựng 02 nhóm nghị định, gồm: (i) Nghị định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương theo mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp; (ii) Nghị định về phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh

<sup>1</sup> Báo cáo số 11296/BC-BNV ngày 27/11/2025 của Bộ Nội vụ đánh giá tính khả thi đối với nhiệm vụ đã được phân cấp, phân quyền cho chính quyền địa phương

vực; đồng thời, ban hành theo thẩm quyền các thông tư để thực hiện phân cấp, phân định thẩm quyền theo ngành, lĩnh vực.

Để kịp thời hoàn thiện khuôn khổ pháp lý làm cơ sở cho mô hình chính quyền địa phương 02 cấp đi vào hoạt động, căn cứ chỉ đạo của Đảng, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã giao các bộ, cơ quan ngang bộ rà soát, thống kê các nội dung cần điều chỉnh ngay về nhiệm vụ, quyền hạn của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, chính quyền địa phương tại các luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, trình Chính phủ ban hành các nghị định để quyết định điều chỉnh theo thẩm quyền.

Trên cơ sở kết quả triển khai các Nghị định phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền đã được ban hành, thực hiện nhiệm vụ tại Kế hoạch kèm theo Quyết định số 608/QĐ-TTg, các bộ, cơ quan ngang bộ đã rà soát, đánh giá để xác định các nội dung cần tiếp tục nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung, tổ chức xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan, người có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, ban hành văn bản quy phạm pháp luật để điều chỉnh nội dung quy định tại văn bản hành chính hoặc nội dung đã ủy quyền ban hành theo đúng yêu cầu tại Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước<sup>2</sup>.

Trên cơ sở các Nghị quyết, Kết luận, chỉ đạo của cấp có thẩm quyền, Luật Tổ chức Chính phủ 2025 và Luật Tổ chức chính quyền địa phương 2025 được Quốc hội thông qua và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 3 năm 2025. Tại các Luật này, có quy định chuyển tiếp như sau:

Khoản 2 Điều 32 Luật Tổ chức Chính phủ năm 2025 quy định: “2. Trong thời gian luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội chưa được sửa đổi, bổ sung theo thời hạn quy định tại khoản 1 Điều này, để bảo đảm giải quyết việc phân quyền, phân cấp đối với một số lĩnh vực ưu tiên, cấp bách, giao Chính phủ ban hành văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh một số nhiệm vụ, quyền hạn và quy định khác có liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ đang được quy định trong các điều, khoản, điểm có liên quan tại luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội để thống nhất áp dụng, định kỳ báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội; trường hợp liên quan đến luật, nghị quyết của Quốc hội thì báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.”

Khoản 1 Điều 50 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025 quy định: “Kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành, để kịp thời đẩy mạnh phân quyền, phân cấp cho chính quyền địa phương trong một số lĩnh vực ưu tiên, cấp bách, giao Chính phủ ban hành văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền phân định lại nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương và điều chỉnh các quy định khác có liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương để thống nhất áp dụng trong thời gian chưa sửa đổi, bổ sung các luật, pháp lệnh, nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội và định kỳ báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội; trường hợp liên quan đến luật, nghị quyết của Quốc hội thì báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.”

---

<sup>2</sup> Báo cáo số 9214/BC-BNV ngày 10/10/2025 việc thực hiện Quyết định số 608/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và đề xuất sửa đổi, bổ sung các luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội bảo đảm theo các nguyên tắc tại Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025.

Để tổ chức triển khai thi hành các quy định nói trên, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 608/QĐ-TTg ngày 15 tháng 3 năm 2025 về Kế hoạch triển khai các nhiệm vụ, giải pháp về đẩy mạnh phân quyền, phân cấp theo quy định tại Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương. Trong đó, Thủ tướng Chính phủ đã yêu cầu: *“Trên cơ sở nguyên tắc phân định thẩm quyền được quy định tại Luật, xác định rõ nội dung, điều, khoản, điểm có liên quan về phân quyền, phân cấp trong nghị định, nghị quyết do Chính phủ ban hành, làm cơ sở điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ và chính quyền địa phương tại các luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bảo đảm tính khả thi khi áp dụng trên thực tiễn.”*

Thực hiện yêu cầu nói trên, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo các bộ, cơ quan ngang bộ: *“Đề xuất nội dung văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ điều chỉnh nhiệm vụ, quyền hạn của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, chính quyền địa phương đối với một số vấn đề ưu tiên, cấp bách về phân quyền, phân cấp”* với nội dung: *“Căn cứ vào Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2021 - 2025 và 2026 - 2030, yêu cầu đẩy mạnh phân cấp, phân quyền để thực hiện các nhiệm vụ ưu tiên, cấp bách theo chỉ đạo của Đảng, Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ, cơ quan ngang bộ xác định nội dung cần điều chỉnh ngay về nhiệm vụ, quyền hạn của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, chính quyền địa phương tại các luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, trình Chính phủ ban hành nghị định, nghị quyết để quyết định điều chỉnh theo thẩm quyền (khoản 2 Điều 32 Luật Tổ chức Chính phủ và khoản 1 Điều 50 Luật Tổ chức chính quyền địa phương)”*. Triển khai Quyết định số 608/QĐ-TTg nói trên, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Văn bản số 393/TTg-PL chỉ đạo các bộ, cơ quan ngang bộ xây dựng Nghị định về phân định thẩm quyền giữa cơ quan trung ương và chính quyền địa phương và giữa các cấp chính quyền địa phương.

Việc tổng kết việc phân cấp cơ bản dựa trên Nghị định số 139/2025/NĐ-CP và Nghị định số 146/2025/NĐ-CP.

\* Về đơn giản hóa thủ tục hành chính, cắt giảm điều kiện đầu tư kinh doanh

Thực hiện chỉ đạo của Chính phủ giao, Bộ Công Thương đã trình Chính phủ ban hành Nghị định số 139/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền theo mô hình chính quyền địa phương 2 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương và Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại (tổng số nhiệm vụ phân cấp, phân quyền cho địa phương là 208 nhiệm vụ/401 nhiệm vụ cần phân cấp, phân quyền, chiếm tỷ lệ 52%. Bộ cũng ban hành 05 Thông tư triển khai thực hiện).

Ngoài ra, song song với việc phân quyền, phân cấp, thực hiện Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ và Công điện số 56/CĐ-TTg ngày 04/5/2025 yêu cầu các bộ ngành, địa phương tập trung thực hiện cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, Bộ Công Thương đã quán triệt và thực hiện đầy đủ, đồng bộ việc cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính bảo đảm bãi bỏ ít nhất 30% điều kiện đầu tư kinh doanh, giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết của các thủ tục hành chính, 30% chi phí tuân thủ thủ tục hành chính.

Ngày 21 tháng 12 năm 2025, Thủ tướng Chính phủ ban hành Công điện số 242/CĐ-TTg về việc tập trung hoàn thành mục tiêu cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh theo Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2025

của Chính phủ giao các Bộ "*Khẩn trương rà soát để bãi bỏ ngay các điều kiện kinh doanh đối với những ngành, nghề đã được đưa ra khỏi danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo quy định của Luật Đầu tư.*"

Theo quy định của Luật Đầu tư năm 2025, ngành nghề kinh doanh dịch vụ giám định thương mại đã được bãi bỏ khỏi Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện. Việc bãi bỏ này thể hiện chủ trương tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, giảm thiểu rào cản gia nhập thị trường, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp tham gia cung cấp dịch vụ theo cơ chế thị trường, đồng thời phù hợp với định hướng đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính và cắt giảm điều kiện kinh doanh không cần thiết.

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công điện số 242/CD-TTg và nhằm bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật, Bộ Công Thương đã tiến hành rà soát các quy định pháp luật thuộc phạm vi quản lý có liên quan đến hoạt động kinh doanh dịch vụ giám định thương mại. Trên cơ sở kết quả rà soát, Bộ Công Thương thực hiện việc nghiên cứu, đề xuất cắt giảm, bãi bỏ các điều kiện kinh doanh và các thủ tục hành chính liên quan đến ngành nghề này trong Luật Thương mại và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan, qua đó góp phần triển khai hiệu quả chủ trương cải cách của Chính phủ, đồng thời bảo đảm môi trường kinh doanh thông thoáng, minh bạch và phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

- Đối với nội dung quy định cụ thể hạn mức tối đa về giá trị của hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại, mức giảm giá tối đa đối với hàng hóa, dịch vụ được khuyến mại mà thương nhân được thực hiện trong hoạt động khuyến mại:

Sau khi Nghị định số 146/2025/NĐ-CP được Chính phủ ban hành vào ngày 12 tháng 6 năm 2025, Bộ Công Thương đã ban hành Thông tư số 39/2025/TT-BCT ngày 22 tháng 6 năm 2025 quy định hạn mức tối đa về giá trị của hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại, mức giảm giá tối đa đối với hàng hóa, dịch vụ được khuyến mại mà thương nhân được thực hiện trong hoạt động khuyến mại.

**\* Về các nội dung khác**

- Thực hiện Nghị quyết số 12/2002/QH11 ngày 16 tháng 12 năm 2002 của Quốc hội khóa 11 kỳ họp thứ 2 về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh của Quốc hội nhiệm kỳ khóa XI (2002 – 2007) và năm 2003, Chính phủ đã giao Bộ Thương mại chủ trì soạn thảo dự án Luật Thương mại (sửa đổi).

Ngày 14 tháng 6 năm 2005, Quốc hội khóa XI đã thông qua Dự án Luật Thương mại (sửa đổi) tại kỳ họp thứ 7. Luật Thương mại năm 2005 được ban hành trong bối cảnh Việt Nam đàm phán gia nhập WTO. Đồng thời, năm 2005 cũng là năm Bộ Chính trị ban hành 02 chiến lược cải cách pháp luật và cải cách tư pháp (Nghị quyết số 48 và Nghị quyết số 49 của Bộ Chính trị). Nghị quyết số 48 đặt ra mục tiêu xây dựng hệ thống pháp luật là “xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật đồng bộ, thống nhất, khả thi, công khai, minh bạch, trọng tâm là hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân; đổi mới căn bản cơ chế xây dựng và thực hiện pháp luật; phát huy vai trò và hiệu lực của pháp luật để quản lý xã hội, giữ vững ổn định chính trị, phát triển kinh tế, hội nhập quốc tế, xây dựng Nhà nước trong sạch, vững mạnh, thực hiện quyền con người, quyền tự do, dân chủ của công dân, góp phần đưa nước ta trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020”. Nghị quyết số 49 đặt ra mục tiêu xây dựng một nền tư pháp “trong sạch, vững mạnh, dân chủ, nghiêm minh, bảo vệ công lý, từng bước hiện đại, phục vụ nhân dân, phụng sự Tổ quốc Việt Nam xã hội

chủ nghĩa; hoạt động tư pháp mà trọng tâm là hoạt động xét xử được tiến hành có hiệu quả và hiệu lực cao”.

Hiện tại, đây là văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực pháp lý cao nhất quy định về các vấn đề liên quan đến việc thực hiện hoạt động thương mại trên lãnh thổ Việt Nam. Sự ra đời của Luật Thương mại năm 2005 đã đáp ứng kịp thời yêu cầu hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế thế giới, khắc phục những hạn chế của Luật Thương mại năm 1997 thông qua việc mở rộng phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, sửa đổi các quy định không còn phù hợp, bổ sung những hoạt động thương mại mới, đồng thời tập hợp các hoạt động thương mại cùng tính chất trong các chương riêng, thay vì quy định dàn trải như trước đây.

Ngày 28 tháng 11 năm 2013, tại Kỳ họp thứ sáu, Quốc hội khóa XIII đã thông qua Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (Hiến pháp năm 2013). Hiến pháp năm 2013 đã thể chế hóa Cương lĩnh phát triển đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung phát triển năm 2011).

Một trong những nội dung quan trọng của Hiến pháp năm 2013 là nội dung được quy định tại Chương II, Chương III và các chương có liên quan về kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ và môi trường. Những quy định này đã thể hiện quan điểm, đường lối của Đảng, Nhà nước và ý nguyện của nhân dân ta về tôn trọng, bảo đảm quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, đổi mới toàn diện, hội nhập quốc tế sâu rộng và phát triển bền vững trên ba trụ cột chính là Kinh tế - xã hội - môi trường. Những quy định này của Hiến pháp năm 2013 đã đặt ra một số vấn đề mới, yêu cầu cần phải hoàn thiện quy định của Luật thương mại, cụ thể như sau:

So với Hiến pháp năm 1992, Điều 14 của Hiến pháp năm 2013 quy định rõ quyền con người, quyền công dân về chính trị, dân sự, văn hóa, xã hội được công nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm theo Hiến pháp và pháp luật. Bên cạnh đó, nhằm khắc phục sự tùy tiện ra các quy định trong việc hạn chế quyền con người, quyền công dân, Hiến pháp năm 2013 đã quy định nguyên tắc “*Quyền con người, quyền công dân chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng*”. Theo đó, không ai được tùy tiện hạn chế các quyền con người, quyền công dân, ngoại trừ các trường hợp cần thiết nói trên do luật định. Điều này xác lập nguyên tắc quyền con người, quyền công dân chỉ bị hạn chế bằng luật chứ không phải các văn bản dưới luật. Do vậy, tất cả các quyền cơ bản của công dân, trong đó có quyền bình đẳng trước pháp luật, quyền tự do kinh doanh, quyền sở hữu ... đều được Nhà nước bảo hộ và chỉ bị hạn chế bằng luật trong trường hợp cần thiết theo quy định tại khoản 2 Điều 14 của Hiến pháp.

- Về quyền tự do kinh doanh, theo quy định tại Điều 57 của Hiến pháp năm 1992 thì quyền tự do kinh doanh của công dân được tiếp cận theo hướng công dân được phép làm những gì pháp luật cho phép, chứ không phải là được làm những gì pháp luật không cấm (“*Công dân có quyền tự do kinh doanh theo quy định của pháp luật*”). Tuy nhiên, Điều 33 Hiến pháp 2013 đã thay đổi cách tiếp cận về quyền tự do kinh doanh của cá nhân thông qua quy định: “*Mọi người có quyền tự do kinh doanh trong những ngành nghề mà pháp luật không cấm*”. Đây là thay đổi hết sức quan trọng về nội dung trong cách tiếp cận về quyền tự do kinh doanh. Xét về góc độ đối tượng thì Hiến pháp 1992 chỉ quy định là *công dân* có quyền, còn hiến pháp 2013 quy định là *mọi người* có quyền, rộng hơn rất nhiều. Xét về góc độ phạm vi hoạt động, Điều 33 của Hiến pháp 2013 được hiểu rộng theo hướng doanh nghiệp có quyền làm những gì pháp luật không cấm thay vì chỉ được làm những gì pháp luật cho phép. Tuân thủ Điều 33 này, nghĩa vụ của Nhà

nước là phải đưa ra danh mục các ngành, nghề cấm để mọi người thực hiện quyền kinh doanh tự do, ngoại trừ cái cấm đó. Thay đổi hết sức quan trọng này của Hiến pháp đòi hỏi phải thay đổi tương ứng các quy định của pháp luật về hoạt động thương mại của cá nhân, tổ chức.

Đây là một nội dung lớn và đòi hỏi có cách tiếp cận mới liên quan đến việc sửa đổi Luật thương mại năm 2015, theo đó, việc sửa đổi Luật thương mại cần được tiếp cận dưới giác độ cụ thể hóa quy định của Hiến pháp năm 2013 về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân.

Trong thời gian qua, Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều chủ trương, định hướng quan trọng về phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, xây dựng môi trường cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng, minh bạch, coi cạnh tranh là động lực thúc đẩy đổi mới sáng tạo, nâng cao năng suất, chất lượng và năng lực cạnh tranh quốc gia.

Ngày 22 tháng 12 năm 2024, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 57-NQ/TW về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, trong đó đề ra nhiệm vụ “*phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia là đột phá quan trọng hàng đầu, là động lực chính để phát triển nhanh lực lượng sản xuất hiện đại*” thông qua giải pháp “*khẩn trương, quyết liệt hoàn thiện thể chế; xoá bỏ mọi tư tưởng, quan niệm, rào cản đang cản trở sự phát triển; đưa thể chế thành một lợi thế cạnh tranh trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số*”.

Ngày 30 tháng 4 năm 2025, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 66-NQ/TW về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới, trong đó nêu nhiệm vụ (i) “*đổi mới tư duy, định hướng xây dựng pháp luật*” thông qua giải pháp “*bảo đảm thực chất quyền tự do kinh doanh, sự bình đẳng giữa các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế; kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng nhất của nền kinh tế quốc gia. Tạo cơ sở pháp lý để khu vực kinh tế tư nhân tiếp cận hiệu quả các nguồn lực về vốn, đất đai, nhân lực chất lượng cao; thúc đẩy hình thành và phát triển các tập đoàn kinh tế tư nhân tầm cỡ khu vực và toàn cầu; hỗ trợ thực chất, hiệu quả doanh nghiệp nhỏ và vừa*”; (ii) “*tạo đột phá trong công tác thi hành pháp luật, bảo đảm pháp luật được thực hiện công bằng, nghiêm minh, nhất quán, kịp thời, hiệu lực và hiệu quả; gắn kết chặt chẽ giữa xây dựng và thi hành pháp luật thông qua giải pháp*” thông qua giải pháp “*tạo đột phá trong công tác thi hành pháp luật, bảo đảm pháp luật được thực hiện công bằng, nghiêm minh, nhất quán, kịp thời, hiệu lực và hiệu quả; gắn kết chặt chẽ giữa xây dựng và thi hành pháp luật*”.

Ngày 04 tháng 5 năm 2025, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 68-NQ/TW về phát triển kinh tế tư nhân, trong đó đặt ra nhiệm vụ “*đẩy mạnh cải cách, hoàn thiện, nâng cao chất lượng thể chế, chính sách, bảo đảm và bảo vệ hữu hiệu quyền sở hữu, quyền tài sản, quyền tự do kinh doanh, quyền cạnh tranh bình đẳng của kinh tế tư nhân và bảo đảm thực thi hợp đồng của kinh tế tư nhân*”. Ngày 16 tháng 5 năm 2025, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 138/NQ-CP nhằm xây dựng kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW, trong đó giao Bộ Công Thương “*đẩy mạnh thực thi Luật Cạnh tranh và các văn bản hướng dẫn thi hành đảm bảo môi trường cạnh tranh công bằng, bình đẳng, minh bạch giữa các thành phần kinh tế; xử lý nghiêm các hành vi lạm dụng vị trí thống lĩnh, độc quyền và cạnh tranh không lành mạnh; nâng cao hiệu lực hiệu quả hoạt động của Ủy ban Cạnh tranh quốc gia*”.

Ngày 06 tháng 01 năm 2026, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 79-NQ/TW

về phát triển kinh tế nhà nước, trong đó đặt ra nhiệm vụ và giải pháp: “*Hoàn thiện hệ thống pháp luật đồng bộ, minh bạch, kịp thời tháo gỡ các điểm nghẽn, nút thắt về thể chế; thực hiện pháp luật nghiêm minh, hiệu lực, hiệu quả; tăng cường kỷ luật - kỷ cương, phù hợp với các cam kết quốc tế*”; “*Tạo lập môi trường thuận lợi, công bằng, minh bạch cho các khu vực kinh tế trong khai thác và sử dụng nguồn lực quốc gia, khuyến khích hợp tác công tư trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên, kết cấu hạ tầng, cung cấp dịch vụ sự nghiệp công. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, phân cấp, phân quyền, nâng cao tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm, hạch toán kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực vật chất của Nhà nước gắn với trách nhiệm giải trình; giảm thiểu can thiệp hành chính trực tiếp, giảm chi phí tuân thủ; áp dụng nguyên tắc quản lý rủi ro và chuyển mạnh từ tiền kiểm sang hậu kiểm*”.

Các Nghị quyết nêu trên đã nhấn mạnh yêu cầu hoàn thiện thể chế cạnh tranh, xây dựng môi trường kinh doanh bình đẳng, minh bạch, bảo đảm mọi thành phần kinh tế tiếp cận nguồn lực và cơ hội phát triển như nhau, kiên quyết xử lý các hành vi lạm dụng vị trí thống lĩnh, độc quyền, cạnh tranh không lành mạnh, qua đó tạo động lực cho phát triển nhanh và bền vững nền kinh tế.

- Trong thời gian qua, hàng loạt các luật về thể chế kinh tế thị trường có liên quan đến Luật thương mại năm 2005 đã được sửa đổi, bổ sung, ban hành mới (Bộ luật Dân sự 2015, Luật Đầu tư (sửa đổi), Luật Doanh nghiệp (sửa đổi),... dẫn đến phải rà soát sửa đổi đồng bộ các quy định tại các Luật.

- Cùng với đó, tinh thần chung của các cam kết quốc tế mà Việt Nam gia nhập đến nay đều hướng tới việc đảm bảo đối xử bình đẳng giữa doanh nghiệp thương mại Nhà nước như các doanh nghiệp khác trong hoạt động mặc dù các cam kết quốc tế không quy định cụ thể. Theo cam kết WTO, Việt Nam chấp nhận bị coi là nền kinh tế phi thị trường trong 12 năm, tức là không muộn hơn ngày 31 tháng 12 năm 2018. Điều này có nghĩa sau năm 2018, Việt Nam cần phải xây dựng nền kinh tế thị trường theo nguyên tắc “bình đẳng và tự do hóa thương mại”. Do vậy, việc hạn chế sự can thiệp của nhà nước và sự gia tăng các thành phần kinh tế tham gia trong mọi lĩnh vực là một minh chứng chứng minh cho định hướng xây dựng nền kinh tế của Việt Nam là phù hợp với cam kết.

- Về chính sách quy định liên quan đến khái niệm “*hàng giả trong Luật Thương mại*”:

Trong bối cảnh toàn cầu hóa sâu rộng và sự phát triển nhanh chóng của thương mại điện tử, hoạt động sản xuất, buôn bán hàng giả đã và đang trở thành một trong những thách thức nghiêm trọng đối với sự phát triển bền vững của nền kinh tế toàn cầu. Hàng giả không còn là hiện tượng mang tính cục bộ hay giới hạn trong một số nhóm hàng tiêu dùng đơn giản, mà đã lan rộng sang nhiều lĩnh vực then chốt như dược phẩm, mỹ phẩm, linh kiện điện tử, phụ tùng ô tô, thiết bị y tế và hàng hóa công nghệ cao, với quy mô và mức độ tinh vi ngày càng gia tăng. Bên cạnh đó, với sự bùng nổ của lĩnh vực thương mại điện tử, hoạt động sản xuất và buôn bán hàng giả có chiều hướng gia tăng và diễn biến phức tạp với sự thay đổi đáng kể về phương thức, phạm vi và mức độ tổ chức. Vào năm 2017, Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) đã ước tính rằng cứ 10 loại thuốc ở các nước thu nhập thấp và trung bình thì có 1 loại không đạt tiêu chuẩn kiểm soát chất lượng, cho thấy sản phẩm đó kém chất lượng hoặc bị làm giả. Điều này có thể dẫn đến những rủi ro nghiêm trọng về sức khỏe, thất bại trong điều trị và thậm chí tử vong. Ước tính mỗi năm, các quốc gia trên thế giới thiệt hại khoảng 30,5 tỷ USD do thuốc kém chất lượng và thuốc giả, bao gồm chi phí điều trị không hiệu quả, gia tăng gánh nặng y tế, thất thoát

ngân sách và suy giảm năng suất lao động<sup>3</sup>. Tại Châu Âu, các báo cáo do Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) phối hợp với Văn phòng Sở hữu trí tuệ Liên minh châu Âu (EUIPO) đã ước tính rằng thương mại quốc tế các sản phẩm giả mạo trị giá tới 509 tỷ USD vào năm 2016, chiếm tới 3,3% thương mại thế giới. Châu Âu thậm chí còn đối mặt với rủi ro cao hơn: khoảng 6,8% hàng nhập khẩu của EU năm 2016 (tương đương 121 tỷ euro) là hàng giả, tăng từ khoảng 5% năm 2013. Theo số liệu được thống kê, năm 2019 gần 6% tổng hàng nhập khẩu của EU là hàng giả (khoảng 119 tỷ euro) theo Ủy ban châu Âu<sup>4</sup>. Những con số này thậm chí còn chưa tính đến các sản phẩm giả mạo được sản xuất và bán trong thị trường nội địa của EU hoặc hàng hóa kỹ thuật số vi phạm bản quyền. Không dừng lại ở đó, theo báo cáo của OECD và EUIPO, vào năm 2021, giá trị thương mại quốc tế của hàng giả và vi phạm bản quyền<sup>5</sup> lên tới 467 tỷ USD, chiếm tới 2,3% tổng thương mại toàn cầu<sup>6</sup>. Quy mô này cho thấy sự tinh vi của hoạt động buôn bán hàng giả mà cũng như sự ăn sâu của nó trong nền kinh tế toàn cầu. Riêng tại Liên minh châu Âu, hàng giả được xác định chiếm khoảng 4,7% tổng giá trị hàng hóa nhập khẩu, phản ánh mức độ xâm nhập sâu rộng của hàng giả ngay cả tại những thị trường có hệ thống pháp luật và kiểm soát phát triển cao. Hàng giả và hàng kém chất lượng tăng mạnh tại các nước EU với trình trạng đáng báo động vào năm 2023 do có tới 3,4 tỉ euro hàng giả bị tịch thu, tăng 77% so với năm trước. Hàng giả không chỉ gây thất thoát doanh thu cho doanh nghiệp mà còn làm suy yếu ngân sách nhà nước, phá hủy việc làm, xói mòn niềm tin thị trường và đe dọa trực tiếp đến sức khỏe cộng đồng. Theo các báo cáo của OECD và EUIPO, ước tính các nền kinh tế của các nước EU thiệt hại hàng năm lên tới 60 tỉ euro và khiến mất gần 434.000 việc làm<sup>7</sup>. Ước tính 5,8% tổng số hàng nhập khẩu vào EU là hàng giả, trị giá khoảng 119 tỷ euro giá trị kinh tế bị mất<sup>8</sup>. Các ngành công nghiệp của EU mất hơn 50 tỷ euro doanh thu trực tiếp hàng năm do cạnh tranh từ hàng giả (hơn 90 tỷ euro nếu tính cả tổn thất gián tiếp trong chuỗi cung ứng); các quốc gia mất khoảng 15-16 tỷ Euro doanh thu thuế (VAT chưa nộp, thuế nhập khẩu và đóng góp xã hội) mỗi năm do buôn bán hàng giả. Ước tính hơn 670.000 việc làm trên khắp châu Âu bị mất đi do tác động của hàng giả đối với các ngành công nghiệp hợp pháp<sup>9</sup>. Theo đánh giá của EUIPO, hàng giả chiếm khoảng 5% tổng số hàng hóa nhập khẩu vào EU và ở một số lĩnh vực như thời trang xa xỉ, điện tử và dược mỹ phẩm, con số này có thể lên tới 40%. Do tính chất phức tạp xuyên biên giới, việc xử lý đòi hỏi sự phối hợp chặt chẽ của nhiều bên: cơ quan thực thi pháp luật quốc gia, cơ quan hải quan biên giới, các nền tảng phân phối trực tuyến, chủ sở hữu trí tuệ và người tiêu dùng. Không chỉ các quốc gia trong Liên minh Châu Âu EU, hiệp hội các nhà sản xuất quốc gia ước tính hàng giả đã làm giảm gần 131 tỷ đô la cho nền kinh tế Mỹ trong năm 2019. Điều đó có nghĩa

<sup>3</sup> <https://www.who.int/news-room/fact-sheets/detail/substandard-and-falsified-medical-products>

<sup>4</sup> Thomas Wahl, *Commission Presents Toolbox against Counterfeiting*, 2024: <https://eucrim.eu/news/commission-presents-toolbox-against-counterfeiting/>

<sup>5</sup> Thuật ngữ “hàng giả” trong báo cáo của OECD và EUIPO chỉ bao gồm hàng hóa giả mạo nhãn hiệu, xâm phạm bản quyền, sáng chế, không bao gồm hàng kém chất lượng, hàng làm giả/ pha trộn hoặc sản phẩm có nhãn sai thông tin mà không vi phạm bất kỳ quyền sở hữu trí tuệ nào.

<sup>6</sup> OECD, EUIPO, *From fakes to forces labour*, 2026, tr.9.

<sup>7</sup> Phương Nguyễn, *Châu Âu tổng lực chống hàng giả, hàng kém chất lượng*, Báo Tuổi trẻ Online, 2025: <https://tuoitre.vn/chau-au-tong-luc-chong-hang-gia-hang-kem-chat-luong-20250427084336231.htm>

<sup>8</sup> European Commission, *Commission Recommendation of 19.3.2024 on measures to combat counterfeiting and enhance the enforcement of intellectual property rights*, tr.2.

<sup>9</sup> OECD, EUIPO, *2019 Status report on IPR infringement*, tr.22.

là mất 22,3 tỷ đô la thu nhập lao động và hơn 325.000 việc làm bị mất. Doanh thu thuế liên bang mất 5,6 tỷ đô la, và thu thuế của tiểu bang và địa phương mất gần 4 tỷ đô la<sup>10</sup>. Vấn nạn hàng giả đang trở thành một “căn bệnh” mãn tính của nền kinh tế toàn cầu, gây ra những hệ lụy nghiêm trọng không chỉ đối với các doanh nghiệp sản xuất chân chính mà còn làm xói mòn sâu sắc lòng tin của hàng triệu người tiêu dùng. Đây không chỉ là một cuộc chiến kinh tế đơn thuần mà còn là mối đe dọa trực tiếp đến sức khỏe cộng đồng, sự công bằng trong cạnh tranh và động lực đổi mới của cả một quốc gia. Để ngăn chặn hàng giả và hàng không kém chất lượng, các quốc gia trên thế giới đã triển khai nhiều chiến dịch lớn chống hàng giả, trong đó nổi bật là các chiến dịch Chiến dịch OPSON – một chiến dịch quốc tế do Tổ chức Cảnh sát Hình sự Quốc tế (INTERPOL) và Cục Cảnh sát châu Âu (EUROPOL) thực hiện thường niên nhằm triệt phá các mạng lưới tội phạm sản xuất, kinh doanh thực phẩm và đồ uống giả, kém chất lượng trên toàn cầu. Mục tiêu của chiến dịch là bảo vệ sức khỏe người tiêu dùng, ngăn chặn hàng giả, hàng không đạt chuẩn và thu giữ hàng tấn thực phẩm giả mạo. Theo số liệu được cung cấp bởi INTERPOL, trung bình mỗi năm, hàng nghìn tấn thực phẩm giả bị thu giữ, hàng triệu lít đồ uống giả và kém chất lượng bị tịch thu. Các mặt hàng bị xử lý cũng rất đa dạng, từ dầu ăn<sup>11</sup>, phụ gia thực phẩm<sup>12</sup>, đồ uống có cồn<sup>13</sup>, nước ngọt, gạo<sup>14</sup>, thực phẩm chế biến<sup>15</sup>, rau củ, trái cây... Theo số liệu được công khai, chỉ tính riêng trong Chiến dịch OPSON năm 2024, các cơ quan chức năng đã thu giữ 22.000 tấn thực phẩm và 850.000 lít đồ uống, với tổng trị giá khoảng 91 triệu euro (tương đương khoảng 2.811 tỷ đồng). Kết quả của chiến dịch năm 2024 bao gồm: 11 mạng lưới tội phạm bị triệt phá; 104 lệnh bắt giữ được ban hành; 184 lệnh khám xét được thực thi; 278 người bị chuyển hồ sơ sang cơ quan tư pháp; 5.821 đợt kiểm tra và thanh tra thực phẩm<sup>16</sup>. Số lượng hàng hóa bị truy quét và thu giữ ngày càng gia tăng, trong Chiến dịch OPSON XIV (năm 2025), các cơ quan tham gia Chiến dịch OPSON XIV đã thu giữ 259.012 gói hàng, 1.416.168 lít đồ uống và 11.566.958 kg thực phẩm. Cũng trong chiến dịch này, vào năm 2025, đã có 631 cá nhân bị báo cáo cho các cơ quan tư pháp; 101 lệnh bắt giữ được ban hành; 13 nhóm tội phạm có tổ chức bị triệt phá; hàng hóa trị giá khoảng 95 triệu EUR

<sup>10</sup> <https://www.myjournalcourier.com/opinion/article/counterfeiters-benefit-tariff-economy-20327538.php>

<sup>11</sup> Trong Chiến dịch năm 2024, tại Tây Ban Nha, lực lượng Vệ binh Dân sự, phối hợp với Cảnh sát Quốc gia Ý và Europol, đã bắt giữ 4 người điều hành một công ty đóng hộp. Lực lượng chức năng đã thu giữ khoảng 120.000 lon cá ngừ và 45.000 lít dầu ăn. Các sản phẩm này có chất lượng thấp hơn rất nhiều so với thông tin trên nhãn và được bán với giá rẻ bất thường so với hàng thật. Tại Ý, lực lượng chống hàng giả và bảo vệ sức khỏe cộng đồng thuộc Cảnh sát Quốc gia đã phát hiện 42 tấn dầu bị pha trộn nhưng dán nhãn sai là dầu ô liu nguyên chất của Ý.

<sup>12</sup> Tại Ý, lực lượng chức năng đã thu giữ 71 tấn chất lỏng dùng để pha trộn dầu và 623 lít chất diệt lục để tạo màu cho dầu giả. Tổng giá trị các tang vật bị thu giữ (bao gồm cả thiết bị đóng gói, nhãn mác, phương tiện vận chuyển, xe nâng và thiết bị điện tử) lên tới 900.000 euro (khoảng 27,8 tỷ đồng)

<sup>13</sup> Tại Ý, một đường dây làm giả rượu vang đã bị triệt phá, dẫn tới việc thu giữ 60.000 lít rượu vang giả. Tại Pháp, Cảnh sát Quốc gia Pháp đã phối hợp với Cảnh sát Quốc gia Ý, Cảnh sát Liên bang Thụy Sĩ, cùng Europol và Eurojust, để triệt phá một đường dây làm giả rượu vang Pháp cao cấp ngay tại Ý. Nhóm này sản xuất giả rượu vang đỏ Pháp và xuất khẩu đi toàn cầu. Một số chai được bán với giá lên tới 15.000 euro (gần 465 triệu đồng) mỗi chai. Chiến dịch đã bắt giữ 6 đối tượng, thu giữ lượng tài sản trị giá 1,4 triệu euro (khoảng 43 tỷ đồng), cùng hơn 100.000 euro tiền mặt và nhiều tài liệu liên quan.

<sup>14</sup> Tại Thụy Điển, Cơ quan An toàn Thực phẩm Thụy Điển, Cảnh sát Thụy Điển và các cơ quan liên quan đã phối hợp với giới chức EU để thu giữ hơn 600 tấn gạo có chất lượng thấp hơn nhiều so với thông tin ghi trên nhãn. Phần lớn gạo này được nhập khẩu từ các nước ngoài EU, chủ yếu là Ấn Độ và Pakistan

<sup>15</sup> Giới chức Tây Ban Nha cũng phát hiện và xử lý nhiều vụ làm giả dầu ăn, thịt nguội và phô mai

<sup>16</sup> Khánh Linh, *Chiến dịch OPSON: Đột kích hàng trăm kho hàng, tịch thu 22.000 tấn thực phẩm bẩn, nhai thương hiệu và 850.000 lít đồ uống pha tạp, tổng trị giá 2.800 tỷ đồng*, 2025: <https://cafef.vn/chien-dich-opson-dot-kich-hang-tram-kho-hang-tich-thu-22000-tan-thuc-pham-ban-nhai-thuong-hieu-va-850000-lit-do-uong-pha-tap-tong-tri-gia-2800-ty-dong-188250704155334726.htm>

bị thu giữ; 31.165 cuộc kiểm tra và thanh tra được thực hiện<sup>17</sup>. Các vụ việc trong Chiến dịch OPSON một lần nữa cho thấy tình trạng hàng giả, hàng nhái và hàng kém chất lượng đang lan rộng trên quy mô toàn cầu. Không chỉ ảnh hưởng riêng đến kinh tế của một quốc gia hay một khu vực nhất định, hàng giả còn gây ra những thiệt hại mang tính hệ thống đối với thương mại toàn cầu. Hàng giả làm suy giảm nghiêm trọng hiệu quả của các hiệp định thương mại tự do và các cơ chế thuận lợi hóa thương mại. Các quốc gia buộc phải tăng cường kiểm tra, giám sát, áp dụng các biện pháp kiểm soát biên giới nghiêm ngặt hơn để ngăn chặn hàng giả, từ đó làm gia tăng chi phí giao dịch, kéo dài thời gian thông quan và ảnh hưởng tiêu cực đến dòng chảy thương mại hợp pháp. Điều này đặc biệt bất lợi đối với các nền kinh tế phụ thuộc nhiều vào xuất nhập khẩu và các chuỗi cung ứng toàn cầu, nơi tốc độ và độ tin cậy của thương mại là yếu tố then chốt quyết định năng lực cạnh tranh quốc gia. Đặc biệt, trong các lĩnh vực nhạy cảm như dược phẩm, thiết bị y tế, thực phẩm và sản phẩm liên quan đến an toàn con người, hàng giả không chỉ gây thiệt hại kinh tế mà còn tạo ra những rủi ro xã hội và nhân đạo nghiêm trọng. Các sự cố liên quan đến thuốc giả hoặc thiết bị y tế giả có thể dẫn đến khủng hoảng niềm tin trên thị trường quốc tế, kéo theo các biện pháp hạn chế thương mại, thu hồi sản phẩm quy mô lớn và tranh chấp pháp lý giữa các quốc gia, qua đó làm gia tăng bất ổn trong thương mại toàn cầu. Bên cạnh đó, khi hàng giả xâm nhập sâu vào thương mại xuyên biên giới, những hàng hóa này có thể phá vỡ cơ chế hình thành giá cả dựa trên chi phí thực, làm sai lệch tín hiệu thị trường và tạo ra một môi trường cạnh tranh bất bình đẳng, trong đó các doanh nghiệp tuân thủ pháp luật bị đặt vào thế bất lợi so với các chủ thể hoạt động phi pháp. Sự mất an toàn và thiếu minh bạch này làm giảm mức độ tin cậy giữa các đối tác thương mại quốc tế, buộc các doanh nghiệp phải tái cấu trúc chuỗi cung ứng theo hướng khép kín hoặc dịch chuyển sản xuất, từ đó làm gia tăng chi phí và giảm hiệu quả kinh tế tổng thể. Như vậy, thiệt hại do hàng giả gây ra đối với thương mại toàn cầu và các nền kinh tế không chỉ dừng lại ở con số tổn thất hàng trăm tỷ USD mỗi năm, mà còn thể hiện ở sự suy yếu của các nguyên tắc thương mại công bằng, sự gián đoạn chuỗi cung ứng, sự xói mòn niềm tin thị trường và những hệ lụy lâu dài đối với tăng trưởng, đổi mới sáng tạo và ổn định kinh tế - xã hội. Đây chính là lý do khiến phòng, chống hàng giả ngày càng được coi là một vấn đề không chỉ mang tính quản lý thị trường, mà còn là một ưu tiên chiến lược trong chính sách thương mại và phát triển của nhiều quốc gia trên thế giới. Trong nước, vấn nạn sản xuất và buôn bán hàng giả tại Việt Nam đã và đang vượt ra ngoài phạm vi của một hiện tượng vi phạm pháp luật mà đã đặt ra thách thức nghiêm trọng đối với nền kinh tế, hoạt động sản xuất trong nước cũng như công tác quản lý nhà nước hiện nay. Hàng giả không còn xuất hiện đơn lẻ ở một số nhóm hàng truyền thống mà đã lan rộng sang nhiều lĩnh vực then chốt, từ thực phẩm, dược phẩm, sữa, thực phẩm chức năng, phân bón, vật tư nông nghiệp cho đến hàng tiêu dùng thiết yếu và các sản phẩm ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe cộng đồng. Mỗi năm, số vụ việc bị xử phạt, truy tố liên quan đến hành vi sản xuất, buôn bán hàng giả ngày càng gia tăng. Theo Báo cáo sơ kết 02 năm thực hiện Kế hoạch số 92/KH-BCĐ389 về tăng cường công tác chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả trên các tuyến biên giới, vùng biên và địa bàn nội địa của Ban Chỉ đạo quốc gia chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả (Ban chỉ đạo 389 quốc gia), các bộ, ngành và lực lượng chức năng đã phát hiện, xử lý 294.728 vụ vi phạm, gồm 24.414 vụ mua bán, vận chuyển hàng cấm, hàng lậu; 259.618 vụ gian lận thương mại và thuế; 10.696 vụ sản xuất, mua bán hàng giả, hàng kém chất lượng và vi phạm sở hữu trí tuệ. Tổng số thu

<sup>17</sup> Counterfeit and substandard food worth EUR 95 million seized in global operation: <https://world-border-congress.com/counterfeit-and-substandard-food-worth-eur-95-million-seized-in-global-operation/>

ngân sách đạt gần 30.000 tỷ đồng, khởi tố 5.280 vụ với 7.884 đối tượng<sup>18</sup>. Chỉ tính riêng trong 6 tháng đầu năm 2025, các lực lượng chức năng trong cả nước đã bắt giữ, xử lý 49.714 vụ việc vi phạm (giảm 22,55% so với cùng kỳ năm trước). Trong đó, phát hiện, xử lý 10.836 vụ buôn bán, vận chuyển hàng cấm, hàng lậu (tăng 79,34%); 35.608 vụ gian lận thương mại, gian lận về thuế (giảm 35,41%); 3.270 vụ hàng giả, vi phạm sử hữu trí tuệ (tăng 8,64%); thu nộp ngân sách nhà nước hơn 6.459,2 tỷ đồng (tăng 6,47%); khởi tố hình sự 1.899 vụ (tăng 192,15%) với 3.271 đối tượng<sup>19</sup>. Thực hiện Công điện số 65/CD-TTg, Chỉ thị số 13/CT-TTg và các chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Trưởng Ban Chỉ đạo 389 quốc gia về mở đợt cao điểm đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng buôn lậu, gian lận thương mại, trong tháng cao điểm (từ 15/5/2025 đến 15/6/2025), các lực lượng chức năng tại các địa phương trong cả nước bắt giữ, xử lý 10.437 vụ việc buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả (tăng 80,51% so với tháng 5); thu nộp ngân sách nhà nước 1.279 tỷ đồng (tăng 258,43% so với tháng 5); tạm giữ hàng hóa tang vật trị giá ước tính trên 4.075 tỷ đồng; khởi tố 204 vụ với 378 bị can. Qua thực tiễn công tác kiểm tra cho thấy, hàng giả không chỉ tồn tại dai dẳng tại các chợ truyền thống, cửa hàng nhỏ lẻ mà đã nhanh chóng dịch chuyển và bùng phát mạnh mẽ trên các nền tảng thương mại điện tử và mạng xã hội. Hoạt động lợi dụng thương mại điện tử, mua sắm trên các trang mạng xã hội, chuyên phát nhanh... để kinh doanh, vận chuyển hàng không rõ nguồn gốc, hàng giả, kém chất lượng có chiều hướng gia tăng. Ngoài ra, các đối tượng lợi dụng nhu cầu tiêu dùng tăng, tâm lý chuộng giá rẻ, sự thiếu cảnh giác trên môi trường trực tuyến và những kẽ hở trong quản lý chất lượng, truy xuất nguồn gốc để đưa hàng giả lưu thông trên thị trường. Hành vi không chỉ tập trung vào thương hiệu quốc tế mà còn mở rộng sang thương hiệu trong nước và nhóm sản phẩm thiết yếu, cho thấy phạm vi tác động ngày càng sâu rộng. Chúng loại hàng hóa vi phạm đa dạng, từ thời trang, mỹ phẩm, thực phẩm chức năng, dược phẩm, sữa bột, chế phẩm vệ sinh đến linh kiện điện tử, phụ tùng phương tiện và hàng tiêu dùng phổ biến; nguồn hàng hình thành từ cả sản xuất trong nước và nhập khẩu qua nhiều hình thức khác nhau. Bên cạnh đó, các thủ đoạn truyền thống vẫn được duy trì nhưng có mức độ tinh vi hơn. Hoạt động sản xuất hàng giả diễn ra tại các cơ sở nhỏ lẻ, thuê địa điểm ngắn hạn ở khu vực giáp ranh hoặc đông dân cư để tránh giám sát. Các đối tượng chia nhỏ quy trình thành nhiều công đoạn riêng biệt như in bao bì, pha trộn nguyên liệu, đóng gói và dán nhãn tại các địa điểm khác nhau nhằm gây khó khăn cho truy xuất nguồn gốc. Bao bì, tem nhãn, mã vạch và tem chống giả tiếp tục được sử dụng phổ biến. Một xu hướng nổi bật trong giai đoạn gần đây là sự gia tăng mạnh của hành vi giả mạo về chất lượng, thay vì chỉ giả mạo hình thức như giai đoạn trước. Các đối tượng thực hiện pha loãng hoặc thay đổi thành phần sản phẩm, sử dụng nguyên liệu rẻ tiền hoặc không rõ nguồn gốc, hạ chỉ tiêu kỹ thuật, thay đổi hoặc in lại hạn sử dụng, chia nhỏ lô hàng để gửi mẫu đạt chuẩn đi kiểm nghiệm. Đồng thời, xuất hiện tình trạng giả mạo hồ sơ công bố tiêu chuẩn, phiếu kiểm nghiệm và giấy chứng nhận chất lượng, giúp hợp thức hóa hàng kém chất lượng dưới dạng sản phẩm hợp pháp. Nhóm mặt hàng bị giả mạo về chất lượng chủ yếu gồm dược phẩm, thực phẩm chức năng, sữa bột và sản phẩm dinh dưỡng, mỹ phẩm, chế phẩm vệ sinh, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật và xăng dầu không chỉ gây tác động trực tiếp đến sức khỏe người tiêu dùng mà còn ảnh hưởng tới an toàn thị trường, sự phát triển bền vững kinh tế. Đặc biệt, những vụ án lớn bị phát hiện trong thời gian gần đây gây chấn động dư

<sup>18</sup> Hồng Vân, *10.696 vụ sản xuất, mua bán hàng giả bị phát hiện trong 2 năm*, Thời báo Tài chính Việt Nam, 2025: <https://thoibaotaichinhvietnam.vn/10696-vu-san-xuat-mua-ban-hang-gia-bi-phat-hien-trong-2-nam-176338.html>

<sup>19</sup> Tổng kết đợt cao điểm đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả, <https://baolangson.vn/tong-ket-dot-cao-diem-dau-tranh-chong-buon-lau-gian-lan-thuong-mai-va-hang-gia-5050955.html>

luận như vụ sản xuất, quảng cáo, phân phối sữa giả của Công ty Rance Pharma, Công ty Hacofood, Công ty ZHolding; vụ sản xuất thực phẩm chức năng giả của Công ty TNHH Công nghệ Herbitech và Công ty Mediphar; vụ sản xuất mua bán hàng giả, thuốc chữa bệnh, thuốc phòng bệnh trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa và nhiều tỉnh, thành phố trên toàn quốc; vụ sản xuất, quảng cáo sai sự thật về công dụng của kẹo rau củ Kera; vụ sản xuất dầu ăn chần nuôi dùng cho người của Công ty Nhật Minh Food... đã ảnh hưởng sâu sắc đến niềm tin của người tiêu dùng cũng như niềm tin của người dân đối với công tác quản lý của cơ quan nhà nước. Cụ thể:

T T	Vụ việc/Đối tượng vi phạm	Tóm tắt vụ việc <sup>20</sup>	Hành vi vi phạm <sup>21</sup>
1.	Sản xuất, buôn bán xăng giả (Trịnh Sướng) (2018)	<p>- <i>Hàng giả</i>: Xăng A95 giả (không đạt tiêu chuẩn kỹ thuật bắt buộc theo quy chuẩn xăng dầu Việt Nam), được pha từ dung môi, chất tạo màu và chất kích RON để mô phỏng xăng thật nhưng chất lượng kém, tiềm ẩn rủi ro cháy nổ và gây hại cho động cơ phương tiện.</p> <p>- <i>Tóm tắt hành vi</i>: Pha dung môi với 30%-70% xăng thật (A95) cùng các hóa chất, màu công nghiệp<sup>22</sup>. Trịnh Sướng cùng đồng bọn đã tổ chức pha chế, sản xuất ra hơn 137 triệu lít xăng giả, gần 1,6 triệu lít dầu DO giả. Sau đó, Trịnh Sướng đã bán gần hết số xăng giả ra thị trường, thu lợi bất chính với tổng số tiền hơn 102 tỷ đồng.</p>	Sản xuất, buôn bán hàng giả <sup>23</sup>
2.	Công ty CP Dược quốc tế Rance Pharma, Công ty CP Dược dinh dưỡng Hacofood Group (2025)	<p>- <i>Hàng giả</i>: Sữa bột dinh dưỡng (573 nhãn hiệu sữa bột giả các loại dành cho người bị tiểu đường, suy thận, trẻ sinh non, phụ nữ mang thai) - Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm Hà Nội thực hiện cấp giấy tiếp nhận bản đăng ký công bố cho 71 sản phẩm (chiếm 12%), chủ yếu là thực phẩm dinh dưỡng.<sup>24</sup></p> <p>- <i>Tóm tắt hành vi</i>: Các đối tượng đã bỏ một số nguyên liệu đầu vào và thay thế, bổ sung thêm một số chất phụ gia (sữa bột có chỉ tiêu chất lượng một số chất đạt dưới 70% so với mức công bố, đủ điều</p>	<p>- Sản xuất, buôn bán hàng giả là thực phẩm<sup>25</sup></p> <p>- Vi phạm quy định về kế toán gây hậu quả nghiêm trọng</p>

<sup>20</sup> Chi tập trung mô tả các hành vi liên quan đến sản xuất, buôn bán hàng giả

<sup>21</sup> Các hành vi vi phạm đang bị truy tố hoặc đã bị xử lý

<sup>22</sup> Thu Hà, *Đại gia xăng dầu Trịnh Sướng lĩnh 12 năm tù*: <https://vnexpress.net/dai-gia-xang-dau-trinh-suong-linh-12-nam-tu-4410173.html>

<sup>23</sup> “Trùm” xăng giả Trịnh Sướng bị tuyên phạt 12 năm tù giam: <https://vtv.vn/phap-luat/trum-xang-gia-trinh-suong-bi-tuyen-phat-12-nam-tu-giam-20211230163359598.htm>

<sup>24</sup> Hải Hà, *Vụ sản xuất sữa giả: Hà Nội công bố kết quả rà soát sản phẩm*: <https://thanhtra.com.vn/an-sinh-AFA9C5670/vu-san-xuat-sua-gia-ha-noi-cong-bo-ket-qua-ra-soat-san-pham-d8caa402c.html>

<sup>25</sup> Bộ Công an, *Khởi tố, bắt tạm giam 08 đối tượng sản xuất, buôn bán sữa giả tại Công ty CP Dược quốc tế Rance Pharma, Công ty CP Dược dinh dưỡng Hacofood Group*: <https://bocongan.gov.vn/bai-viet/khoi-to-bat-tam-giam-08-doi-tuong-san-xuat-buon-ban-sua-gia-tai-cong-ty-cp-duoc-quoc-te-rance-pharma-cong-ty-cp-duoc-dinh-duong-hacofood-group-d22-t44458?utm>

		kiện để xác định là hàng giả), tự công bố sản phẩm, thành lập các công ty để phân phối khắp các tỉnh thành.	
3.	Công ty CP Z Holding (2025)	<p>- <i>Hàng giả</i>: Sữa bột HIUP GOLD, thực phẩm bổ sung HIUP, dinh dưỡng HIUP 27 hương vani,.... Ngoài ra, còn buôn bán 26 sản phẩm giả.</p> <p>- <i>Tóm tắt hành vi</i>: Chủ tịch và hai phó tổng Giám đốc chỉ đạo thành lập 26 công ty, 27 hệ thống bán hàng, 208 nhóm bán hàng và 179 hộ kinh doanh cá thể để hợp thức hoá hoạt động sản xuất, buôn bán, kê khai thuế. Một trong các công ty trong hệ thống là Nature Made chỉ đạo xây dựng công thức không đúng với hồ sơ tự công bố, đăng ký công bố sản phẩm theo hướng bỏ bớt, thay thế thành phần nguyên liệu, nhằm giảm chi phí sản xuất, tăng lợi nhuận. Hình thức để Z Holding bán được sữa giả cho người tiêu dùng là thuê người nổi tiếng, diễn viên, MC quảng cáo rầm rộ thổi phồng công dụng nhiều mặt hàng.<sup>26</sup></p>	<p>- Sản xuất, buôn bán hàng giả là thực phẩm.</p> <p>- Vi phạm quy định về kế toán gây hậu quả nghiêm trọng</p> <p>- Rửa tiền.<sup>27</sup></p>
4.	Công ty Herbitech (2025)	<p>- <i>Hàng giả</i>: Thực phẩm bảo vệ sức khỏe Medi Kid Calcium K2; Ăn ngon BABY SHARK. Các sản phẩm này được quảng cáo giúp bổ sung dinh dưỡng, đặc biệt cho trẻ em nhưng không đúng chất lượng/định lượng theo công bố.</p> <p>- <i>Tóm tắt hành vi</i>: Trong quá trình hoạt động, Công ty Herbitech đã sử dụng các phiếu kết quả thử nghiệm giả mang tên Công ty TSL để sản xuất, gia công và công bố sản phẩm, đưa ra thị trường tiêu thụ. Theo điều tra, Công ty Herbitech đã gia công, sản xuất khoảng 200 loại sản phẩm, trị giá hàng trăm tỷ đồng nhưng không đảm bảo chất lượng, song công ty này sử dụng phiếu kết quả thử nghiệm giả mạo để hợp thức hóa sản phẩm, qua đó đưa hàng loạt sản phẩm không đạt chuẩn ra thị trường<sup>28</sup></p>	<p>- Vi phạm quy định về kế toán gây hậu quả nghiêm trọng</p> <p>- Cơ quan điều tra tiếp tục mở rộng khám xét, thu giữ hồ sơ/lô hàng có dấu hiệu hàng giả để giám định, xử lý theo quy định pháp luật.<sup>29</sup></p>
5.	Công ty cổ phần Dược liên doanh MediPhar	- <i>Hàng giả</i> : Thực phẩm chức năng giả	- Sản xuất, buôn bán hàng giả là lương thực, thực

<sup>26</sup> Thân Hoàng, *Chủ tịch Công ty Z Holding bị đưa ra xét xử vì bán cả triệu hộp sữa Hiup giả*: <https://tuoitre.vn/chu-tich-cong-ty-z-holding-bi-dua-ra-xet-xu-vi-ban-ca-trieu-hop-sua-hiup-gia-20260105090301847.htm?utm>

<sup>27</sup> Báo điện tử Chính phủ, *Vụ sản xuất sữa giả: Chủ tịch Công ty Z Holding bị tuyên phạt 30 năm tù*: <https://baohinhphu.vn/vu-san-xuat-sua-gia-chu-tich-cong-ty-z-holding-bi-tuyen-phat-30-nam-tu-102260114165406058.htm?utm>

<sup>28</sup> Minh Đức, *Vụ sản xuất thực phẩm bảo vệ sức khỏe cho trẻ em giả: 21 cán bộ, lãnh đạo cấp cục, vụ nhận tiền 'bôi trơn'*: <https://tienphong.vn/vu-san-xuat-thuc-pham-bao-ve-suc-khoe-cho-tre-em-gia-21-can-bo-lanh-dao-cap-cuc-vu-nhan-tien-boi-tron-post1784731.tpo>

<sup>29</sup> Danh Trọng, *Bắt giám đốc Công ty Herbitech và 3 cấp dưới vụ sản xuất sản phẩm bảo vệ sức khỏe giả*: <https://tuoitre.vn/bat-giam-doc-cong-ty-herbitech-va-3-cap-duoi-vu-san-xuat-san-pham-bao-ve-suc-khoe-gia-20250428200109163.htm>

	(2025)	<p>- <i>Tóm tắt hành vi:</i> Từ nhập khẩu nguyên liệu đến sản xuất, đóng gói, các sản phẩm bị phát hiện không đạt tiêu chuẩn chất lượng như đã đăng ký công bố.</p> <p>Từ năm 2016, Nguyễn Năng Mạnh và các đồng phạm đã thành lập, điều hành nhiều công ty để hợp thức hành vi sản xuất, buôn bán thực phẩm chức năng giả từ khâu nhập khẩu nguyên liệu đến sản xuất, đóng gói bao bì, tiêu thụ trên thị trường<sup>30</sup></p>	<p>phẩm, phụ gia thực phẩm</p> <p>- Vi phạm quy định về kế toán gây hậu quả nghiêm trọng<sup>31</sup></p>
6.	Công ty TNHH dược phẩm quốc tế An Phát	<p>- <i>Hàng giả:</i> Các loại thuốc chữa bệnh và thuốc phòng bệnh bị làm giả gồm 21 loại tân dược/thuốc chữa xương khớp giả, trong đó nhiều sản phẩm được gắn mác thuốc thật (có tên, nhãn giống thuốc đã được Bộ Y tế cấp phép) nhưng không đáp ứng chất lượng dược – thành phần như công bố.</p> <p>- <i>Tóm tắt hành vi:</i> Nhóm đối tượng thu mua nguyên liệu dược, dược liệu không rõ nguồn gốc rồi trộn, nghiền thành bột và thành phần giả.</p> <p>+ Sử dụng máy móc để đóng viên nang, ép vỉ, đóng gói thuốc giả giống thuốc thật.</p> <p>+ Thu giữ tang vật gồm hơn 18.000 vỏ hộp thuốc giả, 142 kg bột/viên thuốc, nhiều máy sản xuất, thiết bị đóng gói, và hàng nghìn sản phẩm thuốc giả khác chưa có hóa đơn, chứng từ hợp pháp.</p> <p>+ Thuốc giả được phân phối qua mạng xã hội, cửa hàng thuốc, quầy thuốc, và nhiều kênh khác trên toàn quốc<sup>32</sup></p>	buôn bán hàng giả là thuốc chữa bệnh, thuốc phòng bệnh <sup>33</sup>
7.	Kẹo rau củ Kera (Công ty cổ phần Tập đoàn Chị Em Rọt (CER Group), Công ty cổ phần Asia Life) (2025)	<p>- <i>Hàng giả:</i> Super Greens Gummies (kẹo rau củ Kera) được giới thiệu là kẹo có thể cung cấp chất xơ và dinh dưỡng giống như rau củ, thậm chí được quảng bá rằng “mỗi viên tương đương một đĩa rau”.</p> <p>- <i>Tóm tắt hành vi:</i> Theo bản tự công bố và nhãn sản phẩm thể hiện, thành phần của kẹo Kera, gồm 22 nguyên liệu, trong đó 10 loại bột rau củ quả, chiếm tỉ lệ 28,13% nguyên liệu đưa vào sản xuất. hực tế, Công ty Asia chỉ mua sẵn các loại bột, chất phụ gia</p>	<p>Công ty Asia Life bị khởi tố về hành vi Sản xuất hàng giả là thực phẩm</p> <p>Các KOLs có liên quan bị tuyên về tội Lừa dối khách hàng<sup>35</sup></p>

<sup>30</sup> Như Nguyệt, *Mở rộng điều tra vụ án sản xuất thực phẩm chức năng giả tại Công ty MediPhar:*  
<https://vneconomy.vn/mo-rong-dieu-tra-vu-an-san-xuat-thuc-pham-chuc-nang-gia-tai-cong-ty-mediphar.htm>

<sup>31</sup> Bộ Công an, *Kết quả điều tra mở rộng vụ án Sản xuất, buôn bán hàng giả là thực phẩm chức năng xảy ra tại Công ty MediPha:*  
<https://bocongan.gov.vn/bai-viet/ket-qua-dieu-tra-mo-rong-vu-an-san-xuat-buon-ban-hang-gia-la-thuc-pham-chuc-nang-xay-ra-tai-cong-ty-mediphar-d22-t45034?utm>

<sup>32</sup> Thái Thanh, *Công an Thanh Hóa triệt phá đường dây sản xuất, buôn bán thuốc tân dược giả quy mô lớn với nhiều thủ đoạn tinh vi:*  
<https://conganthanhhoa.gov.vn/tin-tuc-su-kien/tin-an-ninh-trat-tu/cong-an-thanh-hoa-triet-pha-duong-day-san-xuat-buon-ban-thuoc-tan-duoc-gia-qui-mo-lon-voi-nhieu-thu-doan-tinh-vi.html?utm>

<sup>33</sup> Nguyễn Vy, *Khởi tố hình sự vụ buôn bán hàng giả là thuốc tân dược tại Thanh Hoá:*  
<https://tapchicongthuong.vn/khoi-to-hinh-su-vu-buon-ban-hang-gia-la-thuoc-tan-duoc-tai-thanh-hoa-143265.htm>

<sup>35</sup> Anh Tú, *Tách vụ án hình sự đối với Công ty Asia Life về hành vi sản xuất hàng giả kẹo Kera:*

		để sản xuất. Hàm lượng bột rau củ quả chỉ chiếm tỉ lệ 0,61-0,75% (theo công bố 28,13%); sử dụng chất Sorbitol 70%, đường cát Sacharose để thay thế Stevia (chiết xuất từ lá cỏ ngọt)... Trong đó, Sorbitol thuộc nhóm thuốc nhuận tràng, có tác dụng phụ gây tiêu chảy và đau bụng... <sup>34</sup>	
8.	Công ty TNHH Sản xuất và Xuất nhập khẩu Nhật Minh Food (2025)	<p>- <i>Hàng giả</i>: Dầu thực vật tinh luyện gắn nhãn “dầu ăn Ofood” và dầu đậu nành Ofood mà chất lượng không đạt chuẩn thực phẩm cho người, thực tế đều được làm từ dầu thực vật dùng cho thức ăn chăn nuôi, vốn không đạt tiêu chuẩn an toàn thực phẩm dành cho người.</p> <p>- <i>Tóm tắt hành vi</i>: Nhập khẩu &amp; sử dụng dầu thực vật dành cho thức ăn chăn nuôi, thủy sản, thay vì nguyên liệu phù hợp cho dầu ăn người. Các đối tượng chế biến, gắn nhãn, đóng chai thành dầu ăn mang thương hiệu Ofood để bán vào thị trường tiêu dùng<sup>36</sup></p>	<p>- Sản xuất, buôn bán hàng giả</p> <p>- Buôn lậu<sup>37</sup></p>
9.	Công ty cổ phần thực phẩm Hida (Hida Food JSC) (2025)	<p>- <i>Hàng giả</i>: Thịt bò giả</p> <p>- <i>Tóm tắt hành vi</i>: Nhóm đối tượng do Tổng Giám đốc Công ty Hida và Giám đốc SK Foods Vietnam tổ chức mua thịt trâu nhập khẩu giá rẻ, chất lượng thấp, sau đó tiêm/ bơm hóa chất tạo vân mỡ để trông như Wagyu beef (thịt bò cao cấp), rồi đóng gói, dán nhãn thương hiệu như thịt bò nhập khẩu và phân phối khắp các thành phố lớn Sản phẩm sau đó được đóng gói, dán nhãn Hidasan/nhãn thịt bò và bán ra thị trường với giá cao hơn nhiều lần so với giá vốn. Nhóm này đã sản xuất và tiêu thụ khoảng 14 tấn thịt bò giả (thịt trâu biến hoá). Cơ quan chức năng thu giữ hơn 65 tấn thịt trâu và thịt bò giả, cùng với 17 tấn bột tinh chất tạo vân mỡ và toàn bộ máy móc sản xuất<sup>38</sup></p>	Sản xuất, buôn bán hàng giả là lương thực, thực phẩm
10.	Công ty TNHH Medistar Việt Nam	- <i>Hàng giả</i> : Thực phẩm chức năng giả như: Collagen, Vitamin tổng hợp, Thuốc bổ xương khớp, tiêu hóa và nhiều loại thực phẩm chức năng khác. Những sản phẩm này không đúng với nội dung công	- Sản xuất, buôn bán hàng giả là lương thực, thực

<https://laodong.vn/phap-luat/tach-vu-an-hinh-su-doi-voi-cong-ty-asia-life-ve-hanh-vi-san-xuat-hang-gia-keo-ker-1615215.ldo>

<sup>34</sup> Đỗ Mến, *Vụ kẹo kera: Các KOL phóng đại công dụng sản phẩm để lừa dối khách hàng*:

<https://vneconomy.vn/vu-keo-ker-cac-kol-phong-dai-cong-dung-san-pham-de-lua-doi-khach-hang.htm>

<sup>36</sup> Triệt phá đường dây chế biến dầu dùng cho thức ăn chăn nuôi thành cho người:

<https://antv.gov.vn/phap-luat-3/triet-pha-mot-duong-day-che-bien-dau-dung-cho-thuc-an-chan-nuoi-thanh-cho-nguoi-F1C75559B.html?utm>

<sup>37</sup> Thy Thảo, *Bộ Công Thương thông tin về vụ sản xuất dầu ăn cho người từ dầu thực ăn chăn nuôi*:

<https://tapchicongthuong.vn/bo-cong-thuong-thong-tin-ve-vu-san-xuat-dau-an-cho-nguoi-tu-dau-thuc-an-chan-nuoi-142152.htm>

<sup>38</sup> Bích Phương, *Hà Nội: Khởi tố 4 đối tượng sản xuất, buôn bán thịt bò giả WAGYU*:

<https://thanglong.chinhphu.vn/ha-noi-khoi-to-4-doi-tuong-san-xuat-buon-ban-thit-bo-gia-wagyu-103251014171207702.htm>

	(2026)	<p>bố, không bảo đảm chất lượng và gian lận thương mại.</p> <p>- <i>Tóm tắt hành vi:</i> Từ năm 2012 đến năm 2025, các đối tượng trong đường dây đã bán ra thị trường hàng trăm tấn thực phẩm chức năng giả các loại với doanh thu gần 1.800 tỷ đồng, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe và quyền lợi của người tiêu dùng. Các đối tượng để ngoài sổ sách kế toán và hưởng lợi bất chính hàng trăm tỷ đồng, gây thất thu thuế cho Nhà nước..<sup>39</sup></p>	<p>phẩm, phụ gia thực phẩm</p> <p>- Vi phạm quy định về kế toán gây hậu quả nghiêm trọng</p>
11.	Công ty An Phúc Khang (2025)	<p>- <i>Hàng giả:</i> Phân bón (bao bì giả)</p> <p>- <i>Tóm tắt hành vi:</i> Sang chiết, đóng gói sản phẩm phân bón hữu cơ, dạng viên nén (có nguồn gốc xuất xứ Hàn Quốc) sang bao bì khác có hình con dơi màu đỏ mang nhãn hiệu “ORGANIC FERLITIZER - 100% ORGANIC MATERIALS; 25kg; MADE IN BELGIUM”, dán nhãn phụ tiếng Việt thể hiện “PHÂN BÓN HỮU CƠ ORGANIC KIMANGI NINE. Tên sản phẩm: ORGANIC KIMANGI NINE, định lượng: 25kg/bao; xuất xứ: Belgium, đơn vị nhập khẩu và phân phối công ty An Phúc Khang để xếp vào pallet nhựa màu đen tập kết, bán cho khách hàng<sup>40</sup></p>	Sản xuất, buôn bán hàng giả là phân bón
12.	Công ty TNHH PCCC Tomoken Việt Nam	<p>- <i>Hàng giả:</i> Bình chữa cháy nhãn hiệu Tomoken được xác định là hàng giả, không đáp ứng chức năng chữa cháy thật.</p> <p>- <i>Tóm tắt hành vi:</i> Đối tượng đã tự mua 6 loại nguyên liệu gồm: Bột Monoamoni Photphat (MAP); bột Amonium Sulphate (SA); bột Quatz (SiO<sub>2</sub>); bột silica; tinh dầu Silicon; bột tạo màu và nước để thực hiện phối trộn theo tỷ lệ % mà không có cơ sở, căn cứ khoa học chứng minh hỗn hợp trên là bột chữa cháy. Trong số đó có những nguyên liệu như: Bột Quatz không có tác dụng chữa cháy nhưng lại chiếm tỷ lệ lớn (54%) trong công thức phối trộn nhằm giảm chi phí, giảm giá trị và tăng lợi nhuận kinh doanh. Từ 2023 đến nay, hơn 2,2 triệu bình chữa cháy các loại được bán ra thị trường với doanh số hơn 834 tỉ đồng; trong đó hơn 1,64 triệu bình bột chữa cháy do phối trộn không đúng chuẩn.<sup>41</sup></p>	<p>- Sản xuất, buôn bán hàng giả</p> <p>- Vi phạm quy định về phòng cháy chữa cháy</p>

<sup>39</sup> Lào Cai: Triệt phá đường dây sản xuất, buôn bán thực phẩm chức năng giả quy mô đặc biệt lớn hoạt động trên địa bàn cả nước

<https://bocongan.gov.vn/bai-viet/lao-cai-triet-pha-duong-day-san-xuat-buon-ban-thuc-pham-chuc-nang-gia-quy-mo-dac-biet-lon-hoat-dong-tren-dia-ban-ca-nuoc-1768740091>

<sup>40</sup> Thanh Hằng, Từ bình chữa cháy giả đến phân bón giả: Khi lòng tham biến thành tội ác:

[https://viettimes.vn/tu-binh-chua-chay-gia-den-phan-bon-gia-khi-long-tham-bien-thanh-toi-ac-post190171.html?utm\\_source=chatgpt.com&gidzl=yd2CSdrLr2lpQefzSaBG9FDWXtngGjnvwcNGVcf2stxjCeSeRqRGVkvZtIPXHz4ZvJ3SUZEt4MzXTrJJ8W](https://viettimes.vn/tu-binh-chua-chay-gia-den-phan-bon-gia-khi-long-tham-bien-thanh-toi-ac-post190171.html?utm_source=chatgpt.com&gidzl=yd2CSdrLr2lpQefzSaBG9FDWXtngGjnvwcNGVcf2stxjCeSeRqRGVkvZtIPXHz4ZvJ3SUZEt4MzXTrJJ8W)

<sup>41</sup> Ngọc Long, Khởi tố, bắt tạm giam Giám đốc Công ty Tomoken sản xuất hàng triệu bình chữa cháy giả:

13.	Vụ buôn bán phụ tùng ô tô giả tại Đắk Lắk (2025)	<p>- <i>Hàng giả</i>: Các đối tượng đã mua các loại phụ tùng ô tô giả mạo nhãn hiệu nổi tiếng, trong đó có phụ tùng giả có nguồn gốc từ Trung Quốc hoặc không rõ xuất xứ nhưng lại dán nhãn thương hiệu được bảo hộ tại Việt Nam để bán cho khách hàng.</p> <p>- <i>Tóm tắt hành vi</i>: Tú (Chủ tịch HĐQT một công ty ở Hà Nội) mua phụ tùng ô tô kém chất lượng và cố tình bán trái phép dưới nhãn hiệu các thương hiệu nổi tiếng để thu lợi. Tân (chủ cửa hàng kinh doanh phụ tùng ô tô) mua các sản phẩm giả này từ Tú và phân phối/bán lại cho người tiêu dùng tại cửa hàng phụ tùng ô tô của mình. Tổng số phụ tùng ô tô giả mạo các nhãn hiệu được bảo hộ tại Việt Nam mà Tú và Tân đã mua bán với nhau là 1.417 sản phẩm. Hành vi này khiến người tiêu dùng hiểu lầm về chất lượng và nguồn gốc sản phẩm, gây thiệt hại về kinh tế và nguy cơ an toàn kỹ thuật khi sử dụng<sup>42</sup>.</p>	Buôn bán hàng giả
14.	Công ty cổ phần Nhà máy y tế EBC Đồng Nai (2025)	<p>- <i>Hàng giả</i>: Mỹ phẩm (dầu gội đầu và kem chống nắng)</p> <p>- <i>Tóm tắt hành vi</i>: Công ty Cổ phần Nhà máy y tế EBC Đồng Nai (nhà máy sản xuất thực tế) và Công ty TNHH Thương mại dịch vụ VB Group (đơn vị phân phối do ông Nguyễn Quốc Vũ làm Tổng giám đốc) đã hợp tác sản xuất và phân phối sản phẩm (Hanayuki Shampoo (dầu gội đầu) - lô hàng bị Cục Quản lý Dược – Bộ Y tế đình chỉ lưu hành, thu hồi, tiêu hủy do mẫu kiểm nghiệm không đạt yêu cầu chất lượng, chứa hóa chất 2-Phenoxyethanol không đúng bản công bố sản phẩm và Hanayuki Sunscreen Body (kem chống nắng) - theo kết luận giám định của Phân viện Khoa học hình sự TP.HCM, chỉ số chống nắng SPF thực tế chỉ đạt ~25,82, tức khoảng 51,64 % so với SPF 50 ghi trên bao bì, nên bị coi là gian lận công dụng/ chất lượng.<sup>43</sup> Các đối tượng đang bị điều tra về hành vi sản xuất/ buôn bán hàng giả do kết quả giám định không phù hợp với nội dung ghi trên nhãn (SPF thấp hơn nhiều so với công bố).<sup>44</sup></p>	Sản xuất, buôn bán hàng giả
15.	Sản xuất – buôn bán sách giáo	- <i>Hàng giả</i> : Sách giáo khoa	Sản xuất, buôn bán hàng giả

<https://nhandan.vn/khoi-to-bat-tam-giam-giam-doc-cong-ty-tomoken-san-xuat-hang-trieu-binh-chua-chay-gia-post912973.html>

<sup>42</sup> Thành Nam, Đắk Lắk: Buôn bán phụ tùng ô tô giả, hai bị cáo lĩnh tổng cộng hơn 11 năm tù: <https://thuonghieulongluan.com.vn/dak-lak-buon-ban-phu-tung-o-to-gia-hai-bi-cao-linh-tong-cong-hon-11-nam-tu-a291070.html>

<sup>43</sup> Y Nhụy, Từ vụ bắt Nguyễn Quốc Vũ, lật lại loạt vụ sản xuất mỹ phẩm giả bị phanh phui: <https://vietnamnet.vn/tu-vu-bat-nguyen-quoc-vu-lat-lai-loat-vu-san-xuat-my-pham-gia-bi-phanh-phui-2459776.html?utm>

<sup>44</sup> Dương Liễu, Trước khi bị bắt tam giam, ông Nguyễn Quốc Vũ có những sản phẩm nào ‘dính’ vi phạm?: <https://tuoitre.vn/truoc-khi-bi-bat-tam-giam-ong-nguyen-quoc-vu-co-nhung-san-pham-nao-dinh-vi-pham-20251105214132007.htm>

	khoa giả tại Đà Nẵng (2025)	- <i>Tóm tắt hành vi</i> : Tổ chức in ấn sách giả: Luật (người cầm đầu) hợp tác với Quang để in offset các bản in sách giáo khoa nổi tiếng mà không có hợp đồng với Nhà xuất bản. Gia công hoàn thiện: Sau khi in, các bản in được mang về xưởng gia công để cắt, ghép, đóng bìa, dán tem giả giống sách thật. Phân phối & tiêu thụ: Sách giả được tiêu thụ qua mạng lưới “nhà sách, điểm bán” tại Đà Nẵng, Quảng Nam và các tỉnh khác với chiết khấu cao. Số lượng tiêu thụ lớn: Nhiều bị cáo như Phạm Thạch Kim Điền mua bán hơn 1,17 triệu cuốn với giá bìa hơn 38 tỷ đồng; Phạm Tin mua hơn 86.000 cuốn để bán lẻ. <sup>45</sup>	
16.	Sản xuất, buôn bán thuốc bảo vệ thực vật giả (Quảng Ninh) (2025)	- <i>Hàng giả</i> : Thuốc bảo vệ thực vật giả  - <i>Tóm tắt hành vi</i> : Nhóm đối tượng sản xuất “thuốc trừ cỏ” nhái theo nhãn hiệu BIOGLY88.8SP của Công ty TNHH Nông Sinh (địa chỉ Hà Nội). Sản phẩm này bị kết luận là hàng giả, không đúng thành phần, chất lượng mà nhà sản xuất chính hãng công bố; nguy hại đến hoạt động sản xuất nông nghiệp và môi trường khi người dân sử dụng. Thủy đặt mua 10 gói thuốc chính hãng trên mạng để nghiên cứu kiểu dáng bao bì và thành phần bên trong. Thủy liên hệ qua nhóm trên mạng xã hội để đặt 80.000 vỏ bao thuốc giả giống mẫu thật. Do trong mẫu thật chứa các hạt nhỏ màu vàng, nhóm này đã dùng hạt nèm ARION (sản phẩm gia vị) thay thế làm “nguyên liệu giả” bên trong gói thuốc, sử dụng máy hàn túi nilông và vỏ bao in giả để tạo thành sản phẩm “thuốc trừ cỏ” giả <sup>46</sup>	Sản xuất, buôn bán hàng giả là thuốc bảo vệ thực vật
17.	Sản xuất, buôn bán loa, tai nghe, đồng hồ giả ở Hà Nội (2025)	- <i>Hàng giả</i> : Các thiết bị điện tử, loa, tai nghe, đồng hồ giả mạo các thương hiệu nổi tiếng (như Marshall, Omega, Orient, các loại tai nghe nhái thương hiệu cao cấp.  - <i>Tóm tắt hành vi</i> : Nhóm lập trang Facebook và website giả mạo (ví dụ trang “Tin Việt” và trang web look-alike) quảng cáo chương trình “kỷ niệm 10 năm Marshall” với giá giảm đến 70% để thu hút khách hàng và tặng niềm tin mua sắm. Khách truy cập website, điền thông tin mua hàng - nhân viên telesales liên hệ xác nhận đơn và đặt hàng. Hàng giả được đóng gói gắn nhãn thương hiệu thật, sử dụng các đơn vị vận chuyển lớn như Viettel Post, Giao hàng tiết kiệm, sau đó chuyển đến tay người tiêu dùng. Sản phẩm có nhãn, bao bì rất giống hàng thật	Sản xuất, buôn bán hàng giả

<sup>45</sup> Anh Đào, *Đà Nẵng xét xử 13 bị cáo trong đường dây sản xuất, buôn bán sách giáo khoa giả*: <https://nhandan.vn/da-nang-xet-xu-13-bi-cau-trong-duong-day-san-xuat-buon-ban-sach-giao-khoa-gia-post879445.html>

<sup>46</sup> Nguyễn Khánh, *Khởi tố nhóm đối tượng sản xuất và bán hơn 60 nghìn gói thuốc bảo vệ thực vật giả*: <https://congan.quangninh.gov.vn/tin-antt-va-canh-bao-toi-pham/khoi-to-nhom-doi-tuong-san-xuat-va-ban-hon-60-nghin-goi-thuoc-bao-ve-thuc-vat-gia-34364.html>

		nhưng không phải hàng chính hãng, không có hóa đơn chứng từ rõ ràng; vi phạm cả chất lượng sản phẩm và quyền sở hữu trí tuệ. Tổng tang vật thu giữ hơn 25.500 sản phẩm giả có nhãn hiệu nổi tiếng, được gắn mác và bán như hàng thật cho người tiêu dùng. Giá trị hàng hóa ước tính khoảng 22 tỷ đồng. <sup>47</sup>	
18.	Sản xuất, buôn bán cà phê giả tại Phú Yên (2025)	- <i>Hàng giả</i> : Cà phê - <i>Tóm tắt hành vi</i> : Từ tháng 12/2024, do giá nguyên liệu cà phê nhân đầu vào tăng cao, bà Hiệp điều chỉnh công thức sản xuất, giảm hàm lượng caffeine trong cà phê bột Dạ Thảo so với công bố chất lượng nhằm giảm chi phí và tăng lợi nhuận. Doanh nghiệp của bà Hiệp đã sản xuất hơn 21.093 kg cà phê bột giả mang nhãn hiệu Dạ Thảo. Số lượng này tương đương hơn 42.000 sản phẩm. Trong đó, khoảng 17.671 kg (tương ứng hơn 35.000 sản phẩm) đã được tiêu thụ ra thị trường, thu về gần 1,3 tỉ đồng trước khi bị phát hiện. Hành vi này khiến sản phẩm không còn đúng chất lượng như đã đăng ký công bố, gây hiểu nhầm cho người tiêu dùng, được xác định là hàng giả về chất lượng thực phẩm. <sup>48</sup>	Sản xuất, buôn bán hàng giả là thực phẩm
19.	Buôn bán Gạo ST25 Lúa - Tôm nhãn hiệu Gạo Ông Cua giả	- <i>Hàng giả</i> : Gạo - <i>Tóm tắt hành vi</i> : Nhận thấy nhu cầu tiêu thụ gạo ST25 nhãn hiệu này cao và được người tiêu dùng ưa chuộng, Đối tượng đã sử dụng gạo kém chất lượng hơn, đóng gói vào bao bì giả mạo nhãn hiệu để bán ra thị trường. <sup>49</sup>	Sản xuất, buôn bán hàng giả là lương thực, thực phẩm
20.	Công ty cổ phần Ngân Hà Vĩnh Phúc (2026)	- <i>Hàng giả</i> : Gia vị thực phẩm gồm 2 392 sản phẩm tương ớt và nước chấm mang nhãn hiệu Ngân Hà bị cơ quan chức năng trung cầu giám định, kết luận toàn bộ là hàng giả do không đúng quy cách, không đảm bảo chất lượng, không phù hợp với hồ sơ sản xuất công bố. - <i>Tóm tắt hành vi</i> : Doanh nghiệp sản xuất tương ớt, nước chấm dùng nguyên liệu trôi nổi, kém chất lượng, hoặc ghi nhãn sai so với thực tế sản xuất. Các sản phẩm được đóng gói dưới nhãn hiệu “Ngân Hà” để gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng, lợi dụng uy tín thương hiệu để tiêu thụ rộng rãi. Sau đó các sản phẩm này được đưa ra thị trường phân phối tiêu dùng dù không đáp ứng tiêu chuẩn an toàn thực phẩm. Sản phẩm hiện được tiêu dùng tại bếp ăn tập thể, cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống. Kết quả giám định của	Sản xuất, buôn bán hàng giả là lương thực, thực phẩm, phụ gia thực phẩm

<sup>47</sup> Trần Cường, Hà Nội phá đường dây bán loa, tai nghe, đồng hồ giả cực lớn:  
<https://thanhnien.vn/ha-noi-pha-duong-day-ban-loa-tai-nghe-dong-ho-gia-cuc-lon-185250606192715008.htm>

<sup>48</sup> Trần Bích Ngân, Chế biến 21 tấn cà phê giả, chủ doanh nghiệp ở Phú Yên bị khởi tố:  
<https://thanhnien.vn/che-bien-21-tan-ca-phe-gia-chu-doanh-nghiep-o-phu-yen-bi-khoi-to-185250609144953464.htm>

<sup>49</sup> Đài Hà Nội, Thủ đoạn đưa gạo ST25 giả đến người tiêu dùng:  
<https://hanoionline.vn/thu-doan-dua-gao-st25-gia-den-nguoi-tieu-dung-337354.htm>

		Viện Khoa học hình sự – Bộ Công an khẳng định toàn bộ số hàng này là hàng giả theo quy định pháp luật, vì không đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng và điều kiện công bố <sup>50</sup>	
--	--	--	--

Từ những vụ việc nêu trên, có thể thấy, bất cứ mặt hàng nào trên thị trường đều có thể bị làm giả, chủng loại hàng hóa vi phạm đa dạng, từ thời trang, mỹ phẩm, thực phẩm chức năng, dược phẩm, sữa bột, cà phê, gạo đến linh kiện điện tử, đồng hồ, phụ tùng phương tiện, hàng tiêu dùng phổ biến và thậm chí là những mặt hàng có mức độ rủi ro cao như xăng, bình chữa cháy. Bên cạnh đó, không chỉ các tổ chức, cá nhân khác sản xuất, buôn bán hàng giả mà ngay chính những doanh nghiệp sản xuất ra hàng hóa đó vì lợi nhuận mà sẵn sàng làm giả hàng hóa của chính doanh nghiệp mình để bán cho người tiêu dùng. Ngoài ra, có thể thấy, đa phần những vụ việc có liên quan đến sản xuất và buôn bán hàng giả thì các đối tượng đều bị truy tố thêm tội vi phạm về kế toán gây hậu quả nghiêm trọng hoặc trốn thuế, buôn lậu... cho thấy các hành vi sản xuất, buôn bán hàng giả không chỉ ảnh hưởng đến sức khỏe, thậm chí là tính mạng của người tiêu dùng, doanh thu và uy tín của doanh nghiệp mà còn khiến nhà nước bị thất thoát về thu thuế và phải đối mặt với gánh nặng ngày càng tăng đối với hệ thống thực thi pháp luật và y tế công cộng.

Những con số thống kê và những vụ việc điển hình nêu trên cho thấy các cơ quan nhà nước hiện nay phải nhìn nhận hàng giả không chỉ là hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ hay gian lận thương mại, mà còn là một nguy cơ an ninh xã hội và an toàn cộng đồng.

Hệ lụy của hàng giả đối với doanh nghiệp và nền kinh tế thể hiện rõ nét ở cả phương diện trực tiếp và gián tiếp. Về mặt tài chính, hàng giả làm sụt giảm nghiêm trọng doanh thu và lợi nhuận của các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh chân chính. Ước tính, các công ty trên toàn cầu mất khoảng 500 tỷ USD mỗi năm do hàng giả. Thiệt hại tài chính do hàng giả gây ra không chỉ dừng lại ở việc mất doanh thu trực tiếp mà còn bao gồm các chi phí ẩn và gián tiếp, tạo ra gánh nặng kép cho doanh nghiệp. Điển hình, Công ty TNHH Colgate-Palmolive (Việt Nam) ghi nhận hơn 30% số mã sản phẩm bị làm giả, gây thất thoát hàng tỷ đồng mỗi năm. Một nhà sản xuất tã bỉm tại Việt Nam đã đầu tư 2 triệu USD vào dây chuyền sản xuất nhưng không thể cạnh tranh với hàng giả có giá chỉ bằng 1/3 hoặc 1/4 sản phẩm thật, khiến doanh nghiệp khó tồn tại. Các ngành bị ảnh hưởng nặng nề về doanh thu bao gồm mỹ phẩm (mất khoảng 5,4 tỷ USD/năm) và công nghệ (mất hơn 100 tỷ USD/năm do hàng điện tử giả)<sup>51</sup>. Theo Hiệp hội Phân bón Việt Nam, mỗi năm ngành nông nghiệp phải gánh khoản thiệt hại lên tới 2,5 tỷ USD do phân bón giả và kém chất lượng. Con số này không chỉ phản ánh tổn thất kinh tế trực tiếp, mà còn cho thấy mức độ hoành hành đáng lo ngại của hàng giả trên thị trường<sup>52</sup>.

<sup>50</sup> Tuyên Phan, *Giám đốc bị khởi tố vì sản xuất cả ngàn chai tương ớt giả cho bếp tập thể*: <https://thanhnien.vn/giam-doc-bi-khoi-to-vi-san-xuat-ca-ngan-chai-tuong-ot-gia-cho-bep-tap-the-185260127113736774.htm>

<sup>51</sup> Tâm An, *Hàng giả: Vết sẹo toàn cầu, đe dọa kinh tế và niềm tin người tiêu dùng*: <https://thuonghieucongluan.com.vn/hang-gia-vet-seo-toan-cau-de-doa-kinh-te-va-niem-tin-nguoi-tieu-dung-a266309.html>

<sup>52</sup> Mai Chi, *Thiệt hại 2,5 tỷ USD mỗi năm vì hàng giả: Nguy cơ mới từ livestream bán nông phẩm*: <https://thuongtrung.com.vn/news/thiet-hai-25-ty-usd-moi-nam-vi-hang-gia-nguy-co-moi-tu-livestream-ban-nong-pham-149345.html>

Uy tín và hình ảnh thương hiệu bị tổn hại nghiêm trọng khi sản phẩm bị làm giả. Người tiêu dùng có thể nhầm lẫn chất lượng kém của hàng giả với sản phẩm thật, dẫn đến mất lòng tin và quay lưng với thương hiệu chính hãng. Việc khôi phục uy tín đã mất là rất khó khăn và tốn kém, đòi hỏi các chiến dịch marketing lớn để trấn an và lấy lại niềm tin khách hàng. Hàng giả làm giảm giá trị cảm nhận của thương hiệu, đặc biệt là đối với các thương hiệu cao cấp, làm mất đi sự độc quyền và uy tín mà họ đã dày công xây dựng. Bên cạnh đó, hàng giả còn kìm hãm đổi mới và đầu tư, tạo ra một môi trường cạnh tranh không công bằng, làm nản lòng các nhà đầu tư chân chính và cản trở sự phát triển bền vững của nền kinh tế. Các đối tượng làm giả thường ăn cắp tài sản trí tuệ, thiết kế và bí mật thương mại, làm suy yếu động lực đổi mới của các công ty. Khi doanh nghiệp không thể bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ của mình, động lực đầu tư vào nghiên cứu và phát triển bị suy giảm nghiêm trọng, gây ra hệ lụy kinh tế vĩ mô.

Đặc biệt, người tiêu dùng là nhóm chịu rủi ro trực tiếp và nghiêm trọng nhất. Khi ranh giới giữa hàng thật - hàng giả trở nên mờ nhạt, người tiêu dùng buộc phải mua sắm trong tâm thế nghi ngờ, lo lắng, làm suy giảm động lực tiêu dùng và cản trở sự phát triển của thị trường chính thống. Nguy hiểm hơn, hàng giả trong các lĩnh vực thực phẩm, dược phẩm, mỹ phẩm, linh kiện kỹ thuật và điện tử tiềm ẩn rủi ro lớn đối với sức khỏe và an toàn tính mạng: từ ngộ độc, tổn hại lâu dài đến cơ thể, cho tới tai nạn giao thông, cháy nổ và tử vong. Đây là những hệ quả mà bất kỳ quốc gia nào cũng không thể xem nhẹ.

Hàng giả không chỉ tàn phá thị trường, gây thiệt hại nghiêm trọng cho hoạt động của các doanh nghiệp kinh doanh chân chính, mà còn là mối đe dọa đến uy tín quốc gia. Theo báo cáo Notorious Markets 2024 của Văn phòng đại diện Thương mại Mỹ (USTR), Việt Nam tiếp tục nằm trong danh sách các quốc gia có thị trường hàng giả nổi cộm, làm giảm mạnh độ tin nhiệm trong mắt nhà đầu tư nước ngoài<sup>53</sup>. Đồng thời, theo OECD, số hàng hóa có nguồn gốc từ Việt Nam được xác định là hàng giả bị tịch thu ở tại các cửa khẩu hải quan quốc tế đứng thứ 5 toàn cầu<sup>54</sup>. Con số này cho thấy nước ta đang đối mặt với rủi ro lớn bị lợi dụng như một điểm trung chuyển, điểm gia công hoặc gắn mác xuất xứ trong chuỗi cung ứng hàng giả quốc tế. Thực trạng này đặt ra thách thức nghiêm trọng đối với uy tín thương mại và hình ảnh quốc gia, bởi trong bối cảnh các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới ngày càng nhấn mạnh yếu tố minh bạch chuỗi cung ứng, tuân thủ quy tắc xuất xứ và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, việc bị xếp ở vị trí cao trong thống kê hàng giả toàn cầu có thể kéo theo hệ quả là gia tăng kiểm tra, giám sát, thậm chí áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại và phi thuế quan đối với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam. Về dài hạn, điều này không chỉ làm gia tăng chi phí tuân thủ cho doanh nghiệp chân chính mà còn làm suy giảm niềm tin của đối tác quốc tế, ảnh hưởng trực tiếp đến năng lực cạnh tranh, khả năng tham gia chuỗi giá trị toàn cầu và mục tiêu xây dựng hình ảnh Việt Nam như một nền kinh tế sản xuất - xuất khẩu có trách nhiệm và đáng tin cậy.

Đặc biệt, trong bối cảnh chuỗi cung ứng toàn cầu tiếp tục chịu ảnh hưởng của biến động địa chính trị, căng thẳng thương mại và chi phí lao động tăng cao tại Trung Quốc,

<sup>53</sup> Hà Mai – Mai Phương, *Doanh nghiệp thiệt hại nặng nề vì hàng giả*:

<https://thanhvien.vn/doanh-nghiep-thiet-hai-nang-ne-vi-hang-gia-185250611231907348.htm>

<sup>54</sup> OECD, EUIPO, *Mapping Global Trade in Fake 2025, Global trends and Enforcement Challenges*, 2025, tr.15.

chiến lược “China Plus One”<sup>55</sup> đã trở thành lựa chọn hợp lý cho nhiều doanh nghiệp. Thay vì phụ thuộc hoàn toàn vào nguồn cung từ Trung Quốc, các nhà đầu tư và sản xuất đang dịch chuyển một phần hoạt động sang các nước khác như Việt Nam, Ấn Độ, Indonesia hay Mexico để đa dạng hóa rủi ro, tối ưu hóa chi phí, và cải thiện khả năng tiếp cận thị trường toàn cầu. Với lực lượng lao động trẻ, chi phí cạnh tranh và môi trường đầu tư đang được cải thiện, Việt Nam đang nổi lên như một trong những điểm đến hấp dẫn nhất trong chiến lược này. Tuy nhiên, ngoài những thách thức từ việc phải hoàn thiện thể chế để thu hút và tận dụng dòng vốn FDI từ làn sóng “China Plus One”, một trong những nhiệm vụ cấp bách của Việt Nam hiện nay là quản lý thị trường nội địa minh bạch, bình đẳng, cạnh tranh lành mạnh. Trong đó, việc hoàn thiện các quy định của pháp luật hàng giả là một trong những nhiệm vụ cấp thiết hiện nay để làm cơ sở cho việc đấu tranh, phòng, chống các hành vi sản xuất, buôn bán hàng giả nhằm bảo vệ một thị trường minh bạch, củng cố môi trường kinh doanh lành mạnh, hấp dẫn đối với các nhà đầu tư nước ngoài.

Do đó, có thể thấy rằng, việc quy định rõ ràng, thống nhất và có giá trị pháp lý cao về khái niệm hàng giả trong bối cảnh là vô cùng cấp thiết, không chỉ để làm cơ sở pháp lý chung cho công tác quản lý thị trường, xử lý vi phạm và bảo vệ quyền lợi các chủ thể trong thương mại, mà còn nhằm khẳng định cam kết và thái độ của Việt Nam trong việc xây dựng môi trường kinh doanh lành mạnh, tuân thủ chuẩn mực quốc tế và nâng cao năng lực cạnh tranh, uy tín của nền kinh tế trong chuỗi giá trị toàn cầu.

## **(2) Luật Quản lý ngoại thương**

Trong bối cảnh kinh tế đất nước đang hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng, toàn diện, việc xây dựng và ban hành hàng loạt các văn bản pháp luật vừa phải đảm bảo đồng thời hai mục tiêu là xây dựng một bước thể chế kinh tế thị trường vừa đảm bảo phù hợp với các nguyên tắc và quy định của pháp luật quốc tế. Luật Quản lý ngoại thương được Quốc hội thông qua năm 2017 và có hiệu lực và ngày 01/01/2018 trở thành văn bản cấp luật đầu tiên điều chỉnh hoạt động xuất nhập khẩu, đã tạo khung pháp lý rõ ràng cho hoạt động ngoại thương của Việt Nam - điều rất quan trọng trong bối cảnh hội nhập sâu rộng, tham gia nhiều hiệp định thương mại, gia tăng xuất nhập khẩu. Luật Quản lý ngoại thương có tính định hướng rõ ràng, phù hợp với quan điểm của Đảng, Nhà nước, ổn định, minh bạch, thống nhất, đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế là cần thiết. Đồng thời, đảm bảo hoạt động quản lý nhà nước về ngoại thương thuận lợi, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế.

Nhằm quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật, Chính phủ đã ban hành 06 Nghị định quy định chi tiết một số điều khoản của Luật này. Đồng thời, Bộ Công Thương đã ban hành theo thẩm quyền các Thông tư trong lĩnh vực xuất nhập khẩu để sửa đổi phù hợp với Luật Quản lý ngoại thương và các Nghị định quy định chi tiết Luật này. Trong giai đoạn từ 2019 đến nay, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các Bộ, ngành tiếp tục ban hành một số văn bản quy phạm pháp luật trên cơ sở nhiệm vụ được giao tại các văn bản cấp trên hoặc nội luật hóa các cam kết quốc tế để triển khai các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới góp phần thúc đẩy mở rộng thị trường, thúc đẩy tăng trưởng xuất khẩu. Theo đó, hiện nay hệ thống văn bản pháp luật điều chỉnh hoạt động xuất nhập khẩu đã hoàn thiện và đầy đủ, đảm bảo công tác quản lý và tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân triển khai thực hiện hoạt động xuất nhập khẩu có hiệu quả. Hoạt

---

<sup>55</sup> “China Plus One” là một chiến lược kinh doanh nhằm tránh việc đầu tư duy nhất vào Trung Quốc và đa dạng hóa kinh doanh sang các quốc gia khác, hoặc chuyển hướng đầu tư sản xuất tại các nền kinh tế đang phát triển có triển vọng khác.

động xuất nhập khẩu của Việt Nam thời gian qua tăng mạnh, đóng góp lớn cho tăng trưởng kinh tế nước nhà. Nhờ khung pháp lý này, Việt Nam có nền tảng để đón làn sóng dịch chuyển chuỗi cung ứng toàn cầu, thu hút vốn FDI, phát triển ngành công nghiệp chế biến - đặc biệt ngành điện tử, máy tính, linh kiện trở thành trụ cột xuất khẩu.

Tuy nhiên, trong bối cảnh tình hình hội nhập quốc tế, biến động thương mại quốc tế (thương chiến, bảo hộ, thay đổi chính sách thuế - đặc biệt từ các thị trường lớn như Mỹ, EU) và song song với việc Việt Nam đã tham gia ký kết và gia nhập 17 FTA, nhiều nội dung chưa được thể chế hóa trong Luật như quản lý nhập khẩu hàng tân trang, cơ chế nhà nhập khẩu đủ điều kiện tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa nhập khẩu, ...

Bên cạnh đó, sau khi Luật được ban hành, trong giai đoạn từ 2018-2025, Đảng, Nhà nước đã ban hành rất nhiều chủ trương, quan điểm lớn liên quan đến hoạt động ngoại thương, như: Văn kiện Đại hội XIII của Đảng (2021); Nghị quyết số 59-NQ/TW (2025). Đặc biệt, ngày 30/4/2025, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 66-NQ/TW về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng với yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. Theo đó, một trong những quan điểm chỉ đạo là xây dựng pháp luật phải bám sát thực tiễn, đứng trên mảnh đất thực tiễn của Việt Nam, tiếp thu có chọn lọc giá trị tinh hoa của nhân loại, bảo đảm tính hệ thống, nắm bắt mọi cơ hội, mở đường, khơi thông mọi nguồn lực, đưa thể chế, pháp luật trở thành lợi thế cạnh tranh, nền tảng vững chắc, động lực mạnh mẽ cho sự phát triển, tạo dư địa thúc đẩy tăng trưởng kinh tế “hai con số”. Mục tiêu hướng đến năm 2025, cơ bản hoàn thành việc tháo gỡ những điểm nghẽn do quy định pháp luật.

Đồng thời, theo chủ trương của Đảng, Nhà nước về việc đẩy mạnh phân quyền, phân cấp trong các lĩnh vực, trong đó có lĩnh vực xuất nhập khẩu đã được quy định tại Nghị định số 146/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại (Nghị định có hiệu lực từ ngày 01/7/2025 đến hết ngày 01/3/2027).

Do đó, để đáp ứng yêu cầu thực tiễn trong bối cảnh mới, việc nghiên cứu, đề xuất một số định hướng hoàn thiện pháp luật về quản lý ngoại thương trong thời gian tới, trước hết là Luật Quản lý ngoại thương là cần thiết, nhằm:

- Bảo đảm phù hợp với cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên được ký kết sau khi Luật Quản lý ngoại thương được ban hành;

- Đồng bộ hóa hệ thống chính sách, pháp luật về quản lý ngoại thương trên cơ sở thực thi đầy đủ các chủ trương, đường lối của đảng, nhà nước về phát triển kinh tế - xã hội, hội nhập quốc tế, tăng cường kiểm soát xuất khẩu, nhập khẩu, phát triển thương mại biên giới.

- Tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước thông qua việc đánh giá, nghiên cứu để phát hiện khoảng trống pháp lý, chồng chéo, xung đột hoặc thiếu rõ ràng trong quy định, từ đó đề xuất hoàn thiện để quản lý tốt hơn hoạt động ngoại thương;

- Rà soát, đánh giá đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính không cần thiết, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp phát triển.

- Đề xuất hoàn thiện – sửa đổi, bổ sung, thay thế các quy định không còn phù hợp, nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả của pháp luật quản lý ngoại thương.

### (3) Luật Cạnh tranh

Luật Cạnh tranh năm 2018 được Quốc hội khóa XIV, kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 12 tháng 6 năm 2018 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2019. Việc ban hành Luật Cạnh tranh năm 2018 đánh dấu bước hoàn thiện quan trọng của hệ thống pháp luật về cạnh tranh ở Việt Nam, thể hiện rõ định hướng của Đảng và Nhà nước trong việc xây dựng và phát triển nền kinh tế thị trường hiện đại, hội nhập quốc tế sâu rộng; đồng thời khắc phục những hạn chế, bất cập của Luật Cạnh tranh năm 2004, mở rộng phạm vi điều chỉnh theo hướng tiếp cận dựa trên tác động cạnh tranh, phù hợp hơn với thông lệ và chuẩn mực quốc tế.

Từ khi có hiệu lực thi hành đến nay, Luật Cạnh tranh năm 2018 đã từng bước đi vào cuộc sống và phát huy vai trò quan trọng trong việc thiết lập khuôn khổ pháp lý thống nhất để kiểm soát các hành vi hạn chế cạnh tranh, hành vi cạnh tranh không lành mạnh và hoạt động tập trung kinh tế; tăng cường tính minh bạch, dự đoán trước và hiệu lực thực thi của pháp luật về cạnh tranh. Trên cơ sở Luật, hệ thống văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành đã được ban hành đầy đủ, tạo cơ sở pháp lý cho các cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan cạnh tranh và cộng đồng doanh nghiệp trong việc áp dụng và tuân thủ pháp luật cạnh tranh.

Việc tổ chức thi hành Luật Cạnh tranh năm 2018 cũng gắn liền với quá trình kiện toàn mô hình tổ chức và hoạt động của cơ quan cạnh tranh, đặc biệt là việc thành lập và đưa vào hoạt động Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia theo hướng tập trung, thống nhất đầu mối thực thi pháp luật cạnh tranh. Mô hình mới đã góp phần nâng cao tính độc lập, chuyên nghiệp trong điều tra, xử lý vụ việc cạnh tranh; từng bước đáp ứng yêu cầu thực thi pháp luật cạnh tranh trong bối cảnh nền kinh tế có mức độ tập trung ngày càng cao và xuất hiện nhiều hành vi hạn chế cạnh tranh tinh vi, phức tạp.

Thông qua công tác điều tra, xử lý vụ việc cạnh tranh, thẩm định tập trung kinh tế và kiểm soát các hành vi phản cạnh tranh trên thị trường, việc thi hành Luật Cạnh tranh năm 2018 đã góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về cạnh tranh; bảo vệ môi trường cạnh tranh lành mạnh, quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà nước, doanh nghiệp và người tiêu dùng; đồng thời từng bước nâng cao nhận thức, ý thức tuân thủ pháp luật cạnh tranh của các chủ thể tham gia thị trường.

Tuy nhiên, sau một thời gian triển khai thi hành, trong bối cảnh nền kinh tế Việt Nam có nhiều chuyển biến nhanh chóng, sâu sắc dưới tác động của quá trình chuyển đổi số, sự phát triển mạnh mẽ của các mô hình kinh doanh mới, nền tảng số, cũng như yêu cầu ngày càng cao của hội nhập kinh tế quốc tế, Luật Cạnh tranh năm 2018 và các văn bản hướng dẫn thi hành đã bộc lộ một số khó khăn, vướng mắc và bất cập trong quá trình áp dụng thực tiễn. Một số quy định còn chưa thực sự rõ ràng, việc áp dụng trong thực tiễn còn gặp lúng túng; sự phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị liên quan trong một số trường hợp chưa đồng bộ; năng lực thực thi và nguồn lực cho công tác cạnh tranh vẫn cần tiếp tục được củng cố, hoàn thiện.

Căn cứ Nghị quyết số 105/2025/UBTVQH15 ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Chương trình lập pháp năm 2026 và Quyết định số 2352/QĐ-TTg ngày 24 tháng 10 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc phân công cơ quan chủ trì soạn thảo, thời hạn trình các dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết trong Chương trình lập pháp năm 2026, Bộ Công Thương được giao chủ trì xây dựng Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thương mại, Luật Cạnh tranh, Luật Quản lý ngoại thương và Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; dự kiến trình Chính phủ vào

tháng 6 năm 2026 và trình Quốc hội vào tháng 8 năm 2026. Trên cơ sở đó, việc tổng kết thực tiễn thi hành Luật Cạnh tranh năm 2018 không chỉ là yêu cầu cần thiết nhằm đánh giá đầy đủ, khách quan tình hình tổ chức thi hành Luật, mà còn có ý nghĩa trực tiếp phục vụ công tác xây dựng, hoàn thiện Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cạnh tranh theo đúng tiến độ và yêu cầu của Chương trình lập pháp năm 2026. Kết quả tổng kết là cơ sở quan trọng để xác định rõ các vấn đề còn bất cập, chưa phù hợp với thực tiễn và bối cảnh phát triển mới của nền kinh tế, từ đó đề xuất các phương án sửa đổi, bổ sung có trọng tâm, trọng điểm, bảo đảm tính khả thi, thống nhất của hệ thống pháp luật và phù hợp với thông lệ quốc tế, nâng cao hiệu quả thực thi trong thời gian tới.

Trên cơ sở đó, báo cáo kết quả tổng kết việc thi hành Luật Cạnh tranh năm 2018, xác định các vấn đề đặt ra trong thực tiễn và đề xuất những định hướng, giải pháp lớn phục vụ việc xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cạnh tranh năm 2018 theo đúng yêu cầu của Chương trình lập pháp năm 2026, cụ thể như sau:

*a) Yêu cầu tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật về cạnh tranh nhằm bảo đảm môi trường cạnh tranh công bằng, minh bạch cho phát triển kinh tế tư nhân*

Luật Cạnh tranh năm 2018 đánh dấu bước phát triển quan trọng trong tư duy lập pháp về cạnh tranh tại Việt Nam khi chuyển từ cách tiếp cận chủ yếu dựa trên hành vi sang cách tiếp cận dựa trên tác động hoặc khả năng gây tác động hạn chế cạnh tranh trên thị trường; mở rộng phạm vi điều chỉnh đối với cả các hành vi có yếu tố nước ngoài nhưng ảnh hưởng đến thị trường Việt Nam; đồng thời kiện toàn mô hình tổ chức và hoạt động của cơ quan thực thi pháp luật cạnh tranh theo hướng tập trung, độc lập và chuyên nghiệp hơn.

Tuy nhiên, trong quá trình tổ chức thi hành, thực tiễn cho thấy một số quy định của Luật Cạnh tranh năm 2018 và các văn bản hướng dẫn thi hành còn bộc lộ những hạn chế nhất định về tính rõ ràng và tính khả thi, đặc biệt trong việc bảo đảm môi trường cạnh tranh bình đẳng giữa các thành phần kinh tế, nhất là khu vực kinh tế tư nhân. Yêu cầu này cần được đặt trong bối cảnh thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân, trong đó xác định kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng của nền kinh tế, đồng thời nhấn mạnh yêu cầu xây dựng và hoàn thiện thể chế nhằm bảo đảm cạnh tranh công bằng, minh bạch; xóa bỏ các rào cản, cơ chế phân biệt đối xử; xử lý nghiêm các hành vi làm hạn chế cạnh tranh, lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường, lạm dụng vị trí độc quyền và các hành vi cạnh tranh không lành mạnh.

Việc tổng kết thực tiễn thi hành Luật Cạnh tranh năm 2018 vì vậy có ý nghĩa quan trọng trong việc đánh giá mức độ đáp ứng của hệ thống pháp luật cạnh tranh đối với yêu cầu phát triển kinh tế tư nhân theo định hướng của Đảng, cũng như vai trò của Luật Cạnh tranh trong việc bảo vệ cạnh tranh lành mạnh, bảo đảm quyền tự do kinh doanh và tạo lập môi trường đầu tư, kinh doanh minh bạch, bình đẳng.

*b) Yêu cầu đặt ra từ thực tiễn phát triển kinh tế thị trường, đổi mới sáng tạo và hội nhập quốc tế*

Trong bối cảnh Việt Nam đang đẩy mạnh phát triển kinh tế thị trường gắn với đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và hội nhập quốc tế sâu rộng, các hoạt động tập trung kinh tế như mua bán, sáp nhập, hợp nhất, liên doanh giữa các doanh nghiệp ngày càng gia tăng, đặc biệt trong các lĩnh vực có tính chất nền tảng, công nghệ, logistics, hạ tầng và chuỗi giá trị. Cùng với đó là nguy cơ phát sinh các hành vi hạn chế cạnh tranh, lạm dụng sức mạnh thị trường và cạnh tranh không lành mạnh với phương thức, thủ đoạn

ngày càng phức tạp, tinh vi, có khả năng gây tác động tiêu cực đến cấu trúc thị trường và môi trường cạnh tranh.

Sự phát triển nhanh chóng của nền kinh tế số làm xuất hiện loại giao dịch mới: thâm tóm doanh nghiệp khởi nghiệp, mua lại đối thủ tiềm năng (killer acquisitions), mua để kiểm soát dữ liệu. Theo đó, chính sách kiểm soát tập trung kinh tế trong những thị trường mới nổi này cũng có nhiều thay đổi hướng đến việc tiền kiểm để giám sát các nền tảng công nghệ có sức mạnh thị trường.

Thực tiễn này đặt ra yêu cầu đối với pháp luật cạnh tranh nói chung và Luật Cạnh tranh năm 2018 nói riêng phải tiếp tục được rà soát, hoàn thiện nhằm bảo đảm vừa có công cụ pháp lý đủ mạnh để phòng ngừa, phát hiện và xử lý kịp thời, hiệu quả các hành vi vi phạm pháp luật về cạnh tranh, đặc biệt là vụ việc xuyên biên giới, vừa tạo dư địa pháp lý cần thiết cho các mô hình kinh doanh mới, đổi mới sáng tạo và sự phát triển năng động của thị trường. Yêu cầu này phù hợp với tinh thần Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30 tháng 4 năm 2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật, trong đó nhấn mạnh việc gắn xây dựng pháp luật với thực tiễn thị trường, đánh giá đầy đủ tác động chính sách, bao gồm tác động cạnh tranh và chi phí tuân thủ đối với doanh nghiệp.

*c) Nhu cầu bảo đảm cạnh tranh lành mạnh trong phân bổ và tiếp cận các nguồn lực quan trọng của nền kinh tế*

Một trong những điều kiện then chốt để khu vực kinh tế tư nhân phát triển bền vững là khả năng tiếp cận bình đẳng, minh bạch đối với các nguồn lực của nền kinh tế, bao gồm đất đai, vốn, hạ tầng, tài nguyên và các yếu tố đầu vào thiết yếu khác. Nghị quyết số 68-NQ/TW đã nhấn mạnh yêu cầu khắc phục tình trạng cơ chế “xin - cho”, ưu đãi mang tính đặc quyền, lợi ích cục bộ, cũng như các biểu hiện độc quyền, thao túng thị trường gây méo mó cạnh tranh, cản trở sự gia nhập và mở rộng thị trường của doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp tư nhân.

Trong bối cảnh đó, việc tổng kết thực tiễn thi hành Luật Cạnh tranh năm 2018 cũng nhằm đánh giá mức độ phối hợp, tương thích giữa pháp luật cạnh tranh với các chính sách của các lĩnh vực có liên quan; làm rõ vai trò của pháp luật cạnh tranh như một công cụ quan trọng để phòng ngừa, phát hiện và xử lý các hành vi cản trở cạnh tranh, góp phần bảo đảm phân bổ nguồn lực theo cơ chế thị trường, minh bạch, hiệu quả và cạnh tranh lành mạnh.

d) Hoạt động tập trung kinh tế (TTKT) và kiểm soát TTKT trên thế giới

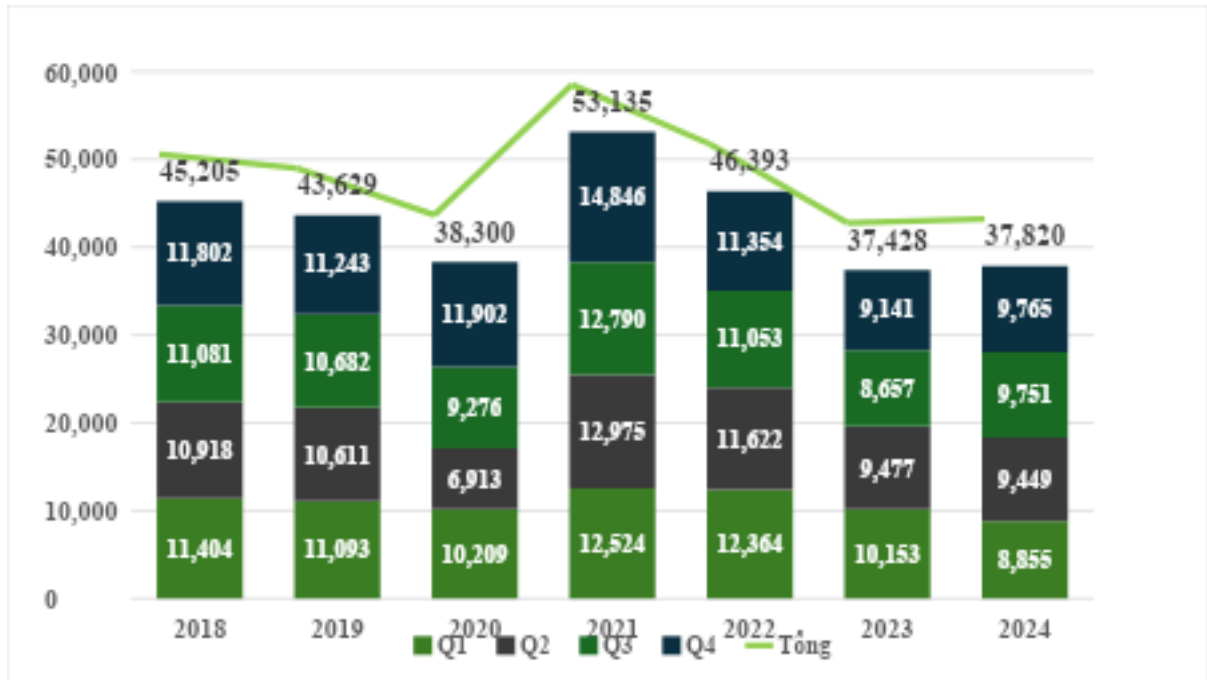
\* Tổng quan chung

Thị trường M&A toàn cầu trong giai đoạn 2020-2024 có nhiều biến động đáng chú ý.

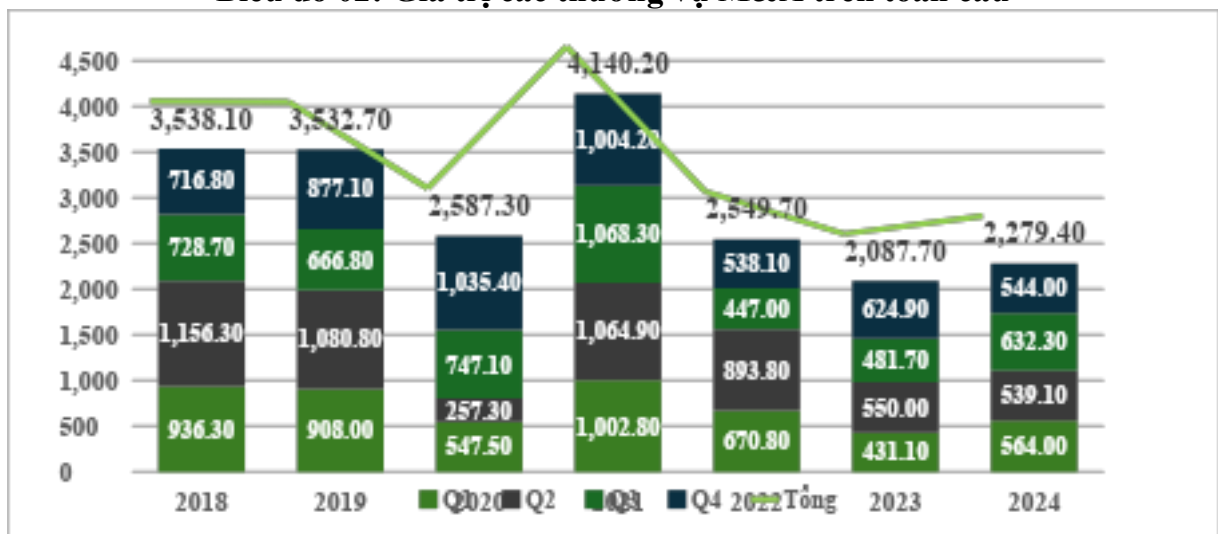
Cuối năm 2019 và đầu năm 2020, thế giới chứng kiến một bước ngoặt lớn khi đại dịch Covid-19 gây ra tác động tiêu cực đối với nền kinh tế toàn cầu. Tình hình hoạt động M&A trên toàn cầu diễn biến theo chiều hướng giảm từ năm 2019 đến nửa đầu năm 2020, với tổng giá trị giao dịch đạt khoảng 805 tỷ USD, giảm 60% so với 1.990 tỷ USD trong cùng kỳ năm 2019. Nửa cuối năm 2020, các giao dịch M&A bị hoãn bắt đầu được khởi động lại, thêm vào đó các gói hỗ trợ tín dụng với lãi suất thấp của Chính phủ các nước cũng thúc đẩy hoạt động M&A trở nên sôi động, bắt đầu từ tháng 7/2020 đã

giúp giá trị các thương vụ M&A trong nửa cuối năm đạt khoảng 1.780 tỷ USD, tăng 19% so với 6 tháng cuối năm 2019 và tăng 220% so với 6 tháng đầu năm 2020<sup>56</sup>

**Biểu đồ 01: Số lượng các thương vụ M&A trên toàn cầu  
(Đơn vị: số giao dịch)**



**Biểu đồ 02: Giá trị các thương vụ M&A trên toàn cầu**



(Đơn vị: tỉ USD)

Nguồn: S&P Global Market Intelligence, UBCTQG tổng hợp

Năm 2021 đánh dấu một năm bùng nổ đối với hoạt động M&A toàn cầu, không chỉ vượt qua tổng giá trị bị ảnh hưởng bởi COVID-19 vào năm 2020 mà còn cao hơn cả các mức trước đại dịch với tổng giá trị giao dịch đạt hơn 4 nghìn tỷ USD<sup>57</sup>.

Tuy vậy, năm 2022, hoạt động M&A không duy trì được tốc độ tăng trưởng như năm 2021 khi tổng giá trị giao dịch chỉ đạt khoảng 2.550 tỷ USD, giảm 38% so với cùng

<sup>56</sup> Nguồn: <https://iclg.com/>

<sup>57</sup> Nguồn: <https://www.spglobal.com/market-intelligence/> (Global M&A By the Numbers: 2021 Recap)

kỳ năm 2021. Nguyên nhân của sự sụt giảm này là do lạm phát gia tăng đặc biệt là trong nửa cuối năm 2022 và lãi suất tăng cao<sup>58</sup> tác động đến khả năng tài trợ cho các thương vụ M&A, đồng thời những biến động về tiền tệ, tín hiệu suy thoái ở một số khu vực và cuộc chiến tại Ukraine cũng ảnh hưởng đến quyết định đầu tư của các doanh nghiệp<sup>59</sup>.

Năm 2023, hoạt động M&A toàn cầu tiếp tục đà giảm khi đạt tổng giá trị giao dịch 2.087 tỷ USD trên 37.428 thương vụ, giảm gần 20% về giá trị và 19% về số thương vụ so với năm 2022. Nguyên nhân từ khủng hoảng trong ngành ngân hàng Mỹ, chi phí vay cao hơn, sự giám sát chặt chẽ hơn của các cơ quan quản lý và gia tăng rủi ro địa chính trị khiến tình hình đầu tư có xu hướng suy giảm<sup>60</sup>.

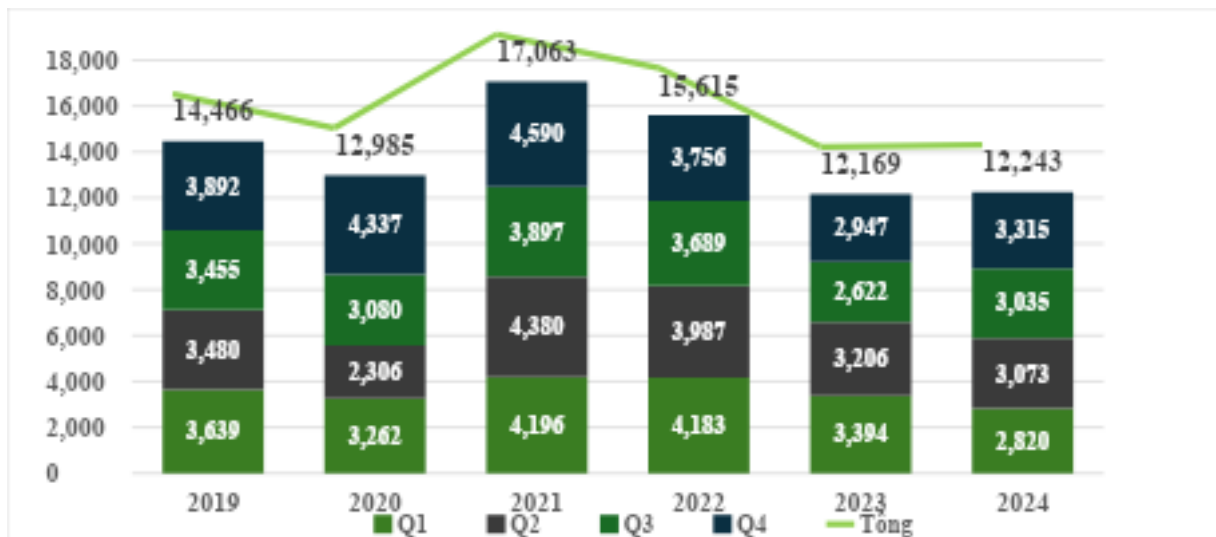
Hoạt động M&A toàn cầu đã có dấu hiệu phục hồi trong quý 4 năm 2024, với 9.765 thương vụ được công bố mức cao nhất kể từ quý 1 năm 2023. Cuối năm 2024 ghi nhận giá trị giao dịch đạt gần 2,3 nghìn tỷ đánh dấu sự phục hồi từ nửa cuối năm 2022 khi hoạt động M&A bắt đầu suy giảm do chính sách tăng lãi suất của các ngân hàng trung ương.

\* Hoạt động M&A toàn cầu theo khu vực địa lý

### Tại thị trường Châu Âu

Theo S&P Global Market Intelligence, thị trường M&A tại Châu Âu vẫn luôn chiếm tỉ trọng lớn, đạt trung bình khoảng 22% về giá trị và 33% về số thương vụ trên toàn cầu tính từ năm 2019 đến nay. Theo đó, xu hướng của hoạt động M&A tại châu Âu trong giai đoạn 2020-2024 cũng phản ánh tương tự xu hướng hoạt động M&A trên toàn cầu trong cùng kỳ.

**Biểu đồ 03: Số lượng các thương vụ M&A tại châu Âu**  
(Đơn vị: số giao dịch)

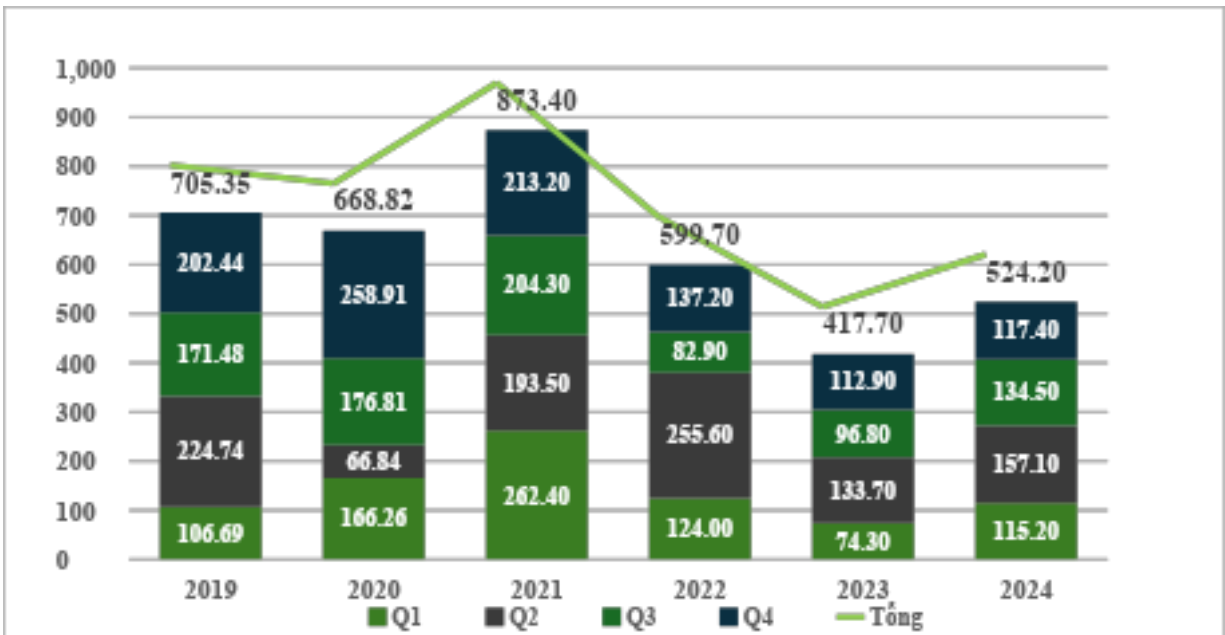


**Biểu đồ 04: Giá trị các thương vụ M&A tại châu Âu**  
(Đơn vị: tỉ USD)

<sup>58</sup> Nguồn: <https://www.thestreet.com/fed/fed-rate-hikes-2022-2023-timeline-discussion>

<sup>59</sup> Nguồn: <https://thitruongtaichinhthiente.vn/lam-phat-toan-cau-nam-2022>

<sup>60</sup> Nguồn: <https://sbv.gov.vn>



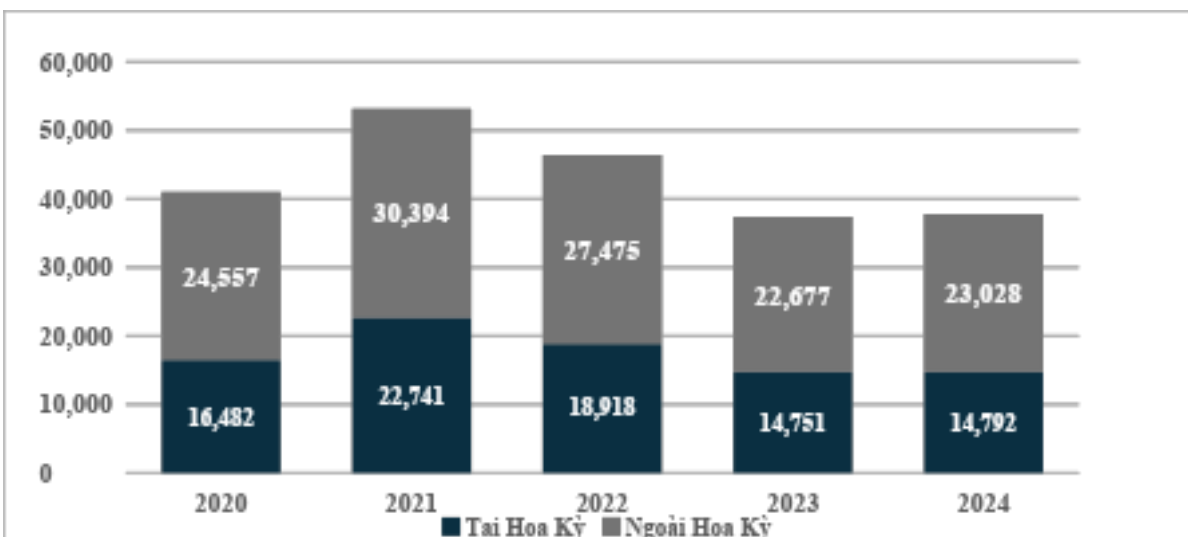
Nguồn: S&P Global Market Intelligence, UBCTQG tổng hợp

### Tại thị trường Hoa Kỳ

Hoa Kỳ chiếm 54% tổng hoạt động M&A toàn cầu, với tổng giá trị giao dịch đạt 7,2 nghìn tỷ USD từ các công ty mục tiêu tại Mỹ, so với 6,3 nghìn tỷ USD từ các công ty mục tiêu ngoài Mỹ trong giai đoạn 5 năm từ năm 2020 đến năm 2024. Mặc dù thị trường Mỹ dẫn đầu về giá trị giao dịch, nhưng số lượng giao dịch lại nghiêng về các khu vực ngoài Hoa Kỳ, với 128.131 thương vụ so với 87.684 thương vụ tại Hoa Kỳ trong cùng giai đoạn.

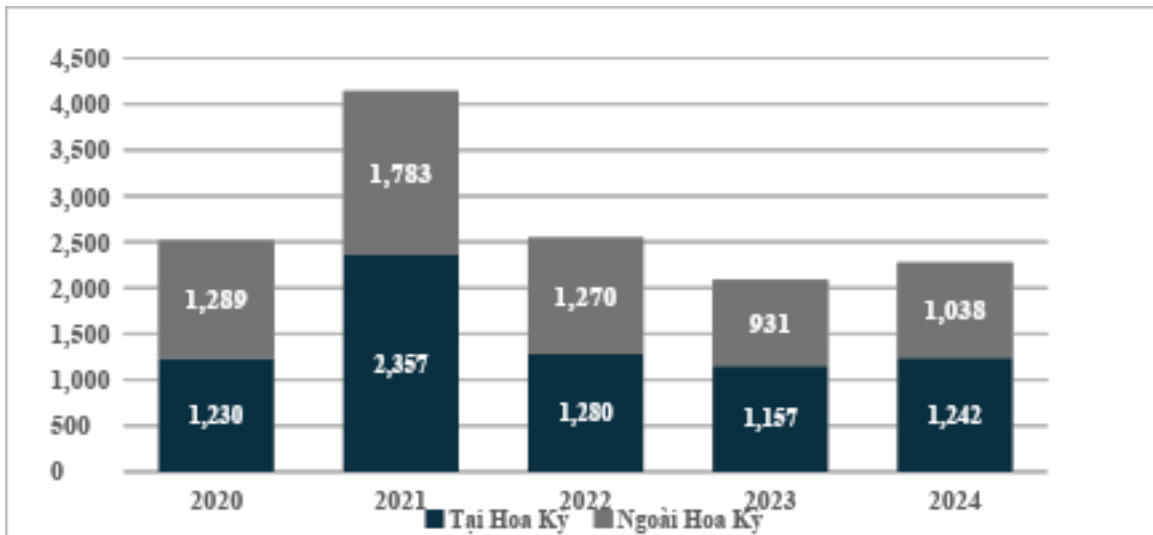
### Biểu đồ 05: Số lượng các thương vụ M&A tại Hoa Kỳ

(Đơn vị: số giao dịch)



### Biểu đồ 06: Giá trị các thương vụ M&A tại Hoa Kỳ

(Đơn vị: tỉ USD)



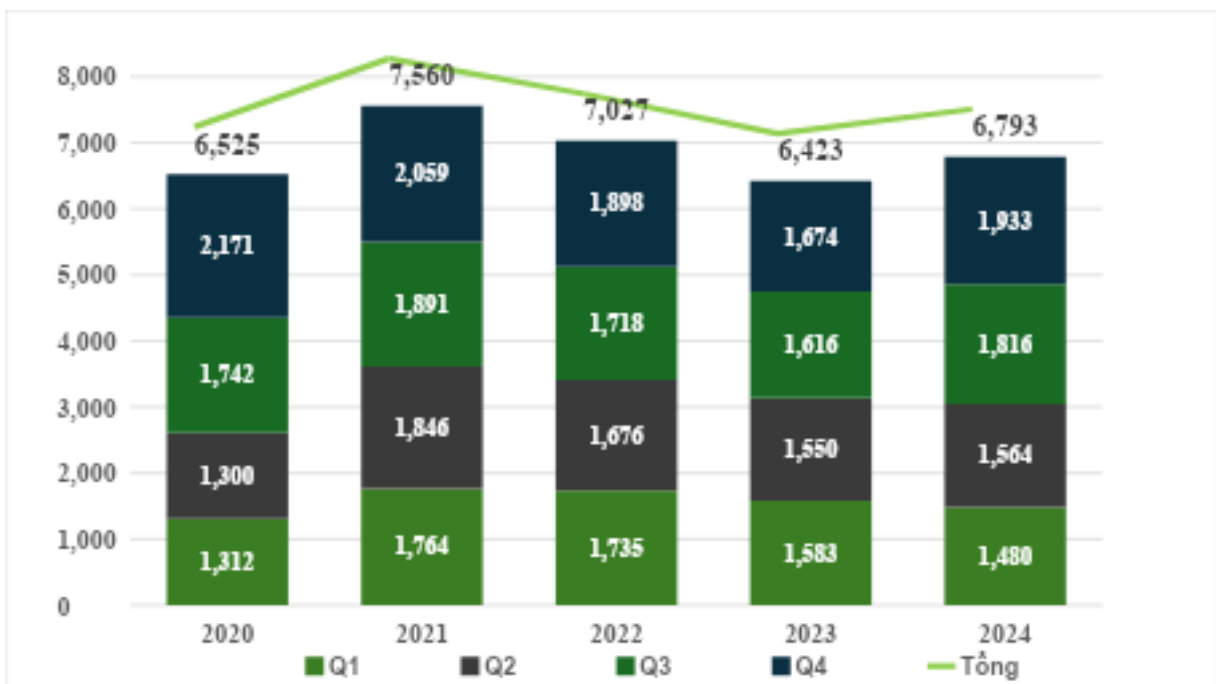
Nguồn: S&P Global Market Intelligence, UBCTQG tổng hợp

### Tại thị trường Châu Á – Thái Bình Dương

Hoạt động M&A tại khu vực Châu Á - Thái Bình Dương (APAC) đã có dấu hiệu phục hồi trong nửa cuối năm 2024 nhưng giá trị giao dịch vẫn xấp xỉ năm 2023, đạt khoảng 350 tỉ USD trong mỗi năm. Tuy nhiên, số lượng giao dịch trong năm 2024 tăng lên 1.816 thương vụ, tăng 6% so với năm 2023.

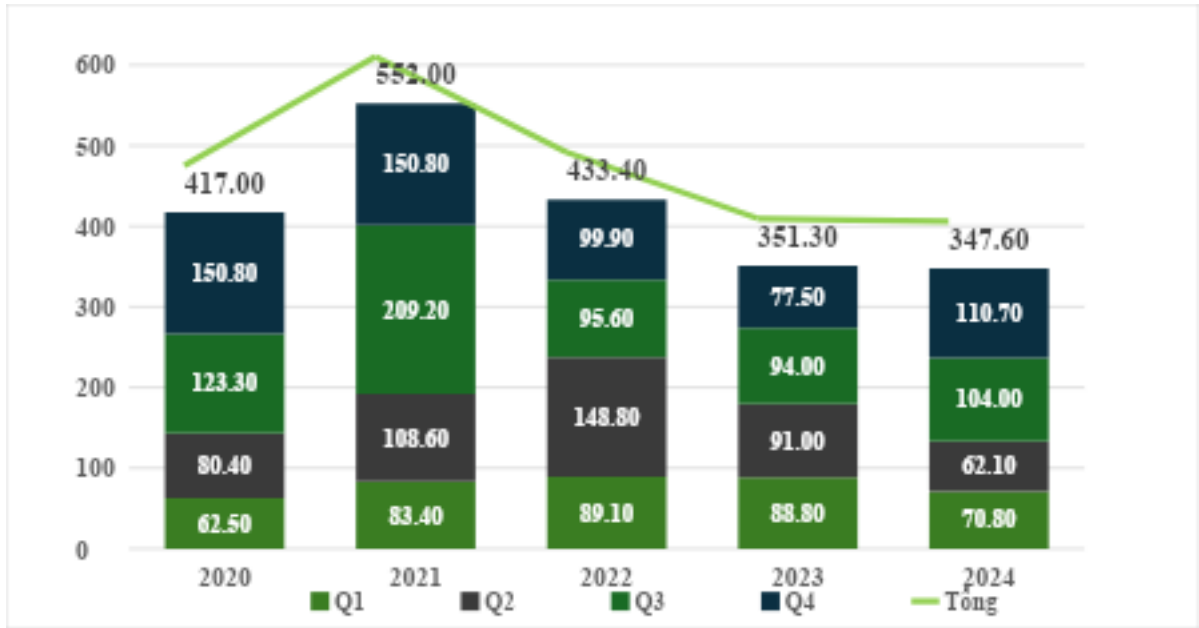
### Biểu đồ 07: Số lượng các thương vụ M&A tại khu vực APAC

(Đơn vị: số giao dịch)



### Biểu đồ 08: Giá trị các thương vụ M&A tại khu vực APAC

(Đơn vị: tỉ USD)

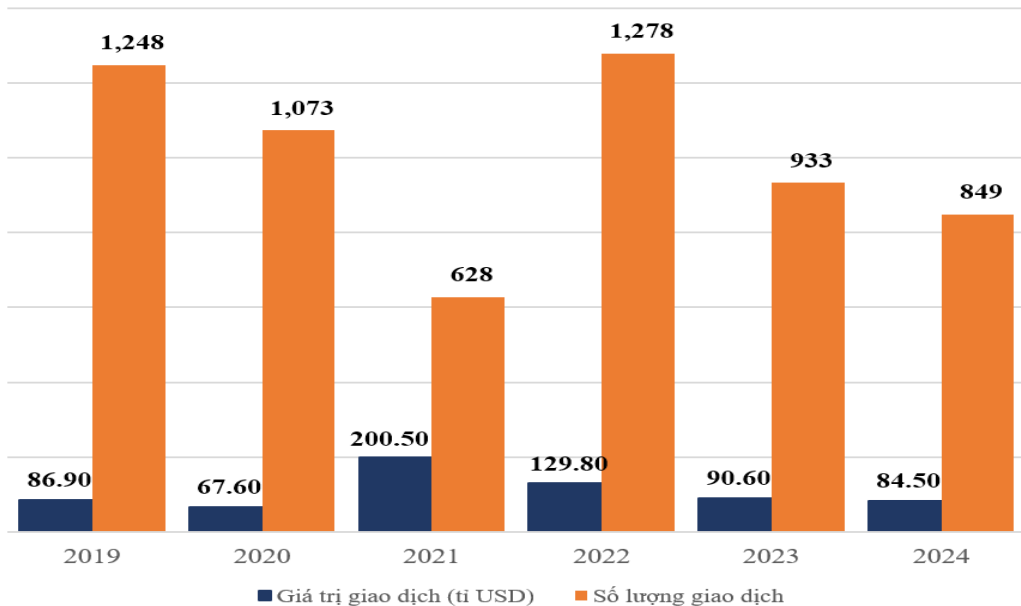


Nguồn: UBCTQG tổng hợp

### Tại thị trường Đông Nam Á

Kể từ khi đạt đỉnh vào năm 2021, hoạt động M&A tại Đông Nam Á (SEA) đang trên đà suy giảm, chủ yếu do thiếu vắng các thương vụ lớn. Trong năm 2024, tổng giá trị giao dịch M&A tại Đông Nam Á giảm 6,7% so với năm 2023. Trong khi đó, giá trị giao dịch toàn cầu tăng gần 10%, còn khu vực APAC giảm nhẹ 1% so với cùng kỳ.

**Biểu đồ 09: Giá trị và số lượng giao dịch M&A tại Đông Nam Á (giai đoạn 2019-2024)**

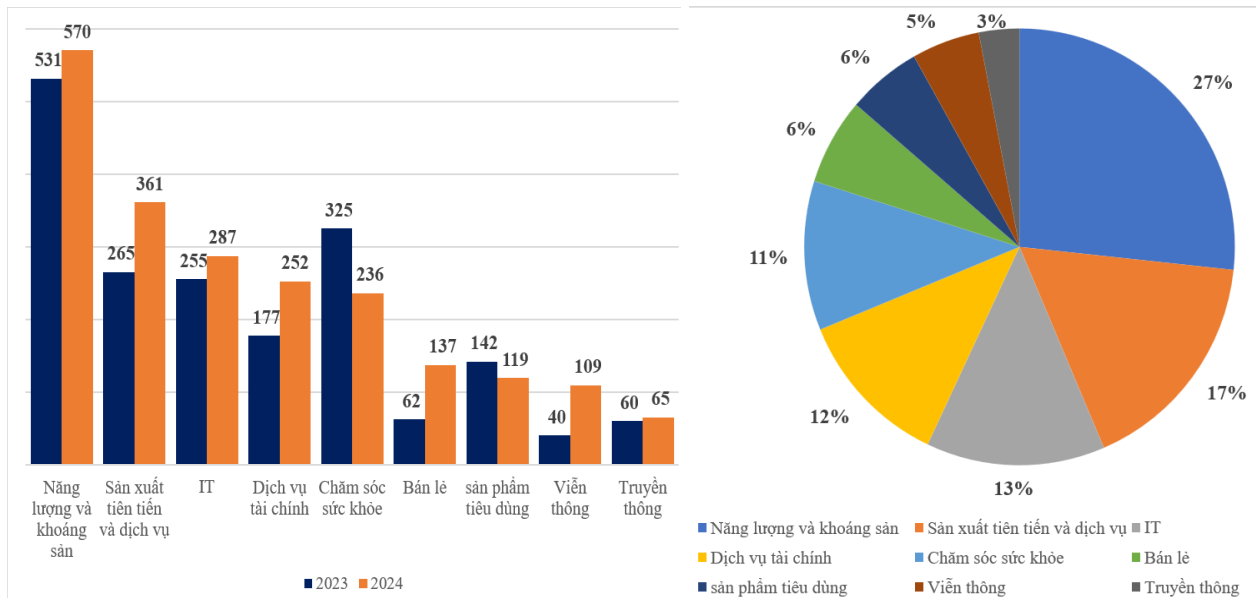


Nguồn: PwC, UBCTQG tổng hợp

### 1.3. Tình hình hoạt động M&A theo lĩnh vực

Theo báo cáo từ Bain Capital Group, mặc dù thị trường M&A tổng thể có xu hướng ổn định, nhưng từng lĩnh vực có mức độ phục hồi khác nhau. Một số lĩnh vực đã tăng trưởng mạnh, trong khi một số lĩnh vực khác vẫn gặp khó khăn do môi trường lãi suất cao và quy định chặt chẽ hơn.

**Biểu đồ 10: Số lượng và tỉ lệ (%) giao dịch toàn cầu theo lĩnh vực**



Lĩnh vực năng lượng và khoáng sản là lĩnh vực sôi động nhất với hơn 10 thương vụ sáp nhập lớn trên 5 tỷ USD chỉ trong 11 tháng đầu năm 2024. Xu hướng tái cấu trúc và hợp nhất trong lĩnh vực này diễn ra mạnh mẽ nhằm tối ưu hóa chuỗi cung ứng và nâng cao hiệu quả hoạt động.

Các thương vụ nổi bật trong lĩnh vực bán lẻ và viễn thông là thương vụ 58 tỷ USD giữa Alimentation Couche-Tard và Seven & I trở thành một trong những giao dịch lớn nhất năm trong lĩnh vực bán lẻ và việc sáp nhập giữa Verizon và Frontier trị giá 20,3 tỷ USD đã thúc đẩy tăng trưởng trong lĩnh vực viễn thông.

Công nghệ và chăm sóc sức khỏe vẫn gặp thách thức. Hai ngành này từng là tâm điểm của M&A nhưng hiện đang chững lại do lãi suất cao và sự giám sát chặt chẽ hơn từ cơ quan quản lý. Nhiều doanh nghiệp trong lĩnh vực này vẫn tìm kiếm các thương vụ mang tính mở rộng quy mô hoặc bổ sung năng lực để tiếp tục tăng trưởng.

Ngoài ra, các thương vụ M&A chiến lược cũng được thực hiện để mở rộng năng lực. Trong ngành công nghệ & giải trí: Disney mua lại 9% cổ phần của Epic Games, công ty đứng sau trò chơi có tên là Fortnite, nhằm mở rộng hoạt động trong lĩnh vực thế giới ảo ('metaverse'). Còn LG Electronics mua 80% cổ phần của Athom để đẩy mạnh mảng thiết bị nhà thông minh. Không thể không kể đến ngành trí tuệ nhân tạo ('AI') & dữ liệu, trong đó, Thomson Reuters thu mua Safe Sign Technologies, công ty phát triển AI chuyên về dữ liệu pháp lý, giúp tăng cường dịch vụ quản lý quy trình làm việc.

#### \* Xu hướng kiểm soát TTKT trên thế giới

Trong bối cảnh toàn cầu về hoạt động M&A có nhiều biến động, cơ quan cạnh tranh các nước đều duy trì sự giám sát chặt chẽ đối với các giao dịch TTKT, với các xu hướng và ưu tiên điều chỉnh khác nhau.

#### - Siết chặt thẩm định TTKT, đặc biệt với các giao dịch lớn

Trong 5 năm qua, nhiều quốc gia đã thắt chặt công tác thẩm định M&A, nhất là với các giao dịch lớn có thể tạo ra sức mạnh thị trường đáng kể.

#### Hoa Kỳ:

Năm 2023, Ủy ban Thương mại lành mạnh Hoa Kỳ (FTC) và Bộ Tư pháp Hoa Kỳ (DOJ) ban hành Bản hướng dẫn sáp nhập mới (Merger Guidelines), nhấn mạnh phân

tích cấu trúc thị trường, sức mạnh thị trường tích lũy và rủi ro loại bỏ cạnh tranh tiềm năng.

Vụ việc nổi bật: FTC yêu cầu hủy giao dịch sáp nhập giữa Illumina và Grail (2021<sup>61</sup>) vì lo ngại giảm cạnh tranh trong xét nghiệm ung thư sớm, mặc dù giao dịch dưới ngưỡng thông báo truyền thống.

Vụ Illumina – Grail là điển hình toàn cầu về xu hướng siết chặt kiểm soát TTKT đối với các giao dịch “mua để triệt tiêu cạnh tranh”. Năm 2020, Illumina, tập đoàn hàng đầu về giải trình tự gene, công bố mua lại Grail, công ty phát triển xét nghiệm máu phát hiện sớm ung thư, với giá 7,1 tỷ USD. Dù giao dịch không đạt ngưỡng thông báo bắt buộc, FTC vẫn can thiệp vì lo ngại Illumina sẽ kiểm soát đầu vào thiết yếu mà các đối thủ của Grail cần, từ đó cản trở cạnh tranh trên thị trường.

Đồng thời, Ủy ban Châu Âu (EC) cũng cấm giao dịch này theo Điều 22 Quy định TTKT EU (EUMR). Vụ việc cho thấy các cơ quan cạnh tranh lớn đang linh hoạt mở rộng giám sát, kể cả với các giao dịch dưới ngưỡng, nhằm bảo vệ lợi ích người tiêu dùng và thị trường.

#### Châu Âu (EU):

Tại EU, Ủy ban Châu Âu (EC) đang đẩy mạnh siết chặt thẩm định TTKT, đặc biệt với các giao dịch lớn, kể cả khi không đạt ngưỡng doanh thu truyền thống. Một công cụ nổi bật là Điều 22 Quy định TTKT Châu Âu (EUMR), cho phép EC nhận chuyển giao các vụ việc từ cơ quan cạnh tranh quốc gia nếu có nguy cơ hạn chế cạnh tranh đáng kể. Một ví dụ điển hình, EC đã cấm thương vụ Illumina – Grail dù doanh thu Grail không đạt ngưỡng báo cáo tại châu Âu.

Vụ việc tiêu biểu khác: EC đã cấm giao dịch mua lại Flugo Group Holdings AB ('eTraveli') bởi Booking Holdings ('Booking') trong năm 2023<sup>62</sup>.

EC đã đánh giá giao dịch này sẽ củng cố sức mạnh thị trường của Booking trên thị trường nền tảng đặt phòng khách sạn trực tuyến bằng việc mua lại một nền tảng cung cấp vé máy bay trực tuyến (cung cấp bởi eTraveli), dẫn đến chi phí cao hơn cho các khách sạn và, có thể, cho người tiêu dùng khi Booking là công ty thống lĩnh thị trường tại Khu vực Kinh tế Châu Âu ('EEA') với thị phần khoảng 60% nhưng không có đối thủ đáng kể trên thị trường này tại khu vực.

#### Trung Quốc:

Vào tháng 01 năm 2024, Trung Quốc đã sửa đổi quy định pháp luật nhằm nâng cao ngưỡng thông báo TTKT lần đầu tiên kể từ năm 2008 để phù hợp với sự phát triển kinh tế và hướng nguồn lực của cơ quan quản lý tới việc xử lý các giao dịch có giá trị lớn hơn.

Vụ việc nổi bật: Thương vụ Bunge (Mỹ) mua lại Viterra (Canada) với giá 34 tỷ USD vẫn đang trong quá trình thẩm định vì Cơ quan Quản lý Thị trường Nhà nước (SAMR) chưa đưa ra phán quyết. Mặc dù đã được phê duyệt tại nhiều quốc gia khác, trong đó có Việt Nam, SAMR lo ngại rằng giao dịch này có thể làm tăng mức độ tập trung trong ngành thương mại nông sản toàn cầu, ảnh hưởng đến an ninh lương thực của

<sup>61</sup> FTC Orders Illumina to Divest Cancer Detection Test Maker GRAIL to Protect Competition in Life-Saving Technology Market: “<https://www.ftc.gov/news-events/news/press-releases/2023/04/ftc-orders-illumina-divest-cancer-detection-test-maker-grail-protect-competition-life-saving>”

<sup>62</sup> Mergers: Commission prohibits proposed acquisition of eTraveli by Booking: [https://ec.europa.eu/commission/presscorner/detail/en/ip\\_23\\_4573?utm\\_source=chatgpt.com](https://ec.europa.eu/commission/presscorner/detail/en/ip_23_4573?utm_source=chatgpt.com)

Trung Quốc. Vụ việc này cho thấy SAMR không chỉ xem xét yếu tố cạnh tranh mà còn cân nhắc đến các lợi ích chiến lược quốc gia.

- Đánh giá thêm các yếu tố ngoài cạnh tranh trong quá trình thẩm định TTKT

Nhiều cơ quan các quốc gia không chỉ xem xét tác động tới cạnh tranh mà còn cân nhắc mục tiêu an ninh, bền vững, và phát triển xã hội.

#### Hoa Kỳ:

Tháng 12 năm 2024, các cơ quan của Chính phủ Tổng thống Biden đã chặn thương vụ Nippon Steel (Nhật Bản) mua lại U.S. Steel với giá 14,9 tỷ USD, sau khi Ủy ban Đầu tư Nước ngoài tại Hoa Kỳ (CFIUS) nêu quan ngại về rủi ro an ninh quốc gia<sup>63</sup>.

#### Đức:

Các cơ quan quản lý đã tăng cường giám sát các thương vụ M&A có liên quan đến nhà đầu tư nước ngoài. Ví dụ<sup>64</sup>, vào tháng 7 năm 2024, Đức đã chặn việc CSIC Longjiang Guanghan Gas Turbine (Trung Quốc) mua lại bộ phận tua-bin khí của MAN Energy Solutions, với lý do bảo vệ an ninh năng lượng quốc gia. Trước đó, vào tháng 9 năm 2023, Đức cũng cấm việc cổ đông Trung Quốc tăng cổ phần trong công ty vệ tinh KLEO Connect GmbH.

#### Canada:

Cục Cạnh tranh Canada đã mở rộng phạm vi thẩm định TTKT để bao gồm các yếu tố như bảo vệ môi trường (CSG) và quyền riêng tư dữ liệu<sup>65</sup>, đặc biệt trong các giao dịch liên quan đến nền tảng số và công nghệ cao.

- Tập trung kiểm soát các giao dịch trong nền kinh tế số

Sự phát triển nhanh chóng của nền kinh tế số làm xuất hiện loại giao dịch mới: thu tóm doanh nghiệp khởi nghiệp, mua lại đối thủ tiềm năng (killer acquisitions), mua để kiểm soát dữ liệu. Theo đó, chính sách kiểm soát TTKT trong những thị trường mới nổi này cũng có nhiều thay đổi hướng đến việc tiền kiểm để giám sát các nền tảng công nghệ có sức mạnh thị trường.

#### Châu Âu (EU):

Năm 2022, EU ban hành Đạo luật Thị trường kỹ thuật số (DMA), đây là khuôn khổ pháp lý được đánh giá là mang tính bước ngoặt khi tác động tới hoạt động kinh doanh trên không gian Internet và mạng di động của các doanh nghiệp công nghệ lớn và cũng như cách người tiêu dùng truy cập những dịch vụ này.

DMA không áp dụng cho mọi doanh nghiệp mà chỉ cho các nền tảng kỹ thuật số có vai trò trung gian cốt lõi và có sức mạnh thị trường đáng kể (Gatekeepers) để giám sát chặt các gatekeepers (Google, Amazon, Apple, Meta, Microsoft), kiểm soát cả giao dịch M&A để ngăn ngừa lạm dụng sức mạnh nền tảng. DMA được coi là bổ sung cho luật cạnh tranh (không thay thế).

<sup>63</sup> Biden blocks Japan's Nippon from taking over US Steel: <https://edition.cnn.com/2025/01/03/business/biden-blocks-us-nippon-steel-takeover/index.html>

<sup>64</sup> The Tightening of German FDI Screening: [https://practiceguides.chambers.com/practice-guides/investing-in-2025/germany/trends-and-developments?utm\\_source=chatgpt.com](https://practiceguides.chambers.com/practice-guides/investing-in-2025/germany/trends-and-developments?utm_source=chatgpt.com)

<sup>65</sup> Competition Bureau statement on data as a competitive factor: <https://www.competitionbureau.gc.ca/eic/site/cb-bc.nsf/eng/04429.html>

DMA hướng đến các biện pháp tiền kiểm và hỗ trợ hiệu quả việc thực thi tổng thể pháp luật về cạnh tranh cho phép cơ quan cạnh tranh khắc phục những nhược điểm của biện pháp hậu kiểm (như điều tra vụ việc cạnh tranh) do thời gian kéo dài của vụ việc, đồng thời bảo vệ được cạnh tranh trên thị trường số vốn thay đổi nhanh.

Vào ngày 6 tháng 9 năm 2023, căn cứ theo DMA, EC đã ban hành Quyết định giám sát đối với 06 công ty là "gatekeepers":

**Alphabet:** Google Search, Google Maps, Google Play, Google Shopping, Google Ads, Chrome, Android, YouTube

**Amazon:** Amazon Marketplace, Amazon Product Advertising

**Apple:** App Store, Safari, iOS

**ByteDance:** TikTok

**Meta:** Facebook, Instagram, Facebook Marketplace, WhatsApp, Messenger

**Microsoft:** LinkedIn, Microsoft Windows.

Úc:

Cơ quan Cạnh tranh và Bảo vệ người tiêu dùng Úc (ACCC) đã tiến hành cuộc điều tra kéo dài từ năm 2020 đến 2025 về các dịch vụ nền tảng số, bao gồm các công ty như Google và Facebook. Trong báo cáo cuối cùng vào tháng 3 năm 2025, ACCC đã đề xuất các biện pháp nhằm tăng cường cạnh tranh và bảo vệ người tiêu dùng trong các thị trường dịch vụ nền tảng số.

Theo đó, ACCC đã đề xuất thiết lập một cơ chế giám sát cạnh tranh theo hướng "ex-ante" – tức là áp dụng các nghĩa vụ bắt buộc từ trước đối với các nền tảng lớn có vị thế đáng kể, nhằm ngăn chặn hành vi như tự ưu tiên (self-preferencing), gây khó khăn trong việc chuyển đổi nền tảng, hoặc cản trở truy cập dữ liệu.

Chính phủ Úc đã đồng ý về nguyên tắc với đề xuất này và đang xem xét ban hành các quy định pháp lý mới để áp dụng cho các doanh nghiệp nền tảng kỹ thuật số.

Ngoài ra, ACCC cũng mở rộng phạm vi điều tra sang các lĩnh vực công nghệ mới nổi như dịch vụ lưu trữ đám mây, trò chơi trực tuyến và trí tuệ nhân tạo sinh (generative AI), cho thấy cách tiếp cận chủ động và thích ứng của ACCC trong bối cảnh kinh tế số ngày càng phức tạp.

- Ứng dụng công nghệ trong đánh giá TTKT

Các cơ quan cạnh tranh bắt đầu áp dụng AI, machine learning, big data để phân tích thị trường, dự báo tác động cạnh tranh.

Anh:

CMA đã thành lập Đơn vị Dữ liệu, Công nghệ và Phân tích (DaTA) để vận hành và sử dụng các phương pháp mới nhất về kỹ thuật dữ liệu, học máy và trí tuệ nhân tạo (AI) hỗ trợ quá trình thực thi cạnh tranh và bảo vệ người tiêu dùng trong đó bao gồm việc thẩm định các giao dịch TTKT<sup>66</sup>.

Ví dụ: Trong quá trình điều tra vụ sáp nhập giữa Vodafone UK và Three UK, CMA đã triển khai các công cụ phân tích dữ liệu tiên tiến để đánh giá tác động cạnh

<sup>66</sup> The CMA DaTA unit – we're growing! [https://competitionandmarkets.blog.gov.uk/2019/05/28/the-cma-data-unit-were-growing/?utm\\_source=chatgpt.com](https://competitionandmarkets.blog.gov.uk/2019/05/28/the-cma-data-unit-were-growing/?utm_source=chatgpt.com)

tranh của giao dịch này đến cạnh tranh trên thị trường viễn thông<sup>67</sup>. Cụ thể, CMA đã sử dụng các kỹ thuật phân tích dữ liệu lớn để: Đánh giá thị phần kết hợp giữa hai công ty; Dự báo tác động của sáp nhập đến giá cả và chất lượng dịch vụ; Phân tích dữ liệu tiêu dùng để hiểu rõ hơn về hành vi và nhu cầu của khách hàng.

*Singapore:*

Cơ quan Cạnh tranh và Người tiêu dùng Singapore (CCCS) đã triển khai nền tảng nộp hồ sơ trực tuyến (eFiling) nhằm hỗ trợ doanh nghiệp trong quá trình thông báo sáp nhập<sup>68</sup>. Việc sử dụng nền tảng eFiling giúp tăng cường hiệu quả và minh bạch trong quá trình thẩm định sáp nhập.

EU: Ủy ban Châu Âu (EC) đã tích cực ứng dụng công nghệ trong việc thẩm định các giao dịch sáp nhập và mua lại (M&A), đặc biệt là trong lĩnh vực công nghệ số. Một ví dụ cụ thể là việc EC sử dụng các công cụ phân tích dữ liệu tiên tiến để sàng lọc và đánh giá các giao dịch đáng ngờ từ hàng nghìn hồ sơ M&A.

\* Hoạt động mua bán và sáp nhập doanh nghiệp (M&A) tại thị trường Việt Nam

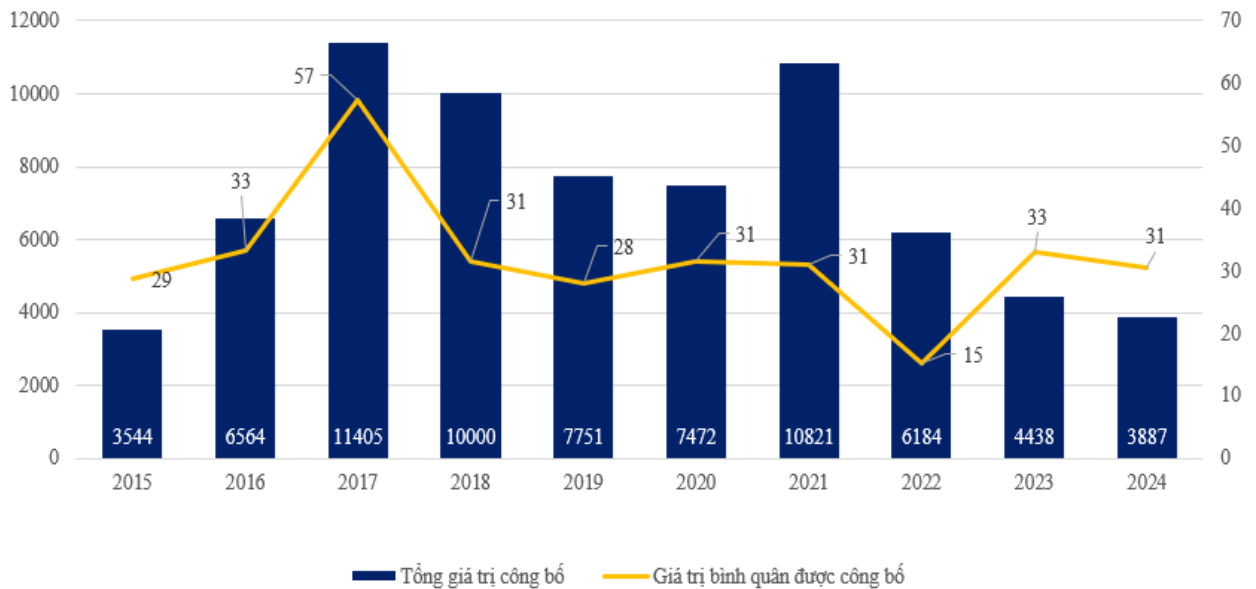
Trước những bất ổn về kinh tế và địa chính trị trên toàn cầu, thị trường M&A trải qua nhiều thăng trầm trong giai đoạn năm 2020-2024 về tổng giá trị giao dịch lẫn giá trị giao dịch trung bình.

Nhìn lại giai đoạn trước đại dịch covid-19, được củng cố bởi tăng trưởng GDP và các yếu tố nội tại ổn định, thị trường M&A của Việt Nam bắt đầu phát triển chuyên nghiệp hơn khi các nhà đầu tư nước ngoài chuyển khuynh hướng đầu tư thăm dò sang tìm kiếm các khoản đầu tư chiến lược lâu dài hơn. Giá trị các thương vụ đạt mức cao kỷ lục, với các thương vụ lớn trải rộng nhiều lĩnh vực khác nhau. Nhiều thương vụ tỷ đô đã diễn ra trong giai đoạn này. Như việc Central Group của Thái Lan mua lại Siêu thị Big C với giá 1.14 tỷ USD (2016), Thai Beverage mua lại Sabeco với giá 4.8 tỷ USD (2017), và Tập đoàn SK của Hàn Quốc đầu tư 1 tỷ USD vào Vingroup (2019). Kết quả là thị trường M&A đạt đỉnh hơn 11 tỷ USD tổng giá trị giao dịch trong năm 2017, với giá trị giao dịch trung bình đạt đỉnh 57.3 triệu USD mỗi thương vụ được công bố.

**Biểu đồ 11: Tổng giá trị và giá trị bình quân thương vụ M&A được công bố từ 2015 đến 2024 (đơn vị: triệu USD)**

<sup>67</sup> UK's Vodafone, Three deal set to face in-depth competition probe: [https://www.reuters.com/business/media-telecom/uk-regulator-asks-vodafone-hutchison-solutions-over-competition-concerns-2024-03-22/?utm\\_source=chatgpt.com](https://www.reuters.com/business/media-telecom/uk-regulator-asks-vodafone-hutchison-solutions-over-competition-concerns-2024-03-22/?utm_source=chatgpt.com)

<sup>68</sup> File a merger notification with CCCS: <https://www.cccs.gov.sg/approach-cccs/notifying-a-merger/filing-a-merger-notification-with-cccs>



Nguồn: Deloitte, UBCTQG tổng hợp

Năm 2021, thị trường M&A của Việt Nam phát triển mạnh mẽ hơn bao giờ hết, nhờ vào những nỗ lực của Chính phủ ngăn chặn sự lây lan của Covid, cùng với sự hồi phục và tăng trưởng liên tục của nền kinh tế.

Tuy nhiên, năm 2022 cho thấy các hoạt động M&A được thực hiện thận trọng hơn do những lo ngại về địa chính trị trên toàn thế giới và lạm phát tiềm ẩn ảnh hưởng đến các giao dịch xuyên biên giới. Hoạt động M&A đang trải qua giai đoạn khó khăn trong năm 2022 và quay về gần mức trước đại dịch sau khi tăng đột biến vào năm 2021.

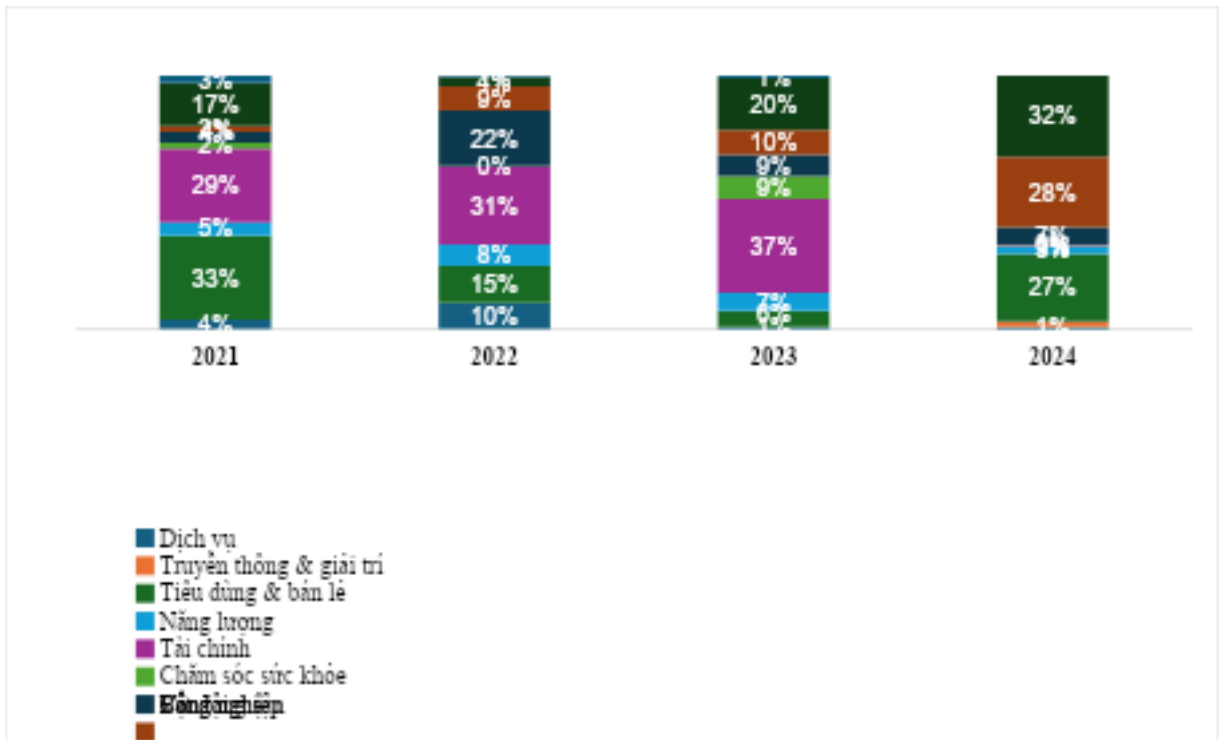
Năm 2023 và 2024, hoạt động và giá trị giao dịch toàn cầu bị đình trệ khi các nhà đầu tư đối mặt với những bất ổn chính trị và kinh tế vĩ mô trên toàn thế giới. Kinh tế thế giới tăng trưởng chững lại, với dự báo tăng trưởng GDP toàn cầu của Quỹ tiền tệ quốc tế (*IMF*) giảm từ mức 3.5% trong năm 2022 xuống 3.0% và 2.9% lần lượt trong năm 2023 và năm 2024<sup>69</sup>.

Việc tăng trưởng giá trị giao dịch trung bình trong giai đoạn 2022 đến 2024 chủ yếu được thúc đẩy bởi một số giao dịch lớn từ các nhà đầu tư trong nước, cho thấy các doanh nghiệp nội địa có thể đang điều chỉnh chiến lược kinh doanh cũng như tối ưu hóa để tập trung hơn vào những lĩnh vực then chốt của mình trong bối cảnh môi trường kinh doanh vẫn đang có nhiều thách thức.

Hoạt động giao dịch M&A 2024 chủ yếu diễn ra trong các lĩnh vực công nghệ (32%), bất động sản (28%) và bán lẻ (27%) chiếm tổng cộng 87% giá trị giao dịch và nằm trong top 5 thương vụ M&A lớn nhất. So với năm 2023, về giá trị giao dịch, ngành công nghệ và bất động sản đã thay thế dịch vụ tài chính và chăm sóc sức khỏe là những ngành đóng góp lớn nhất.

### **Biểu đồ 12: Tỷ trọng (%) giá trị giao dịch M&A theo ngành giai đoạn 2021-2024**

<sup>69</sup> Tăng trưởng kinh tế thế giới năm 2023 và triển vọng 2024: <https://vneconomy.vn/tang-truong-kinh-te-the-gioinam-2023-va-trien-vong-2024.htm>



Nguồn: Deloitte, UBCTQGG tổng hợp

Các thương vụ tiêu biểu nhất trong năm 2022 chủ yếu đến từ lĩnh vực Bất động sản, Năng lượng tái tạo và Tiêu dùng:

- Thương vụ lớn nhất trong năm là Capital Place, tòa nhà văn phòng hạng A nằm ở trung tâm Hà Nội, được mua bởi một trong những công ty hàng đầu trong ngành với giá 523,4 triệu USD.

- Trong ngành tiêu dùng, Công ty TNHH The Sherpa – trực thuộc tập đoàn Masan, đã mua lại 65% vốn của Phúc Long Heritage với giá trị 260,6 triệu USD. Seletar Investments của Singapore, Seatown Private Capital Master Fund và Periwinkle đã mua lại khoảng 36% cổ phần của Golden Gate trị giá khoảng 234 triệu USD từ Prosperity Food Concepts Pte Ltd.

- Đối với ngành năng lượng - tiện ích công cộng, nhà phát triển và vận hành năng lượng tái tạo với trụ sở chính tại Madrid, Tây Ban Nha, EDP Renovaveis S.A. (EDPR), đã ký kết thỏa thuận mua lại hai dự án điện mặt trời với tổng công suất 200MW tại huyện Thuận Bắc, Ninh Thuận từ Tập đoàn Xuân Thiện với giá trị giao dịch đạt 284 triệu USD. Thương vụ này giúp EDPR mở rộng thị phần và củng cố vị thế trong khu vực Châu Á – Thái Bình Dương.

Giống với năm 2023, ngành tài chính chiếm tỉ trọng lớn nhất trong năm 2021 với 31% khi Tập đoàn ngân hàng Sumitomo Mitsui (*SMBC*) chi 1,37 tỷ USD để mua lại 49% cổ phần của công ty tài chính tiêu dùng FE Credit từ VPBank vào đầu năm 2021. Đến năm 2023, chính SMBC mua lại 15% cổ phần của VPBank với giá hơn 1,45 tỷ USD.

\* Dự báo hoạt động TTKT trên thế giới và tại Việt Nam trong thời gian tới

Dựa trên các thông tin về bối cảnh kinh tế toàn cầu năm 2025 với nhiều yếu tố bất ổn, Bộ Công Thương đánh giá hoạt động TTKT được kỳ vọng sẽ phục hồi với mức độ thận trọng và có thể được dự báo theo xu hướng như sau:

- Xu hướng thế giới:

*Thứ nhất*, hoạt động M&A toàn cầu sẽ ghi nhận sự phục hồi sau giai đoạn suy giảm kéo dài trong các năm gần đây. Các yếu tố như ổn định lãi suất tại các nền kinh tế chủ chốt, xu hướng nới lỏng chính sách tiền tệ tại một số khu vực và kỳ vọng tăng trưởng kinh tế toàn cầu duy trì ở mức hợp lý là những động lực chính thúc đẩy hoạt động TTKT.

*Thứ hai*, xu hướng tập trung vào các lĩnh vực chiến lược sẽ tiếp tục được đẩy mạnh. Các ngành công nghệ cao, trí tuệ nhân tạo (AI), năng lượng tái tạo, logistics và tiêu dùng thiết yếu dự kiến sẽ thu hút dòng vốn M&A lớn, trong bối cảnh doanh nghiệp toàn cầu chủ động tái cơ cấu chuỗi cung ứng và thúc đẩy chuyển đổi số để nâng cao khả năng thích ứng trước biến động thị trường.

*Thứ ba*, hoạt động TTKT xuyên biên giới được dự báo sẽ phục hồi, chủ yếu tại các khu vực có môi trường pháp lý ổn định, cơ sở hạ tầng tốt và triển vọng tăng trưởng kinh tế tích cực. Các nhà đầu tư đến từ Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore và Hoa Kỳ dự kiến sẽ gia tăng hoạt động đầu tư tại khu vực Đông Nam Á, trong đó Việt Nam được đánh giá là điểm đến ưu tiên.

*Thứ tư*, yêu cầu tuân thủ quy định cạnh tranh quốc tế sẽ ngày càng chặt chẽ hơn. Các cơ quan cạnh tranh của Ủy ban Châu Âu (EC), Ủy ban Thương mại lành mạnh Hoa Kỳ (FTC), và cơ quan cạnh tranh một số quốc gia châu Á đang gia tăng kiểm soát đối với các giao dịch M&A, đặc biệt là giao dịch có liên quan đến nền tảng số, dữ liệu cá nhân, công nghệ tài chính, nhằm hạn chế nguy cơ hình thành các thế lực thống lĩnh hoặc bóp méo cạnh tranh.

- Xu hướng tại Việt Nam:

*Thứ nhất*, các doanh nghiệp trong nước sẽ tiếp tục đóng vai trò chủ động trong các thương vụ TTKT. Kết quả kiểm soát TTKT cho thấy doanh nghiệp trong nước chiếm tỷ lệ trung bình khoảng 57% về số lượng doanh nghiệp tham gia giao dịch TTKT được thông báo tới UBCTQG – Bộ Công Thương.

Ngoài ra, Chính phủ Việt Nam cũng nỗ lực thúc đẩy hoạt động kinh tế, đặc biệt là thành phần kinh tế tư nhân với hàng loạt các công cụ pháp lý cởi mở để thúc đẩy hoạt động đầu tư, kinh doanh. Đây cũng là tín hiệu để thúc đẩy các hoạt động đầu tư thông qua các hình thức TTKT.

*Thứ hai*, quy mô giao dịch có xu hướng gia tăng, với sự xuất hiện của nhiều thương vụ lớn. Giá trị trung bình mỗi giao dịch công bố trong 9 tháng đầu năm 2024 đạt 56,3 triệu USD, cao gấp đôi so với mức trung bình giai đoạn 2021–2023. Các giao dịch trên 200 triệu USD dự kiến tiếp tục gia tăng trong năm 2025, phản ánh xu thế tập trung hóa và chuyên nghiệp hóa trong hoạt động TTKT. Các lĩnh vực bất động sản, tiêu dùng thiết yếu, công nghiệp chế biến, công nghệ thông tin và năng lượng tiếp tục là trọng tâm thu hút hoạt động TTKT.

*Thứ ba*, các nhà đầu tư nước ngoài sẽ quay trở lại mạnh mẽ. Các tập đoàn đến từ Nhật Bản, Singapore, Hàn Quốc dự kiến sẽ đẩy mạnh tìm kiếm cơ hội M&A tại Việt Nam trong bối cảnh các yếu tố nền tảng như ổn định kinh tế vĩ mô, cải thiện môi trường pháp lý và tiềm năng thị trường tiêu dùng nội địa tiếp tục được củng cố.

*Thứ tư*, các yêu cầu pháp lý trong kiểm soát TTKT sẽ ngày càng được chú trọng. Như một trong những vấn đề và thách thức lớn là sự toàn cầu hóa. Các tập đoàn hiện nay đều phát triển theo hướng đa quốc gia, hoạt động trên nhiều quốc gia, dẫn tới việc một giao dịch TTKT thường sẽ bị quản lý và kiểm soát dưới khung pháp lý về cạnh tranh của nhiều quốc gia khác nhau. Theo đó, các giao dịch TTKT có quy mô lớn không

chỉ diễn ra tại Việt Nam mà những quốc gia và vùng lãnh thổ khác sẽ phải tuân thủ nghiêm ngặt quy định về thông báo và đánh giá tác động cạnh tranh theo Luật Cạnh tranh 2018 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

#### **(4) Luật Bảo vệ người tiêu dùng**

\* Về các nội dung đã phân cấp, phân quyền theo Nghị định số 139/2025/NĐ-CP và Nghị định số 146/2025/NĐ-CP

Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng được ban hành ngày 20 tháng 6 năm 2023 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2024. Giai đoạn 2024 – 2025 đã và đang chứng kiến nhiều biến động, thay đổi đáng kể, có tác động to lớn tới quá trình thực thi các quy định của Luật. Cụ thể:

- Năm 2025 đánh dấu một bước ngoặt lịch sử trong cải cách hành chính và tổ chức bộ máy nhà nước tại Việt Nam, với việc chính thức vận hành mô hình chính quyền địa phương 2 cấp trên toàn quốc kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025. Sự thay đổi mô hình tổ chức được tiến hành song song với việc đẩy mạnh phân cấp, phân quyền một cách mạnh mẽ và đồng bộ. Các Bộ, ngành và Chính phủ đã khẩn trương rà soát, hoàn thiện và ban hành nhiều Nghị định quan trọng để chuyển giao thẩm quyền và trách nhiệm từ cơ quan Trung ương xuống chính quyền địa phương, đặc biệt là cấp tỉnh và cấp xã. Trong đó, đối với lĩnh vực Công Thương, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại và Nghị định số 139/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

- Trên thế giới, công tác bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng tiếp tục thể hiện rõ vai trò và ý nghĩa đối với sự phát triển của nền kinh tế, trong đó, một số vấn đề nổi bật, mang tính toàn cầu tiếp tục được quan tâm, cụ thể là sự phát triển mạnh mẽ, bùng nổ của thương mại điện tử, kinh tế số kéo theo việc tăng cường hiệu quả bảo vệ thông tin của người tiêu dùng.

\* Về nội dung khác

Kết luận số 207-KL/TW ngày 10 tháng 11 năm 2025 của Ban Bí Thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 30-CT/TW, ngày 22/01/2019 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và trách nhiệm quản lý của Nhà nước đối với công tác bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, theo đó: *“quy định rõ trách nhiệm của doanh nghiệp trong việc bảo đảm truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa nhằm minh bạch hóa thị trường, nhất là trong phục vụ nhu cầu thiết yếu của người dân;”*

Nghị quyết số 205/2025/QH15 ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc thí điểm Viện kiểm sát nhân dân khởi kiện vụ án dân sự để bảo vệ quyền dân sự của các chủ thể là nhóm dễ bị tổn thương hoặc bảo vệ lợi ích công (sau đây gọi là Nghị quyết số 205/2025/QH15) (xuất phát từ việc lợi ích công bao gồm nhóm lợi ích công cộng, lợi ích của Nhà nước thuộc lĩnh vực bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng).

Nghị quyết số 190/2025/QH 15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội khóa XV quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp, tổ chức bộ máy nhà nước quy định sắp xếp tổ chức thanh tra tại các bộ, ngành TW và thanh tra tại các sở, ngành địa phương tập trung 1 đầu mối tại Thanh tra Chính phủ và thanh tra cấp tỉnh.

Bên cạnh đó, một số quy định có liên quan tại Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân, Luật Thanh tra có thay đổi.

Việc sửa đổi Luật Bảo vệ người tiêu dùng nhằm thể chế hóa, sửa đổi quy định của pháp luật theo đúng chủ trương, chỉ đạo của Đảng, nhà nước, đảm bảo thống nhất hệ thống pháp luật.

## 2. Quá trình thực hiện tổng kết

\* Về các nội dung đã phân cấp, phân quyền theo Nghị định số 139/2025/NĐ-CP và Nghị định số 146/2025/NĐ-CP

Nghị định số 146/2025/NĐ-CP được coi là "cú hích" để hiện thực hóa chủ trương "Địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm". Thay vì cơ chế "xin - cho" rườm rà. Nghị định 146/2025/NĐ-CP sau 8 tháng đã bước đầu tạo ra một luồng gió mới, thúc đẩy sự năng động của các địa phương. Tuy nhiên, đây mới chỉ là giai đoạn "chạy đà". Để đạt được hiệu quả tối ưu, cần có sự đồng bộ hơn nữa về các văn bản hướng dẫn và đặc biệt là cơ chế hậu kiểm (kiểm tra sau khi phân quyền, phân cấp) để tránh tình trạng "lợi ích nhóm" hoặc sai phạm ở cấp cơ sở.

### a. Kết quả đạt được

Sau 8 tháng triển khai, Nghị định số 146/2025/NĐ-CP (có hiệu lực từ 01/07/2025) đã tạo ra một cuộc "cách mạng nhỏ" trong ngành Công Thương khi phân cấp hơn 52% nhiệm vụ (tương đương 208/401 nhiệm vụ) từ Trung ương về cho địa phương.

- Về cải cách thủ hành chính, cắt giảm thủ tục trung gian: Giảm ít nhất 20-30% thời gian phê duyệt các dự án nhóm B, C.

Chỉ số hài lòng của người dân và doanh nghiệp (PAPI, PCI) tại các tỉnh thực hiện tốt phân cấp có xu hướng cải thiện rõ rệt.

- Về giao quyền, nhiệm vụ cho địa phương: Tăng tính chủ động cho địa phương, giao quyền chủ động, tự quyết về nhân sự, ngân sách và quy hoạch cho cấp tỉnh/thành phố.

- Về Đầu tư công và Quy hoạch

+ Tốc độ giải ngân: Nhiều địa phương ghi nhận tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công tăng vọt trong 2 quý cuối năm 2025 nhờ việc không phải chờ đợi ý kiến từ các Bộ ngành trung ương đối với các điều chỉnh quy hoạch cục bộ.

+ Phê duyệt dự án: Quyền phê duyệt chuyển mục đích sử dụng đất lúa (dưới hạn mức nhất định) đã giúp các dự án hạ tầng giao thông địa phương khởi công sớm hơn dự kiến khoảng 3-5 tháng.

- Về quản lý hành chính và nhân sự: Các địa phương đã chủ động hơn trong việc sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập phù hợp với đặc thù vùng miền thay vì áp dụng khung cứng nhắc từ Trung ương.

### 1) Thương mại và Quản lý ngoại thương

Qua quá trình triển khai thi hành Luật Quản lý ngoại thương, thực tiễn hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp ngày càng đa dạng, phức tạp, gắn với chuỗi sản xuất – cung ứng toàn cầu và yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng. Trong bối cảnh đó, một số quy định của Luật Quản lý ngoại thương đã bộc lộ những hạn chế, bất cập, chưa theo kịp yêu cầu của thực tiễn và các cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

Cụ thể, pháp luật hiện hành chưa có cơ chế phù hợp cho phép doanh nghiệp nhập khẩu trở lại hàng hóa do chính mình sản xuất đã xuất khẩu để phục vụ sửa chữa, bảo

hành hoặc các mục đích hợp pháp khác, đặc biệt trong trường hợp hàng hóa thuộc diện cấm nhập khẩu. Điều này gây khó khăn cho doanh nghiệp trong tổ chức sản xuất, kinh doanh, làm giảm tính linh hoạt của hoạt động thương mại quốc tế. Bên cạnh đó, quy định về cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa và Văn bản chấp thuận cho thương nhân tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa xuất khẩu còn thiếu thống nhất về tiêu chí áp dụng giữa các cơ quan có thẩm quyền ở trung ương và địa phương, tiềm ẩn nguy cơ gián đoạn trong công tác cấp C/O, ảnh hưởng đến tiến độ xuất khẩu và uy tín của hệ thống chứng nhận xuất xứ của Việt Nam đối với các đối tác FTA.

Ngoài ra, việc thực hiện các cam kết quốc tế, đặc biệt là Hiệp định CPTPP, đòi hỏi Việt Nam phải từng bước hoàn thiện cơ chế tự chứng nhận xuất xứ đối với hàng hóa nhập khẩu. Tuy nhiên, Luật Quản lý ngoại thương hiện chưa có quy định đầy đủ về phân quyền, trách nhiệm quản lý cũng như cơ chế đối với nhà nhập khẩu đủ điều kiện tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa nhập khẩu, dẫn đến khó khăn trong tổ chức thực hiện các cam kết đã ký kết.

Một số quy định của Luật cũng chưa bảo đảm tính thống nhất nội tại, điển hình là mối quan hệ giữa quy định về chứng nhận xuất xứ hàng hóa tại Điều 32 và Điều 34, gây lúng túng trong áp dụng và thực thi trên thực tế. Bên cạnh đó, thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do hiện vẫn được quy định theo hướng giới hạn chủ thể là cơ quan “nhà nước”, chưa phù hợp với yêu cầu cải cách thủ tục hành chính, tạo thuận lợi thương mại và thực tiễn áp dụng của một số quốc gia nhập khẩu, từ đó làm phát sinh thêm chi phí và thời gian cho doanh nghiệp.

Từ những yêu cầu thực tiễn nêu trên, việc nghiên cứu sửa đổi, bổ sung một số quy định của Luật Quản lý ngoại thương là cần thiết nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật, đồng thời đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực ngoại thương.

Bên cạnh đó, đây là lĩnh vực có sự chuyển dịch mạnh mẽ nhất nhằm hỗ trợ doanh nghiệp tận dụng các FTA.

- Phân cấp cấp C/O (Chứng nhận xuất xứ): Bộ Công Thương đã phân cấp 47/87 nhiệm vụ quản lý xuất nhập khẩu cho địa phương. Việc các Sở Công Thương (như Hà Nội, TP.HCM, Hải Phòng) trực tiếp xử lý hồ sơ đã rút ngắn thời gian cấp C/O từ 2-3 ngày xuống còn 4-8 giờ làm việc.

+ Số liệu ấn tượng: Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu năm 2025 đạt kỷ lục 930,05 tỷ USD (tăng 17%). Riêng 7 tháng đầu triển khai nghị định, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa đạt 261,8 tỷ USD.

+ Quản lý ngoại thương: Các thủ tục về tạm nhập tái xuất, chuyển khẩu hiện được thực hiện tại cấp tỉnh, giúp giảm chi phí logistics cho doanh nghiệp ước tính khoảng 10-15%.

+ Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi: Chuyển giao hoàn toàn việc cấp các loại C/O (như mẫu D, E, AK, AJ, VJ,...) cho các đơn vị được ủy quyền tại địa phương thay vì tập trung tại các phòng quản lý XNK của Bộ.

+ Cấp Giấy phép gia công hàng hóa với nước ngoài: Đối với các mặt hàng thuộc danh mục hàng hóa xuất nhập khẩu có điều kiện (trừ vũ khí, an ninh quốc phòng).

+ Xác nhận đăng ký hợp đồng tạm nhập, tái xuất: Các mặt hàng không thuộc danh mục cấm hoặc tạm ngừng xuất nhập khẩu.

## 2). Xúc tiến thương mại

Các tỉnh hiện có quyền đăng ký cho thương nhân tổ chức hội chợ, triển lãm tại nước ngoài (trước đây phải xin phép Bộ Công Thương).

- *Số liệu*: Số lượng các đoàn doanh nghiệp địa phương tham gia hội chợ quốc tế trong 8 tháng qua tăng 25% so với cùng kỳ, nhờ thủ tục đăng ký "một cửa" ngay tại tỉnh.

- Xác nhận đăng ký tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại: Kể cả các hội chợ có yếu tố nước ngoài hoặc tổ chức tại nước ngoài cho doanh nghiệp địa phương (trước đây phải xin xác nhận từ Cục XTTM - Bộ Công Thương).

- Cấp phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài: Sở Công Thương trực tiếp thẩm định và cấp phép thay vì chờ ý kiến từ Bộ (trừ các trường hợp đặc thù thuộc thẩm quyền Chính phủ).

- Quản lý khuyến mại: Tiếp nhận đăng ký các chương trình khuyến mại có tổng giá trị giải thưởng lớn (trước đây mức trên 100 triệu thường phải báo cáo Bộ Công Thương).

## 3) Cạnh tranh và Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng

Đây là mảng thay đổi rõ rệt về mặt thủ tục hành chính trực tiếp đến doanh nghiệp.

- Hợp đồng theo mẫu: Từ 01/07/2025, Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia ngừng tiếp nhận đăng ký hợp đồng mẫu. Toàn bộ việc này được thực hiện tại Sở Công Thương.

- Tác động: \* Giảm tải cho Trung ương (trước đây phải xử lý hàng nghìn bộ hồ sơ mỗi quý).

- 100% hồ sơ đăng ký hợp đồng mẫu của các doanh nghiệp kinh doanh bất động sản, điện nước, viễn thông tại địa phương được giải quyết đúng hạn, giúp doanh nghiệp đưa sản phẩm ra thị trường nhanh hơn.

- Đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung: Trước đây các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ lớn (điện, nước, viễn thông, căn hộ chung cư) phải về Bộ, nay thực hiện 100% tại Sở Công Thương nơi doanh nghiệp đăng ký kinh doanh.

- Tiếp nhận báo cáo hoạt động bán hàng đa cấp: Bao gồm việc xác nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương và thông báo tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo về bán hàng đa cấp.

Tổng kết 1 số kết quả nổi bật bằng số liệu (Ước tính 8 tháng)

Chỉ tiêu	Trước Nghị định 146	Sau 8 tháng triển khai
Tỷ lệ nhiệm vụ phân cấp	~15-20%	52%
Thời gian cấp C/O	2-3 ngày	< 1 ngày
Kim ngạch XNK (năm 2025)	780 tỷ USD (2024)	930,05 tỷ USD
Thủ tục đăng ký XTTM	15 - 20 ngày	5 - 7 ngày

### b. Một số tồn tại

Dù đạt được nhiều thành tựu, thực tế 8 tháng qua cũng bộc lộ những bài toán khó:

*Thứ nhất*, Một bộ phận cán bộ địa phương vẫn có tâm lý "sợ sai", không dám quyết dù đã được giao quyền, dẫn đến tình trạng đùn đẩy trách nhiệm ngược lên cấp trên.

*Thứ hai*, Một số địa phương chưa chuẩn bị kịp nguồn nhân lực có đủ trình độ để đảm đương các nhiệm vụ mới, đặc biệt là trong lĩnh vực thẩm định dự án phức tạp.

*Thứ ba*, Sự chông chéo giữa Nghị định số 146/2025/NĐ-CP và một số Luật chuyên ngành (như Luật Đất đai, Luật Ngân sách) vẫn tạo ra những "vùng xám" gây khó khăn cho việc áp dụng, thực thi. Ngoài ra một số nội dung phân quyền, phân cấp chưa đảm bảo tính khả thi, đồng bộ, một số nhiệm vụ giao cho cấp xã nhưng lại yêu cầu cấp tỉnh phê duyệt (đề án khuyến công, cấp phép bán lẻ điện, quy hoạch cụm công nghiệp..).

\* Qua rà soát, đánh giá quá trình thực thi Luật Thương mại, Luật Cạnh tranh, Luật Quản lý ngoại thương và Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, Bộ Công Thương nhận thấy còn tồn tại một số hạn chế, bất cập, cụ thể như sau:

### **(1) Luật Thương mại**

- Ngày 22 tháng 7 năm 2014, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1193/QĐ-TTg, trong đó “*Giao Bộ Công Thương nghiên cứu, báo cáo Thủ tướng Chính phủ về việc chuẩn bị hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Luật Thương mại (sửa đổi) trước ngày 15 tháng 11 năm 2014 để Thủ tướng Chính phủ xem xét việc báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội bổ sung vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2015*”.

Thực hiện sự phân công của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 1193/QĐ-TTg nói trên, Bộ Công Thương đã khẩn trương tiến hành nghiên cứu, tổng kết Luật Thương mại năm 2005. Bộ Công Thương đã ban hành Quyết định số 1704/QĐ-BCT ngày 25 tháng 02 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc phê duyệt Đề án Tổng kết thực tiễn thi hành Luật Thương mại năm 2005 và Quyết định số 2891/QĐ-BCT ngày 26 tháng 3 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc thành lập Tổ công tác triển khai tổng kết thực tiễn thi hành Luật Thương mại năm 2005. Theo đó, Tổ công tác đã chủ trì, phối hợp với các chuyên gia của các Bộ, ngành: Tư pháp, Kế hoạch và Đầu tư, Tòa án nhân dân tối cao, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Trung tâm Trọng tài quốc tế Việt Nam và các đơn vị liên quan trong Bộ thực hiện nghiên cứu, rà soát chi tiết từng nội dung của Luật Thương mại và các văn bản quy định chi tiết nhằm xây dựng Báo cáo tổng hợp tổng kết thực tiễn thi hành Luật Thương mại.

Bộ Công Thương đã tổ chức theo dõi thi hành pháp luật và khảo sát tại 13 Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố về tình hình thực thi các quy định của Luật Thương mại; Gửi lấy ý kiến 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về kết quả thực thi Luật Thương mại tại địa phương từ năm 2006 đến nay và đã tổng hợp các kiến nghị, đề xuất theo văn bản số 5089/BCT-PC ngày 25 tháng 5 năm 2015; Đăng tải các Báo cáo tổng kết Luật Thương mại 2005 lấy ý kiến rộng rãi từ các tầng lớp nhân dân trên website của Bộ Công Thương; Tổ chức các hội thảo để tiếp nhận ý kiến từ các cơ quan quản lý nhà nước, cộng đồng doanh nghiệp, các Hiệp hội, các công ty Luật và chuyên gia tại các địa phương; Lấy ý kiến bằng văn bản các Bộ, ngành, địa phương, tổ chức, doanh nghiệp theo văn bản số 10445/BCT-PC ngày 12 tháng 10 năm 2015 đối với kết quả tổng kết Luật Thương mại năm 2005 và tổng hợp, tiếp thu, giải trình, hoàn thiện Báo cáo Thủ tướng Chính phủ về kết quả tổng kết.

Trên cơ sở tổng hợp, giải trình, tiếp thu các ý kiến của các Bộ, ngành, cơ quan có liên quan, Bộ Công Thương đã hoàn chỉnh Báo cáo tổng kết Luật Thương mại năm 2005 kèm theo Tờ trình số 11421/TTr-BCT ngày 14/11/2014 báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

- Ngày 16/12/2021, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 2114/QĐ-TTg ban hành kế hoạch thực hiện kết luận số 19-KL/TW và Đề án Chương trình xây

dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV. Theo đó, Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Công Thương “nghiên cứu, rà soát Luật Thương mại”, trình Chính phủ trước ngày 30/9/2022.

Việc tổng kết, rà soát Luật Thương mại 2005, Bộ Công Thương đã thực hiện từ năm 2015, Bộ Công Thương đã thực hiện từ năm 2015 và đã được Chính phủ thông qua kết quả rà soát. Đối với việc cập nhật lần này, Bộ Công Thương tiếp tục cập nhật các nội dung mới cho giai đoạn từ 2015 cho đến tháng 6 năm 2022 trên cơ sở kết quả tổng kết, rà soát trước đó. Bộ Công Thương đã gửi xin ý kiến các Bộ, ngành có liên quan, Tòa án nhân dân tối cao, VCCI, Trung tâm trọng tài quốc tế Việt Nam và Sở Công Thương các tỉnh, thành phố.

Trên cơ sở tổng kết, rà soát Luật Thương mại 2005 và cập nhật các nội dung trên cơ sở kết quả tổng kết, rà soát trước đó, Bộ Công Thương đã có Tờ trình số 5855/TTr-BCT ngày 29/9/2022 báo cáo Chính phủ về kết quả tổng kết, nghiên cứu, rà soát Luật Thương mại năm 2005.

Qua thực tiễn triển khai, Bộ Công Thương nhận thấy còn phát sinh nhiều khó khăn, vướng mắc, gồm:

(i) Tình trạng chồng chéo giữa quy định của Luật Thương mại và Luật Đầu tư về hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh, hạn chế kinh doanh và kinh doanh có điều kiện. Quy định tại Luật Thương mại trao quyền cho Chính phủ quy định về Danh mục hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh, hạn chế kinh doanh, kinh doanh có điều kiện và điều kiện để được kinh doanh hàng hóa, dịch vụ đó.

Trên cơ sở đó Chính phủ đã ban hành Nghị định số 59/2006/NĐ-CP ngày 12/6/2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh, hạn chế kinh doanh và kinh doanh có điều kiện. Sau đó Nghị định số 43/2009/NĐ-CP ngày 07/5/2009 của Chính phủ đã sửa đổi, bổ sung Danh mục hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh của Nghị định số 59/2006/NĐ-CP; trong đó, Chính phủ bổ sung số thứ tự 19 (thuốc lá điếu, xì gà và các dạng thuốc lá thành phẩm khác nhập lậu) vào Mục A của Phụ lục I trong Danh mục hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh (ban hành kèm theo Nghị định 59/2006/NĐ-CP ngày 12/6/2006 của Chính phủ). Đến nay, Nghị định số 173/2024/NĐ-CP đã bãi bỏ một phần Nghị định số 59/2006/NĐ-CP và toàn bộ Nghị định số 43/2009/NĐ-CP.

Trong khi đó, Luật Đầu tư quy định Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện; Danh mục hoá chất, khoáng vật cấm với phạm vi điều chỉnh rộng hơn, áp dụng thống nhất cho mọi hoạt động đầu tư kinh doanh.

Sự song song tồn tại của hai hệ thống quy định này dẫn đến tình trạng một số nội dung bị trùng lặp về đối tượng điều chỉnh nhưng khác nhau về cách tiếp cận, tiêu chí phân loại và kỹ thuật lập pháp. Trong một số trường hợp, cùng một loại hàng hóa, dịch vụ có thể chịu sự điều chỉnh của cả hai luật nhưng không hoàn toàn thống nhất về nội hàm hoặc điều kiện áp dụng, gây khó khăn trong quá trình áp dụng pháp luật của cơ quan quản lý nhà nước cũng như của doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, việc Luật Thương mại tiếp tục duy trì các quy định riêng về hàng hóa, dịch vụ cấm, hạn chế, có điều kiện trong khi Luật Đầu tư đã được xác định là luật khung, có tính chất điều chỉnh chung đối với hoạt động đầu tư kinh doanh, đã làm phân tán hệ thống pháp luật, làm giảm tính minh bạch và thống nhất. Điều này cũng dẫn đến phát sinh chi phí tuân thủ không cần thiết cho doanh nghiệp khi phải tra cứu, đối chiếu nhiều văn bản khác nhau để xác định điều kiện kinh doanh áp dụng.

Thực tiễn thi hành cho thấy xu hướng lập pháp hiện nay là tập trung thống nhất các quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh tại Luật Đầu tư và các luật chuyên ngành có liên quan, đồng thời hạn chế việc quy định phân tán, trùng lặp ở nhiều văn bản pháp luật. Do đó, việc tiếp tục duy trì các quy định tương tự trong Luật Thương mại không còn thực sự cần thiết, thậm chí có thể làm gia tăng nguy cơ mâu thuẫn, chòng chẹo trong hệ thống pháp luật.

(ii) Các quy định liên quan đến độc quyền nhà nước đã chưa phù hợp với tinh thần mở rộng quyền tự do kinh doanh và thẩm quyền của Chính phủ

Luật Thương mại giao Chính phủ quy định cụ thể danh mục hàng hóa, dịch vụ, địa bàn độc quyền Nhà nước. Quy định độc quyền nhà nước được ghi nhận trong Luật Thương mại với tính chất là quy định khung, mang tính nguyên tắc, và được cụ thể hóa thông qua Nghị định 94/2017/NĐ-CP quy định hàng hoá, dịch vụ thực hiện độc quyền nhà nước hoạt động thương mại. Trên thực tế, hệ thống quy định về hàng hóa, dịch vụ độc quyền nhà nước hiện nay chủ yếu được triển khai thông qua các văn bản dưới luật, đặc biệt là các nghị định của Chính phủ như sản xuất, kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp, quản lý và vận hành hệ thống truyền tải điện quốc gia, in và đúc tiền, phát hành xổ số và một số dịch vụ công ích đặc thù. Tuy nhiên, các nghị định này không hoàn toàn căn cứ trực tiếp vào Luật Thương mại mà chủ yếu xuất phát từ yêu cầu quản lý nhà nước trong từng thời kỳ, dẫn đến việc quy định tại Luật Thương mại chưa thực sự đóng vai trò là cơ sở pháp lý trực tiếp và thống nhất. Đồng thời, một số nội dung độc quyền nhà nước có sự giao thoa với các luật chuyên ngành, làm phát sinh nguy cơ chòng chẹo, thiếu rõ ràng trong áp dụng.

Việc quy định mang tính nguyên tắc tại luật trong khi Danh mục cụ thể lại do nghị định điều chỉnh đã làm giảm tính minh bạch, ổn định và khả năng dự báo của chính sách, đồng thời tạo sự phụ thuộc lớn vào văn bản dưới luật. Bên cạnh đó, phạm vi độc quyền trong một số trường hợp còn chưa được rà soát, đánh giá đầy đủ theo yêu cầu phát triển của nền kinh tế thị trường, dẫn đến nguy cơ duy trì độc quyền không còn thực sự cần thiết.

Trong bối cảnh hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, việc tiếp tục rà soát và hoàn thiện quy định về hàng hóa, dịch vụ độc quyền nhà nước là cần thiết theo hướng nâng cao hiệu lực pháp lý của quy định tại luật, bảo đảm tính thống nhất với các luật chuyên ngành, đồng thời thu hẹp phạm vi độc quyền chỉ đối với những lĩnh vực thực sự cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh hoặc lợi ích công cộng.

(iii) Một số quy định về hợp đồng và giải quyết tranh chấp còn chòng chẹo với quy định của Bộ luật Dân sự

Một số quy định về hợp đồng và giải quyết tranh chấp trong Luật Thương mại hiện hành còn tồn tại tình trạng chòng chẹo, trùng lặp với các quy định của Bộ luật Dân sự, làm ảnh hưởng đến tính thống nhất và đồng bộ của hệ thống pháp luật. Cụ thể, các nội dung về giao kết, thực hiện, sửa đổi, chấm dứt hợp đồng, cũng như các chế tài xử lý vi phạm như phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại, tạm ngừng, đình chỉ, hủy bỏ hợp đồng về cơ bản đã được quy định đầy đủ trong Bộ luật Dân sự với tư cách là luật chung điều chỉnh các quan hệ dân sự, bao gồm cả quan hệ thương mại. Tuy nhiên, Luật Thương mại vẫn quy định lại các nội dung này với một số điểm khác biệt, dẫn đến khó khăn trong việc xác định văn bản áp dụng trong thực tiễn, đặc biệt đối với các quan hệ vừa mang tính dân sự vừa mang tính thương mại.

Bên cạnh đó, các quy định về giải quyết tranh chấp trong Luật Thương mại cũng

có sự giao thoa với các quy định của pháp luật về tổ tụng dân sự và trọng tài thương mại, trong khi chưa có sự phân định rõ ràng về phạm vi và nguyên tắc áp dụng. Điều này làm gia tăng nguy cơ áp dụng pháp luật không thống nhất giữa các cơ quan có thẩm quyền giải quyết tranh chấp, đồng thời ảnh hưởng đến tính minh bạch và khả năng dự báo của môi trường pháp lý đối với hoạt động kinh doanh.

- Các quy định liên quan đến hàng giả còn bộc lộ nhiều khó khăn, vướng mắc trong quá trình áp dụng.

Thuật ngữ “hàng giả” lần đầu tiên được sử dụng kể từ khi đất nước được thống nhất là trong Pháp lệnh Trừng trị tội đầu lậu cơ, buôn, làm hàng giả, kinh doanh trái phép năm 1982 và được kế thừa tại Bộ luật Hình sự năm 1985. Trong đó, Pháp lệnh và Bộ luật Hình sự năm 1985 có quy định phạt tù đối với hành vi làm hàng giả và buôn bán hàng giả. Tuy nhiên, cả hai văn bản này đều không xây dựng khái niệm pháp lý về hàng giả. Pháp luật thời kỳ này chủ yếu tập trung vào việc xác định hành vi làm, buôn bán hàng giả như một dạng tội phạm kinh tế, với các khung hình phạt nghiêm khắc, đặc biệt đối với các nhóm hàng hóa ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe, tính mạng con người. Cách tiếp cận này phản ánh đặc điểm của nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung, trong đó vai trò của pháp luật thiên về trừng trị và bảo đảm trật tự quản lý, hơn là điều tiết các quan hệ thị trường phức tạp.

Văn bản pháp luật đầu tiên đưa ra định nghĩa về hàng giả là Nghị định 140/HĐBT ngày 25/4/1991 của Hội đồng Bộ trưởng quy định về việc kiểm tra, xử lý hoạt động sản xuất buôn bán hàng giả. Theo đó, Điều 3 của Nghị định quy định: “*Hàng giả theo Nghị định này, là những sản phẩm, hàng hoá được sản xuất ra trái pháp luật có hình dáng giống như những sản phẩm, hàng hoá được Nhà nước cho phép sản xuất, nhập khẩu và tiêu thụ trên thị trường; hoặc những sản phẩm, hàng hoá không có giá trị sử dụng đúng với nguồn gốc, bản chất tự nhiên, tên gọi và công dụng của nó*” và Điều 4 của Nghị định quy định các dấu hiệu để xác định một hàng hóa là hàng giả. Theo đó, hàng giả được xác định bao gồm giả về hình thức (nhãn hiệu, dấu ghi phù hợp tiêu chuẩn) và giả về nội dung (chất lượng thấp hơn mức tối thiểu cho phép hoặc giá trị sử dụng không đúng với nguồn gốc, bản chất, tự nhiên, tên gọi và công dụng của nó).

Trên cơ sở đó, Thông tư liên bộ 1254/TTLB năm 1991 hướng dẫn Nghị định 140-HĐBT về việc kiểm tra, xử lý việc sản xuất, buôn bán hàng giả do Bộ Thương mại và Du lịch- Ủy ban Khoa học Nhà nước ban hành tiếp tục hoàn thiện cách tiếp cận này khi làm rõ ranh giới giữa hàng giả và hàng kém chất lượng, đồng thời đưa ra quy định về “mức chất lượng tối thiểu” như một tiêu chí pháp lý quan trọng để phân biệt hàng giả và hàng kém chất lượng<sup>70</sup>.

<sup>70</sup> Mục 1 của Thông tư liên tịch quy định:

1.1. Về định nghĩa và dấu hiệu của hàng giả:

Định nghĩa và dấu hiệu của hàng giả đã được nêu ở Điều 3 và 4 của nghị định. Trong điều kiện hiện nay, công tác chống hàng giả cần tập trung vào những hàng hoá bị làm giả ở những dấu hiệu sau:

a. Sản xuất và sử dụng nhãn giả và bao bì mang nhãn giả hoặc sử dụng nhãn của người khác, của cơ sở sản xuất khác mà không được phép của chủ nhân (bao gồm nhãn sản phẩm, nhãn hiệu hàng hoá và dấu phù hợp Tiêu chuẩn Việt Nam).

b. Hàng hoá không có giá trị sử dụng, không đúng với nguồn gốc, bản chất tự nhiên, tên gọi và có công dụng của nó hoặc có chất lượng dưới mức tối thiểu do Nhà nước qui định, nhằm đánh lừa, gây thiệt hại cho người tiêu dùng để thu lợi bất chính.

1.2. Phân biệt giữa hàng giả và hàng kém chất lượng:

Sản phẩm hàng hoá có mức chất lượng thấp hơn mức chất lượng đã đăng ký và ghi nhãn sản phẩm (ê-ti-ke) song chưa vi phạm mức chất lượng tối thiểu thì chưa bị coi là hàng giả mà chỉ là kém chất lượng. Những hàng hoá này được xử lý theo Nghị định số 327-HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng qui định về việc thi hành Pháp lệnh Chất lượng hàng hoá.

1.3. Mức chất lượng tối thiểu:

Kể từ sau Nghị định 140/HĐBT năm 1991, thuật ngữ “hàng giả tiếp tục được đề cập đến trong nhiều văn bản pháp luật của Việt Nam, từ các văn bản về xử lý vi phạm hành chính, hình sự<sup>71</sup> đến các văn bản về kinh doanh thương mại<sup>72</sup>, bảo hộ sở hữu trí tuệ<sup>73</sup>, hải quan<sup>74</sup>, bao gồm cả các văn bản chỉ đạo, điều hành của Chính phủ<sup>75</sup>. Tùy trong từng bối cảnh, phù hợp với nhu cầu đấu tranh chống hàng giả trong từng lĩnh vực mà các trường hợp được xác định là hàng giả có thể được hiểu theo nghĩa khác nhau. Hơn nữa, qua các giai đoạn, khái niệm hàng giả trong pháp luật Việt Nam cũng đã có sự phát triển, hoàn thiện đáng kể.

Trong giai đoạn từ năm 2013 đến năm 2020, khái niệm “hàng giả” được quy định theo hướng liệt kê cụ thể, chi tiết và có tính kỹ thuật cao. Về nội hàm, các trường hợp được xác định là “hàng giả” trong Nghị định 08/2013/NĐ-CP ngày 10/01/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi sản xuất, buôn bán hàng giả, Nghị định 185/2013/NĐ-CP ngày 15/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 124/2015/NĐ-CP) cũng xác định hàng giả bao gồm cả giả về hình thức và giả về nội dung<sup>76</sup>. Trong đó, “hàng giả” trong giai đoạn này có quy định rõ ràng bao gồm cả hàng giả mạo về sở hữu trí tuệ theo quy định tại Điều 213 Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 (kế thừa Nghị định 06/2008/NĐ-CP). Đặc biệt, các Nghị định này có quy định ra ngưỡng tỷ lệ định lượng “70%” đối với các chỉ tiêu chất lượng hoặc đặc tính kỹ thuật cơ bản nhằm tăng tính minh bạch, giảm tùy nghi trong áp dụng pháp luật đối với các quy định về hàng giả.

Ngày 26/8/2020, Chính phủ ban hành Nghị định 98/2020/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, trong đó, kế thừa các quy định về các trường hợp được xác định là “hàng giả” tại các văn bản trước đây và sửa đổi, bổ sung, trong đó, “hàng giả” bao gồm:

- Hàng hóa có giá trị sử dụng, công dụng không đúng với nguồn gốc bản chất tự nhiên, tên gọi của hàng hóa; hàng hóa không có giá trị sử dụng, công dụng hoặc có giá trị sử dụng, công dụng không đúng so với giá trị sử dụng, công dụng đã công bố hoặc đăng ký;
- Hàng hóa có ít nhất một trong các chỉ tiêu chất lượng hoặc đặc tính kỹ thuật cơ

---

Mức chất lượng tối thiểu: Mức chất lượng (chủ yếu là các chỉ tiêu liên quan đến an toàn, vệ sinh và môi trường) được các Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (như Ủy ban khoa học Nhà nước, Bộ Y tế, Bộ Lao động - Thương binh Xã hội) qui định dưới dạng tiêu chuẩn hoặc văn bản qui định khác. Những hàng hoá có mức chất lượng dưới mức chất lượng tối thiểu thì bị coi là hàng giả và bị xử lý theo Nghị định số 140-HĐBT.

<sup>71</sup> Điểm đ khoản 8 Điều 3 Nghị định 06/2008/NĐ-CP ngày 16/1/2008 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thương mại

<sup>72</sup> Điều 7 Pháp lệnh số 13/1999/PL-UBTVQH10 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 27 tháng 4 năm 1999 về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng

<sup>73</sup> Điều 4 Thông tư liên tịch số 129/2004/TTLT/BTC-BKHCN ngày 29 tháng 12 năm 2004 giữa Bộ Tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành các biện pháp kiểm soát tại biên giới về sở hữu công nghiệp đối với hàng hoá xuất, nhập khẩu.

<sup>74</sup> Khoản 1 điều 3 Thông tư số 44/2011/TT- BTC ngày 1/4/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn công tác chống hàng giả và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong lĩnh vực hải quan.

<sup>75</sup> Chỉ thị số 28/2008/CT-TTg ngày 8 tháng 9 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về một số biện pháp cấp bách, chống hàng giả, hàng kém chất lượng.

<sup>76</sup> Khoản 8 Điều 3 Nghị định số 08/2013/NĐ-CP; khoản 8 Điều 3 Nghị định số 185/2013/NĐ-CP.

bản hoặc định lượng chất chính tạo nên giá trị sử dụng, công dụng của hàng hóa chỉ đạt mức từ 70% trở xuống so với mức tối thiểu quy định tại quy chuẩn kỹ thuật hoặc tiêu chuẩn chất lượng đã đăng ký, công bố áp dụng hoặc ghi trên nhãn, bao bì hàng hóa;

- Thuốc giả theo quy định tại khoản 33 Điều 2 của Luật Dược năm 2016 và dược liệu giả theo quy định tại khoản 34 Điều 2 của Luật Dược năm 2016;

- Thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật không có hoạt chất; không có đủ loại hoạt chất đã đăng ký; có hoạt chất khác với hoạt chất ghi trên nhãn, bao bì hàng hóa; có ít nhất một trong các hàm lượng hoạt chất chỉ đạt từ 70% trở xuống so với mức tối thiểu quy định tại quy chuẩn kỹ thuật hoặc tiêu chuẩn chất lượng đã đăng ký, công bố áp dụng;

- Hàng hóa có nhãn hàng hóa hoặc bao bì hàng hóa ghi chỉ dẫn giả mạo tên, địa chỉ tổ chức, cá nhân sản xuất hoặc nhập khẩu, phân phối hàng hóa; giả mạo mã số đăng ký lưu hành, mã số công bố, mã số mã vạch của hàng hóa hoặc giả mạo bao bì hàng hóa của tổ chức, cá nhân khác; giả mạo về nguồn gốc, xuất xứ hàng hóa hoặc nơi sản xuất, đóng gói, lắp ráp hàng hóa;

- Tem, nhãn, bao bì hàng hóa giả. Trong đó, “Tem, nhãn, bao bì hàng hóa giả” gồm đề can, nhãn hàng hóa, bao bì hàng hóa, các loại tem chất lượng, dấu chất lượng, tem truy xuất nguồn gốc, phiếu bảo hành, niêm màng co hàng hóa hoặc vật phẩm khác của tổ chức, cá nhân kinh doanh có chỉ dẫn giả mạo tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân khác; giả mạo tên thương mại, tên thương phẩm, mã số mã vạch, mã số đăng ký lưu hành, mã số công bố của hàng hóa hoặc bao bì hàng hóa của tổ chức, cá nhân khác.

Khái niệm “hàng giả” trong Nghị định số 98/2020/NĐ-CP về cơ bản kế thừa khái niệm “hàng giả” tại các văn bản trước đây, đặc biệt là tỷ lệ “70%” trong việc đánh giá về chất lượng. Đồng thời, Nghị định số 98/2020/NĐ-CP đã bổ sung thêm các yếu tố về mã vạch, mã số công bố, tem truy xuất nguồn gốc và thông tin xuất xứ hàng hóa để phù hợp với quy định về quản lý trong lưu thông hàng hóa đã, tuy nhiên, không còn bao gồm hàng giả mạo về sở hữu trí tuệ theo quy định tại Điều 213 Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005.

Nhìn chung, xuyên suốt trong sự phát triển của khái niệm hàng giả trong pháp luật Việt Nam luôn có sự phân biệt giữa hàng giả về nội dung và hàng giả về hình thức. Dưới nhiều góc độ, sự phân biệt này có ý nghĩa quan trọng. Xét dưới góc độ kinh tế - xã hội, những hàng giả về nội dung gây thiệt hại trực tiếp đến người tiêu dùng. Khi mua phải hàng giả về nội dung, tức là hàng hóa không có giá trị sử dụng, công dụng hoặc có giá trị sử dụng, công dụng không đúng với nguồn gốc bản chất tự nhiên, tên gọi của hàng hoá..., người tiêu dùng bị thiệt hại về kinh tế, thậm chí thiệt hại về sức khỏe tính mạng. Trong khi đó, đối với những loại hàng giả về hình thức, tức là hàng hóa giả mạo về bao bì, nhãn hàng hóa, sự thiệt hại lại chủ yếu và trước hết thuộc về những thương nhân có hàng hóa thật bị làm nhái, làm giả. Trong trường hợp này, người tiêu dùng cũng có thể là nạn nhân nếu chất lượng của hàng hóa cũng bị giả mạo. Trái lại, trong nhiều trường hợp, người tiêu dùng có thể “đồng lõa” với người buôn bán hàng giả khi họ chấp nhận chất lượng hàng hóa có thể thấp nhưng với giá rẻ và gắn nhãn, bao bì của thương nhân có uy tín.

Có thể thấy, khái niệm “hàng giả” không phải là một khái niệm mới phát sinh mà đã được nghiên cứu, phát triển qua nhiều giai đoạn lịch sử lập pháp khác nhau. Điều đó cho thấy quan điểm của Đảng và Nhà nước ta trong việc kiên quyết đấu tranh với các hành vi sản xuất, buôn bán hàng giả, coi đây là những vi phạm pháp luật nghiêm trọng, xâm hại trực tiếp đến trật tự quản lý nhà nước, môi trường kinh doanh lành mạnh và lợi ích chính đáng của xã hội.

## **(2) Luật Cạnh Tranh**

Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được giao trong lĩnh vực quản lý nhà nước về cạnh tranh, Bộ Công Thương đã tổ chức triển khai việc tổng kết thực tiễn thi hành Luật Cạnh tranh năm 2018 theo hướng rà soát toàn diện, có hệ thống các quy định của Luật và tình hình áp dụng trong thực tiễn, gắn với yêu cầu hoàn thiện thể chế và nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về cạnh tranh trong giai đoạn phát triển mới. Quá trình tổng kết tập trung rà soát, đánh giá các nhóm quy định trọng tâm của Luật, cụ thể gồm:

- Nhóm quy định về hành vi hạn chế cạnh tranh, trong đó chú trọng đánh giá tính bao quát, khả năng áp dụng của các quy định liên quan đến vai trò của tổ chức, cá nhân có hành vi hỗ trợ, giúp sức, tạo điều kiện cho doanh nghiệp khác thực hiện hành vi vi phạm pháp luật về cạnh tranh;

- Nhóm quy định về xác định thị trường liên quan và xác định thị phần, nhằm làm rõ những khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn áp dụng, đặc biệt đối với các ngành, lĩnh vực mới và các mô hình kinh doanh trong nền kinh tế số;

- Nhóm quy định về hành vi lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường, lạm dụng vị trí độc quyền, trong đó tập trung đánh giá khả năng kiểm soát các hành vi lạm dụng trong các thị trường có tính chất nền tảng, công nghệ và dữ liệu;

- Nhóm quy định về hành vi cạnh tranh không lành mạnh, tập trung rà soát, bổ sung các quy định về hành vi cạnh tranh không lành mạnh bị cấm để xử lý hiệu quả các hành vi cản trở hoạt động kinh doanh hợp pháp của doanh nghiệp trong thực tiễn;

Bên cạnh việc rà soát quy định pháp luật, quá trình tổng kết còn gắn với đánh giá thực tiễn áp dụng Luật Cạnh tranh năm 2018 trong công tác điều tra, xử lý vụ việc cạnh tranh; việc bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các bên tham gia tố tụng cạnh tranh; cũng như tác động của Luật đối với môi trường cạnh tranh và hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

Kết quả tổng kết là cơ sở quan trọng để đánh giá một cách khách quan, toàn diện tình hình thi hành Luật Cạnh tranh năm 2018; làm rõ những kết quả đạt được, những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân; đồng thời phục vụ việc đề xuất các định hướng, giải pháp hoàn thiện pháp luật cạnh tranh và nâng cao hiệu quả thực thi trong thời gian tới.

## **(3) Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng**

Nghị quyết số 190/2025/QH 15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội khóa XV quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp, tổ chức bộ máy nhà nước quy định sắp xếp tổ chức thanh tra tại các bộ, ngành TW và thanh tra tại các sở, ngành địa phương tập trung 1 đầu mối tại Thanh tra Chính phủ và thanh tra cấp tỉnh.

Ngoài ra, việc thu thập và sử dụng thông tin của người tiêu dùng trong các giao dịch số ngày càng trở nên nhạy cảm, trong bối cảnh người tiêu dùng chưa hoàn toàn kiểm soát được mục đích và phạm vi sử dụng thông tin cá nhân của mình. Đồng thời, các hành vi gian lận, lừa đảo trong môi trường thương mại điện tử gia tăng, kéo theo số lượng khiếu nại liên quan đến quyền lợi người tiêu dùng ngày càng nhiều.

Những vấn đề này đặt ra yêu cầu cần kịp thời điều chỉnh các quy định pháp luật nhằm phù hợp với xu thế phát triển công nghệ, đáp ứng yêu cầu thực tiễn về truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa, cũng như phòng, chống và đấu tranh với tình trạng hàng gian, hàng giả, hàng không rõ nguồn gốc, xuất xứ. Bên cạnh đó, thực tiễn bảo vệ quyền lợi của nhóm người tiêu dùng dễ bị tổn thương hoặc quyền lợi của số đông người tiêu

dùng theo cơ chế nhanh gọn cũng đòi hỏi phải có các chế tài xử lý phù hợp, mang tính đặc thù. Do vậy, việc sửa đổi, bổ sung các quy định liên quan tại Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2023 là cần thiết.

## II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

### 1. Công tác chỉ đạo, triển khai và tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật

#### (1) Luật Thương mại

\* Về các nội dung đã phân cấp, phân quyền theo Nghị định số 139/2025/NĐ-CP và Nghị định số 146/2025/NĐ-CP

a. Ban hành các văn bản hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ cho các địa phương

Để kịp thời tổ chức triển khai các Nghị định của Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Công Thương đã ban hành Quyết định 1739/QĐ-BCT ngày 18 tháng 6 năm 2025 về Kế hoạch triển khai thi hành các Nghị định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương. Theo đó, thực hiện Quyết định nói trên, các đơn vị thuộc Bộ đã tích cực ban hành nhiều văn bản hướng dẫn, giải đáp kịp thời các cơ quan chuyên môn ngành công thương của các địa phương.

Bộ Công Thương đang xây dựng chuyên mục về nội dung này trên Cổng thông tin điện tử của Bộ và cập nhật các văn bản hướng dẫn để các địa phương chủ động theo dõi, thực hiện.

Bên cạnh đó, Bộ Công Thương cũng đã ban hành Thông tư số 39/2025/TT-BCT quy định về hạn mức khuyến mại và các văn bản hướng dẫn địa phương thực hiện nhiệm vụ được phân cấp.

b. Nắm tình hình, giải quyết khó khăn, vướng mắc, phản ánh, kiến nghị của địa phương, người dân, doanh nghiệp; tổ chức đường dây nóng, tập huấn chuyên sâu

- Bộ Công Thương đã kịp thời thành lập Tổ công tác do một Thứ trưởng làm Tổ trưởng và thiết lập, duy trì đường dây nóng 24/7 (điện thoại, tài khoản Zalo) từ trước khi vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp để tiếp nhận, hướng dẫn, giải đáp các đề nghị, kiến nghị, khó khăn vướng mắc từ cơ sở.<sup>77</sup>

Tính đến thời điểm hiện tại, Bộ Công Thương đã tiếp nhận, xử lý hơn 300 phản ánh kiến nghị từ địa phương; kết quả rà soát và phản ánh, kiến nghị của các tổ chức, cá nhân tập trung nhiều ở các lĩnh vực: thương mại, dầu khí, quản lý ngoại thương, điện lực,... chủ yếu liên quan đến việc đề nghị hướng dẫn: (i) sử dụng hệ thống phản ánh, kiến nghị; (ii) thực hiện các thủ tục hành chính (cấp giấy phép, cấp giấy chứng nhận, đăng ký dấu nghiệp vụ,...); (iii) thẩm quyền thực hiện các thủ tục hành chính.

- Đã tổ chức các Hội nghị: (1) Hội nghị trực tuyến tập huấn chuyên sâu ngày 27/6/2025 (với hơn 2.000 điểm cầu trên toàn quốc) về nhiệm vụ, quyền hạn và trình tự, quy trình thực hiện các TTHC đã được phân cấp cho cán bộ ngành Công Thương địa phương; (2) Hội nghị làm việc trực tiếp ngày 30/7/2025 giữa Ban Thường vụ Đảng ủy, Lãnh đạo Bộ và các đồng chí Giám đốc Sở Công Thương, Chi cục trưởng Chi cục Quản lý thị trường các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về việc tiếp tục triển khai các

<sup>77</sup> Đã tiếp nhận, xử lý hơn 300 phản ánh kiến nghị từ địa phương; kết quả rà soát và phản ánh, kiến nghị của các tổ chức, cá nhân tập trung nhiều ở các lĩnh vực: thương mại, dầu khí, quản lý ngoại thương, điện lực,... chủ yếu liên quan đến việc đề nghị hướng dẫn: (i) sử dụng hệ thống phản ánh, kiến nghị; (ii) thực hiện các thủ tục hành chính (cấp giấy phép, cấp giấy chứng nhận, đăng ký dấu nghiệp vụ,...); (iii) thẩm quyền thực hiện các thủ tục hành chính.

nhiệm vụ về sắp xếp tổ chức bộ máy chính quyền địa phương 2 cấp và phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại; (3) Bộ Công Thương đã ban hành Quyết định số 2200/QĐ-BCT ngày 04/8/2025 của Bộ Công Thương ban hành Kế hoạch tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn trong các lĩnh vực chuyên ngành Công Thương: đã tổ chức 03 Hội nghị tập huấn trực tuyến và trực tiếp, giải đáp kiến nghị, vướng mắc trong các lĩnh vực: Xuất nhập khẩu và thị trường trong nước, quản lý thị trường; thương mại điện tử và kinh tế số, quản lý hoạt động của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam, xúc tiến thương mại, cạnh tranh, bảo vệ người tiêu dùng đối với toàn thể công chức, viên chức ngành công thương cấp tỉnh, cấp xã.

Bộ Công Thương cũng đã ban hành kế hoạch tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên sâu tất cả các lĩnh vực chuyên ngành Công Thương trong tháng 8/2025 và sẽ tiếp tục tập huấn các nội dung theo yêu cầu và tình hình thực tế của các địa phương.

- Tổ chức biên soạn bộ tài liệu gồm đầy đủ các lĩnh vực chuyên môn của ngành Công Thương, đảm bảo hoàn thành bộ cẩm nang hướng dẫn nghiệp vụ chuyên ngành Công Thương phổ biến tại các Hội nghị.

- Các đơn vị thuộc Bộ cũng đã tổ chức nhiều đoàn công tác làm việc chuyên đề với các cơ quan chuyên môn của địa phương để tổ chức hướng dẫn, triển khai các nội dung mới, chuyên sâu.

c. Cử công chức lãnh đạo đi công tác tại địa phương để trực tiếp nắm tình hình, hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ

- Ngày 29/7/2025, Bộ đã ban hành Quyết định phân công 34 đồng chí lãnh đạo cấp Vụ, Cục thuộc Bộ đi công tác cơ sở để trực tiếp làm việc, phối hợp với Lãnh đạo Sở Công Thương và đơn vị chức năng ở địa phương; kịp thời nắm bắt, tiếp nhận, giải quyết cụ thể (hoặc tham mưu cấp có thẩm quyền giải quyết) các vướng mắc, khó khăn khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, đồng thời trực tiếp hướng dẫn, hỗ trợ cán bộ, công chức chuyên môn cấp tỉnh, cấp xã triển khai thực hiện các nhiệm vụ mới được phân cấp, phân quyền trong phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương để đạt hiệu quả cao nhất.

- Tính đến thời điểm hiện tại, 34 cán bộ lãnh đạo quản lý đã có mặt tại địa phương được giao để làm việc, nắm bắt tình hình và 34/34 đồng chí đã gửi báo cáo về Bộ.

- Ngày 30/7/2025, Bộ Công Thương đã tổ chức Hội nghị làm việc giữa Bộ trưởng Bộ Công Thương với Giám đốc Sở Công Thương và Chi cục trưởng Chi cục Quản lý thị trường các địa phương sau khi vận hành tổ chức bộ máy theo mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp. Kết quả là Bộ đã ban hành Thông báo Kết luận số 188/TB-BCT của Bộ trưởng tại Hội nghị ngày 30/7/2025 đồng thời ban hành các Quyết định số 2172/QĐ-BCT và Quyết định số 2185/QĐ-BCT ngày 31/7/2025 về cử công chức và ban hành Quy chế làm việc và phối hợp công tác đối với công chức lãnh đạo đi công tác tại địa phương.

- Ngày 31/7/2025, Bộ Công Thương đã cử đoàn công tác do Lãnh đạo Bộ làm trưởng đoàn làm việc tại Thành phố Hải Phòng để đánh giá tình hình sản xuất công nghiệp, thương mại 6 tháng đầu năm 2025; việc thực hiện kế hoạch triển khai kịch bản tăng trưởng năm 2025 ngành Công Thương; công tác tổ chức, vận hành bộ máy chính quyền cấp xã, phường, đặc khu sau sắp xếp theo mô hình 02 cấp trong thực hiện nhiệm vụ ngành Công Thương.

\* Về các nội dung khác

Bộ Công Thương đã hoàn chỉnh Báo cáo tổng kết Luật Thương mại năm 2005 kèm theo Tờ trình số 11421/TTr-BCT ngày 14/11/2014 báo cáo Thủ tướng Chính phủ. Trên cơ sở tổng kết, rà soát Luật Thương mại 2005 và cập nhật các nội dung trên cơ sở kết quả tổng kết, rà soát trước đó, Bộ Công Thương đã có Tờ trình số 5855/TTr-BCT ngày 29/9/2022 báo cáo Chính phủ về kết quả tổng kết, nghiên cứu, rà soát Luật Thương mại năm 2005.

Về Hàng hóa, dịch vụ cấm/điều kiện, Chính phủ ban hành Nghị định 59/2006/NĐ-CP quy định chi tiết danh mục hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh, hạn chế kinh doanh và kinh doanh có điều kiện.

Triển khai theo LTM và Nghị định 20/2006/NĐ-CP. Sau đó, Nghị định 125/2014/NĐ-CP được ban hành để khôi phục quy định về dấu nghiệp vụ giám định sau một thời gian bị bãi bỏ gây khó khăn cho doanh nghiệp.

Thực hiện theo khoản 4 Điều 6 LTM 2005. Chính phủ đã ban hành Nghị định 94/2017/NĐ-CP về hàng hóa, dịch vụ độc quyền nhà nước.

*- Về chính sách hoàn thiện khái niệm “hàng giả” trong Luật Thương mại:*

Chống hàng giả là một trong những vấn đề mà Đảng, Nhà nước Việt Nam từ lâu đã đặc biệt quan tâm và coi đây là một vấn đề có ý nghĩa lớn về kinh tế - xã hội, về an toàn xã hội, sức khỏe cộng đồng, về bảo vệ môi trường và cũng là vấn đề có ảnh hưởng lớn đến tiến trình hội nhập của Việt Nam. Do vậy, Đảng và Nhà nước ta thường xuyên chỉ đạo và đưa ra các giải pháp nhằm không ngừng nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong quản lý nhà nước về chống hàng giả và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng. Cụ thể:

Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 22/3/2018 của Bộ Chính trị về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, tại mục III.3 về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia, trong đó, một trong những chính sách tạo lập môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi cho phát triển công nghiệp là: **“Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường. *Đẩy mạnh công tác đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả, vi phạm quyền sở hữu trí tuệ trong lĩnh vực công nghiệp, bảo đảm môi trường sản xuất kinh doanh lành mạnh.*”**

Chỉ thị số 30-CT/TW ngày 22/01/2019 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và trách nhiệm quản lý của Nhà nước đối với công tác bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng có nêu một trong những nhiệm vụ mà Ban Bí thư yêu cầu các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể các cấp thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả đó là **“Có giải pháp căn cơ, hiệu quả phát hiện, ngăn chặn các hành vi xâm phạm quyền lợi, sức khỏe, gây thiệt hại hoặc đe dọa đến tính mạng, an toàn của người tiêu dùng, đồng thời tạo điều kiện để người tiêu dùng nâng cao khả năng tự bảo vệ. Hoàn thiện các chế tài đủ răn đe đối với những hành vi sai phạm ảnh hưởng đến quyền lợi, sức khỏe, tính mạng..., nhất là đối với các hàng hóa, dịch vụ thiết yếu và các đối tượng người tiêu dùng yếu thế. Xây dựng cơ chế phù hợp để có kinh phí cho các hoạt động bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng... *Đẩy mạnh hoạt động phân tích, kiểm định, đánh giá, kiểm soát, không để lưu thông trên thị trường những hàng hóa, dịch vụ không bảo đảm chất lượng hoặc có nguy cơ gây mất an toàn cho người tiêu dùng.*”**

Trên cơ sở tổng kết thực hiện Chỉ thị 30-CT/TW nêu trên, Ban Bí thư đã ban hành Kết luận số 207-KL/TW ngày 10/11/2025 về tiếp tục thực hiện Chỉ thị 30-CT/TW, nhấn mạnh việc củng cố cơ chế bảo vệ người tiêu dùng trong bối cảnh mới, trong đó, yêu cầu các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, cơ quan quản lý nhà nước các cấp tiếp

tục quán triệt, tổ chức thực hiện quyết liệt các nhiệm vụ và giải pháp được nêu trong Chỉ thị số 30-CT/TW, đồng thời tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt một số nhiệm vụ trọng tâm gồm: *“Khẩn trương rà soát, thể chế hóa đầy đủ, kịp thời các chủ trương, định hướng mới của Đảng vào hệ thống văn bản pháp luật về bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng và các văn bản pháp luật chuyên ngành khác có liên quan... **phòng, chống hàng giả, hàng nhái, hàng không rõ nguồn gốc, xuất xứ, kém chất lượng...**; phát huy vai trò giám sát, cung cấp thông tin về chất lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, hành vi sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng nhái, hàng kém, ... của các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, người dân;... rà soát, điều chỉnh các quy định chế tài, hình phạt, **xử lý nghiêm minh đối với các hành vi cố tình sản xuất, buôn lậu hàng giả, hàng nhái, hàng không đáp ứng yêu cầu chất lượng với quy mô lớn, ảnh hưởng sức khỏe, tính mạng người dân, bảo đảm tính răn đe, giáo dục cao.**”*

Đồng thời, tại Kết luận số 207-KL/TW ngày 10/11/2025 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị 30-CT/TW cũng nhấn mạnh việc củng cố cơ chế bảo vệ người tiêu dùng trong bối cảnh mới, trong đó: *“**Giao Đảng ủy Chính phủ lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách, chương trình quốc gia về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; ưu tiên bố trí đủ nguồn lực thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra; phân định rõ thẩm quyền, trách nhiệm của bộ, ngành, địa phương trong bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng (cơ quan chủ trì, chịu trách nhiệm chính về công tác bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng; cơ quan chịu trách nhiệm xây dựng, hoàn thiện quy định pháp luật đấu tranh với gian lận thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng nhái, hàng kém, sản phẩm, dịch vụ kém chất lượng...; cơ quan chịu trách nhiệm kiểm soát hàng hóa từ ngoài nước đưa vào Việt Nam,...);**”*

Bên cạnh đó, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành nhiều công điện, chỉ thị chỉ đạo các bộ, ngành, lực lượng chức năng và toàn bộ hệ thống chính trị vào cuộc. Đặc biệt, một dấu mốc quan trọng trong công cuộc chống hàng giả là việc thành lập Ban Chỉ đạo quốc gia chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả theo Quyết định số 389/QĐ-TTg ngày 19/03/2014, xác lập cơ chế liên ngành để thống nhất chỉ đạo, điều phối lực lượng, tổng hợp tình hình và triển khai các kế hoạch chuyên đề hoặc cao điểm. Việc thành lập Ban Chỉ đạo 389 quốc gia là một quyết sách quan trọng của Đảng và Nhà nước, thể hiện rõ quyết tâm chính trị trong công cuộc đấu tranh phòng, chống các hành vi xâm hại trật tự quản lý kinh tế, làm méo mó thị trường và gây tổn hại nghiêm trọng đến lợi ích của Nhà nước, doanh nghiệp và người tiêu dùng.

Thông qua hoạt động của Ban Chỉ đạo 389 nói chung và của các lực lượng thực thi nói riêng, công cuộc chống hàng giả cũng đã được triển khai mạnh mẽ, giúp các bộ, ngành và địa phương có điều kiện chia sẻ thông tin, xây dựng kế hoạch kiểm tra, kiểm soát theo chuyên đề, theo tuyến, theo địa bàn trọng điểm, từ đó hình thành sức mạnh tổng hợp trong đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả.

Mới đây, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 397/NQ-CP ngày 05/12/2025 ban hành Kế hoạch hành động của Chính phủ về đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả, xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ đến năm 2030, trong đó xác định *“**Công tác chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả, xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ phải được xác định là nhiệm vụ trọng tâm, ưu tiên hàng đầu, lâu dài, thường xuyên, liên tục, không ngừng nghỉ, cần huy động sự vào cuộc quyết liệt của cả hệ thống chính trị, người đứng đầu cấp ủy các cấp, chính quyền địa phương, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, cộng đồng doanh nghiệp và nhất là Nhân dân**”*, đồng thời giao các bộ, ngành, địa phương chủ động, *thường xuyên rà soát, xây dựng cơ chế, chính sách,*

*văn bản quy phạm pháp luật*, quy trình nghiệp vụ còn bất cập, vướng mắc, sơ hở liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực mình quản lý để trình cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, chặn đứng, chặn ngay, không để các đối tượng lợi dụng buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả.

Nhìn chung, các chủ trương, chỉ đạo nêu trên cho thấy sự quan tâm nhất quán, xuyên suốt và ngày càng quyết liệt của Đảng và Nhà nước đối với công tác bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và phòng, chống hàng giả. Đây không chỉ là vấn đề kinh tế - thương mại thuần túy, mà còn là yêu cầu mang tính chính trị, xã hội sâu sắc, gắn liền với mục tiêu bảo vệ sức khỏe, tính mạng Nhân dân, xây dựng niềm tin thị trường và thúc đẩy phát triển kinh tế bền vững trong giai đoạn mới.

## **(2) Luật Quản lý ngoại thương**

Để triển khai thi hành Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14 được Quốc hội Khóa XIV thông qua tại kỳ họp thứ 03 ngày 12 tháng 6 năm 2016, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 kịp thời, thống nhất và hiệu quả, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1236/QĐ-TTg ngày 18/8/2017 ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Quản lý ngoại thương. Theo đó, Kế hoạch đã xác định cụ thể các nội dung công việc, thời hạn, tiến độ hoàn thành và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức có liên quan trong việc tổ chức triển khai thi hành Luật, bảo đảm tính kịp thời, đồng bộ, thống nhất và hiệu quả; Xác định cơ chế phối hợp giữa các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các địa phương trong việc tiến hành các hoạt động triển khai thi hành Luật trên phạm vi cả nước.

Ngày 22 tháng 02 năm 2023, Bộ trưởng Bộ Công Thương đã ký Quyết định số 383/QĐ-BCT ban hành Kế hoạch và Bảng phân công rà soát, hệ thống hóa văn bản pháp luật liên quan đến quản lý ngoại thương.

Trên cơ sở Quyết định số 2352/QĐ-TTg ngày 24/10/2025 của Thủ tướng Chính phủ phân công cơ quan chủ trì soạn thảo, thời hạn trình các dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết trong Chương trình lập pháp năm 2026, Bộ Công Thương được giao nhiệm vụ xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thương mại, Luật Cạnh tranh, Luật Quản lý ngoại thương, Luật Điện lực, Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, trình Chính phủ trong tháng 6/2026, trình UBTVQH trong tháng 8/2026. Ngày 11/11/2025, Bộ trưởng Bộ Công Thương đã ban hành Quyết định số 3295/QĐ-BCT phân công triển khai thực hiện Chương trình lập pháp năm 2026.

Kể từ khi ban hành cho đến nay, Bộ Công Thương và các bộ quản lý chuyên ngành có liên quan đã tham mưu, ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành 91 văn bản quy định chi tiết và tổ chức thi hành các nội dung trong Luật Quản lý ngoại thương (bao gồm 19 Nghị định, 6 quyết định của Thủ tướng Chính phủ, 66 Thông tư). Riêng Bộ Công Thương đã chủ trì xây dựng, ban hành và trình cấp có thẩm quyền ban hành 70 văn bản bao gồm Nghị định, Quyết định của Thủ tướng và Thông tư của Bộ trưởng. Có thể kể đến một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật như:

- Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý Ngoại thương. Hiện nay, Bộ Công Thương đang trình Chính phủ dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 69/2018/NĐ-CP để đáp ứng yêu cầu thể chế hóa các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước trong bối cảnh mới và những thay đổi của tình hình thực tiễn, và của hệ thống pháp luật chuyên ngành trong suốt 7 năm qua.

- Nghị định số 31/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Quản lý ngoại thương về xuất xứ hàng hóa. Hiện nay, Bộ Công Thương đã xây dựng nghị định thay thế nghị định số 31/2018/NĐ-CP (đã trình Chính phủ);

- Nghị định số 28/2018/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết Luật Quản lý ngoại thương về một số biện pháp phát triển ngoại thương;

- Nghị định số 14/2018/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết về hoạt động thương mại biên giới (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 122/2024/NĐ-CP);

- Nghị định số 10/2018/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương về các biện pháp phòng vệ thương mại, thay thế bởi Nghị định 86/2025/NĐ-CP Quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương về các biện pháp phòng vệ thương mại;

- Nghị định số 09/2018/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam;

- Nghị định số 90/2007/NĐ-CP của Chính phủ quy định về quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam;

Việc xây dựng, ban hành các văn bản đều được thực hiện theo trình tự, thủ tục xây dựng quy định tại Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Các văn bản đã ban hành đóng vai trò quan trọng trong việc tạo hành lang pháp lý, nâng cao hiệu quả thực thi và hỗ trợ doanh nghiệp tận dụng cơ hội từ các FTA.

Theo đó, hệ thống văn bản pháp luật điều chỉnh hoạt động xuất nhập khẩu đã hoàn thiện và đầy đủ, đảm bảo công tác quản lý và tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân triển khai thực hiện hoạt động xuất nhập khẩu có hiệu quả, cụ thể:

*Thứ nhất*, các biện pháp quản lý ngoại thương trong thời gian qua đã phản ánh được chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với hoạt động ngoại thương. Theo đó, hệ thống pháp luật về ngoại thương nói chung và các biện pháp quản lý nói riêng về cơ bản đã phục vụ tốt công cuộc hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam thời gian qua, đồng thời góp phần thực hiện chủ trương của Đảng về đẩy nhanh xuất khẩu, chủ động về nhập khẩu, chuyển dịch cơ cấu xuất khẩu, hạn chế nhập siêu.

*Thứ hai*, tất cả biện pháp quản lý ngoại thương đã được quy định bao quát, đồng thời có các quy định mang tính chất mở làm cơ sở pháp lý cho việc ban hành các biện pháp, chính sách quản lý ngoại thương trong từng giai đoạn cụ thể. Tạo hành lang pháp lý cho Chính phủ, các Bộ ngành liên quan ban hành các quy phạm pháp luật liên quan đến các biện pháp quản lý ngoại thương tránh tình trạng thiếu cơ sở pháp lý cho việc ban hành các văn bản quy phạm dưới luật của Chính phủ và các bộ, ngành.

*Thứ ba*, trong quá trình thực thi pháp luật pháp luật quản lý ngoại thương trong thời gian qua, Luật quản lý ngoại thương 2017 không gặp nhiều vướng mắc.

### **(3) Luật Cạnh tranh**

\* Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được giao trong lĩnh vực quản lý nhà nước về cạnh tranh, Bộ Công Thương đã tổ chức triển khai việc tổng kết thực tiễn thi hành Luật Cạnh tranh năm 2018 theo hướng rà soát toàn diện, có hệ thống các quy định của Luật và tình hình áp dụng trong thực tiễn, gắn với yêu cầu hoàn thiện thể chế và nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về cạnh tranh trong giai đoạn phát triển mới. Quá trình tổng

kết tập trung rà soát, đánh giá nhóm quy định trọng tâm của Luật, cụ thể gồm Nhóm quy định về kiểm soát tập trung kinh tế, bao gồm các quy định về hình thức tập trung kinh tế, ngưỡng thông báo, hồ sơ, trình tự, thủ tục thông báo tập trung kinh tế, về tiêu chí đánh giá tác động hoặc khả năng tác động hạn chế cạnh tranh của việc tập trung kinh tế, về thẩm định chính thức hồ sơ thông báo tập trung kinh tế nhằm phù hợp với thực tiễn các giao dịch tập trung kinh tế ngày càng đa dạng, phức tạp.

Bên cạnh việc rà soát quy định pháp luật, quá trình tổng kết còn gắn với đánh giá thực tiễn áp dụng Luật Cạnh tranh năm 2018 trong công tác điều tra, xử lý vụ việc cạnh tranh; việc bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các bên tham gia tố tụng cạnh tranh; cũng như tác động của Luật đối với môi trường cạnh tranh và hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

Kết quả tổng kết là cơ sở quan trọng để đánh giá một cách khách quan, toàn diện tình hình thi hành Luật Cạnh tranh năm 2018; làm rõ những kết quả đạt được, những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân; đồng thời phục vụ việc đề xuất các định hướng, giải pháp hoàn thiện pháp luật cạnh tranh và nâng cao hiệu quả thực thi trong thời gian tới.

#### a) Việc ban hành các văn bản quy định chi tiết

Luật Cạnh tranh năm 2018 được ban hành trên cơ sở kế thừa có chọn lọc các quy định của Luật Cạnh tranh năm 2004, đồng thời sửa đổi, bổ sung một số nội dung nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển của nền kinh tế thị trường và quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. Mặc dù không làm thay đổi toàn diện cấu trúc của pháp luật về cạnh tranh, Luật Cạnh tranh năm 2018 đã mở rộng phạm vi điều chỉnh và điều chỉnh cách tiếp cận trong việc xem xét, đánh giá hành vi hạn chế cạnh tranh theo hướng gắn với tác động hoặc khả năng gây tác động hạn chế cạnh tranh trên thị trường. Những nội dung này đặt ra yêu cầu cần có các văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành nhằm bảo đảm việc áp dụng pháp luật được thống nhất, đồng bộ và khả thi trong thực tiễn.

Trên cơ sở đó, Chính phủ và các cơ quan có thẩm quyền đã ban hành hệ thống văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Cạnh tranh năm 2018 theo đúng thẩm quyền và lộ trình, làm cơ sở pháp lý cho công tác quản lý nhà nước về cạnh tranh và hoạt động thực thi pháp luật cạnh tranh.

Ngày 26 tháng 9 năm 2019, Chính phủ ban hành Nghị định số 75/2019/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực cạnh tranh. Nghị định này quy định về hành vi vi phạm, hình thức xử phạt, mức phạt, biện pháp khắc phục hậu quả, thẩm quyền và trình tự, thủ tục xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực cạnh tranh, bảo đảm cơ sở pháp lý cho việc xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về cạnh tranh theo quy định của Luật Cạnh tranh năm 2018.

Ngày 24 tháng 3 năm 2020, Chính phủ ban hành Nghị định số 35/2020/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Cạnh tranh năm 2018. Nghị định này hướng dẫn việc thực hiện các quy định của Luật liên quan đến xác định thị trường liên quan; xác định thị phần và sức mạnh thị trường đáng kể; kiểm soát tập trung kinh tế; miễn trừ đối với thỏa thuận hạn chế cạnh tranh; trình tự, thủ tục tố tụng cạnh tranh và một số nội dung quản lý nhà nước về cạnh tranh, làm căn cứ cho hoạt động điều tra, xử lý vụ việc cạnh tranh trong thực tiễn.

Ngày 10 tháng 02 năm 2023, Chính phủ ban hành Nghị định số 03/2023/NĐ-CP quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia, qua đó xác lập vị trí pháp lý, thẩm quyền và mô hình tổ chức của cơ quan thực thi pháp luật cạnh tranh theo quy định của Luật Cạnh tranh năm 2018.

Ngày 21 tháng 12 năm 2023, Bộ Công Thương ban hành Thông tư số 40/2023/TT-BCT quy định Quy chế tổ chức và hoạt động của Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia, quy định về nguyên tắc làm việc, chế độ hoạt động, trách nhiệm của các đơn vị, cá nhân thuộc Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia trong quá trình thực hiện nhiệm vụ theo quy định của pháp luật về cạnh tranh.

Nhìn chung, hệ thống văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Cạnh tranh năm 2018 đã được ban hành tương đối đầy đủ, tạo cơ sở pháp lý cho việc tổ chức thi hành Luật trong thực tiễn quản lý nhà nước về cạnh tranh và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về cạnh tranh.

b) Tình hình phổ biến, tập huấn Nghị định số 75/2019/NĐ-CP

Sau khi Quốc hội ban hành Luật Cạnh tranh năm 2018, ngày 24 tháng 9 năm 2018, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1227/QĐ-TTg về kế hoạch triển khai thi hành Luật Cạnh tranh. Theo đó, “tổ chức hội nghị quán triệt, hội thảo, tập huấn, tuyên truyền, phổ biến về nội dung của Luật và văn bản quy định chi tiết thi hành Luật” là một trong các nội dung triển khai thi hành Quyết định này với phạm vi thực hiện ở trung ương và địa phương trong thời gian năm 2018 và các năm tiếp theo.

Bộ Công Thương đã chủ động phối hợp với các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân một số tỉnh, thành phố, các cơ quan, tổ chức có liên quan tổ chức nhiều hoạt động tuyên truyền, phổ biến nội dung của Luật Cạnh tranh với các hình thức phong phú, đa dạng nhằm giới thiệu, quán triệt các nội dung cơ bản của pháp luật cạnh tranh, nâng cao nhận thức và hiểu biết pháp luật cho các cơ quan quản lý nhà nước, cộng đồng doanh nghiệp và các đối tượng có liên quan.

Công tác tuyên truyền, phổ biến Luật Cạnh tranh năm 2018 được triển khai gắn với việc cung cấp thông tin về tình hình thực thi pháp luật cạnh tranh, kết quả xử lý các vụ việc cạnh tranh và vai trò của pháp luật cạnh tranh trong việc bảo đảm môi trường cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng và minh bạch trên thị trường. Qua đó, góp phần hỗ trợ việc tổ chức thi hành Luật Cạnh tranh năm 2018 trong thực tiễn.

c) Đảm bảo thể chế, nguồn lực thực hiện

Để đảm bảo thể chế, tổ chức và nhân sự thực thi Luật Cạnh tranh năm 2018, ngày 10 tháng 02 năm 2023, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 03/2023/NĐ-CP quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia, trong đó, tập trung quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia trong việc tiến hành tố tụng cạnh tranh, kiểm soát tập trung kinh tế, quyết định việc miễn trừ đối với thỏa thuận hạn chế cạnh tranh bị cấm, giải quyết khiếu nại quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh theo quy định của pháp luật.

Trên cơ sở Nghị định số 03/2023/NĐ-CP, Bộ trưởng Bộ Công Thương đã ban hành Quyết định số 816/QĐ-BCT ngày 31 tháng 3 năm 2023 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia; Quyết định này sau đó được thay thế bởi Quyết định số 537/QĐ-BCT ngày 28 tháng 02 năm 2025 và hiện nay được thay thế bởi Quyết định số 3756/QĐ-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2025. Các quyết định nêu trên đã quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia khi thực hiện tham mưu, giúp Bộ trưởng Bộ Công Thương thực hiện quản lý nhà nước về cạnh tranh.

Các văn bản này là căn cứ pháp lý quan trọng nhằm kiện toàn tổ chức bộ máy, phân định rõ thẩm quyền và trách nhiệm của cơ quan thực thi pháp luật về cạnh tranh,

phục vụ việc triển khai thi hành Luật Cạnh tranh năm 2018 một cách thống nhất và có hiệu quả.

Đồng thời, để bảo đảm nguồn lực cho công tác điều tra, xử lý vụ việc cạnh tranh, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 311/QĐ-TTg và Quyết định số 312/QĐ-TTg ngày 29 tháng 3 năm 2023 về việc bổ nhiệm thành viên Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia. Chủ tịch Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia đã ban hành các Quyết định số 54/QĐ-CT ngày 22 tháng 6 năm 2023 và Quyết định số 305/QĐ-CT ngày 10 tháng 11 năm 2023 về việc bổ nhiệm công chức của Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia làm điều tra viên vụ việc cạnh tranh theo quy định của pháp luật.

Như vậy, trên thực tế, việc triển khai thi hành các quy định của Luật Cạnh tranh năm 2018 và các văn bản hướng dẫn thi hành gắn liền với quá trình tổ chức, kiện toàn Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy và nguồn nhân lực, tạo điều kiện cho việc thực thi pháp luật cạnh tranh từng bước đi vào nề nếp.

\* Về tập trung kinh tế:

a) Cơ sở pháp lý về kiểm soát TTKT

Luật Cạnh tranh 2018 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 7 năm 2019 và Nghị định số 35/NĐ-CP ngày 24 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Cạnh tranh có hiệu lực từ ngày 15 tháng 5 năm 2020 (Nghị định 35/NĐ-CP) đã được xây dựng theo cách tiếp cận mới và khắc phục được những bất cập của pháp luật cạnh tranh cũ (Luật Cạnh tranh 2004).

Trong đó, những quy định chính về kiểm soát TTKT như sau:

1) Về các hình thức TTKT (TTKT): Điều 29 Luật Cạnh tranh 2018 quy định TTKT bao gồm các hình thức: Sáp nhập doanh nghiệp; Hợp nhất doanh nghiệp; Mua lại doanh nghiệp; Liên doanh giữa các doanh nghiệp và các hình thức TTKT khác theo quy định của pháp luật.

2) TTKT bị cấm: Điều 30 Luật Cạnh tranh quy định cấm doanh nghiệp thực hiện TTKT gây tác động hoặc có khả năng gây tác động hạn chế cạnh tranh một cách đáng kể trên thị trường Việt Nam. Việc đánh giá tác động hạn chế cạnh tranh một cách đáng kể của TTKT thực hiện theo tiêu chí quy định tại Điều 31 Luật Cạnh tranh và Điều 14 Nghị định số 35/2020/NĐ-CP, trong đó, tiêu chí thị phần/ thị phần kết hợp trên thị trường liên quan của giao dịch TTKT là tiêu chí quan trọng bên cạnh các tiêu chí khác.

3) Về nghĩa vụ thông báo tập trung kinh tế: Các doanh nghiệp tham gia TTKT phải nộp hồ sơ thông báo TTKT đến Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia theo quy định của Luật Cạnh tranh trước khi tiến hành TTKT nếu thuộc ngưỡng thông báo TTKT.

4) Về ngưỡng thông báo TTKT (Điều 13 Nghị định 35/NĐ-CP): các tiêu chí để xác định ngưỡng thông báo, gồm: (i) Tổng tài sản của doanh nghiệp/Nhóm doanh nghiệp liên kết tham gia TTKT trên thị trường Việt Nam từ 3.000 tỷ đồng trở lên; (ii) Tổng doanh thu bán ra/doanh số mua vào trên thị trường Việt Nam của doanh nghiệp/Nhóm doanh nghiệp liên kết tham gia TTKT từ 3.000 tỷ đồng trở lên; (iii) Giá trị giao dịch từ 1.000 tỷ đồng trở lên; và (iv) Thị phần kết hợp của các doanh nghiệp dự định tham gia TTKT từ 20% trở lên trên thị trường liên quan.

Với các doanh nghiệp là tổ chức tín dụng, doanh nghiệp bảo hiểm, công ty chứng khoán được quy định ngưỡng thông báo riêng (Khoản 2 Điều 13 Nghị định 35/NĐ-CP) theo cùng các tiêu chí trên đây.

5) Về quy trình tiếp nhận và thẩm định hồ sơ thông báo TTKT: Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia (trực thuộc Bộ Công Thương) là cơ quan có thẩm quyền tiến hành thẩm định sơ bộ (trong thời gian 30 ngày) và thẩm định chính thức (trong thời gian 90 ngày có thể gia hạn 60 ngày nếu TTKT thuộc trường hợp thẩm định chính thức).

Trong giai đoạn từ 2020 đến nay, Cục Cạnh tranh và Bảo vệ người tiêu dùng (giai đoạn 2020 đến trước 01 tháng 04 năm 2023 là cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về cạnh tranh do Bộ Công Thương giao phó) và Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia (được thành lập từ ngày 01 tháng 04 năm 2023 theo quy định của Nghị định 03/2023/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2023 của Chính Phủ về quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia) thực hiện việc thẩm định hồ sơ thông báo tập trung kinh tế theo quy định của pháp luật về cạnh tranh.

Ngày 19 tháng 5 năm 2023, Chủ tịch Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia đã ban hành Quyết định số 28/QĐ-CT về việc ban hành Mẫu thông báo TTKT để đảm bảo nghĩa vụ thực hiện thông báo TTKT của doanh nghiệp.

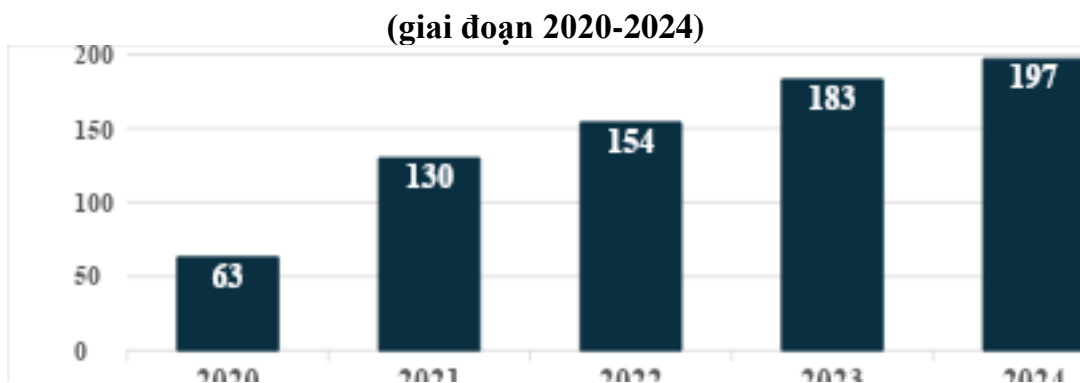
Theo cơ sở pháp lý trên, các giao dịch TTKT chạm ngưỡng (chẳng hạn, giá trị giao dịch TTKT từ 1000 tỷ đồng trở lên, tổng tài sản và tổng doanh thu của doanh nghiệp hoặc nhóm doanh nghiệp liên kết trên thị trường Việt Nam đạt 3.000 tỷ đồng trở lên trong năm tài chính liền kề trước năm dự kiến thực hiện TTKT) phải nộp hồ sơ thông báo TTKT đến cơ quan quản lý về cạnh tranh để xem xét, đánh giá nguy cơ gây tác động hạn chế cạnh tranh trên thị trường.

#### b) Công tác thẩm định hồ sơ thông báo TTKT

##### - Tình hình tiếp nhận và xử lý hồ sơ TTKT

Hoạt động mua bán sáp nhập diễn ra sôi động tại Việt Nam với số lượng hồ sơ thông báo TTKT nộp lên UBCTQG - Bộ Công Thương tăng đều qua các năm, từ 63 hồ sơ trong năm 2020, tăng hơn 100% trong năm 2021 với 130 hồ sơ, và hơn 200% vào năm 2024 với 197 hồ sơ. Điều này phản ánh quy mô của nền kinh tế gia tăng đều theo từng năm, đồng thời cho thấy sự chú trọng và tuân thủ ngày càng cao của các doanh nghiệp đối với các quy định về cạnh tranh. Các hồ sơ thông báo TTKT nộp đến UBCTQG - Bộ Công Thương chủ yếu vượt ngưỡng về tổng doanh thu và tổng tài sản tại Việt Nam trong năm trước khi nộp thông báo.

#### Biểu đồ 13: Thống kê về số lượng hồ sơ thông báo TTKT

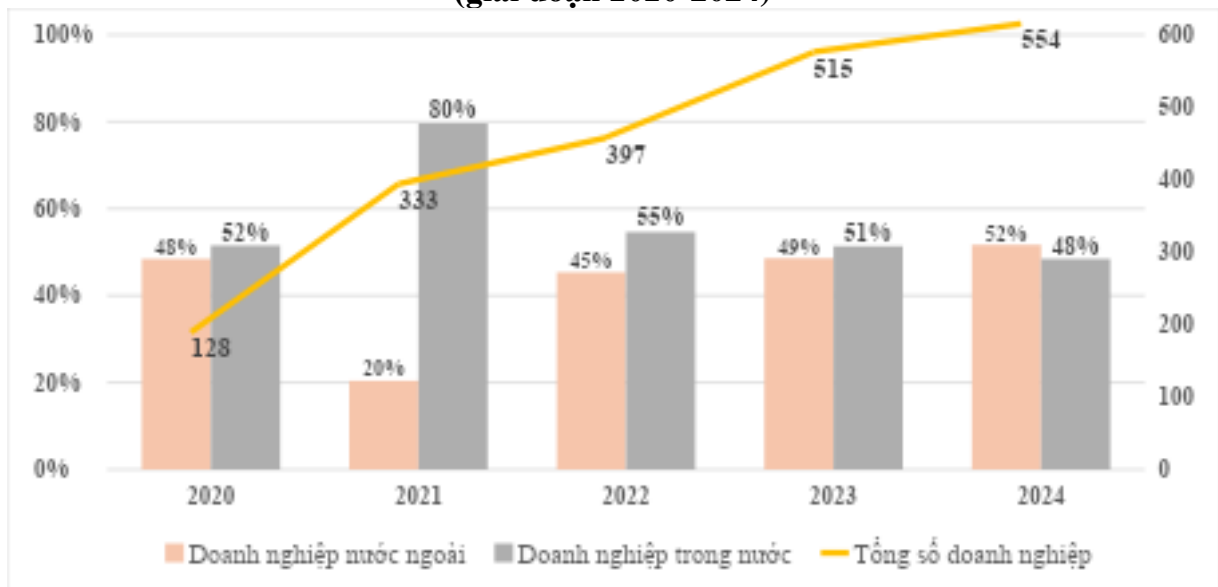


Nguồn: UBCTQG tổng hợp

### + Về các chủ thể tham gia TTKT

Chủ thể tham gia giao dịch TTKT là các doanh nghiệp với loại hình đa dạng, gồm công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty liên doanh. Mỗi giao dịch có từ hai doanh nghiệp tham gia trở lên. Số lượng doanh nghiệp cũng tăng đều qua các năm từ 128 doanh nghiệp trong năm 2020 tăng lên 554 doanh nghiệp trong năm 2024 (bao gồm doanh nghiệp nước ngoài và doanh nghiệp trong nước<sup>78</sup>). Ngoài ra, tỉ lệ doanh nghiệp nước ngoài tham gia giao dịch TTKT lần đầu tiên chiếm ưu thế khi vượt số lượng doanh nghiệp trong nước trong năm 2024 với tỉ lệ lần lượt là 52% và 48% trên tổng số 554 doanh nghiệp.

**Biểu đồ 14: Thống kê về chủ thể trong các hồ sơ thông báo TTKT (giai đoạn 2020-2024)**



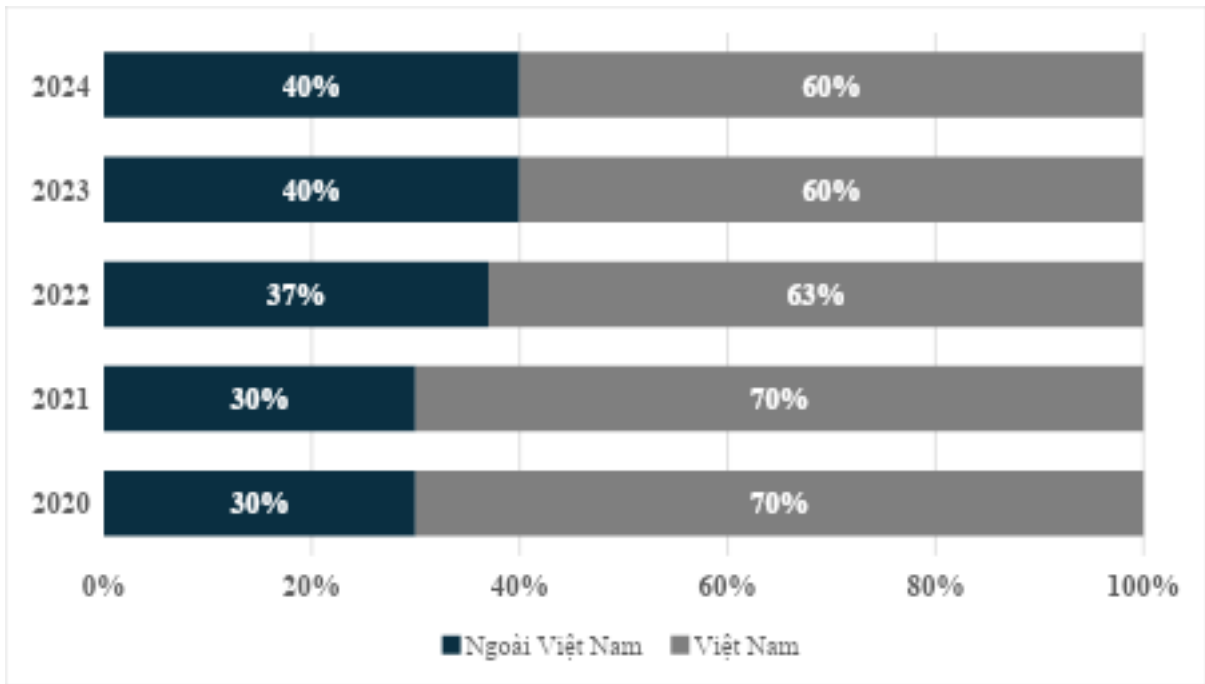
*Nguồn: UBCTQG tổng hợp*

### + Về khu vực địa lý diễn ra giao dịch TTKT

Các giao dịch TTKT thường diễn ra tại Việt Nam với tỉ lệ từ 60-70% trong giai đoạn 2020-2024 nhưng các thương vụ diễn ra tại nước ngoài có xu hướng tăng lên, chiếm tỉ lệ từ 30% trong năm 2020 lên 40% trong năm 2024 trong tổng số các giao dịch TTKT được thông báo.

**Biểu đồ 15: Thống kê về địa lý diễn ra giao dịch TTKT (giai đoạn 2020-2024)**

<sup>78</sup> Doanh nghiệp nước ngoài là doanh nghiệp thành lập và hoạt động tại nước ngoài. Doanh nghiệp trong nước là doanh nghiệp thành lập và hoạt động tại Việt Nam.

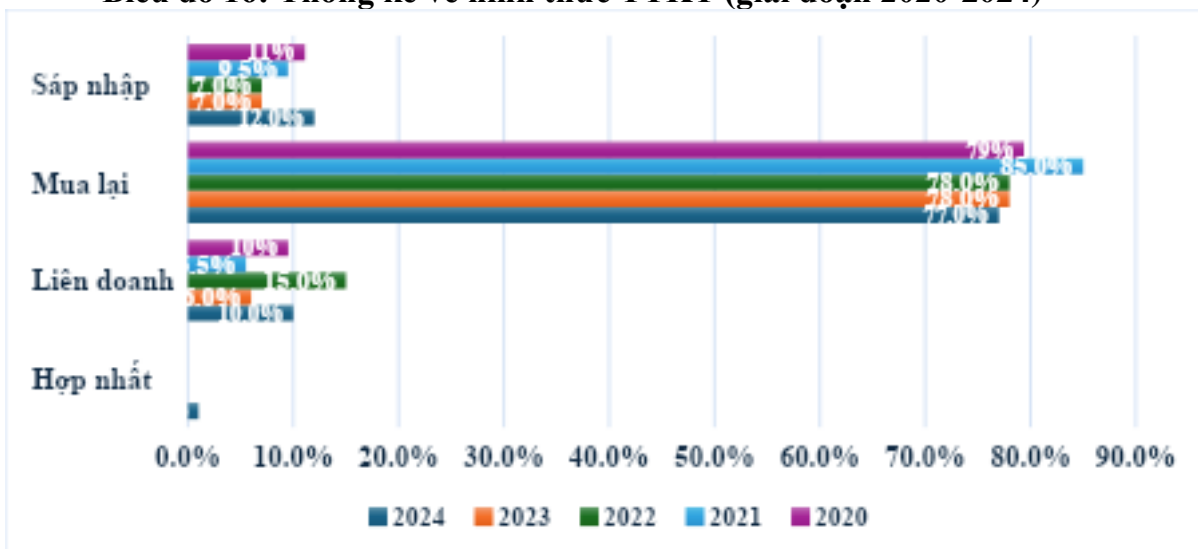


Nguồn: UBCTQG tổng hợp

#### + Về hình thức TTKT

Theo quy định, TTKT có thể được thực hiện dưới hình thức sáp nhập, hợp nhất, mua lại, liên doanh và các hình thức khác. Trên thực tế, chỉ có hai (02) giao dịch TTKT dưới hình thức hợp nhất thuần túy được thông báo tới UBCTQG - Bộ Công Thương trong năm 2024. Hình thức mua lại doanh nghiệp chiếm chủ yếu với tỉ lệ khoảng 80% trên tổng số hồ sơ thông báo TTKT trong toàn bộ giai đoạn 2020-2024.

**Biểu đồ 16: Thống kê về hình thức TTKT (giai đoạn 2020-2024)**



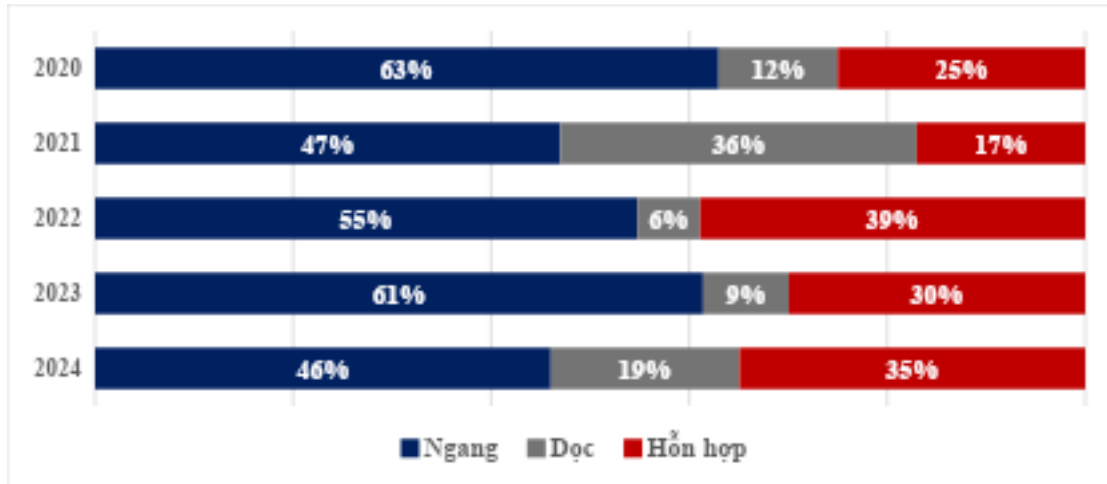
Nguồn: UBCTQG tổng hợp

#### + Các dạng TTKT (chiều ngang, chiều dọc và hỗn hợp)

Khi phân loại các giao dịch TTKT được thông báo theo dạng thức TTKT, đa số là các giao dịch TTKT theo **chiều ngang** (giao dịch giữa các doanh nghiệp hoạt động trên cùng thị trường liên quan), chiếm phần lớn từ 46% đến 63% trong giai đoạn 2020-2024 trên tổng số giao dịch được tiếp nhận và trả lời.

Còn lại là giao dịch TTKT dạng **hỗn hợp** (giao dịch giữa các doanh nghiệp hoạt động trên các thị trường liên quan khác nhau) chiếm ưu thế hơn so với các giao dịch TTKT dạng **chiều dọc** (giao dịch giữa các doanh nghiệp hoạt động trên các thị trường sản phẩm hàng hóa, dịch vụ là đầu vào của nhau hoặc hỗ trợ cho nhau) trong phần lớn giai đoạn với tỉ lệ dao động từ 25% đến 39%. Số lượng giao dịch theo dạng hỗn hợp chỉ ít hơn giao dịch theo chiều dọc trong năm 2023 khi chỉ đạt 17%.

**Biểu đồ 17: Thống kê về các dạng của giao dịch TTKT (giai đoạn 2020-2024)**

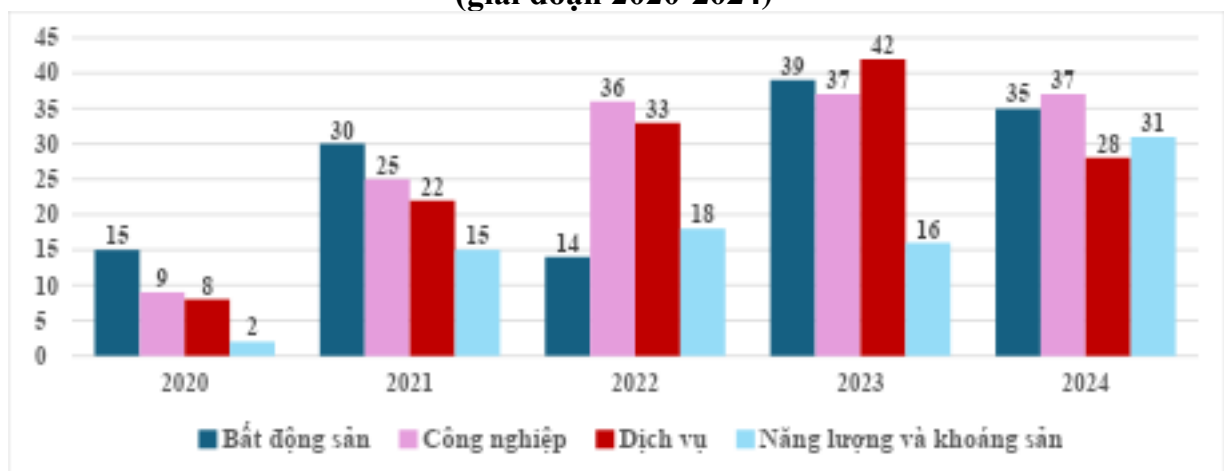


*Nguồn: UBCTQG tổng hợp*

#### + Các lĩnh vực thực hiện TTKT

Trong các hồ sơ đã tiếp nhận và xử lý trong giai đoạn 2020-2024, bốn (04) lĩnh vực luôn có số lượng giao dịch nhiều nhất chiếm tỉ lệ từ 51% đến 73% trên số vụ việc đã xử lý theo năm là (i) Bất động sản, (ii) Công nghiệp, (iii) Dịch vụ và (iv) năng lượng và khoáng sản.

**Biểu đồ 18: Thống kê về lĩnh vực thực hiện giao dịch TTKT (giai đoạn 2020-2024)**



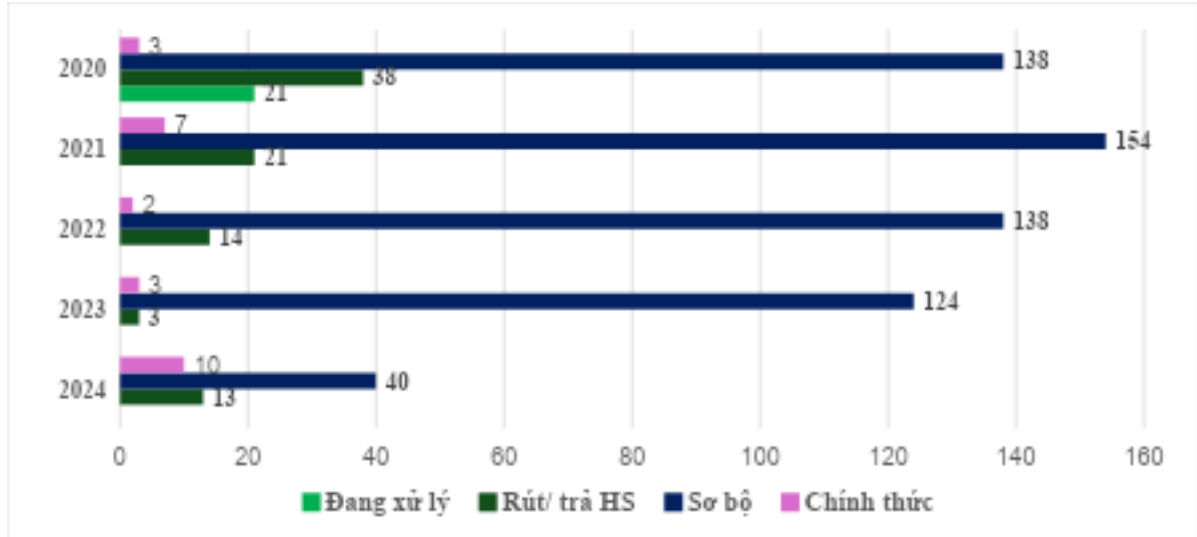
*Nguồn: UBCTQG tổng hợp*

#### + Kết quả thẩm định hồ sơ thông báo TTKT

Trong giai đoạn 2020-2024, tính trên các hồ sơ thông báo TTKT đã được xử lý, số lượng hồ sơ được thực hiện tại giai đoạn thẩm định sơ bộ chiếm chủ yếu với tỉ lệ từ 63% đến 95%. Các vụ việc phải thẩm định chính thức chiếm tỉ lệ từ 1% đến 4% trong

tổng số vụ việc đã được xử lý trong giai đoạn này trừ năm 2020 khi số lượng vụ việc thẩm định chính thức có tỉ lệ lên tới 16%. Còn lại là các vụ việc bị trả lại hoặc do các doanh nghiệp tham gia giao dịch TTKT tự rút hồ sơ. Tính đến hết năm 2024, 21 vụ việc vẫn đang được UBCTQG - Bộ Công Thương xử lý (trong đó có 02 vụ việc đang thẩm định chính thức).

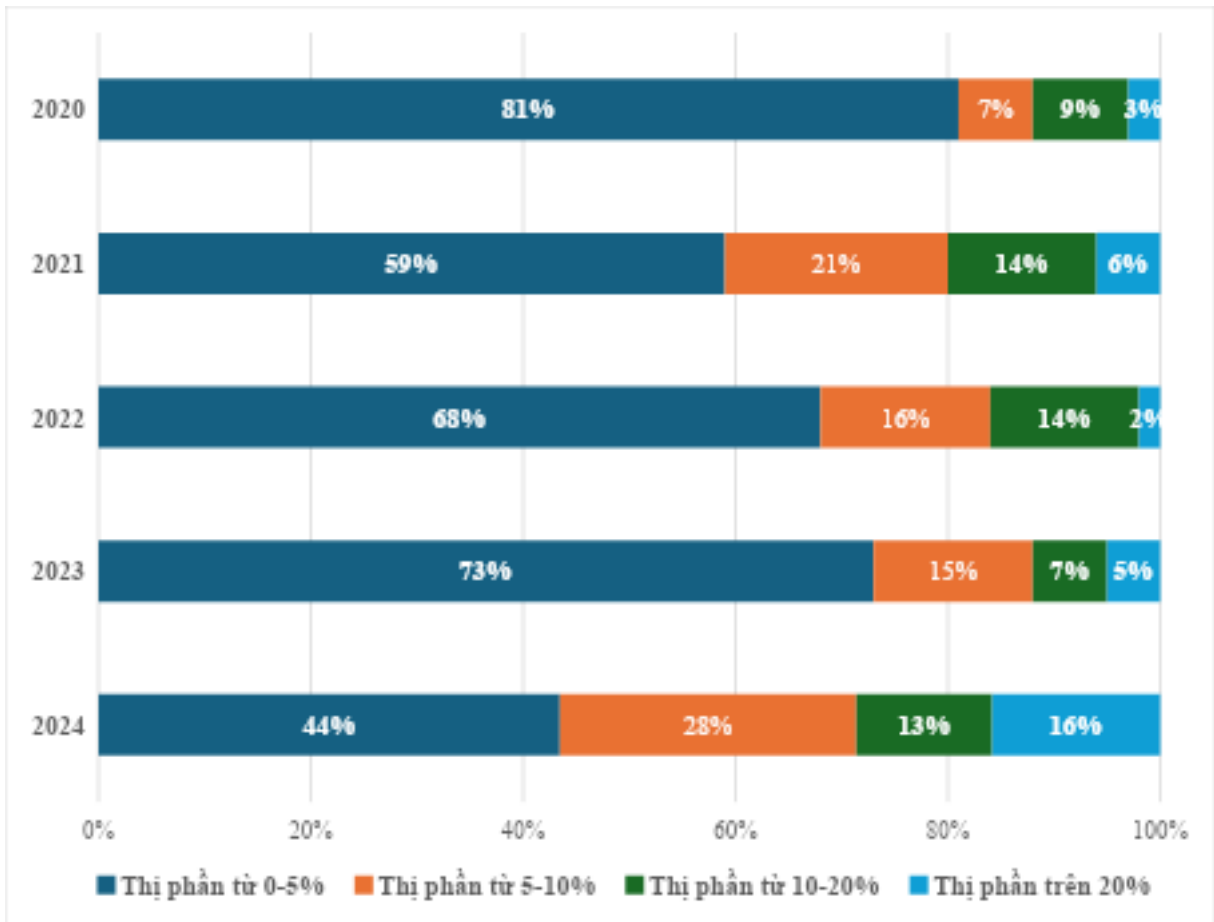
**Biểu đồ 19: Kết quả thẩm định hồ sơ thông báo TTKT (giai đoạn 2020-2024)**



*Nguồn: UBCTQG tổng hợp*

Các trường hợp kết thúc ở giai đoạn thẩm định sơ bộ là các giao dịch TTKT được thực hiện theo quy định của Luật Cạnh tranh 2018. Các doanh nghiệp tham gia giao dịch TTKT này đều có thị phần hoặc thị phần kết hợp dưới 20% (dưới ngưỡng an toàn theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 35 ngày 24 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Cạnh tranh). Trong đó, số giao dịch TTKT có thị phần/ thị phần kết hợp trên thị trường liên quan từ 0-5% là lớn nhất với tỉ lệ lớn nhất đạt 81% trong năm 2024 trên tổng số vụ việc thẩm định sơ bộ.

**Biểu đồ 20: Kết quả thẩm định hồ sơ thông báo TTKT theo mức thị phần (giai đoạn 2020-2024)**



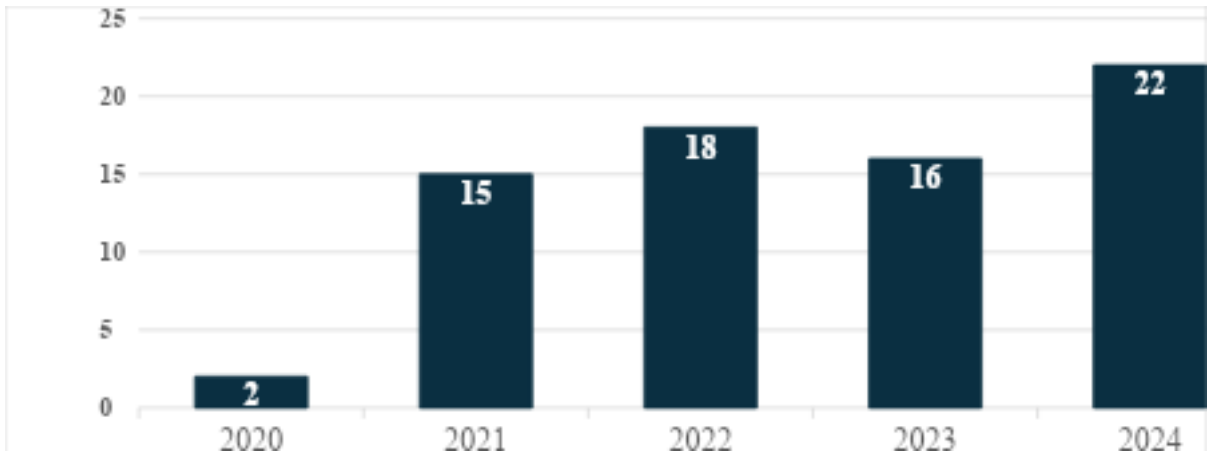
*Nguồn: UBCTQG tổng hợp*

b) Đánh giá hoạt động TTKT trong một số lĩnh vực tiêu biểu

**(i) Lĩnh vực năng lượng tái tạo**

Với xu hướng chuyển trọng tâm sang lĩnh vực năng lượng sạch, năng lượng tái tạo đang có cơ hội lớn để thu hút dòng vốn đầu tư. Số lượng vụ việc do UBCTQG - Bộ Công Thương nhận được bắt đầu tăng từ năm 2021, sau đó theo đà tăng đều cho đến năm 2024. Những yếu tố tạo động lực chính dẫn đến sự thay đổi này là các ưu đãi của Chính phủ đối với lĩnh vực năng lượng tái tạo và phát triển bền vững, cũng như xu hướng phát triển bền vững ngày càng trở nên mạnh mẽ.

**Biểu đồ 21: Thống kê số lượng hồ sơ trong lĩnh vực năng lượng giai đoạn 2020-2024**



Nguồn: UBCTQG tổng hợp

Các giao dịch thông báo TTKT trong lĩnh vực năng lượng có thị phần kết hợp của các doanh nghiệp trên thị trường liên quan thấp hơn 5% chiếm trên 90% mỗi năm, còn lại là mức thị phần từ 10% đến 20% hoặc thuộc hoạt động tái cấu trúc nội bộ.

Bắt đầu từ năm 2022 xuất hiện xu hướng các doanh nghiệp nước ngoài thực hiện mua gom các công ty năng lượng mặt trời tại Việt Nam. Một ví dụ điển hình là chuỗi giao dịch M&A trong lĩnh vực năng lượng mặt trời của Tập đoàn Sunseap trong năm 2022.

#### **Hộp tin 01: Các giao dịch thông báo TTKT của Tập đoàn Sunseap trong năm 2022**

Trong năm 2022, Tập đoàn Sunseap thông qua các công ty con là Công ty TNHH Sunseap Commercial & Industrial Assets (Việt Nam); Công ty TNHH Phát triển năng lượng Trung Sơn và Công ty CMX RE Sunseap thực hiện một chuỗi các giao dịch mua lại các doanh nghiệp hoạt động trên lĩnh vực điện mặt trời mái nhà để gia tăng công suất phát điện mặt trời của mình từ 145,56 MW năm 2021 lên 407,6 MW (mức tăng trưởng là 275%), chiếm thị phần 0,52% trên thị trường phát điện cạnh tranh toàn quốc và 4,569% trên thị trường điện mặt trời nổi lưới toàn quốc.

05 giao dịch TTKT Tập đoàn Sunseap thực hiện như sau:

**(i) Giao dịch thứ nhất:** Công ty EDP Renovaveis S.A. mua lại 91,4% cổ phần của Tập đoàn Sunseap. Thông báo TTKT vào tháng 01 năm 2022

Thời điểm trước khi thực hiện giao dịch mua lại (năm 2021), Tập đoàn Sunseap sản xuất điện mặt trời nổi lưới với tổng công suất lắp đặt là 145,56 MW. Công ty EDP Renovaveis S.A. (bên mua) là công ty được thành lập ở Tây Ban Nha, có hoạt động chính trong lĩnh vực năng lượng tái tạo.

**(ii) Giao dịch thứ hai:** nhóm doanh nghiệp liên kết của Tập đoàn Sunseap mua lại 100% phần vốn góp trong Công ty TNHH Đầu tư Năng lượng DKT. Thông báo TTKT vào tháng 7 năm 2022.

Công ty TNHH Đầu tư Năng lượng DKT thông qua 12 công ty con của mình để đầu tư xây dựng và phát triển các dự án điện mặt trời nổi lưới tại tỉnh Long An, có tổng công suất phát điện là 10,8 MW.

**(iii) Giao dịch thứ ba:** nhóm doanh nghiệp liên kết của Tập đoàn Sunseap mua lại 100% phần vốn góp trong Công ty TNHH Đầu tư Long Đại Phát. Thông báo TTKT vào tháng 7 năm 2022.

Công ty TNHH Đầu tư Long Đại Phát thông qua 07 công ty con của mình để đầu tư xây dựng và phát triển các dự án điện mặt trời tại tỉnh Long An và Bình Dương, có tổng công suất phát điện là 9 MW.

**(iv) Giao dịch thứ tư:** nhóm doanh nghiệp liên kết của Tập đoàn Sunseap mua lại 100% cổ phần của Công ty Cổ phần Xuân Thiện Ninh Thuận, Công ty Cổ phần Xuân Thiện Thuận Bắc. Thông báo TTKT vào tháng 8 năm 2022.

Công ty Cổ phần Xuân Thiện Ninh Thuận, Công ty Cổ phần Xuân Thiện Thuận Bắc đầu tư và vận hành Nhà máy điện mặt trời Xuân Thiện Thuận Bắc tại tỉnh Ninh Thuận, có tổng công suất phát điện là 200 MW.

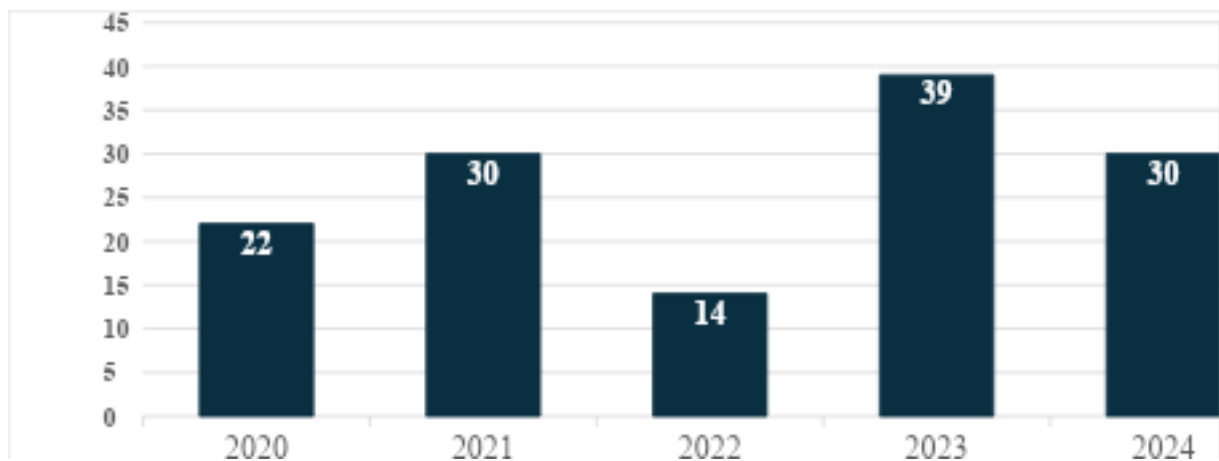
**(v) Giao dịch thứ năm:** nhóm doanh nghiệp liên kết của Tập đoàn Sunseap mua lại 100% cổ phần của Công ty Thiên niên kỷ từ các cổ đông cá nhân.

Công ty Thiên niên kỷ thông qua 04 công ty con là Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển HTD Việt Nam, Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển HTD Bình Dương, Công ty TNHH Đại Linh Phát, và Công ty TNHH Lâm Gia Luật đầu tư xây dựng và phát triển các dự án điện năng lượng mặt trời tại tỉnh Bình Dương với tổng công suất là 7,1056 MW.

### **(ii) Lĩnh vực bất động sản**

Bất động sản là lĩnh vực thường xuyên có tỷ lệ hồ sơ thông báo TTKT đáng kể từ năm 2020 cho đến hiện tại. Theo thống kê của UBCTQG - Bộ Công Thương, trong giai đoạn từ năm 2020 – 2024, số lượng hồ sơ thông báo TTKT trong lĩnh vực bất động sản luôn chiếm tới 10 – 35% tổng số hồ sơ thông báo TTKT trong một năm.

**Biểu đồ 22: Thống kê số lượng hồ sơ trong lĩnh vực bất động sản giai đoạn 2020-2024**



Nguồn: UBCTQG tổng hợp

Lĩnh vực bất động sản gồm nhiều phân khúc, loại hình khác nhau bao gồm: nhà ở, chung cư, nhà xưởng khu công nghiệp, bất động sản nghỉ dưỡng... Trong các loại hình này, bất động sản cho thuê nhà xưởng tại các khu công nghiệp tại Việt Nam được phần lớn các nhà đầu tư chú ý đến nhờ sự tăng trưởng mạnh mẽ nguồn vốn FDI trong năm 2023 và năm 2024<sup>79</sup>. Thể hiện ở số lượng hồ sơ liên quan tới việc chuyển nhượng các khu bất động sản công nghiệp chiếm tỉ lệ trung bình 30% số giao dịch thuộc ngành bất động sản trong năm 2023 và năm 2024.

<sup>79</sup> Nguồn: <https://kinhthedoithi.vn/bat-dong-san-khu-cong-nghiep-tang-truong-manh-nhung-con-nhieu-thach-thuc.html>

Đáng chú ý, chiếm một tỉ lệ đáng kể trong các thương vụ chuyển nhượng bất động sản công nghiệp tại Việt Nam có liên quan tới một nhà đầu tư nước ngoài là BW Industrial Development JSC - một doanh nghiệp trong ngành bất động sản công nghiệp. Theo thống kê từ năm 2021 đến nay, nhà đầu tư kể trên đã thực hiện thủ tục thông báo 09 hồ sơ TTKT liên quan đến việc mua lại bất động sản công nghiệp tại nhiều tỉnh thành trên cả nước.

Thị trường bất động sản khu công nghiệp được cho là phân khúc "sáng" nhất và nhiều triển vọng nhất năm 2025-2026. Thống kê từ Bộ Kế hoạch và Đầu tư, bất động sản khu công nghiệp hiện ghi nhận tổng vốn đầu tư nước ngoài đạt gần 31,4 tỷ USD<sup>80</sup>. Đến nay, cả nước có 443 khu công nghiệp thành lập với tổng diện tích đất tự nhiên đạt khoảng 138.900ha và diện tích đất công nghiệp khoảng 95.000ha, trong đó, có khoảng 301 khu công nghiệp đã đi vào hoạt động. Năm nay cả nước dự kiến sẽ có 1.704 cụm công nghiệp với tổng diện tích 58.123 ha.

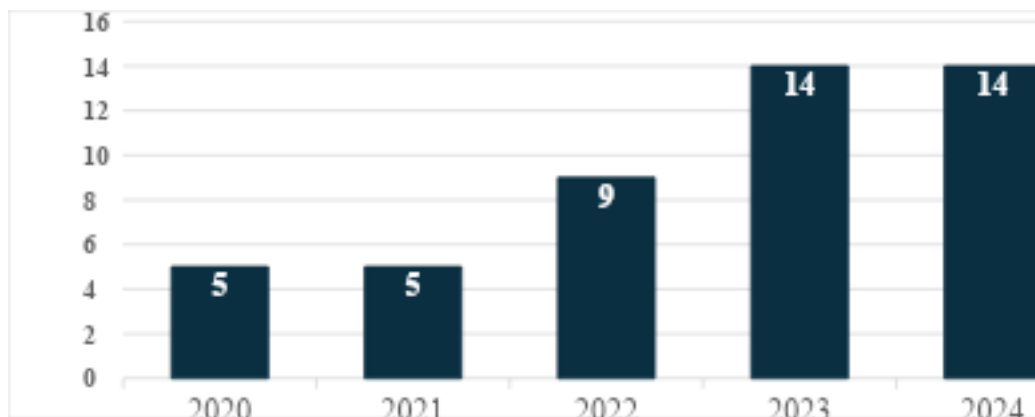
### **(iii) Lĩnh vực logistics**

Lĩnh vực logistics là một trong những lĩnh vực phát triển nhanh nhất tại Việt Nam trong những năm gần đây. Nằm trong khu vực phát triển năng động của thế giới, nơi tập trung nguồn hàng giao lưu mạnh, cùng với nền kinh tế có độ mở lớn (trên 200%), xuất nhập khẩu và thương mại điện tử luôn tăng trưởng ở mức hai con số, Việt Nam là quốc gia có nhiều tiềm năng để phát triển thị trường logistisc.

Việt Nam đã trở thành một đầu mối quan trọng trong chuỗi cung ứng toàn cầu, với 17 Hiệp định thương mại tự do (FTA) mở ra nhiều cơ hội cho các doanh nghiệp trên toàn thế giới. Với 40.000 công ty logistics hoạt động trên khắp cả nước, ngành logistics của Việt Nam đang phát triển mạnh mẽ có tốc độ tăng trưởng hàng năm từ 12-14%, thị trường logistics Việt Nam trị giá hơn 60 tỷ USD<sup>81</sup>.

Trong xu hướng đó, số lượng vụ việc TTKT liên quan tới lĩnh vực logistics tăng đều theo các năm từ 05 vụ việc năm 2020 đến 14 vụ việc trong năm 2023 và năm 2024 theo thống kê của UBCTQG - Bộ Công Thương .

**Biểu đồ 23: Thống kê số lượng hồ sơ trong lĩnh vực logistics trong giai đoạn 2020-2024**



Nguồn: UBCTQG tổng hợp

Một đặc điểm đáng chú ý là tại Việt Nam, xu hướng các hãng tàu biển mua lại các công ty giao nhận vận tải nhằm hoàn thiện chuỗi cung ứng. Một số vụ việc điển hình

<sup>80</sup> Nguồn: <https://vnexpress.net/bat-dong-san-khu-cong-nghiep-se-bung-no-nam-nay-4836025.html>

<sup>81</sup> Nguồn: <https://vla.com.vn/ban-tin-thang/>

trong năm 2022 như việc hãng tàu biển Maersk Logistics & Services International (“Maersk”) thực hiện liên tiếp 03 giao dịch TTKT gồm: (i) Maersk mua lại hãng giao nhận vận tải là Senator nhằm củng cố và mở rộng hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực giao nhận vận tải đường hàng không, (ii) Maersk mua lại Công ty Li & Fung Limited nhằm hoàn thiện chuỗi cung ứng trong lĩnh vực logistics 3PL và (iii) Maersk mua lại Công ty Martin Bencher nhằm mở rộng hoạt động sang lĩnh vực logistics dự án.

Lĩnh vực logistics là một lĩnh vực trọng yếu của nền kinh tế, đặc biệt việc vận chuyển hàng hoá xuất nhập khẩu của các doanh nghiệp Việt Nam phụ thuộc hầu hết vào các hãng tàu biển nước ngoài.

### **Hộp tin 02: Các giao dịch thông báo TTKT của Công ty Maersk Logistics & Services International A/S**

Trong năm 2022, hãng tàu biển Đan Mạch là Maersk đã thực hiện một chuỗi 03 giao dịch mua lại trong lĩnh vực logistics nhằm hoàn thiện chuỗi cung ứng của mình. Các giao dịch trên được thực hiện tại Việt Nam và nước ngoài nhưng có ảnh hưởng tới thị trường Việt Nam vì tất cả các bên tham gia TTKT đều có hoạt động kinh doanh tại Việt Nam. Các giao dịch gồm:

Giao dịch thứ nhất liên quan đến việc Công ty Maersk mua lại Công ty Senator – một công ty giao nhận vận tải (chủ yếu là đường hàng không). Giao dịch nằm trong kế hoạch của Maersk nhằm củng cố và mở rộng hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực giao nhận vận tải đường hàng không.

Giao dịch trên đã được Bộ Công Thương chấp thuận có điều kiện vào ngày 01 tháng 6 năm 2022 sau khi thẩm định chính thức do Maersk có thị phần tương đối lớn (trên 20%) trên một số tuyến vận tải container viễn dương gồm: Việt Nam - Bờ Tây Nam Mỹ, Bờ Đông Nam Mỹ - Việt Nam, Việt Nam - Địa Trung Hải, Việt Nam – Duyên Hải Nam Phi và Duyên Hải Nam Phi - Việt Nam.

Giao dịch thứ hai liên quan đến việc Công ty Maersk mua lại Công ty Li & Fung Limited – một công ty có hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực Logistics 3PL. Thị phần của Công ty mục tiêu trên thị trường logistics 3PL là 0,52%. Tuy nhiên do Maersk có thị phần lớn trên các tuyến vận tải biển viễn dương, và dịch vụ trên có mối quan hệ là đầu vào của nhau đối với dịch vụ logistics 3PL nên giao dịch thuộc trường hợp phải thẩm định chính thức. Giao dịch này được Bộ Công Thương chấp thuận có điều kiện vào ngày 28 tháng 7 năm 2022 sau khi thẩm định chính thức.

Giao dịch thứ ba liên quan tới việc Maersk mua lại Công ty Martin Bencher – một công ty có hoạt động trong lĩnh vực logistics dự án. Thị phần của Martin Bencher trên thị trường logistics dự án là 0,24%. Giao dịch trên được chấp Bộ Công Thương chấp thuận vào ngày 29 tháng 11 năm 2022 sau khi thẩm định sơ bộ.

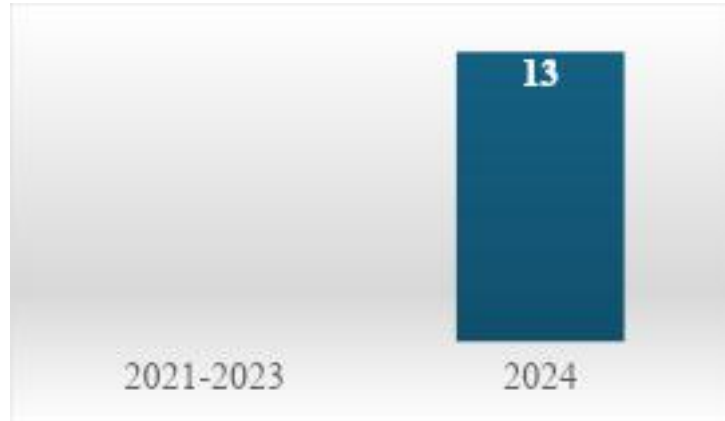
Sau khi thực hiện một chuỗi 03 giao dịch mua lại trên, thị phần của Maersk trên lĩnh vực kinh doanh chính là vận tải container đường biển không có sự thay đổi, trong khi thị phần trên thị trường giao nhận vận tải đường hàng không và thị trường logistics dự án vẫn ở mức nhỏ (dưới 1%).

### **(iv) Lĩnh vực công nghệ thông tin và viễn thông (ICT)**

Trong xu hướng toàn cầu về đổi mới và áp dụng công nghệ để hỗ trợ các lĩnh vực trong đời sống và sản xuất, lĩnh vực ICT động lực chủ chốt của thời đại số, góp phần tạo ra sự kết nối, cải tiến công nghệ và thúc đẩy phát triển kinh tế. Các thành phần chính của ngành bao gồm phần mềm, phần cứng, viễn thông, dịch vụ CNTT và các công nghệ

mới, với nhiều thách thức nhưng cũng đầy cơ hội để phát triển trong bối cảnh toàn cầu hóa và chuyển đổi số. Theo số liệu thống kê của UBCTQG - Bộ Công Thương trong giai đoạn 2020 - 2024, số lượng hồ sơ thông báo TTKT trong lĩnh vực ICT cụ thể như sau:

**Biểu đồ 24: Thống kê số lượng hồ sơ trong lĩnh vực ICT trong giai đoạn 2020-2024**



Nguồn: UBCTQG tổng hợp

Trong 13 vụ việc trên, UBCTQG - Bộ Công Thương đã tiếp nhận và trả lời 11 vụ việc, trả lại 01 vụ việc và đang xử lý 01 vụ việc. Các vụ việc được tiếp nhận và trả lời chủ yếu liên quan đến thị trường hoạt động công nghiệp phần mềm<sup>82</sup> chiếm tới 09 vụ việc và 02 vụ việc còn lại liên quan đến ngành viễn thông.

Về hình thức TTKT và mức thị phần, các vụ việc diễn ra trong lĩnh vực ICT đều dưới hình thức mua lại doanh nghiệp với mức thị phần kết hợp trên thị trường liên quan từ 0-5% tổng thị trường phần mềm tại Việt Nam. Hơn nữa, có tới 06/11 vụ việc được thực hiện diễn ra tại Việt Nam (trong đó có 03 vụ việc doanh nghiệp nước ngoài mua lại doanh nghiệp Việt Nam).

Các vụ việc liên quan đến hoạt động công nghiệp phần mềm cung cấp các sản phẩm phần mềm rất đa dạng từ phần mềm trí tuệ nhân tạo (AI) dùng trong y tế, phần mềm hệ thống dùng cho giáo dục và các phần mềm thiết kế riêng theo yêu cầu của khách hàng...

**(v) Các lĩnh vực khác**

Trong giai đoạn 2020-2024, một số các giao dịch tiêu biểu trong lĩnh vực khác như nông sản và hóa chất cũng được đã thực hiện thông báo và thuộc các trường hợp TTKT có điều kiện theo quy định của Luật Cạnh tranh.

**Hộp tin 03:** Giao dịch TTKT trên thị trường hạt có dầu và dầu thực vật tại Việt Nam: Công ty Bunge Global SA mua lại Công ty Viterra Limited

1. Các bên liên quan

- Công ty Bunge Global SA – ('Bên mua')
- Công ty Viterra Limited – ('Công ty mục tiêu');

<sup>82</sup> Hoạt động công nghiệp phần mềm là hoạt động thiết kế, sản xuất và cung cấp sản phẩm và dịch vụ phần mềm, bao gồm sản xuất phần mềm đóng gói; sản xuất phần mềm theo đơn đặt hàng; sản xuất phần mềm nhúng; hoạt động gia công phần mềm và hoạt động cung cấp, thực hiện các dịch vụ phần mềm. (Điều 9 Nghị định 71/2007/NĐ-CP)

- Công ty Danelo Limited – (‘Bên bán 1’);
- Công ty CPPIB Monroe Canada Inc. – (‘Bên bán 2’);
- Công ty Venus Investment Limited Partnership – (‘Bên bán 3’);

## 2. Nội dung vụ việc

UBCTQG đã nhận được Hồ sơ thông báo TTKT liên quan tới việc Công ty Bunge Global SA mua lại 100% cổ phần của Công ty Viterra Limited bằng việc chuyển nhượng một phần cổ phần và tiền mặt của Bunge cho Công ty Danelo Limited, Công ty CPPIB Monroe Canada Inc. và Công ty Venus Investment Limited Partnership.

Bên mua có trụ sở tại Thụy Sĩ và Công ty mục tiêu có trụ sở tại Pháp. Cả hai công ty đều kinh doanh trên thị trường bán buôn hạt lương thực, hạt có dầu và nguyên liệu thức ăn chăn nuôi không làm từ hạt tại Việt Nam. Ngoài ra, bên mua kinh doanh thêm sản phẩm dầu thực vật, là sản phẩm đầu ra từ việc chế biến nguyên liệu hạt có dầu.

Trên thị trường liên quan là hạt có dầu và dầu thực vật, thị phần kết hợp của Bên mua và Công ty mục tiêu lớn hơn 20% tại Việt Nam nên giao dịch TTKT thuộc trường hợp phải thẩm định chính thức theo quy định của Nghị định số 35/2020/NĐ-CP.

## 3. Kết quả vụ việc

Sau quá trình thẩm định chính thức, UBCTQG đã ra quyết định về việc TTKT có điều kiện đối với các doanh nghiệp tham gia TTKT theo Thông báo số 236/TB-CT ngày 29 tháng 8 năm 2024. Chi tiết nội dung Quyết định tại website của UBCTQG tại địa chỉ: <https://vcc.gov.vn/>

**Hộp tin 04:** Giao dịch TTKT trong ngành hóa chất: Công ty Aekyung Chemical Co., LTD mua lại để kiểm soát chi phối Công ty TNHH Hóa chất Chất hóa dẻo Vina.

## 1. Các bên liên quan

- Công ty Aekyung Chemical Co., LTD
- Công ty TNHH Hóa chất Chất hóa dẻo Vina
- Công ty LG Chem, Ltd

## 2. Nội dung vụ việc

UBCTQG nhận được Hồ sơ thông báo TTKT liên quan đến việc Công ty Aekyung Chemical Co., LTD (AKC - bên mua) dự kiến mua lại 50% phần vốn góp trong Công ty TNHH Hóa chất Chất hóa dẻo Vina (VP-Chem công ty mục tiêu) từ Công ty LG Chem, Ltd. (LGChem bên bán).

Sau giao dịch, AKC sẽ thay LGChem sở hữu 50% phần vốn góp tại VPChem, đồng thời gián tiếp có quyền bổ nhiệm Tổng giám đốc của VPChem, do đó kiểm soát, chi phối VPChem theo quy định tại điểm c, khoản 1, Điều 2 Nghị định 35/2020/NĐ-CP. AKC chủ yếu phân phối chất hóa dẻo Diopeo Bis (2-ethyl hexyl) phthalat (“DOP”) và hóa chất phthalic anhydride (“PA”) tại Việt Nam thông qua xuất khẩu trực tiếp cho khách hàng cuối cùng; hoặc thông qua các thương nhân nước ngoài và các nhà phân

phối tại Việt Nam. VPChem có một nhà máy sản xuất chất hóa dẻo gồm DOP và Diisonomy Phthalate (“DINP”) tại tỉnh Đồng Nai..

### 3. Kết quả vụ việc

Sau quá trình thẩm định chính thức, UBCTQG đã ra Quyết định về việc tập trung kinh tế có điều kiện đối với các doanh nghiệp tham gia tập trung kinh tế vào ngày 06 tháng 11 năm 2023. Chi tiết về nội dung Quyết định tại website của UBCTQG tại địa chỉ: <https://vcc.gov.vn/>

#### - Xử lý vi phạm do không thông báo TTKT

Trong năm 2024, UBCTQG - Bộ Công Thương đã tổ chức điều tra, xử lý và giải quyết khiếu nại quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh đối với 01 vụ việc vi phạm quy định về tập trung kinh tế trong lĩnh vực hóa chất theo quy định tại Điều 44 Luật Cạnh tranh 2018.

Ngày 13 tháng 5 năm 2024, Cơ quan điều tra vụ việc cạnh tranh UBCTQG - Bộ Công Thương ban hành Quyết định số 14/QĐ-CT về việc điều tra vụ việc cạnh tranh mã số 24-KX-TKT-01 liên quan đến hành vi vi phạm quy định về TTKT đối với Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang Lào Cai (*mã số doanh nghiệp: 5300299830; địa chỉ trụ sở chính: Khu Công nghiệp Tăng Loỏng, Thị trấn Tăng Loỏng, Huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai, Việt Nam*) và Công ty TNHH MTV Phốt Pho 6 (*mã số doanh nghiệp: 5300813929; địa chỉ trụ sở chính: Lô B24, B24A, Khu Công nghiệp Tăng Loỏng, Thị trấn Tăng Loỏng, Huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai, Việt Nam*).

Kết quả điều tra cho thấy các doanh nghiệp đã không thực hiện việc thông báo TTKT đối với giao dịch Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang Lào Cai mua lại 100% cổ phần/vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Phốt Pho 6 (nay là Công ty TNHH MTV Phốt Pho 6) theo quy định của Luật Cạnh tranh, vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 44 Luật Cạnh tranh.

Căn cứ theo quy định của pháp luật về cạnh tranh và các quy định pháp luật khác có liên quan, UBCTQG - Bộ Công Thương đã ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực cạnh tranh đối với Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang Lào Cai với số tiền phạt 1.323.982.880 đồng và Công ty TNHH MTV Phốt Pho 6 với số tiền phạt 100.000.000 đồng.

#### c) Công tác hỗ trợ thực thi các quy định về kiểm soát TTKT

- Các hoạt động phối hợp, chia sẻ thông tin trong quá trình thẩm định hồ sơ thông báo TTKT

#### + Công tác tham vấn khi thẩm định

Trong quá trình thẩm định hồ sơ thông báo TTKT, hoạt động tham vấn đóng vai trò quan trọng nhằm bảo đảm tính khách quan, toàn diện và hiệu quả trong việc đánh giá tác động cạnh tranh của giao dịch. Theo quy định tại của Luật Cạnh tranh năm 2018, UBCTQG - Bộ Công Thương có thể tổ chức tham vấn với các bên liên quan, bao gồm doanh nghiệp đối thủ, khách hàng, cơ quan quản lý ngành, hiệp hội ngành nghề và chuyên gia độc lập, nhằm thu thập thông tin, đánh giá phản hồi và xác thực các luận cứ được nêu trong hồ sơ.

Trong thực tiễn triển khai giai đoạn 2020 – 2024, Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia đã chủ động áp dụng cơ chế tham vấn trong các vụ việc có tính chất phức tạp, đặc biệt là các giao dịch có yếu tố nước ngoài, có thị phần đáng kể hoặc tiềm ẩn nguy cơ hạn chế

cạnh tranh. Việc tham vấn không chỉ giúp UBCTQG - Bộ Công Thương tiếp cận thêm nguồn thông tin độc lập và đa chiều mà còn nâng cao tính minh bạch và trách nhiệm giải trình trong quá trình ra quyết định. Trong một số vụ việc tiêu biểu và có yếu tố ngành đặc thù như: dịch vụ thương mại điện tử, dịch vụ logistics, sản xuất và chế biến nông sản, sản xuất thực phẩm, công nghiệp hóa chất, dịch vụ bảo hiểm và tài chính tiêu dùng, các ý kiến từ cơ quan quản lý ngành, doanh nghiệp đang hoạt động trên thị trường hay hiệp hội ngành đã cung cấp cơ sở quan trọng để UBCTQG - Bộ Công Thương đưa ra quyết định yêu cầu thẩm định chính thức cũng như đưa ra những điều kiện của việc TTKT.

Tuy nhiên, cơ chế tham vấn hiện nay vẫn còn mang tính không bắt buộc và chưa được chuẩn hóa về quy trình, phạm vi và đối tượng tham vấn. Một hạn chế đáng lưu ý là phần lớn các cơ quan quản lý ngành tại Việt Nam hiện nay chưa xây dựng được hệ thống cơ sở dữ liệu đầy đủ và cập nhật về tình hình ngành, thị trường và hoạt động cụ thể của các doanh nghiệp. Việc quản lý ngành chủ yếu tập trung ở mức độ xây dựng chính sách vĩ mô, chưa đáp ứng được yêu cầu hỗ trợ kỹ thuật chuyên sâu như kết quả hoạt động của các doanh nghiệp hay thực trạng cạnh tranh của ngành để phục vụ công tác thẩm định TTKT. Điều này ảnh hưởng đến hiệu quả của hoạt động tham vấn của UBCTQG - Bộ Công Thương, làm hạn chế khả năng xác thực thông tin và đánh giá khách quan tác động của giao dịch trên thị trường liên quan.

+ Công tác giám sát về cạnh tranh:

Sau khi Luật Cạnh tranh năm 2018 chính thức có hiệu lực thi hành, công tác giám sát ngành trong lĩnh vực TTKT đã được triển khai một cách bài bản, thường xuyên, với hai hình thức chủ yếu:

(i) Tổ chức kiểm tra việc chấp hành pháp luật về cạnh tranh đối với các doanh nghiệp:

UBCTQG - Bộ Công Thương đã tổ chức các đoàn kiểm tra chuyên ngành, trong đó tập trung vào những lĩnh vực có ghi nhận nhiều giao dịch TTKT hoặc có dấu hiệu tiềm ẩn nguy cơ ảnh hưởng đến cạnh tranh trên thị trường. Cụ thể:

Năm 2024, UBCTQG - Bộ Công Thương đã thực hiện 02 đoàn kiểm tra chuyên đề trong lĩnh vực logistics và bán lẻ – hai lĩnh vực có sự tham gia ngày càng lớn của các tập đoàn trong và ngoài nước, với xu hướng tích tụ và mở rộng chuỗi cung ứng.

Dự kiến trong năm 2025, sẽ triển khai thêm 03 đoàn kiểm tra tại các lĩnh vực bảo hiểm, năng lượng và bán lẻ. Đây là các lĩnh vực có mức độ tập trung thị trường cao, có liên quan mật thiết đến các thị trường đầu vào – đầu ra quan trọng của nền kinh tế, cần được giám sát chặt chẽ để phát hiện sớm các nguy cơ dẫn tới hành vi hạn chế cạnh tranh.

(ii) Xây dựng hệ thống báo cáo giám sát chuyên sâu theo từng ngành và từng thời kỳ.

Trong giai đoạn 2022–2024, UBCTQG - Bộ Công Thương đã hoàn thiện và công bố nhiều báo cáo giám sát TTKT trong các lĩnh vực như: ô tô, bán lẻ, thương mại điện tử, điện lực, logistics và bất động sản. Báo cáo đóng vai trò quan trọng trong việc tổng hợp và dự báo các vấn đề liên quan đến cạnh tranh của các ngành lĩnh vực kinh tế thực hiện giám sát.

Cùng với các báo cáo chuyên đề, UBCTQG - Bộ Công Thương còn tổng hợp và thông tin tới cộng đồng các báo cáo định kỳ như: Báo cáo 6 tháng, Báo cáo năm về công tác kiểm soát TTKT.

Ngoài ra, UBCTQG - Bộ Công Thương đã chủ động công bố, cập nhật quy trình thông báo TTKT trên trang thông tin điện tử chính thức để hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận thông tin và thực hiện đúng quy định.

- Các hoạt động tuyên truyền phổ biến các quy định về kiểm soát TTKT

Trong khuôn khổ “Đề án hoàn thiện và nâng cao năng lực thực thi các quy định về TTKT của pháp luật cạnh tranh giai đoạn 2024-2027”, UBCTQG - Bộ Công Thương đã tập trung nguồn lực để thúc đẩy công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về TTKT. Đây là một trong những hoạt động hỗ trợ quan trọng góp phần nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật cạnh tranh, trong đó có kiểm soát TTKT. Việc nâng cao nhận thức và hiểu biết pháp lý của cơ quan quản lý chuyên ngành, doanh nghiệp và người tiêu dùng về các quy định pháp luật cạnh tranh nói chung và kiểm soát TTKT nói riêng có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong việc định hình hành vi tuân thủ của các chủ thể trên thị trường.

Trong giai đoạn vừa qua, UBCTQG - Bộ Công Thương đã tổ chức chuỗi các hoạt động tuyên truyền như hội thảo, tọa đàm tại ba khu vực Bắc (Hà Nội), Trung (Đà Nẵng) và Nam (TP. Hồ Chí Minh) với chủ đề nâng cao hiệu quả tuân thủ và chấp hành quy định kiểm soát TTKT.

Nội dung các hoạt động tập trung vào các lĩnh vực có tần suất giao dịch TTKT cao và tiềm ẩn nguy cơ ảnh hưởng đến cấu trúc cạnh tranh thị trường, bao gồm: bất động sản, điện lực, bán lẻ, thương mại điện tử và logistics.

#### **(4) Luật Bảo vệ người tiêu dùng**

Ngay sau khi Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng được ban hành, ngày 31 tháng 8 năm 2023, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1012/QĐ-TTg ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, trong đó, đã tập trung triển khai các hoạt động, gồm:

- Tổ chức rà soát văn bản pháp luật, văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của các Bộ, ngành và địa phương về công tác bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng;

- Xây dựng, ban hành văn bản pháp luật quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng;

- Xây dựng và triển khai thực hiện các dự án, đề án, chương trình, hoạt động cấp quốc gia về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; và

- Tuyên truyền, phổ biến, đôn đốc triển khai Luật.

Bên cạnh đó, khi Nghị quyết số 190/2025/QH 15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội khóa XV quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp, tổ chức bộ máy nhà nước quy định sắp xếp tổ chức thanh tra tại các bộ, ngành TW và thanh tra tại các sở, ngành địa phương tập trung 1 đầu mối tại Thanh tra Chính phủ và thanh tra cấp tỉnh được ban hành, trên cơ sở các nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực kiểm soát hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung, thời gian qua, Bộ trưởng Bộ Công Thương đã ban hành các văn bản hướng dẫn thi hành Luật BVQLNTD, bao gồm:

- Thông tư số 42/2025/TT-BCT ngày 22/6/2025 ban hành Danh mục sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ phải đăng ký HĐTM, ĐKGDC (thay thế Quyết định số 07/2024/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ);

- Thông tư số 64/2025/TT-BCT ngày 31/12/2025 hướng dẫn về thủ tục hành chính nội bộ trong công tác phối hợp giữa cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ quyền

lợi người tiêu dùng với cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực về kiểm soát hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung. Đồng thời, đề hướng dẫn, hỗ trợ địa phương trong việc thực thi Nghị định số 146/2025/NĐ-CP.

## **2. Kết quả thi hành văn bản quy phạm pháp luật, đánh giá ưu điểm, bất cập, hạn chế của văn bản quy phạm pháp luật**

### **(1) Luật Thương mại**

#### **a. Kết quả thi hành văn bản quy phạm pháp luật**

Việc phân quyền cho Bộ Công Thương trong việc quy định cụ thể hạn mức tối đa về giá trị của hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại, mức giảm giá tối đa đối với hàng hóa, dịch vụ được khuyến mại mà thương nhân được thực hiện trong hoạt động khuyến mại góp phần đơn giản hóa các thủ tục, trình tự thực hiện, linh hoạt trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ, tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai Luật Thương mại theo đó thời gian, quy trình, trình tự thủ tục xây dựng và ban hành văn bản được rút ngắn, việc điều chỉnh, sửa đổi bổ sung cũng nhanh hơn, đáp ứng đòi hỏi của thực tiễn, phù hợp với năng lực và trách nhiệm của Bộ Công Thương.

Kể từ khi Nghị định số 146/2025/NĐ-CP và Thông tư số 39/2025/TT-BCT có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2025 đến nay, Bộ Công Thương chưa tiếp nhận khó khăn, vướng mắc, phản ánh nào từ doanh nghiệp và cơ quan quản lý nhà nước trong quá trình thực hiện quy định nêu trên.

- Đối với nội dung đăng ký của thương nhân kinh doanh dịch vụ hội chợ, triển lãm thương mại cho thương nhân khác tham gia hội chợ, triển lãm thương mại ở nước ngoài:

Qua rà soát, tiếp nhận nội dung báo cáo của các địa phương trong quá trình thi hành Nghị định số 146/2025/NĐ-CP đến nay chưa phát sinh hồ sơ thủ tục hành chính đăng ký tổ chức cho thương nhân, tổ chức, cá nhân tham gia hội chợ, triển lãm thương mại tại nước ngoài được thực hiện tại các địa phương và cũng chưa tiếp nhận khó khăn, vướng mắc, phản ánh nào từ doanh nghiệp và cơ quan quản lý nhà nước tại địa phương.

Việc phân cấp cho địa phương thực hiện nhiệm vụ quyền hạn này nhằm triển khai các chủ trương của Đảng tại Nghị quyết số 68-NQ/TW về phát triển kinh tế tư nhân, nhằm phát huy vai trò và tạo điều kiện cho kinh tế tư nhân, theo đó các doanh nghiệp có thể thực hiện thủ tục này ở bất kỳ địa phương nào khi tham gia hội chợ, triển lãm tại nước ngoài trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, thuận lợi. Bên cạnh đó, Sở Công Thương đang là cơ quan quản lý nhà nước tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính đăng ký tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam. Do vậy, Bộ Công Thương đánh giá việc phân cấp nhiệm vụ, quyền hạn nêu trên của Bộ Công Thương cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là khả thi, đảm bảo nguồn lực khi thực hiện phân cấp, đặc biệt là nhân lực, kinh phí, cơ sở vật chất. Đồng thời, nội dung này phù hợp với vai trò, năng lực của địa phương trong việc quản lý hội chợ triển lãm của các doanh nghiệp Việt Nam, giúp doanh nghiệp giảm thời gian, chi phí trong trường hợp cần phải gặp trực tiếp cơ quan giải quyết.

#### **b. Ưu điểm và bất cập, hạn chế**

##### **- Ưu điểm**

Thực hiện quy định tại Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương (có hiệu lực từ ngày 16/6/2025), việc phân cấp, phân quyền, phân định thẩm

quyền tuân thủ thống nhất, xuyên suốt các nguyên tắc sau:

- + Bảo đảm thống nhất quản lý nhà nước từ Trung ương đến địa phương;
- + Phù hợp với đặc điểm địa lý, quy mô, tính chất đô thị/nông thôn và năng lực quản lý của từng cấp chính quyền;
- + Rõ ràng, minh bạch, không chồng chéo về thẩm quyền giữa các cấp, cơ quan;
- + Gắn phân quyền với phân cấp trách nhiệm, gắn với kiểm tra, giám sát và kiểm soát quyền lực;
- + Phù hợp với Hiến pháp, luật và các văn bản quy phạm pháp luật khác, hạn chế tối đa việc uỷ quyền nếu không có cơ sở pháp lý đầy đủ, rõ ràng.

- Bất cập, hạn chế

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả tích cực nói trên, Bộ Công Thương nhận thấy một số điểm cần hoàn thiện trong đó tập trung ở một số điểm sau đây:<sup>83</sup>

- + Hệ thống pháp luật cần đầy đủ, đồng bộ và cụ thể hóa các nhiệm vụ, quyền hạn cho từng cấp chính quyền.
- + Một số quy định về trình tự, thủ tục còn chưa rõ ràng, dễ gây mâu thuẫn hoặc chồng lấn thẩm quyền giữa các cấp.
- + Việc phân cấp cần quy định sao cho phù hợp với nguyên tắc: cấp nào gần dân, sát thực tiễn thì cấp đó thực hiện.

a. Kết quả thi hành văn bản quy phạm pháp luật

- Triển khai theo LTM và Nghị định 20/2006/NĐ-CP. Sau đó, Nghị định 125/2014/NĐ-CP được ban hành để khôi phục quy định về dấu nghiệp vụ giám định sau một thời gian bị bãi bỏ gây khó khăn cho doanh nghiệp. Trong ngành giám định, dấu nghiệp vụ được đóng trên chứng thư giám định nhằm khẳng định kết quả giám định là khách quan, trung thực, giám định viên ký tên trên con dấu nghiệp vụ để chịu trách nhiệm về hoạt động chuyên môn của mình. Nếu ngừng sử dụng dấu nghiệp vụ và thay thế bằng dấu pháp nhân sẽ gây khó khăn lớn đối với hoạt động của các tổ chức giám định. Đặc thù của hoạt động giám định là thực hiện tại hiện trường, bến bãi, kho hàng, cảng biển, cửa khẩu. Hơn nữa, số bản chứng thư cấp trong ngày phục vụ hàng hóa xuất nhập khẩu là rất lớn. Việc khôi phục dấu nghiệp vụ đã giúp cơ quan Hải quan và các ngân hàng dễ dàng xác định tính xác thực của chứng thư, hỗ trợ thông quan hàng hóa thuận lợi.

- Về độc quyền nhà nước, Nhà nước đã xác định rõ các lĩnh vực then chốt cần nắm giữ 100% vốn như truyền tải điện, xổ số, in đúc tiền, vũ khí quân dụng,... để bảo đảm an ninh quốc gia tại Nghị định 94/2017/NĐ-CP.

- Trong 05 năm triển khai thi hành, Nghị định số 98/2020/NĐ-CP sửa đổi đã thể hiện được vai trò quan trọng trong việc bảo vệ trật tự quản lý nhà nước trong lĩnh vực thương mại, tạo lập cơ sở pháp lý vững chắc cho công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm hành chính của các cơ quan, lực lượng chức năng, góp phần kiềm chế tình trạng sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm, hàng hóa không rõ nguồn gốc xuất xứ và bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng một cách có hiệu quả.

Đề Nghị định số 98/2020/NĐ-CP sau khi được ban hành nhanh chóng đi vào

<sup>83</sup> Các đề xuất, nội dung cụ thể tại Phần III.

cuộc sống, công tác tổ chức triển khai thi hành Nghị định và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan cũng được các cấp, các ngành, các địa phương quan tâm, chỉ đạo tổ chức thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả. Tại hầu hết các địa phương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, kế hoạch triển khai thực hiện; tổ chức các hội nghị triển khai thực hiện; tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ, tập huấn chuyên sâu cho các lực lượng trực tiếp tham gia kiểm tra, xử phạt vi phạm hành chính.

Công tác tuyên truyền, phổ biến nội dung của Nghị định số 98/2020/NĐ-CP sửa đổi tới các cá nhân, tổ chức sản xuất, kinh doanh được các cấp, các ngành, các địa phương quan tâm triển khai thực hiện bằng nhiều hình thức phong phú như đăng tải nội dung và những điểm mới của Nghị định trên cổng thông tin điện tử của tỉnh và các sở, ngành; in, phát hành sổ tay, tờ rơi, tờ gấp về pháp luật xử lý vi phạm hành chính; vận động doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân nâng cao ý thức chấp hành pháp luật trong hoạt động kinh doanh, vận động quần chúng nhân dân tích cực tham gia tố giác, đấu tranh với các hành vi vi phạm, phối hợp với các lực lượng chức năng kiểm tra, xử lý hành vi vi phạm pháp luật về kinh doanh, thương mại, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, tổ chức ký cam kết không sản xuất, kinh doanh hàng lậu, hàng giả, hàng cấm đối với các hộ kinh doanh; đưa tin trên phương tiện thông tin đại chúng về các vụ vi phạm bị xử phạt vi phạm hành chính...

Hoạt động tuyên truyền, phổ biến pháp luật cùng với công tác chỉ đạo tổ chức thực hiện của Chính phủ, các cấp, các ngành đã tạo chuyển biến tích cực về nhận thức trong việc chấp hành các quy định pháp luật về thương mại của các tổ chức, cá nhân kinh doanh và người tiêu dùng, góp phần ngăn chặn, phòng ngừa các hành vi sản xuất, buôn bán hàng cấm, hàng nhập lậu, buôn bán hàng giả, hàng hoá không đảm bảo chất lượng.

Công tác phối hợp kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính giữa các lực lượng chức năng cũng được thực hiện thường xuyên, hiệu quả. Tại nhiều địa phương đã xây dựng và triển khai thực hiện có hiệu quả quy chế phối hợp giữa các lực lượng Công an, Hải quan, Bộ đội Biên phòng, Cảnh sát biển, Thanh tra chuyên ngành, Quản lý thị trường... trong đấu tranh phòng, chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả, hàng cấm, góp phần nâng cao tinh thần trách nhiệm và triển khai đồng bộ các biện pháp tăng cường đấu tranh, phòng ngừa, ngăn chặn, xử lý đối với các hành vi vi phạm trong hoạt động thương mại, sản xuất, kinh doanh hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

#### b. Ưu điểm và bất cập, hạn chế

- Điều 25 Luật Thương mại quy định về Hàng hoá cấm kinh doanh, hàng hoá hạn chế kinh doanh, hàng hoá kinh doanh có điều kiện; Điều 76 Luật Thương mại quy định về Dịch vụ cấm kinh doanh, dịch vụ hạn chế kinh doanh và dịch vụ kinh doanh có điều kiện. Hiện nay Luật Đầu tư 2025 đã có các quy định về ngành, nghề đầu tư kinh doanh; ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện. Phương án bãi bỏ quy định về hàng hoá, dịch vụ cấm kinh doanh, hạn chế kinh doanh và kinh doanh có điều kiện nhằm đảm bảo thống nhất và đồng bộ với Luật Đầu tư 2025.

- Luật Đầu tư 2025 đã bãi bỏ ngành nghề kinh doanh giám định thương mại ra khỏi danh mục Ngành nghề đầu tư, kinh doanh có điều kiện, việc sửa đổi, bổ sung quy định tại Điều 256, 257 Luật Thương mại là yêu cầu tất yếu nhằm bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật. Việc sửa đổi cần được thực hiện theo hướng loại bỏ các quy định mang tính tiền kiểm đồng thời chuyển sang phương thức quản lý dựa

trên nguyên tắc tự do kinh doanh gắn với trách nhiệm pháp lý của chủ thể cung ứng dịch vụ giám định.

- Khoản 1 Điều 51 Hiến pháp 2013 quy định: *Nền kinh tế Việt Nam là nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa với nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế; kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo.*”

Nghị quyết số 79-NQ/TW của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế nhà nước nêu rõ *“Kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, bảo đảm ổn định vĩ mô, các cân đối lớn của nền kinh tế, định hướng chiến lược phát triển, giữ vững quốc phòng, an ninh; góp phần phát huy giá trị văn hoá và tiến bộ công bằng, an sinh xã hội; là nguồn lực quan trọng để Nhà nước chi phối, can thiệp kịp thời đáp ứng các yêu cầu đột xuất, cấp bách phát sinh”*

Khoản 4 Điều 6 Luật Thương mại quy định *“ Nhà nước thực hiện độc quyền Nhà nước có thời hạn về hoạt động thương mại đối với một số hàng hóa, dịch vụ hoặc tại một số địa bàn để bảo đảm lợi ích quốc gia. Chính phủ quy định cụ thể danh mục hàng hoá, dịch vụ, địa bàn độc quyền Nhà nước.”* Nhằm phù hợp với các chủ trương, quan điểm của Đảng cũng như bảo đảm quyền con người, quyền công dân theo khoản 2 Điều 14 Hiến pháp: *“2. Quyền con người, quyền công dân chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng.”*Dự thảo Luật đề xuất bãi bỏ quy định *“Chính phủ quy định cụ thể danh mục hàng hoá, dịch vụ, địa bàn độc quyền Nhà nước”* theo đó sẽ không giao Chính phủ quy định và bãi bỏ Nghị định 94/2017/NĐ-CP về hàng hóa, dịch vụ, địa bàn thực hiện độc quyền nhà nước trong hoạt động thương mại

Độc quyền nhà nước được duy trì tại các luật chuyên ngành, các Bộ ngành có trách nhiệm báo cáo cấp có thẩm quyền về việc hoàn thiện pháp luật chuyên ngành về độc quyền nhà nước theo lĩnh vực được phân công.

- Các quy định về hợp đồng và giải quyết tranh chấp trong Luật Thương mại có nội dung trùng lặp, tương đồng về bản chất pháp lý với các quy định chung về hợp đồng trong Luật Dân sự. Để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật và khẳng định vai trò trung tâm của Luật Dân sự trong điều chỉnh quan hệ hợp đồng, cũng như thực hiện tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật theo Báo cáo số 76-BC/ĐU ngày 02/8/2025 của Đảng ủy Bộ Tư pháp, Bộ Công Thương đề xuất bãi bỏ các nội dung về hợp đồng mang tính quy định chung tại Luật Thương mại.

- Về ưu điểm:

Qua quá trình thi hành Nghị định số 98/2020/NĐ-CP, có thể thấy việc quy định khái niệm *“hàng giả”* đã tạo cơ sở pháp lý quan trọng, thống nhất và trực tiếp cho hoạt động phát hiện, xem xét, xử lý vi phạm hành chính trong thực tiễn. Trên cơ sở khái niệm này, các cơ quan có thẩm quyền có căn cứ rõ ràng hơn để nhận diện các dạng hàng giả đang lưu thông trên thị trường, bao gồm không chỉ hàng hóa không bảo đảm giá trị sử dụng, công dụng, chất lượng, thành phần, hoạt chất, mà còn cả hàng hóa giả mạo về nhãn, bao bì, nguồn gốc, xuất xứ. Việc có một khái niệm tương đối toàn diện đã góp phần khắc phục tình trạng nhận thức không thống nhất giữa các lực lượng thực thi, tạo thuận lợi cho công tác phân loại hành vi vi phạm, thu thập chứng cứ, xác định căn cứ xử phạt và áp dụng biện pháp xử lý phù hợp. Đồng thời, quy định này cũng nâng cao tính minh bạch, dự báo và khả thi của pháp luật, giúp tổ chức, cá nhân kinh doanh có cơ sở để nhận biết ranh giới pháp lý của hành vi vi phạm, qua đó hỗ trợ công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật và phòng ngừa vi phạm. Có thể khẳng định rằng, việc ban hành khái

niệm “hàng giả” trong Nghị định số 98/2020/NĐ-CP là một ưu điểm lớn, góp phần hoàn thiện khung pháp lý về chống sản xuất, buôn bán hàng giả, đáp ứng tốt hơn yêu cầu quản lý nhà nước và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người tiêu dùng, doanh nghiệp chân chính và trật tự thị trường.

- Về nhược điểm: Việc quy định khái niệm “hàng giả” trong hệ thống pháp luật hiện nay vẫn chỉ đang được quy định ở cấp nghị định, trong khi các đạo luật nền tảng điều chỉnh hoạt động thương mại, đặc biệt là Luật Thương mại, lại không có quy định mang tính khái quát và định hướng về hàng giả.

Do đó, việc quy định khái niệm “hàng giả” mang tính khái quát trong Luật Thương mại không chỉ là cần thiết mà còn mang ý nghĩa then chốt trong hoàn thiện thể chế pháp luật về thương mại. Quy định này có vai trò xác lập nguyên tắc chung, làm “điểm tựa pháp lý” thống nhất cho toàn bộ hệ thống văn bản pháp luật liên quan đến phòng, chống hàng giả, qua đó khắc phục tình trạng phân tán, chồng chéo và thiếu nhất quán hiện nay. Với tư cách là luật khung điều chỉnh các quan hệ thương mại cơ bản, Luật Thương mại cần ghi nhận khái niệm hàng giả ở mức độ nguyên tắc, tạo nền tảng để các nghị định và văn bản pháp luật chuyên ngành tiếp tục cụ thể hóa theo từng nhóm hàng hóa, từng lĩnh vực quản lý. Cách tiếp cận này vừa bảo đảm tính thống nhất, minh bạch của hệ thống pháp luật, vừa đáp ứng yêu cầu linh hoạt trong quản lý nhà nước đối với các loại hàng hóa và phương thức kinh doanh ngày càng đa dạng, phức tạp.

## **(2) Luật Quản lý ngoại thương**

### **a) Kết quả thi hành văn bản quy phạm pháp luật**

Kể từ khi ban hành cho đến nay, Bộ Công Thương và các bộ quản lý chuyên ngành có liên quan đã tham mưu, ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành 91 văn bản quy định chi tiết và tổ chức thi hành các nội dung trong Luật Quản lý ngoại thương (bao gồm 19 Nghị định, 6 quyết định của Thủ tướng Chính phủ, 66 Thông tư). Riêng Bộ Công Thương đã chủ trì xây dựng, ban hành và trình cấp có thẩm quyền ban hành 70 văn bản bao gồm Nghị định, Quyết định của Thủ tướng và Thông tư của Bộ trưởng. Thực hiện chủ trương của Đảng, Nhà nước về phân quyền, phân cấp, trong lĩnh vực thương mại, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 146/2025/NĐ-CP quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại, Bộ trưởng Bộ Công Thương đã ban hành Thông tư số 40/2025/TT-BCT ngày 22/6/2025 quy định về cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa và chấp thuận bằng văn bản cho thương nhân tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa xuất khẩu theo khoản 6 Điều 28 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP.

Kể từ khi Nghị định số 146/2025/NĐ-CP và Thông tư số 40/2025/TT-BCT có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2025 cho đến nay, liên quan đến nội dung cấp chứng nhận xuất xứ hàng hóa đã có:

\* 24/34 Sở Công Thương tỉnh/thành phố đã thực hiện phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực xuất xứ hàng hóa bao gồm: An Giang, Bắc Ninh, Cà Mau, Đồng Tháp, Gia Lai, Hà Nội, Hà Tĩnh, Hải Phòng, Huế, Hưng Yên, Khánh Hòa, Lạng Sơn, Nghệ An, Ninh Bình, Phú Thọ, Quảng Ninh, Tây Ninh, Thái Nguyên, Thanh Hóa, Vĩnh Long, Lâm Đồng, Lào Cai, Tuyên Quang, Đồng Nai. Trong đó:

\* 24/34 Sở Công Thương nói trên cấp tất cả 36 thủ tục hành chính các loại C/O và Văn bản chấp thuận, ngoại trừ Sở Công Thương Thành phố Hà Nội (chỉ cấp C/O mẫu VI và VN-CU) và Sở Công Thương tỉnh Tây Ninh (chỉ cấp C/O mẫu D, E, AK, VK, AHK, AANZ, RCEP, X và cấp Văn bản chấp thuận).

\* 12/34 Sở Công Thương gồm: Đồng Tháp, Hà Tĩnh, Hải Phòng, Huế, Hưng Yên, Khánh Hòa, Lạng Sơn, Nghệ An, Ninh Bình, Quảng Ninh, Thanh Hóa, Lào Cai đã chuyển từ Phòng Quản lý XNK khu vực sang Sở Công Thương thực hiện phân quyền, phân cấp theo Thông tư số 40/2025/TT-BCT.

\* 10/34 Sở Công Thương tỉnh/thành phố chưa thực hiện hoặc đang trong quá trình hoàn thiện hồ sơ để thực hiện phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực xuất xứ hàng hóa bao gồm: Cao Bằng, Cần Thơ, Đà Nẵng, Đắk Lắk, Điện Biên, TP. Hồ Chí Minh, Lai Châu, Quảng Ngãi, Quảng Trị, Sơn La.

Do đặc thù kỹ thuật mang tính chuyên môn sâu, Bộ Công Thương (Cục Xuất nhập khẩu) đã có phát hành nhiều văn bản chỉ đạo, hướng dẫn các Sở Công Thương các tỉnh, thành phố về xuất xứ hàng hóa.

Ngoài ra, ngay từ khi Thông tư số 40/2025/TT-BCT có hiệu lực, Bộ Công Thương (Cục Xuất nhập khẩu) đã chủ trì, phối hợp với Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số tổ chức các Hội nghị, Buổi làm việc về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực xuất xứ hàng hóa, gồm: 03 hội nghị tại TP. Hồ Chí Minh, Hà Nội và Đà Nẵng; 02 khóa đào tạo tại TP. Hồ Chí Minh và Tây Ninh; Các buổi làm việc trực tiếp với Sở Công Thương Hải Phòng, Sở Công Thương thành phố Hà Nội, Sở Công Thương Điện Biên, Sở Công Thương thành phố Hồ Chí Minh và Sở Công Thương Bắc Ninh.

b) Ưu điểm và bất cập, hạn chế

- Ưu điểm

Những thuận lợi khi thực hiện phân cấp, phân quyền cấp C/O và VBCT theo Nghị định số 146/2025/NĐ-CP:

(i) Đối với doanh nghiệp:

+ Ngoài Bộ Công Thương, doanh nghiệp có thể liên hệ trực tiếp, nhanh chóng với các cơ quan có thẩm quyền cấp C/O và VBCT tại 34 tỉnh, thành phố để hỏi thông tin về hồ sơ, thủ tục cấp C/O, nghiệp vụ xuất xứ, văn bản quy phạm pháp luật về xuất xứ hàng hóa.

+ Doanh nghiệp có nhiều lựa chọn hơn cho việc đăng ký hồ sơ thương nhân tại các cơ quan có thẩm quyền cấp C/O và VBCT ở các địa phương khác trên cả nước tùy theo vị trí nhà máy sản xuất, văn phòng đại diện, luồng vận chuyển hàng hóa xuất khẩu gần cảng biển ...

(ii) Đối với UBND cấp tỉnh: UBND cấp tỉnh có ưu thế về việc quản lý và nắm rõ thông tin của doanh nghiệp sản xuất, xuất khẩu tại địa phương, từ đó hỗ trợ cơ quan cấp tại địa phương trong việc:

+ Xác định xuất xứ hàng hóa trong quá trình cấp C/O và VBCT cho hàng xuất khẩu.

+ Kiểm tra, xác minh xuất xứ hàng hóa trước và sau khi cấp C/O và VBCT.

+ Phổ biến đầy đủ, nhanh chóng các kiến thức, văn bản quy phạm pháp luật về xuất xứ hàng hóa.

+ Cảnh báo gian lận xuất xứ hàng hóa, phối hợp với các cơ quan chức năng khác tại địa phương áp dụng chế tài xử phạt các hành vi gian lận xuất xứ hàng hóa xuất khẩu.

Trên thực tế, việc đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực xuất xứ hàng hóa theo Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngay từ ngày 01/7/2025 trước mắt cũng tạo áp

lực lớn cho địa phương khi UBND cấp tỉnh, thành phố thực hiện ngay và luôn nhiệm vụ cấp C/O trong bối cảnh vừa phải hoàn thiện cơ sở pháp lý phân cấp, ủy quyền cho các Sở Công Thương, vừa phải cơ cấu lại bộ máy làm việc, nhân sự có kiến thức về xuất xứ hàng hóa cũng như chuẩn bị hạ tầng số để kết nối với Hệ thống eCoSys để thực hiện cấp C/O điện tử và thu phí điện tử.

Đến nay đã có 24/34 tỉnh, thành phố bắt đầu thực hiện nhiệm vụ cấp C/O. Trong thời gian sắp tới, dự kiến cơ quan, tổ chức cấp C/O địa phương sẽ có mặt ở cả 34 tỉnh, thành phố sau sáp nhập (thay vì chỉ có 18 cơ quan cấp C/O như trước kia), vì vậy về lâu dài tạo thuận lợi thương mại, giảm chi phí cho thương nhân, nhà xuất khẩu, giảm áp lực cho Bộ Công Thương trong quá trình thực hiện TTHC đề nghị cấp C/O và VBCT, nhằm thúc đẩy xuất khẩu địa phương cũng như cả nước.

Sắp tới, để giải quyết khó khăn, vướng mắc khi tiếp tục thực hiện phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực xuất xứ hàng hóa, các đơn vị thuộc Bộ Công Thương và địa phương cần trao đổi, phối hợp chặt chẽ theo đúng thẩm quyền, chức năng, nhiệm vụ được giao, cụ thể:

+ Tập trung xây dựng và hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật về xuất xứ hàng hóa để tạo cơ sở pháp lý thống nhất cho cơ quan, tổ chức cấp C/O cũng như doanh nghiệp trên cả nước triển khai thuận lợi; trong đó chú trọng biện pháp chống gian lận xuất xứ hàng hóa được.

+ Tổ chức các Hội nghị chuyên hướng dẫn triển khai phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực xuất xứ hàng hóa, các khóa tập huấn chuyên sâu, đào tạo nghiệp vụ, quy trình cấp C/O và văn bản chấp thuận.

+ Kiểm tra nghiệp vụ về lĩnh vực xuất xứ hàng hóa tại các Sở Công Thương địa phương đã và đang thực hiện cấp C/O và Văn bản chấp thuận.

+ Hỗ trợ địa phương bảo đảm hạ tầng số để triển khai nhiệm vụ cấp C/O và Văn bản chấp thuận (kết nối hệ thống, tạo tài khoản thu phí C/O, phát hành biên lai điện tử ...).

*(iii) Với UBND và các Sở Công Thương địa phương:*

Đề nghị tích cực nghiên cứu hệ thống VBQPPL hiện hành về xuất xứ hàng hóa, đồng thời góp ý xây dựng văn bản quy phạm pháp luật về xuất xứ hàng hóa do Bộ Công Thương chủ trì hoặc trình Chính phủ trong thời gian tới để triển khai công tác chứng nhận xuất xứ hàng hóa được hiệu quả, thông suốt.

- **Bắt cập, hạn chế:**

Thông qua trao đổi và nắm tình hình trong 6 tháng cuối năm 2025, Bộ Công Thương nhận thấy khi triển khai Nghị định số 146/2025/NĐ-CP và Thông tư 40/2025/TT-BCT, phần lớn các địa phương đều gặp khó khăn, vướng mắc cụ thể:

+ *Về CSPL:* UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cần thời gian tham vấn nội bộ để ban hành Quyết định phân cấp hoặc văn bản ủy quyền cho cơ quan, tổ chức trực thuộc được thực hiện cấp C/O và Văn bản chấp thuận theo đúng Luật TCCQPĐP. Một số địa phương đang tiếp tục hoàn thiện cơ sở pháp lý để UBND cấp tỉnh giao nhiệm vụ cho đơn vị trực thuộc (như ban hành Quyết định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực xuất xứ hàng hóa) nhưng chưa được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt.

+ *Về thực hiện TTHC:* Thực hiện quy định Nghị định 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên

thông tại Bộ phận Một cửa và Công dịch vụ công quốc gia, tất cả TTHC của Sở Công Thương đều thực hiện nộp và trả hồ sơ tại Bộ phận một cửa của Sở Công Thương tại Trung tâm dịch vụ hành chính công của tỉnh. Đối với số lượng hồ sơ đề nghị cấp C/O của một số tỉnh tương đối nhiều (mỗi ngày 100 – 1.000 bộ hồ sơ), việc chuyên thực hiện trên Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh sẽ phát sinh khó khăn, không đảm bảo thời gian cấp C/O (hồ sơ được giao, nhận, chuyển từ Trung tâm dịch vụ hành chính công đến trụ sở tổ chức cấp C/O và VBCT được UBND giao nhiệm vụ, sau đó hồ sơ được đưa lại Trung tâm dịch vụ hành chính công để trả kết quả cho doanh nghiệp).

Các Sở Công Thương còn lại trong 34 tỉnh, thành phố đang đợi phê duyệt nhiệm vụ cấp chứng nhận xuất xứ hoặc chưa được bố trí nhân lực, chuẩn bị hạ tầng số nên chưa sẵn sàng triển khai Hệ thống eCoSys để thực hiện quy trình thu phí chứng nhận xuất xứ hàng hóa điện tử, cấp và truyền dữ liệu C/O điện tử, ...

+ *Về nghiệp vụ xuất xứ*: Một số Sở Công Thương, đặc biệt là các Sở chưa từng cấp C/O trước đây chia sẻ khó khăn do lĩnh vực xuất xứ hàng hóa mang tính kỹ thuật, chuyên môn nghiệp vụ sâu, đòi hỏi am hiểu kiến thức ngoại thương, hội nhập quốc tế, trình độ ngoại ngữ, hiểu biết về quy trình sản xuất đặc thù của một số mặt hàng.

### **(3) Luật Cạnh tranh**

#### a) Kết quả thi hành văn bản quy phạm pháp luật

- Kết quả thực hiện các quy định về xử phạt đối với hành vi vi phạm quy định về tập trung kinh tế

Từ ngày 01 tháng 4 năm 2023 đến nay, thông qua công tác chủ động rà soát, giám sát hoạt động tập trung kinh tế trên thị trường, Bộ Công Thương đã phát hiện 18 trường hợp tập trung kinh tế có dấu hiệu vi phạm quy định của Luật Cạnh tranh, thuộc các lĩnh vực: bảo hiểm (01 trường hợp), hóa chất (02 trường hợp), thép (02 trường hợp), gạo (02 trường hợp), ô tô (01 trường hợp), chăn nuôi heo (09 trường hợp), thực phẩm (01 trường hợp). Trong số đó:

(i) 01 vụ việc vi phạm quy định về tập trung kinh tế trong lĩnh vực hóa chất đã được Bộ Công Thương tiến hành điều tra, xử lý theo quy định của pháp luật về cạnh tranh;

(ii) 01 trường hợp tập trung kinh tế đang được tiến hành điều tra

(ii) 02 trường hợp tập trung kinh tế sau khi xác minh, làm rõ, được đánh giá không đủ yếu tố cấu thành hành vi vi phạm quy định về tập trung kinh tế;

(iii) 14 trường hợp tập trung kinh tế khác hiện đang được Bộ Công Thương tiếp tục thu thập thông tin, tài liệu để xác minh, làm rõ dấu hiệu vi phạm của các doanh nghiệp tham gia tập trung kinh tế.

Đến thời điểm hiện tại, Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia, Bộ Công Thương đã tiến hành điều tra, xử lý 01 vụ việc vi phạm quy định về tập trung kinh tế liên quan đến giao dịch Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang Lào Cai mua lại để sở hữu 100% cổ phần/vốn góp của Công ty Cổ phần Phốt Pho 6 (nay là Công ty TNHH MTV Phốt Pho 6). Các doanh nghiệp này đã thực hiện giao dịch mua lại doanh nghiệp thuộc ngưỡng phải thông báo tập trung kinh tế theo quy định tại khoản 2 Điều 33 Luật Cạnh tranh và khoản 1 Điều 13 Nghị định số 35/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Cạnh tranh mà không thực hiện nghĩa vụ thông báo tập trung kinh tế theo quy định tại khoản 1 Điều 33 Luật Cạnh tranh, do đó,

đã vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 44 Luật Cạnh tranh về hành vi “*không thông báo tập trung kinh tế theo quy định của Luật Cạnh tranh*”.

Căn cứ quy định của Luật Cạnh tranh và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan, ngày 09 tháng 7 năm 2024, Chủ tịch Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia đã ban hành Quyết định số 170/QĐ-CT về việc xử lý vụ việc cạnh tranh mã số 24-KX-TKT-01. Sau khi thụ lý đơn khiếu nại quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh của Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang Lào Cai, ngày 20 tháng 9 năm 2024, Chủ tịch Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia đã ban hành Quyết định số 279/QĐ-CT về việc giải quyết khiếu nại quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh mã số 24-KX-TKT-01 nêu trên. Theo đó, tổng mức tiền phạt áp dụng đối với 02 doanh nghiệp vi phạm trong vụ việc cạnh tranh là 1.423.982.880 đồng.

Hiện nay, Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia, Bộ Công Thương đang tiếp tục điều tra 01 vụ việc vi phạm quy định về tập trung kinh tế liên quan đến giao dịch của 02 doanh nghiệp trong lĩnh vực chăn nuôi tại Việt Nam.

- Kết quả thực hiện các quy định về thẩm định hồ sơ tập trung kinh tế

Hoạt động mua bán sáp nhập diễn ra sôi động tại Việt Nam. Số lượng hồ sơ thông báo TTKT gửi đến UBCTQG - Bộ Công Thương tăng dần theo từng năm, từ 63 hồ sơ năm 2020 lên 197 hồ sơ năm 2024 (trung bình mỗi năm tăng gần 40%). Tổng cộng có khoảng gần 1000 doanh nghiệp tham gia giao dịch mỗi năm, trong đó tỷ lệ doanh nghiệp nước ngoài thực hiện nghĩa vụ thông báo có xu hướng gia tăng, phản ánh sự hội nhập sâu rộng của nền kinh tế Việt Nam. Phần lớn các hồ sơ đều vượt ngưỡng doanh thu hoặc tài sản, thể hiện tính thực chất và nghiêm túc trong thực hiện nghĩa vụ pháp lý.

Chủ thể tham gia giao dịch TTKT là các doanh nghiệp với loại hình đa dạng, gồm công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty liên doanh. Mỗi giao dịch có từ hai doanh nghiệp tham gia trở lên. Số lượng doanh nghiệp cũng tăng đều qua các năm từ 128 doanh nghiệp trong năm 2020 tăng lên 554 doanh nghiệp trong năm 2024 (bao gồm doanh nghiệp nước ngoài và doanh nghiệp trong nước). Ngoài ra, tỉ lệ doanh nghiệp nước ngoài tham gia giao dịch TTKT lần đầu tiên chiếm ưu thế khi vượt số lượng doanh nghiệp trong nước trong năm 2024 với tỉ lệ lần lượt là 52% và 48% trên tổng số 554 doanh nghiệp.

Theo quy định, TTKT có thể được thực hiện dưới hình thức sáp nhập, hợp nhất, mua lại, liên doanh và các hình thức khác. Trên thực tế, chỉ có hai (02) giao dịch TTKT dưới hình thức hợp nhất thuần túy được thông báo tới UBCTQG - Bộ Công Thương trong năm 2024. Hình thức mua lại doanh nghiệp chiếm chủ yếu với tỉ lệ khoảng 80% trên tổng số hồ sơ thông báo TTKT trong toàn bộ giai đoạn 2020-2024.

Trong các hồ sơ đã tiếp nhận và xử lý trong giai đoạn 2020-2024, bốn (04) lĩnh vực luôn có số lượng giao dịch nhiều nhất chiếm tỉ lệ từ 51% đến 73% trên số vụ việc đã xử lý theo năm là (i) Bất động sản, (ii) Công nghiệp, (iii) Dịch vụ và (iv) năng lượng và khoáng sản.

Trong thực tiễn triển khai giai đoạn 2020 – 2024, Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia đã chủ động áp dụng cơ chế tham vấn trong các vụ việc có tính chất phức tạp, đặc biệt là các giao dịch có yếu tố nước ngoài, có thị phần đáng kể hoặc tiềm ẩn nguy cơ hạn chế cạnh tranh. Việc tham vấn không chỉ giúp UBCTQG - Bộ Công Thương tiếp cận thêm nguồn thông tin độc lập và đa chiều mà còn nâng cao tính minh bạch và trách nhiệm giải trình trong quá trình ra quyết định. Trong một số vụ việc tiêu biểu và có yếu tố ngành đặc thù như: dịch vụ thương mại điện tử, dịch vụ logistics, sản xuất và chế biến nông

sản, sản xuất thực phẩm, công nghiệp hóa chất, dịch vụ bảo hiểm và tài chính tiêu dùng, các ý kiến từ cơ quan quản lý ngành, doanh nghiệp đang hoạt động trên thị trường hay hiệp hội ngành đã cung cấp cơ sở quan trọng để UBCTQG - Bộ Công Thương đưa ra quyết định yêu cầu thẩm định chính thức cũng như đưa ra những điều kiện của việc TTKT.

Trong giai đoạn 2022–2024, UBCTQG - Bộ Công Thương đã hoàn thiện và công bố nhiều báo cáo giám sát TTKT trong các lĩnh vực như: ô tô, bán lẻ, thương mại điện tử, điện lực, logistics và bất động sản. Báo cáo đóng vai trò quan trọng trong việc tổng hợp và dự báo các vấn đề liên quan đến cạnh tranh, phát hiện sớm các nguy cơ dẫn tới hành vi hạn chế cạnh tranh của các ngành, lĩnh vực kinh tế thực hiện giám sát.

- Kết quả thực hiện các quy định về xử phạt đối với hành vi cạnh tranh không lành mạnh

Từ ngày 01 tháng 4 năm 2023 đến nay, thông qua công tác chủ động rà soát, giám sát cạnh tranh trên thị trường và công tác kiểm tra việc chấp hành pháp luật về cạnh tranh tại các doanh nghiệp, Bộ Công Thương đã phát hiện 107 trường hợp có dấu hiệu vi phạm quy định về cạnh tranh không lành mạnh, thuộc các lĩnh vực: điện máy, điện lạnh, sữa, thực phẩm chức năng, vàng, bia không cồn, trang trí nội, ngoại thất, bảo hiểm, ngân hàng...

Tính đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025, Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia, Bộ Công Thương đã và đang tiến hành điều tra tổng cộng 21 vụ việc cạnh tranh không lành mạnh chủ yếu liên quan đến hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 5 Điều 45 Luật Cạnh tranh về “*Đưa thông tin gian dối hoặc gây nhầm lẫn cho khách hàng về doanh nghiệp hoặc hàng hóa, dịch vụ, khuyến mại, điều kiện giao dịch liên quan đến hàng hóa, dịch vụ mà doanh nghiệp cung cấp nhằm thu hút khách hàng của doanh nghiệp khác*”.

Căn cứ quy định của Luật Cạnh tranh và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan, Chủ tịch Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia đã ban hành 16 quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh không lành mạnh với tổng số tiền phạt áp dụng là 3.200.000.000 đồng.

#### b) Ưu điểm và bất cập, hạn chế

- Ưu điểm

Luật Cạnh tranh 2018 thể hiện rõ sự thay đổi về tư duy lập pháp theo hướng hiện đại và tiệm cận thông lệ quốc tế như đã mở rộng đối tượng và phạm vi xuyên biên giới, quy định rõ một số hành vi bị cấm đối với cơ quan nhà nước và bổ sung hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn để can thiệp trái pháp luật vào hoạt động cạnh tranh, chính sách khoan hồng và miễn trừ thỏa thuận hạn chế cạnh tranh, tổ chức lại cơ quan cạnh tranh.

Điểm nổi bật nhất là việc chuyển từ cách tiếp cận mang nặng tính hình thức (dựa chủ yếu vào thị phần, ngưỡng định lượng cứng) sang cách tiếp cận dựa trên “tác động hoặc khả năng gây tác động hạn chế cạnh tranh đáng kể”. Cách tiếp cận này cho phép cơ quan cạnh tranh đánh giá linh hoạt, toàn diện hơn bản chất kinh tế của hành vi và giao dịch, đặc biệt đối với các vụ việc thỏa thuận hạn chế cạnh tranh và tập trung kinh tế. Luật cũng mở rộng phạm vi điều chỉnh, áp dụng đối với cả hành vi hạn chế cạnh tranh xảy ra ngoài lãnh thổ Việt Nam nhưng có hoặc có khả năng gây tác động đến thị trường Việt Nam, qua đó tăng cường hiệu lực bảo vệ cạnh tranh trong bối cảnh hội nhập sâu rộng. Bên cạnh đó, Luật đã thiết kế tương đối đầy đủ hệ thống chế tài, bao gồm biện pháp xử phạt tiền, biện pháp khắc phục hậu quả và các biện pháp kiểm soát hành vi, góp phần nâng cao tính răn đe và phòng ngừa.

Về tập trung kinh tế đã đạt được một số điểm tích cực:

+ Trong 05 năm vừa qua, công tác kiểm soát TTKT (TTKT) theo quy định của Luật Cạnh tranh 2018 và các văn bản hướng dẫn thi hành đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận, từng bước khẳng định vai trò của công cụ kiểm soát TTKT trong việc bảo đảm duy trì môi trường cạnh tranh lành mạnh và bình đẳng giữa các chủ thể trên thị trường.

*Thứ nhất*, khung pháp lý về kiểm soát TTKT đã được kiện toàn, tiệm cận chuẩn mực quốc tế. Luật Cạnh tranh năm 2018 và Nghị định số 35/2020/NĐ-CP đã cung cấp cơ sở pháp lý để thực hiện việc kiểm soát TTKT. Với cách tiếp cận dựa trên bản chất và tác động thực tế của giao dịch và đánh giá toàn diện ảnh hưởng của TTKT đến cấu trúc và mức độ cạnh tranh trên thị trường. Quy định về ngưỡng thông báo dựa trên tổng tài sản, doanh thu, giá trị giao dịch và thị phần kết hợp đã giúp xác định rõ phạm vi kiểm soát và giảm thiểu rủi ro pháp lý cho doanh nghiệp.

+ *Thứ hai*, trong 05 năm vừa qua, số lượng hồ sơ thông báo TTKT gửi đến UBCTQG - Bộ Công Thương tăng dần theo từng năm, từ 63 hồ sơ năm 2020 lên 197 hồ sơ năm 2024 (trung bình mỗi năm tăng gần 40%). Tổng cộng có khoảng gần 1000 doanh nghiệp tham gia giao dịch mỗi năm, trong đó tỷ lệ doanh nghiệp nước ngoài thực hiện nghĩa vụ thông báo có xu hướng gia tăng, phản ánh sự hội nhập sâu rộng của nền kinh tế Việt Nam. Phần lớn các hồ sơ đều vượt ngưỡng doanh thu hoặc tài sản, thể hiện tính thực chất và nghiêm túc trong thực hiện nghĩa vụ pháp lý.

+ *Thứ ba*, quy trình tiếp nhận và thẩm định hồ sơ được thực hiện theo hai giai đoạn: thẩm định sơ bộ (30 ngày) và thẩm định chính thức (90 ngày, có thể gia hạn thêm 60 ngày nếu cần thiết). Thời gian xử lý và thông báo kết quả đối với các hồ sơ thuộc trường hợp tái cấu trúc là 20 ngày. Ngoài ra, phần lớn các hồ sơ (trên 90%) được xử lý tại giai đoạn sơ bộ, cho thấy quy trình phân loại hiệu quả và phù hợp với thực tiễn. Các hồ sơ thẩm định chính thức đều là những vụ việc có yếu tố phức tạp, thị phần lớn hoặc cấu trúc thị trường đặc thù.

+ *Thứ tư*, năng lực phân tích thị trường và xác định cấu trúc giao dịch của UBCTQG - Bộ Công Thương từng bước được nâng cao. UBCTQG - Bộ Công Thương đã thực hiện phân tích theo dạng thức TTKT (chiều ngang, chiều dọc, hỗn hợp), theo hình thức (mua lại, hợp nhất, liên doanh...), theo lĩnh vực (bất động sản, logistics, năng lượng, công nghệ thông tin...) và theo địa lý nơi thực hiện giao dịch (trong nước, ngoài nước). Việc phân loại này không chỉ phục vụ công tác thống kê mà còn giúp định hướng theo dõi, cảnh báo sớm nguy cơ TTKT trong các lĩnh vực nhạy cảm.

+ *Thứ năm*, việc chủ động và sẵn sàng xử lý các vụ việc có yếu tố xuyên biên giới như chuỗi giao dịch của Maersk trong lĩnh vực logistics, Tập đoàn Bunge mua lại Công ty Viterra Limited trong lĩnh vực nông sản hoặc thương vụ giữa Nvidia và VinBrain trong lĩnh vực công nghệ AI đều đã được thẩm định nghiêm túc, đúng quy trình, thể hiện năng lực và tính sẵn sàng của UBCTQG - Bộ Công Thương trong xử lý các giao dịch phức tạp.

+ *Thứ sáu*, UBCTQG - Bộ Công Thương đã chủ động tổ chức tham vấn với các đối tượng liên quan như cơ quan quản lý ngành, hiệp hội, doanh nghiệp và chuyên gia độc lập trong các vụ việc có dấu hiệu phức tạp. Việc thu nhận các ý kiến này giúp củng cố căn cứ đánh giá, đồng thời nâng cao tính minh bạch và chấp nhận xã hội đối với các quyết định quản lý.

+ *Thứ bảy*, công tác thực hiện các hoạt động hỗ trợ thực thi như tuyên truyền,

nghiên cứu thị trường đã được triển khai giúp doanh nghiệp nâng cao hiểu biết pháp luật, trang bị kiến thức xây dựng chương trình tuân thủ và góp phần tạo lập cơ chế đối thoại giữa nhà nước và doanh nghiệp.

- Bất cập, hạn chế

Luật Cạnh tranh 2018 được xây dựng trên nền tảng lý luận và thực tiễn của các thị trường hàng hóa, dịch vụ truyền thống, nơi mối quan hệ cạnh tranh chủ yếu được đánh giá thông qua khả năng thay thế về đặc tính, mục đích sử dụng và giá cả. Tuy nhiên, với sự phát triển đột phá của nền kinh tế số, đặc biệt là các nền tảng đa diện dựa trên dữ liệu lớn và AI, một số quy định của Luật Cạnh tranh về xác định thị phần, thị trường liên quan.

Một số quy định hiện hành của Luật Cạnh tranh và các văn bản hướng dẫn còn chưa bao quát đầy đủ các tình huống thực tiễn. Cụ thể, pháp luật chưa có quy định rõ ràng về trường hợp hồ sơ khiếu nại vụ việc cạnh tranh không đầy đủ, hợp lệ thì UBCTQG - Bộ Công Thương trả lại hồ sơ hay yêu cầu bổ sung hồ sơ, trường hợp các giao dịch dưới ngưỡng thông báo nhưng tiềm ẩn nguy cơ gây hạn chế cạnh tranh nghiêm trọng... Trong bối cảnh nhiều giao dịch công nghệ diễn ra với giá trị tài chính không lớn nhưng có tác động mạnh mẽ đến quyền lực thị trường (ví dụ: mua lại các công ty khởi nghiệp trong lĩnh vực dữ liệu, nền tảng, AI...), việc thiếu công cụ pháp lý để xử lý có thể tạo ra khoảng trống trong thực thi.

Bên cạnh đó, các quy định liên quan đến biện pháp khắc phục (structural remedies, behavioral remedies) vẫn còn chung chung, chưa được cụ thể hóa về điều kiện áp dụng, cơ chế giám sát và chế tài trong trường hợp không tuân thủ sau khi giao dịch được phê duyệt có điều kiện.

Ngoài ra, mối quan hệ giữa Luật Cạnh tranh và các luật chuyên ngành (như pháp luật về giá, sở hữu trí tuệ, quảng cáo, đầu tư, doanh nghiệp, viễn thông, năng lượng...) chưa được xử lý thật sự rành mạch, dễ phát sinh chồng chéo về thẩm quyền và cách thức xử lý hành vi vi phạm. Trong thời gian qua, Bộ Công Thương đã rà soát, góp ý và kiến nghị nhiều Bộ/ Ngành sửa đổi, thay thế các văn bản quy phạm pháp luật liên quan để khắc phục những chồng chéo, mâu thuẫn với pháp luật cạnh tranh ở Việt Nam.

Hiệu quả thực thi của Luật Cạnh tranh 2018 còn phụ thuộc nhiều vào năng lực tổ chức, nguồn nhân lực và tính độc lập thực tế của cơ quan cạnh tranh. Quy trình điều tra, xử lý vụ việc, đặc biệt là vụ việc phức tạp về tập trung kinh tế và lạm dụng vị trí thống lĩnh, vẫn kéo dài, chưa đáp ứng tốt yêu cầu về tính kịp thời của thị trường. Luật cũng chưa quy định đầy đủ, rõ ràng về một số vấn đề có ý nghĩa thực tiễn lớn, chẳng hạn như thời hạn hiệu lực của quyết định tập trung kinh tế.

Về tập trung kinh tế, mặc dù đạt được nhiều kết quả tích cực trong giai đoạn 2020–2024, công tác kiểm soát TTKT (TTKT) tại Việt Nam vẫn còn tồn tại một số vấn đề về thể chế, tổ chức thực hiện và năng lực thực thi. Những hạn chế này đã ảnh hưởng đến hiệu quả tổng thể của hoạt động kiểm soát TTKT, đặc biệt trong bối cảnh nền kinh tế hội nhập sâu rộng và xuất hiện nhiều mô hình kinh doanh mới, giao dịch phức tạp, đòi hỏi yêu cầu quản lý ngày càng cao.

+ Về quy định của pháp luật

Một số quy định hiện hành của Luật Cạnh tranh và các văn bản hướng dẫn còn

chưa bao quát đầy đủ các tình huống thực tiễn. Cụ thể, pháp luật chưa có quy định rõ ràng về khả năng rà soát các giao dịch dưới ngưỡng thông báo nhưng tiềm ẩn nguy cơ gây hạn chế cạnh tranh nghiêm trọng. Trong bối cảnh nhiều giao dịch công nghệ diễn ra với giá trị tài chính không lớn nhưng có tác động mạnh mẽ đến quyền lực thị trường (ví dụ: mua lại các công ty khởi nghiệp trong lĩnh vực dữ liệu, nền tảng, AI...), việc thiếu công cụ pháp lý để xử lý có thể tạo ra khoảng trống trong thực thi.

Bên cạnh đó, các quy định liên quan đến biện pháp khắc phục (structural remedies, behavioral remedies) vẫn còn chung chung, chưa được cụ thể hóa về điều kiện áp dụng, cơ chế giám sát và chế tài trong trường hợp không tuân thủ sau khi giao dịch được phê duyệt có điều kiện.

+ Quy định về các hình thức thông báo TTKT

**Thứ nhất**, việc quy định hình thức TTKT theo hướng liệt kê như quy định hiện hành tại khoản 1 Điều 29 có thể dẫn đến bỏ sót các giao dịch cũng có bản chất là TTKT và gây tác động hoặc có khả năng gây tác động hạn chế cạnh tranh một cách đáng kể trên thị trường nhưng lại không thuộc các trường hợp sáp nhập doanh nghiệp, hợp nhất doanh nghiệp, mua lại doanh nghiệp, liên doanh giữa các doanh nghiệp quy định lần lượt tại các khoản 2, 3, 4 và 5 Điều 29 Luật Cạnh tranh và cũng không được quy định tại văn bản quy phạm pháp luật nào khác để xác định là hình thức TTKT khác theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 29, cụ thể:

(i) Một số giao dịch TTKT xảy ra trong trường hợp một doanh nghiệp tăng hoặc giảm vốn điều lệ, dẫn đến thay đổi tỷ lệ sở hữu của các thành viên góp vốn/cổ đông. Từ đó, thay đổi chủ thể có quyền kiểm soát, chi phối đối với doanh nghiệp đó. Những giao dịch này có khả năng gây tác động hạn chế cạnh tranh đến thị trường Việt Nam nhưng không thuộc trường hợp sáp nhập, hợp nhất, mua lại, liên doanh giữa các doanh nghiệp theo quy định tại Điều 29 Luật Cạnh tranh.

(ii) Một số giao dịch TTKT xảy ra trong trường hợp một doanh nghiệp thực hiện mua lại 50% vốn góp của một doanh nghiệp khác. Sau giao dịch, doanh nghiệp bị mua lại có 02 chủ sở hữu, mỗi chủ sở hữu sở hữu 50% vốn/cổ phần, có quyền ngang nhau trong việc quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên hội đồng quản trị, chủ tịch hội đồng thành viên, giám đốc hoặc tổng giám đốc của doanh nghiệp bị mua lại; quyết định sửa đổi, bổ sung điều lệ của doanh nghiệp bị mua lại; quyết định các vấn đề quan trọng trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bị mua lại. Với các quy định pháp luật hiện hành về mua lại doanh nghiệp theo khoản 4 Điều 29 Luật Cạnh tranh, khoản 1 Điều 2 Nghị định số 35/2020/NĐ-CP, chưa đủ căn cứ để xác định những giao dịch này là TTKT theo hình thức mua lại doanh nghiệp. Đồng thời, cũng không có căn cứ để xác định những giao dịch này thuộc bất kì hình thức TTKT nào theo pháp luật cạnh tranh.

Trong khi đó, đối với trường hợp hai hoặc nhiều doanh nghiệp cùng nhau góp một phần tài sản, quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của mình để hình thành một doanh nghiệp mới (không quy định về tỉ lệ góp vốn, do đó, có thể bao gồm trường hợp các bên góp vốn theo tỉ lệ 50:50 như trường hợp nêu trên), hiện nay căn cứ khoản 5 Điều 29 Luật Cạnh tranh, những giao dịch này được xác định là TTKT theo hình thức liên doanh và trường hợp đạt ngưỡng thông báo TTKT thì các bên dự định tham gia TTKT có nghĩa vụ thông báo TTKT.

**Thứ hai**, trên thực tế cũng phát sinh trường hợp một số giao dịch thuộc các hình thức quy định tại Điều 29 và thuộc ngưỡng thông báo TTKT quy định tại Điều 13 Nghị

định số 35/2020/NĐ-CP nhưng lại không làm thay đổi cấu trúc thị trường sau giao dịch mua lại, không tác động và không có khả năng gây tác động hạn chế cạnh tranh đến thị trường Việt Nam nhưng lại vẫn thuộc trường hợp phải thông báo TTKT như trường hợp công ty mẹ tăng tỷ lệ sở hữu tại công ty con, một số trường hợp tái cấu trúc nội bộ của các doanh nghiệp cùng thuộc một nhóm công ty. Cụ thể, trong quá trình kiểm soát TTKT, UBCTQG - Bộ Công Thương nhận thấy các tập đoàn kinh tế, tổng công ty thường thực hiện các giao dịch TTKT tái cấu trúc nội bộ nhằm tối ưu hóa nguồn lực và nguồn vốn. Theo đó, thường diễn ra các giao dịch sáp nhập, hợp nhất, mua lại giữa các doanh nghiệp cùng thuộc một nhóm công ty. Trong số đó, nhiều trường hợp không làm thay đổi quyền kiểm soát đối với doanh nghiệp bị mua lại (trong trường hợp mua lại doanh nghiệp) và không làm thay đổi cấu trúc thị trường và mức độ tập trung trên từng thị trường liên quan nên biên độ tăng của tổng bình phương mức thị phần của các doanh nghiệp trên từng thị trường liên quan trước và sau TTKT (chỉ số  $\Delta HHI$ ) luôn bằng 0.

Tuy nhiên, cần nghiên cứu để có quy định chi tiết đảm bảo không tạo ra khoảng trống pháp lý để các doanh nghiệp lợi dụng hình thức tái cấu trúc mà “né tránh” các quy định về nghĩa vụ thông báo TTKT.

+ Quy định về nghĩa vụ thông báo TTKT và ngưỡng thông báo TTKT

**Thứ nhất**, theo khoản 2 Điều 33 Luật Cạnh tranh 2018, các tiêu chí xác định ngưỡng thông báo TTKT gồm: tổng tài sản, tổng doanh thu, giá trị giao dịch và thị phần kết hợp trên thị trường liên quan của các doanh nghiệp tham gia TTKT.

Trên thực tế, các doanh nghiệp tham gia TTKT có hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực rất đa dạng. Trong đó, đối với các lĩnh vực đặc thù, việc xác định ngưỡng thông báo TTKT dựa trên các tiêu chí quy định tại khoản 2 Điều 33 là không phù hợp. Ví dụ, trong nhiều giao dịch TTKT, các bên tham gia có hoạt động kinh doanh các nền tảng số. Trong khi đó, việc căn cứ vào các tiêu chí xác định ngưỡng thông báo TTKT như khoản 2 Điều 33 là chưa phù hợp do:

- Các ngưỡng dựa trên doanh thu, tài sản hoặc giá trị giao dịch thường không phản ánh đúng sức mạnh thị trường thực tế của doanh nghiệp số. Nhiều nền tảng có doanh thu thấp hoặc chưa tạo lợi nhuận tại Việt Nam nhưng sở hữu tập người dùng rất lớn, khả năng khai thác dữ liệu và hiệu ứng mạng lưới mạnh, tiềm ẩn rủi ro hạn chế cạnh tranh sau TTKT.

- Trong một số thị trường đặc biệt, ví dụ kinh tế số, người dùng, dữ liệu và sự tương tác là tài sản cốt lõi tạo ra lợi thế cạnh tranh bền vững. Việc bổ sung tiêu chí như số lượng người dùng hoạt động, mức độ tăng trưởng người dùng, hoặc mức độ đa chiều của nền tảng giúp cơ quan cạnh tranh đánh giá chính xác hơn khả năng gia tăng sức mạnh thị trường sau giao dịch.

- Nhiều giao dịch mua lại doanh nghiệp khởi nghiệp, ứng dụng số hoặc nền tảng mới nổi có giá trị giao dịch không lớn nhưng lại nhằm loại bỏ đối thủ cạnh tranh tiềm năng. Ngưỡng dựa trên người dùng giúp sớm phát hiện các giao dịch này để kịp thời đánh giá tác động cạnh tranh.

**Thứ hai**, trong trường hợp TTKT được thực hiện, UBCTQG - Bộ Công Thương ban hành Thông báo về việc TTKT được thực hiện. Pháp luật hiện hành không có quy định về thời hạn có hiệu lực của Thông báo này. Trong khi đó, các thông tin trong hồ sơ thông báo TTKT làm cơ sở để đánh giá một giao dịch TTKT được thực hiện hay TTKT có điều kiện hay TTKT bị cấm đều là những thông tin có thể thay đổi theo thời gian. Do đó, dẫn tới một số trường hợp sau khi nhận được Thông báo về việc TTKT được thực

hiện, doanh nghiệp chưa thực hiện ngay việc TTKT mà thực hiện tại thời điểm khi các thông tin trong hồ sơ thông báo TTKT làm cơ sở để UBCTQG - Bộ Công Thương ra Thông báo đã thay đổi, ví dụ như thông tin về thị phần kết hợp của các doanh nghiệp tham gia TTKT trên thị trường liên quan tại thời điểm thông báo tới UBCTQG - Bộ Công Thương đủ điều kiện để việc TTKT được thực hiện nhưng tại thời điểm doanh nghiệp thực hiện TTKT thực tế thì thông tin thị phần kết hợp đã thay đổi dẫn đến rơi vào trường hợp TTKT có điều kiện. Tuy nhiên, trường hợp này không có cơ sở pháp lý rõ ràng thể hiện doanh nghiệp có nghĩa vụ thông báo TTKT.

+ Quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục thông báo tập trung kinh tế

**Thứ nhất**, theo điểm b khoản 1 Điều 34 Luật Cạnh tranh, một trong các thành phần của bộ hồ sơ thông báo TTKT là “*dự thảo nội dung thỏa thuận tập trung kinh tế hoặc dự thảo hợp đồng, biên bản ghi nhớ việc tập trung kinh tế giữa các doanh nghiệp*”.

Tuy nhiên, trên thực tế, qua nghiên cứu quy định pháp luật về chứng khoán và tham vấn ý kiến của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, UBCTQG - Bộ Công Thương nhận thấy đối với các giao dịch chào mua công khai cổ phiếu, việc yêu cầu lập dự thảo thỏa thuận TTKT hoặc dự thảo hợp đồng, biên bản ghi nhớ về việc TTKT giữa bên mua và bên bán trong trường hợp chào mua công khai là không thể thực hiện được và việc chào mua công khai không yêu cầu sự đồng thuận của công ty mục tiêu.

Hiện nay, qua tham vấn ý kiến của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, UBCTQG - Bộ Công Thương đang xử lý các hồ sơ thông báo TTKT là giao dịch chào mua công khai theo hướng đề nghị các bên cung cấp các tài liệu thể hiện ý chí của bên mua về việc mua lại số lượng cổ phiếu nhất định của công ty mục tiêu và khả năng bán số lượng cổ phiếu này của bên bán để đánh giá hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo điểm b khoản 1 Điều 34 Luật Cạnh tranh.

Tuy nhiên, trong thời gian tới, UBCTQG cho rằng cần rà soát một cách toàn diện các giao dịch chào mua công khai cũng như các giao dịch tương tự để nghiên cứu sửa đổi, bổ sung quy định về hồ sơ thông báo TTKT phù hợp hơn với mọi trường hợp trên thực tế.

**Thứ hai**, theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 34 Luật Cạnh tranh, một trong các thành phần của hồ sơ thông báo TTKT là “*Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản tương đương của từng doanh nghiệp tham gia TTKT*”.

Theo điểm a khoản 5 Điều 4 Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP của Chính phủ quy định cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (đối với doanh nghiệp được thành lập theo Luật Doanh nghiệp) là một trong các thành phần hồ sơ thủ tục hành chính được thay thế bằng việc sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu. Do đó, thực hiện điểm d khoản 1 Điều 7 Nghị quyết 66.7/2025/NQ-CP, việc sửa đổi quy định điểm c khoản 1 Điều 34 Luật Cạnh tranh 2018 là cần thiết.

+ Nhóm các quy định liên quan đến thẩm định chính thức hồ sơ thông báo tập trung kinh tế

Đối với trường hợp UBCTQG - Bộ Công Thương ban hành Quyết định về việc TTKT có điều kiện, pháp luật hiện hành không có quy định về thời hạn thực hiện các điều kiện theo Quyết định này dẫn tới một số trường hợp khi bối cảnh đã thay đổi, việc áp dụng các điều kiện này không còn phù hợp, doanh nghiệp vẫn phải thực hiện.

Do đó, UBCTQG - Bộ Công Thương cho rằng cần nghiên cứu quy định về thời

hạn thực hiện Quyết định về việc TTKT có điều kiện và xem xét lại sau một khoảng thời gian nhất định.

+ Hạn chế trong năng lực phân tích và đánh giá tác động cạnh tranh

Dù đã tăng cường đào tạo, nâng cao năng lực phân tích, công tác đánh giá tác động cạnh tranh của một số vụ việc TTKT vẫn chủ yếu dựa trên phương pháp định lượng, chủ yếu thị phần. Việc áp dụng các mô hình phân tích định tính hoặc lượng hóa các yếu tố định tính khác ngoài thị phần, công cụ phân tích hiện đại như mô phỏng giao dịch TTKT, đánh giá các yếu tố tài chính của việc TTKT của UBCTQG - Bộ Công Thương còn hạn chế do thiếu cơ sở dữ liệu, phần mềm phân tích chuyên sâu và nhân lực có chuyên môn kinh tế cạnh tranh.

Ngoài ra, việc xác định thị trường liên quan – đặc biệt trong lĩnh vực số – gặp nhiều khó khăn do thiếu thông tin, cấu trúc thị trường thay đổi nhanh, và sản phẩm/dịch vụ không có hình thức biểu giá rõ ràng. Những yếu tố này ảnh hưởng đến độ chính xác và tính thuyết phục của kết luận thẩm định.

+ Hạn chế trong cơ chế giám sát sau giao dịch, phối hợp liên ngành và chia sẻ dữ liệu

UBCTQG - Bộ Công Thương còn thiếu nguồn lực và công cụ để theo dõi, giám sát và xử lý vi phạm trong trường hợp doanh nghiệp không tuân thủ các nghĩa vụ sau giao dịch.

Đồng thời, việc phối hợp giữa UBCTQG - Bộ Công Thương với các cơ quan quản lý ngành còn chưa hiệu quả do thiếu cơ chế chia sẻ thông tin chính thức và kịp thời. Hầu hết các bộ, ngành hiện nay chưa xây dựng được cơ sở dữ liệu đầy đủ và cập nhật về thị trường, doanh nghiệp, thị phần... để hỗ trợ cho quá trình đánh giá TTKT.

Hiện chưa có một hệ thống cơ sở dữ liệu tập trung, liên thông và cập nhật định kỳ về các doanh nghiệp, thị phần, doanh thu, chuỗi sở hữu và các giao dịch TTKT. Điều này khiến quá trình tra cứu, phân tích, xác minh thông tin trong quá trình thẩm định TTKT gặp nhiều khó khăn.

Điều này gây khó khăn cho việc tham vấn, xác minh và phân tích khi thực hiện thẩm định hồ sơ, đặc biệt trong các vụ việc phức tạp hoặc khi đánh giá tác động chéo giữa nhiều ngành.

+ Hạn chế do nhận thức tuân thủ pháp luật cạnh tranh của doanh nghiệp còn hạn chế

Một bộ phận doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa trong nước, chưa nhận thức đầy đủ về nghĩa vụ thông báo và tác động của việc thực hiện TTKT đến môi trường cạnh tranh. Một số doanh nghiệp còn nhầm lẫn giữa các quy định của Luật Cạnh tranh với Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp, từ đó dẫn đến việc chậm trễ hoặc thiếu sót trong việc thông báo TTKT.

Ngoài ra, có hiện tượng doanh nghiệp thông báo theo hình thức đối phó, nộp hồ sơ thiếu tài liệu hoặc đưa thông tin chưa chính xác, ảnh hưởng đến chất lượng thẩm định của cơ quan quản lý.

#### **(4) Luật Bảo vệ người tiêu dùng**

a) Kết quả thi hành văn bản quy phạm pháp luật

Trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ trên, Bộ Công Thương nhận thấy không

có khó khăn, vướng mắc, không phát sinh thêm chi phí, nguồn lực thực hiện.

Ngoài ra, Bộ Công Thương đã phối hợp chặt chẽ với các địa phương trong công tác tuyên truyền, hỗ trợ triển khai các văn bản pháp lý, giúp nâng cao nhận thức của các cơ quan địa phương về vai trò và nhiệm vụ trong việc bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

Bộ Công Thương đã triển khai kịp thời, toàn diện Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng. Cụ thể:

- Đã có Văn bản đề nghị các Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân các cấp tiến hành rà soát và gửi báo cáo kết quả rà soát các quy định pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng. Theo đó, kết quả cho thấy, các quy định về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng tại các văn bản pháp luật do các Bộ, cơ quan ngang Bộ, UBND các cấp ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành là phù hợp, không có mâu thuẫn, chông chéo với các quy định của Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

- Đã trình cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản triển khai Luật, gồm: -i) Nghị định số 55/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; và ii) Quyết định số 07/2024/QĐ-TTg ngày 20 tháng 6 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ phải đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung.

- Bộ Công Thương đã xây dựng Đề án triển khai Quyết định số 1012/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, trong đó, tập trung vào các hoạt động tuyên truyền, phổ biến Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng giai đoạn 2024 – 2026.

- Năm 2025, Bộ Công Thương đã chủ động thành lập các đoàn công tác, cử cán bộ trực tiếp xuống địa phương để hướng dẫn, hỗ trợ địa phương triển khai các nhiệm vụ theo quy định về phân cấp, phân quyền.

- Đặc biệt, giai đoạn 2024 – 2025, đã triển khai 10 đoàn thanh, kiểm tra, tổ chức rà soát 26 vụ việc để đánh giá việc tuân thủ quy định pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng của các tổ chức, cá nhân kinh doanh. Qua đó, đã ban hành 20 quyết định xử phạt vi phạm hành chính với tổng số tiền phạt hơn 3,1 tỷ đồng. Trong đó, phần lớn các hoạt động kiểm tra, giám sát đều ghi nhận các tồn tại liên quan đến việc thực thi quy định về bảo vệ thông tin của người tiêu dùng.

#### b) Ưu điểm và bất cập, hạn chế

Việc phân quyền và phân cấp có tác động mạnh mẽ đến công tác triển khai, nhưng để đảm bảo thành công, các địa phương cần được hỗ trợ thêm về nguồn lực tài chính, nhân lực và cơ sở vật chất. Đảm bảo nguồn lực là yếu tố quan trọng để các địa phương thực hiện được nhiệm vụ bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng. Các địa phương cần có nguồn lực để đầu tư vào công nghệ thông tin, nâng cao trình độ chuyên môn của cán bộ và xây dựng cơ sở hạ tầng cần thiết cho công tác giám sát và kiểm tra. Các bộ, ngành, địa phương đã có sự vào cuộc đồng bộ để triển khai các quy định của Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

Về cơ bản, các quy định của Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng đã kịp thời, nhanh chóng được tuyên truyền và đưa vào thực tiễn của đời sống.

#### - Bất cập, hạn chế

Việc tuyên truyền, hiểu và thực hiện đầy đủ, hiệu quả một số quy định về phân cấp, phân quyền trong Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng còn mới, chưa được triển khai đồng bộ, thống nhất trên cả nước.

Việc thực thi một số quy định về bảo vệ thông tin của người tiêu dùng trong Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng còn chưa thống nhất, chưa tạo sự rõ ràng, hiệu quả.

Để khắc phục những hạn chế này, cần có kế hoạch hỗ trợ tăng cường nguồn lực cho các địa phương, đồng thời đảm bảo cơ sở vật chất kỹ thuật phù hợp với yêu cầu thực thi Nghị định 146/2025/NĐ-CP. Các cơ quan chức năng cần cung cấp thêm các khóa đào tạo, nâng cao năng lực cho cán bộ địa phương và hỗ trợ về tài chính để các địa phương có thể thực hiện đầy đủ và hiệu quả nhiệm vụ phân cấp.

### **3. Khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân**

#### **(1) Luật Thương mại**

- Chấp thuận hàng hóa, dịch vụ thuộc diện cấm xuất khẩu được tham gia hội chợ, triển lãm thương mại ở nước ngoài

Ngày 12 tháng 6 năm 2025, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 146/2025/NĐ-CP quy định về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại, theo đó, tại khoản 1 Điều 29 Nghị định này đã phân quyền nhiệm vụ, quyền hạn của Thủ tướng Chính phủ trong việc chấp thuận hàng hóa, dịch vụ thuộc diện cấm xuất khẩu được tham gia hội chợ, triển lãm thương mại ở nước ngoài theo quy định tại khoản 2 Điều 135 Luật Thương mại do Bộ, cơ quan ngang Bộ có thẩm quyền quản lý thực hiện.

Sau khi Nghị định số 146/2025/NĐ-CP được ban hành, Bộ Công Thương chưa nhận được đơn đăng ký của thương nhân đối với TTHC này và chưa nhận được thông tin phản ánh của các Bộ, ngành, doanh nghiệp về khó khăn, vướng mắc và kiến nghị liên quan đến việc thực hiện thủ tục này.

Đây là vấn đề cụ thể thuộc trách nhiệm của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ với tư cách Thành viên Chính phủ. Theo đó, việc phân quyền thủ tục này là phù hợp với chủ trương đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, tạo thuận lợi cho thương nhân trong thực hiện TTHC, đảm bảo công tác quản lý của Bộ, ngành. Không phát sinh thêm chi phí cho doanh nghiệp.

Để đảm bảo tuân thủ quy định tại Điều 32 của Luật Tổ chức Chính phủ năm 2025, Bộ Công Thương đề xuất sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 135 Luật Thương mại theo hướng phân quyền chấp thuận hàng hóa, dịch vụ thuộc diện cấm xuất khẩu được tham gia hội chợ, triển lãm thương mại ở nước ngoài từ Thủ tướng Chính phủ sang Bộ, cơ quan ngang bộ có thẩm quyền quản lý như đã được quy định tại Nghị định số 146/2025/NĐ-CP.

- Chấp thuận bán, tặng hàng hóa thuộc diện cấm xuất khẩu nhưng đã được tạm xuất khẩu để tham gia hội chợ, triển lãm thương mại ở nước ngoài

Ngày 12 tháng 6 năm 2025, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 146/2025/NĐ-CP quy định về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại, theo đó, tại khoản 2 Điều 29 Nghị định này đã phân quyền nhiệm vụ, quyền hạn của Thủ tướng Chính phủ trong việc chấp thuận việc bán, tặng hàng hóa thuộc diện cấm xuất khẩu nhưng đã được tạm xuất khẩu để tham gia hội chợ, triển lãm thương mại ở nước ngoài theo quy định tại khoản 2 Điều 137 Luật Thương mại do Bộ, cơ quan ngang Bộ có thẩm quyền quản lý thực hiện.

Sau khi Nghị định số 146/2025/NĐ-CP được ban hành, Bộ Công Thương chưa nhận được đơn đăng ký của thương nhân đối với TTHC này và chưa nhận được thông tin phản ánh của các Bộ, ngành, doanh nghiệp về khó khăn, vướng mắc và kiến nghị

liên quan đến việc thực hiện thủ tục này.

Đây là vấn đề cụ thể thuộc trách nhiệm của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ với tư cách Thành viên Chính phủ. Theo đó, việc phân quyền thủ tục này là phù hợp với chủ trương đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, tạo thuận lợi cho thương nhân trong thực hiện TTHC, đảm bảo công tác quản lý của Bộ, ngành. Không phát sinh thêm chi phí cho doanh nghiệp.

Để đảm bảo tuân thủ quy định tại Điều 32 của Luật Tổ chức Chính phủ năm 2025, Bộ Công Thương đề xuất sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 137 Luật Thương mại theo hướng phân quyền nhiệm vụ, quyền hạn của Thủ tướng Chính phủ trong việc chấp thuận việc bán, tặng hàng hóa thuộc diện cấm xuất khẩu nhưng đã được tạm xuất khẩu để tham gia hội chợ, triển lãm thương mại ở nước ngoài do Bộ, cơ quan ngang Bộ có thẩm quyền quản lý thực hiện.

- Hệ thống quy định của các luật chưa đồng bộ do có nhiều văn bản quy phạm pháp luật mới ban hành

- Về khái niệm hàng giả:

+ Việc sử dụng các dấu hiệu mang tính định tính như trường hợp hàng hóa “*không đúng với nguồn gốc bản chất tự nhiên*” dễ dẫn đến cách hiểu khác nhau và gây khó khăn cho cơ quan thực thi. Để kết luận một sản phẩm là hàng giả trong các trường hợp này thường phải tiến hành giám định, thử nghiệm, thậm chí thử nghiệm chuyên sâu, làm phát sinh chi phí lớn và kéo dài thời gian xử lý vụ việc.

+ Việc lấy ngưỡng 70% làm ranh giới phân biệt giữa hàng giả và hàng không đạt chất lượng trong một số lĩnh vực bị phản ánh là còn cứng nhắc, chưa phản ánh đầy đủ mức độ nguy hại thực tế của hàng hóa vi phạm. Có trường hợp chỉ thiếu một tỷ lệ hoạt chất thấp hơn đáng kể cũng đã làm mất tác dụng sử dụng, nhưng chưa đủ căn cứ để xác định là hàng giả.

+ Hàng giả là thực phẩm và thực phẩm bảo vệ sức khỏe đang có xu hướng diễn biến phức tạp, thường được sản xuất tinh vi, khó phân biệt và được tiêu thụ chủ yếu qua các kênh bán lẻ, mạng xã hội, sàn thương mại điện tử dẫn đến việc kiểm soát nguồn gốc, xuất xứ, chất lượng hàng hóa gặp nhiều khó khăn.

+ Hoạt động vận chuyển, sản xuất, kinh doanh hàng giả diễn ra với nhiều phương thức, thủ đoạn tinh vi; đặc biệt, thương mại điện tử xuyên biên giới xuất hiện nhiều hình thức mới như livestream bán hàng từ nước ngoài rồi gửi hàng về Việt Nam nhưng không có địa chỉ, cửa hàng, kho hàng rõ ràng, làm cho công tác giám sát, kiểm tra và xử lý gặp nhiều trở ngại.

+ Vẫn còn tình trạng người tiêu dùng biết hàng hóa là giả hoặc xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ nhưng vẫn mua vì tâm lý ham rẻ, thuận tiện, qua đó vô hình trung tiếp tay cho hàng giả tiếp tục lưu thông trên thị trường.

## **(2) Luật Quản lý ngoại thương**

*Thứ nhất, các nội dung liên quan đến thực hiện phân cấp, phân quyền:*

- Cấp phép xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa thuộc Danh mục cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu trong một số trường hợp cụ thể:

Ngày 12 tháng 6 năm 2025, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 146/2025/NĐ-CP quy định về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại, theo đó, đã phân quyền, phân cấp thẩm quyền cho phép xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa thuộc

Danh mục cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu trong một số trường hợp cụ thể tại khoản 2 Điều 10 Luật Quản lý ngoại thương. Cụ thể tại khoản 1 Điều 28 Nghị định này quy định như sau:

*“Nhiệm vụ, quyền hạn của Thủ tướng Chính phủ quyết định cho phép xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa quy định tại khoản 1 Điều 10 Luật Quản lý ngoại thương năm 2017 nhằm phục vụ mục đích đặc dụng, bảo hành, phân tích, kiểm nghiệm, nghiên cứu khoa học, y tế, sản xuất dược phẩm, bảo vệ quốc phòng, an ninh quy định tại khoản 2 Điều 10 Luật Quản lý ngoại thương năm 2017 do Bộ, cơ quan ngang Bộ có thẩm quyền quản lý thực hiện, trừ vũ khí trang bị kỹ thuật có ý nghĩa chiến lược, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ đặc biệt theo pháp luật về công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp.”*

Theo khoản 1 Điều 32 Luật Tổ chức Chính phủ năm 2025 quy định *“1. Trường hợp luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ chưa phù hợp với quy định của Luật này thì phải điều chỉnh thống nhất với quy định của Luật này trong thời hạn 02 năm kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành.”*

Đồng thời, khoản 2 Điều 11 Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 quy định *“2. Cơ quan, người có thẩm quyền phải ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự, thủ tục rút gọn để xử lý các văn bản chịu sự tác động do sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước, bảo đảm hoàn thành trước ngày 01 tháng 3 năm 2027.”*

Do đó, Bộ Công Thương đề xuất sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 10 Luật Quản lý ngoại thương để tiếp tục phân quyền cấp phép nhập khẩu hàng hóa thuộc danh mục cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu trong một số trường hợp như đã được quy định tại Nghị định số 146/2025/NĐ-CP. Đồng thời, để đảm bảo tinh thần Luật khung và giao Chính phủ quy định cụ thể các nội dung tại Luật trên cơ sở nguyên tắc phân định thẩm quyền tại Điều 6 Luật Tổ chức Chính phủ theo yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ tại mục 2 Văn bản số 435/TTg-TCCV:

*“Không quy định cụ thể tên Bộ, ngành và nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của Bộ, ngành tại dự thảo luật, nghị quyết, pháp lệnh, bảo đảm quy định những vấn đề thuộc thẩm quyền của Quốc hội theo quy định của Hiến pháp; không phân quyền trực tiếp cho các Bộ trưởng tại luật, pháp lệnh, nghị quyết, bảo đảm Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về các ngành, lĩnh vực và thực hiện phân công phạm vi quản lý nhà nước cho các Bộ, cơ quan ngang Bộ theo quy định của Luật Tổ chức Chính phủ[2]. Đối với các vấn đề về bảo đảm quyền con người, quyền công dân; liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội; trình tự tố tụng; thực hiện các khuyến nghị, cam kết, thỏa thuận quốc tế hoặc vấn đề khác được xác định là cơ bản, quan trọng thuộc thẩm quyền quyết định của Quốc hội cần thiết quy định cụ thể nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ tại các luật, cơ quan chủ trì soạn thảo cần giải trình rõ sự cần thiết trong quá trình xây dựng luật để tham mưu Chính phủ trình Quốc hội xem xét, quyết định theo thẩm quyền. ”*

Do đó, Bộ Công Thương đề xuất sửa đổi, bổ sung Điều 10 Luật Quản lý ngoại thương theo hướng Chính phủ quy định cụ thể các trường hợp ngoại lệ và thẩm quyền,

trình tự, thủ tục cho phép xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu.

- Ngày 18/5/2026, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh, theo đó, đã phân quyền thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Công Thương tại khoản 1 Điều 14 Luật Quản lý ngoại thương cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện. Do vậy, Bộ Công Thương đề xuất sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 14 Luật Quản lý ngoại thương theo hướng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cho phép xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa đã có quyết định tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu nhằm phục vụ mục đích đặc dụng, bảo hành, phân tích, kiểm nghiệm, nghiên cứu khoa học, y tế, sản xuất dược phẩm, bảo vệ quốc phòng, an ninh, trên cơ sở lấy ý kiến hoặc theo đề xuất của Bộ, cơ quan ngang Bộ có liên quan, trừ trường hợp pháp luật về thú y, bảo vệ và kiểm dịch thực vật có quy định khác.

-

- Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) và văn bản chấp thuận cho thương nhân tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa:

Thực hiện Kết luận 155, Nghị quyết 60-NQ/TW ngày 12/4/2025 của Hội nghị lần thứ 11 Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII, ngày 12 tháng 6 năm 2025, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 146/2025/NĐ-CP quy định về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại, theo đó, đã bổ sung phân quyền cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện cấp CO và chấp thuận bằng văn bản cho thương nhân tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa tại Điều 34 Luật Quản lý ngoại thương. Cụ thể tại khoản 6 Điều 28 Nghị định này quy định như sau:

*Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ trưởng Bộ Công Thương về cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa và chấp thuận bằng văn bản cho thương nhân tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa xuất khẩu quy định tại Điều 34 Luật Quản lý ngoại thương năm 2017 do Bộ trưởng Bộ Công Thương và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện theo quy định của pháp luật về xuất xứ hàng hóa.*

*Theo khoản 1 Điều 32 Luật Tổ chức Chính phủ năm 2025 quy định “1. Trường hợp luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ chưa phù hợp với quy định của Luật này thì phải điều chỉnh thống nhất với quy định của Luật này trong thời hạn 02 năm kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành.”*

*Đồng thời, khoản 2 Điều 11 Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 quy định “2. Cơ quan, người có thẩm quyền phải ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự, thủ tục rút gọn để xử lý các văn bản chịu sự tác động do sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước, bảo đảm hoàn thành trước ngày 01 tháng 3 năm 2027.”*

Do đó, Bộ Công Thương đề xuất sửa đổi, bổ sung Điều 34 Luật Quản lý ngoại thương theo hướng bổ sung phân quyền cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện cấp CO và chấp thuận bằng văn bản cho thương nhân tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa như đã được quy định tại Nghị định số 146/2025/NĐ-CP. Chính phủ phân công nhiệm vụ cho các bộ, cơ quan ngang bộ trong việc cấp CO và chấp thuận bằng văn bản cho thương

nhân tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa. **Trên cơ sở đó, đề xuất sửa đổi, bổ sung Điều 32, 35 Luật Quản lý ngoại thương cho thống nhất với nội dung được chỉnh sửa.**

- Cấp phép quá cảnh hàng hóa:

Ngày 12 tháng 6 năm 2025, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 146/2025/NĐ-CP quy định về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại, theo đó, đã phân quyền, phân cấp một số quy định về cấp phép quá cảnh hàng hóa theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 44 và khoản 2 Điều 47 Luật Quản lý ngoại thương. Cụ thể tại khoản 2, 4 và 5 Điều 28 Nghị định này quy định như sau:

+ Cho phép quá cảnh hàng hóa là vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ từ Thủ tướng Chính phủ sang Bộ Công Thương;

+ Cấp phép quá cảnh đối với hàng hóa thuộc danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu; hàng hóa tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu; hàng hóa cấm kinh doanh từ Bộ Công Thương sang Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

+ Cho phép gia hạn thời gian quá cảnh đối với hàng hóa quá cảnh quy định tại khoản 2 Điều 44 Luật Quản lý ngoại thương từ Bộ Công Thương sang Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Đồng thời, tại Thông tư số 38/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, đã sửa đổi, bổ sung các Thông tư quy định về quá cảnh hàng hóa với các nước chung biên giới bao gồm Thông tư số 27/2014/TT-BCT; Thông tư 22/2009/TT-BCT và 11/2015/TT-BCT, theo đó, đối với quá cảnh vũ khí, đạn dược, vật liệu nổ và trang thiết bị quân sự phục vụ vào mục đích an ninh quốc phòng do Bộ trưởng Bộ Công Thương cấp trên cơ sở lấy ý kiến của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng. Quy định này nhằm thống nhất với quy định phân quyền cấp phép quá cảnh hàng hóa quy định tại khoản 2 Điều 28 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP.

*(i) Cho phép quá cảnh hàng hóa là vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ:*

- Thực trạng triển khai: Sau khi Nghị định số 146/2025/NĐ-CP được ban hành, Bộ Công Thương chưa nhận được đơn đăng ký của thương nhân đối với TTHC này. Đồng thời, chưa nhận được thông tin phản ánh của doanh nghiệp về khó khăn, vướng mắc và kiến nghị liên quan đến việc thực hiện thủ tục này.

- Đánh giá tác động của việc phân quyền, phân cấp đối với nội dung này: Đây là vấn đề cụ thể thuộc trách nhiệm của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ với tư cách Thành viên Chính phủ. Theo đó, việc phân quyền thủ tục này là phù hợp với chủ trương đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, tạo thuận lợi cho thương nhân trong thực hiện TTHC, đảm bảo công tác quản lý của Bộ, ngành, không phát sinh thêm chi phí cho doanh nghiệp.

*(ii) Cấp phép quá cảnh đối với hàng hóa thuộc danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu; hàng hóa tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu; hàng hóa cấm kinh doanh và cho phép gia hạn thời gian quá cảnh đối với hàng hóa quá cảnh*

Thực trạng triển khai: Sau khi Nghị định số 146/2025/NĐ-CP được ban hành, tại địa phương chưa phát sinh thủ tục hành chính liên quan đến cấp phép quá cảnh hàng hóa quy định tại khoản 2 Điều 44 và khoản 2 Điều 47. Bộ Công Thương chưa nhận được thông tin phản ánh của địa phương và doanh nghiệp về khó khăn, vướng mắc và kiến

ngộ liên quan đến việc thực hiện thủ tục này.

Đánh giá tác động về việc phân quyền, phân cấp đối với nội dung này: Các thủ tục hành chính cấp phép quá cảnh do địa phương được phân quyền thực hiện đều không yêu cầu nhiều nguồn lực và cơ sở vật chất kỹ thuật của địa phương. Việc tiếp tục phân cấp, phân quyền cho địa phương đối với thủ tục này là phù hợp với chủ trương đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, tạo thuận lợi cho thương nhân trong thực hiện TTHC. Không phát sinh thêm chi phí cho doanh nghiệp.

Công tác kiểm tra, giám sát: Hiện thủ tục này chưa phát sinh ở địa phương. Việc kiểm tra, giám sát sẽ được Bộ Công Thương, các Bộ chuyên ngành phối hợp kiểm tra, giám sát định kỳ hoặc đột xuất, tương tự như đối với thủ tục đã phân cấp khác.

Căn cứ khoản 2 Điều 15 Nghị quyết số 190/2015/QH15 và điểm b khoản 2 Điều 62 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP, đề xuất sửa đổi, bổ sung khoản 1, 2 Điều 44 và khoản 2 Điều 47 Luật Quản lý ngoại thương đề tiếp tục phân quyền các quy định nêu trên.

*Thứ hai, các nội dung về nhập khẩu lại, tạm nhập lại hàng cấm xuất khẩu tại Điều 10 và Điều 41 Luật Quản lý ngoại thương:*

Khoản 2 Điều 10 Luật Quản lý ngoại thương quy định Thủ tướng Chính phủ quyết định cho phép xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa quy định tại khoản 1 Điều này nhằm phục vụ mục đích đặc dụng, bảo hành, phân tích, kiểm nghiệm, nghiên cứu khoa học, y tế, sản xuất dược phẩm, bảo vệ quốc phòng, an ninh. Thực hiện chủ trương phân quyền, phân cấp của Đảng, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại. Theo đó, nhiệm vụ, quyền hạn của Thủ tướng Chính phủ quyết định cho phép xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa quy định tại khoản 1 Điều 10 Luật Quản lý ngoại thương năm 2017 nhằm phục vụ mục đích đặc dụng, bảo hành, phân tích, kiểm nghiệm, nghiên cứu khoa học, y tế, sản xuất dược phẩm, bảo vệ quốc phòng, an ninh quy định tại khoản 2 Điều 10 Luật Quản lý ngoại thương năm 2017 do Bộ, cơ quan ngang Bộ có thẩm quyền quản lý thực hiện, trừ vũ khí trang bị kỹ thuật có ý nghĩa chiến lược, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ đặc biệt theo pháp luật về công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp.

Căn cứ khoản 1 Điều 32 Luật Tổ chức Chính phủ “*Trường hợp luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ chưa phù hợp với quy định của Luật này thì phải điều chỉnh thống nhất với quy định của Luật này trong thời hạn 02 năm kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành.*” Do đó, việc sửa đổi, bổ sung nội dung này trong Luật Quản lý ngoại thương là phù hợp với thẩm quyền của Quốc hội.

Điều 41 Luật Quản lý ngoại thương quy định về tạm nhập, tái xuất hàng hóa theo hình thức khác. Theo đó, việc tạm nhập, tái xuất hàng hóa do chính doanh nghiệp sản xuất, xuất khẩu để bảo hành, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế theo yêu cầu của đối tác nước ngoài phải đảm bảo đáp ứng điều kiện về tạm nhập, tái xuất tại Luật Thương mại, cụ thể: việc sửa chữa, bảo hành, bảo dưỡng phải không làm thay đổi bản chất, đặc tính, công năng, hình dáng, thiết kế ban đầu của hàng hóa, không tạo ra hàng hóa mới so với thời điểm tạm nhập và chỉ được tái xuất trả lại đối tác nước ngoài mà doanh nghiệp tạm nhập. Do đó, quy định về tạm nhập, tái xuất tại Điều 41 Luật Quản lý ngoại thương và quy định về nhập khẩu hàng hóa cấm tại Điều 10 Luật Quản lý ngoại thương là hoàn toàn khác nhau.

Thực tiễn trong thời gian qua, phát sinh vướng mắc của doanh nghiệp sản xuất trong nước như sau: (i) trường hợp 1: doanh nghiệp không được nhập khẩu lại hàng hóa do doanh nghiệp sản xuất, xuất khẩu để nâng cấp, thay đổi thiết kế, sau đó xuất bán sang thị trường thứ ba do hàng hóa thuộc diện cấm nhập khẩu (xe ô tô tay lái bên phải); (ii) trường hợp 2: doanh nghiệp không được tạm nhập, tái xuất hàng hóa sản xuất trong nước do chính doanh nghiệp xuất khẩu để thực hiện nghĩa vụ bảo hành, bảo dưỡng theo yêu cầu khách hàng nước ngoài, sau đó xuất trả lại khách hàng nước ngoài vì hàng hóa thuộc diện cấm nhập khẩu (hàng thiết bị điện tử, phương tiện đã qua sử dụng cấm nhập khẩu).

Nếu tiếp tục áp dụng đầy đủ các biện pháp quản lý ngoại thương theo quy định hiện hành tại Luật Quản lý ngoại thương, các doanh nghiệp sẽ gặp vướng mắc khi thực hiện, hoặc làm gia tăng chi phí, kéo dài thời gian thông quan và tạo thêm gánh nặng hành chính không cần thiết cho doanh nghiệp, giảm tính linh hoạt của hoạt động thương mại quốc tế. Do đó, đề xuất chính sách này làm giảm chi phí cho doanh nghiệp và tạo sự linh hoạt cho hoạt động của doanh nghiệp.

Trên cơ sở hiện thực hóa chủ trương phân cấp, phân quyền từ Thủ tướng Chính phủ xuống Bộ, ngành (đã được quy định tại Nghị định số 146/2025/NĐ-CP), đảm bảo tinh thần Luật khung và giao Chính phủ quy định cụ thể các nội dung tại Luật trên cơ sở nguyên tắc phân định thẩm quyền tại Điều 6 Luật Tổ chức Chính phủ theo yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ tại mục 2 Văn bản số 435/TTg-TCCV. Đồng thời, để giải quyết triệt để khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp liên quan đến hoạt động đưa hàng do doanh nghiệp sản xuất, đã xuất khẩu (bao gồm cả hàng hóa cấm nhập khẩu, cấm xuất khẩu) về Việt Nam để nâng cấp, điều chỉnh, bảo hành, bảo dưỡng thông qua cả 2 hình thức tạm nhập, tái xuất và nhập khẩu, Bộ Công Thương đề xuất:

+ Sửa đổi Điều 10 Luật Quản lý ngoại thương theo hướng: Giao Chính phủ quy định trường hợp ngoại lệ và thẩm quyền, trình tự, thủ tục cho phép xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu. Theo đó, cho phép nhập khẩu lại hàng hóa sản xuất trong nước, do chính thương nhân đã xuất khẩu (bao gồm cả hàng hóa cấm nhập khẩu) để nâng cấp, điều chỉnh, sau đó xuất khẩu sang thị trường khác, không được tiêu thụ, lưu thông, mua bán trên thị trường Việt Nam. Chính sách sẽ áp dụng với doanh nghiệp sản xuất trong nước và doanh nghiệp thương mại xuất khẩu, với điều kiện, doanh nghiệp chứng minh được nguồn gốc của hàng hóa đề nghị nhập khẩu là hàng hóa sản xuất trong nước và do chính doanh nghiệp xuất khẩu trước đó, không phải nguồn gốc nhập khẩu.

Trên cơ sở phân công của Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ quyết định cho phép xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu.

+ Sửa đổi Điều 41 Luật Quản lý ngoại thương theo hướng: Giao Chính phủ quy định cụ thể các trường hợp tạm nhập, tái xuất và trình tự, thủ tục cho phép tạm nhập, tái xuất hàng hóa thuộc diện quản lý bằng biện pháp cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu, tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu; thuộc diện chưa được phép lưu hành, sử dụng tại Việt Nam.

Việc đề xuất dựa trên căn cứ pháp lý và căn cứ thực tiễn và đảm bảo đúng bản chất của biện pháp cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu không ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh, văn hóa, sức khỏe, trật tự an toàn xã hội, theo điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên. Do đó, cần gắn với hàng hóa sản xuất

trong nước.

+ Sửa đổi bổ sung Điều 42 cho thống nhất với quan điểm quản lý hàng hóa tại Điều 41 và đảm bảo nguyên tắc phân định thẩm quyền tại Điều 6 Luật Tổ chức Chính phủ theo yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ tại mục 2 Văn bản số 435/TTg-TCCV. Theo đó, phương án đề xuất sửa đổi sẽ cắt giảm chi phí tuân thủ đối với thủ tục cấp giấy phép tạm xuất, tái nhập, do đối tượng thực hiện TTHC được thu hẹp so với quy định hiện hành (các trường hợp hàng hóa thuộc diện quản lý bằng biện pháp hạn ngạch xuất khẩu, hạn ngạch nhập khẩu, hạn ngạch thuế quan, giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu sẽ không phải xin giấy phép tạm xuất, tái nhập, chỉ làm thủ tục tại cơ quan hải quan).

*Thứ ba, về cơ chế tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa:*

- Hiện nay, chưa có quy định về các tiêu chí cho cơ quan, tổ chức cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa và Văn bản chấp thuận cho thương nhân tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa xuất khẩu; Bổ sung nội dung phân quyền và giao Bộ Tài chính quy định về cơ chế nhà nhập khẩu đủ điều kiện tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa nhập khẩu. Cụ thể:

Thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa và Văn bản chấp thuận cho thương nhân tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa xuất khẩu tại Điều 34 Luật Quản lý ngoại thương được phân quyền cho Bộ trưởng Bộ Công Thương và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cùng thực hiện (theo Nghị định số 146/2025/NĐ-CP). Do đó, việc thể chế hóa nội dung này tại Luật là phù hợp thẩm quyền.

Bộ Công Thương là cơ quan quản lý nhà nước về xuất xứ hàng hóa (điểm b khoản 16 Điều 2 Nghị định số 40/2025/NĐ-CP ngày 26/02/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương), tổ chức việc thực hiện cấp C/O và xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền các văn bản quy phạm pháp luật về xuất xứ hàng hóa (khoản 1, khoản 2 Điều 31 Nghị định số 31/2018/NĐ-CP quy định chi tiết Luật Quản lý ngoại thương về xuất xứ hàng hóa).

Văn bản có quy định về điều kiện cấp C/O trước đây có liên quan đến quyền hạn, nhiệm vụ của Bộ Công Thương:

+ Khoản 2 Điều 57 Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/05/2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế: “2. Thực hiện ủy quyền cho Ban quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá sản xuất trong khu công nghiệp, khu kinh tế khi đáp ứng đủ điều kiện ủy quyền.”

+ Điều 3 Quyết định số 1619/QĐ-BCT ngày 12/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành quy chế quy định nghĩa vụ, điều kiện và trách nhiệm của Ban QL khu công nghiệp, khu kinh tế được ủy quyền cấp C/O.

Một trong các nguyên tắc phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương cần phải bảo đảm là “c) Phù hợp với đặc điểm nông thôn, đô thị, hải đảo, đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt và khả năng, điều kiện thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương các cấp. Cơ quan, tổ chức, cá nhân được giao thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan nhà nước cấp trên được bảo đảm các điều kiện cần thiết để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đó.; đ) Bảo đảm tính thống nhất trong tổ chức thi hành Hiến pháp và pháp luật.”

Để tổ chức cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa và Văn bản chấp thuận cho thương nhân tự chứng nhận xuất xứ, cơ quan cấp phép cần đáp ứng được một số điều kiện nhất định về năng lực của cán bộ cấp, hệ thống hạ tầng kỹ thuật, tài khoản (phục

vụ công tác thu phí)...trong công tác tổ chức triển khai thực hiện cấp C/O như các tổ chức cấp C/O trực thuộc Bộ Công Thương:

+ Trong nước: đội ngũ nhân lực xét duyệt hồ sơ, cấp phép C/O với khối lượng lớn và thời gian cấp từ 2 - 8 giờ làm việc cần có kiến thức hiểu biết về xuất xứ hàng hóa để cấp phép C/O; hạ tầng số để cấp C/O toàn trình kết nối với Cổng thông tin một cửa quốc gia và thu phí C/O điện tử ...

+ Quốc tế: mẫu con dấu, chữ ký của tổ chức và người có thẩm quyền ký C/O cần được cập nhật với hải quan quốc tế theo thời hạn khi có thay đổi để C/O sau khi cấp, gửi sang/truyền dữ liệu điện tử sang nước nhập khẩu được chấp nhận.

Vì vậy, để tránh gián đoạn trong công tác cấp C/O và VBCT, tạo điều kiện thuận lợi cho thương nhân, Bộ trưởng Bộ Công Thương và UBND cấp tỉnh khi thực hiện cấp C/O và cấp VBCT cần đáp ứng tiêu chí chung như nhau, bảo đảm sự thống nhất về hệ thống cơ quan có thẩm quyền chứng nhận xuất xứ hàng hóa trên cả nước và uy tín tổ chức cấp C/O của Việt Nam đối với các nước đối tác FTA. Việc tiếp cận này cũng hỗ trợ, hướng dẫn các cơ quan, tổ chức tại địa phương làm quen với nghiệp vụ chứng nhận xuất xứ, không làm gián đoạn thủ tục xuất khẩu của doanh nghiệp sau khi phân cấp, phân quyền.

- Chưa có cơ chế chấp thuận cho nhà nhập khẩu đủ điều kiện tự chứng nhận xuất xứ: Việc thực hiện các cam kết quốc tế, đặc biệt là Hiệp định CPTPP, đòi hỏi Việt Nam phải từng bước hoàn thiện cơ chế tự chứng nhận xuất xứ đối với hàng hóa nhập khẩu. Hiện nay, cơ chế nhà nhập khẩu đủ điều kiện tự chứng nhận xuất xứ được quy định tại Hiệp định CPTPP, được ký kết năm 2018 và có hiệu lực năm 2019, sau thời điểm Quốc hội ban hành Luật Quản lý ngoại thương. Về thẩm quyền áp dụng biện pháp chứng nhận xuất xứ hàng hóa, hiện Điều 34 Luật Quản lý ngoại thương chỉ quy định cơ quan có thẩm quyền cấp chứng nhận xuất xứ hàng hóa hoặc chấp thuận cho thương nhân tự chứng nhận xuất xứ đối với hàng hóa xuất khẩu, chưa quy định thẩm quyền áp dụng với hàng hóa nhập khẩu. Do đó, cơ chế này chưa được quy định tại Luật Quản lý ngoại thương. Việc quy định cơ chế nhà nhập khẩu đủ điều kiện tự chứng nhận xuất xứ được thực hiện theo điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên (Hiệp định CPTPP). Đây là một xu thế tất yếu trong chuỗi thương mại toàn cầu và hội nhập nên cần thiết phải xây dựng cơ chế để điều chỉnh tại Luật Quản lý ngoại thương để phù hợp với thực tế.

**Đề xuất sửa đổi bổ sung điểm b khoản 1 Điều 32 để thống nhất với nội dung sửa đổi tại Điều 34 do điểm b khoản 1 Điều 32 Luật Quản lý ngoại thương có dẫn chiếu đến khoản 2 Điều 34 (Thẩm quyền áp dụng biện pháp chứng nhận xuất xứ hàng hóa). Điều 34 Luật đang được đề xuất sửa đổi bổ sung phân quyền cho UBND cấp tỉnh thực hiện và **giao Chính phủ phân công bộ, cơ quan ngang bộ** quy định về cơ chế nhà nhập khẩu đủ điều kiện tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa nhập khẩu.**

Do đó, Bộ Công Thương đề xuất bổ sung quy định giao **giao Chính phủ phân công bộ, cơ quan ngang bộ** quy định các tiêu chí cho cơ quan, tổ chức cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa và Văn bản chấp thuận cho thương nhân tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa xuất khẩu; Bổ sung nội dung phân quyền và quy định về cơ chế nhà nhập khẩu đủ điều kiện tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa nhập khẩu; và Bổ sung cơ chế nhà nhập khẩu đủ điều kiện tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa nhập khẩu tại Điều 34 Luật Quản lý ngoại thương; Sửa đổi Điều 35 Luật Quản lý ngoại thương theo hướng bổ sung trách nhiệm của Bộ Tài chính trong việc kiểm tra, hướng dẫn kiểm tra việc tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa nhập khẩu của thương nhân.

*Thứ tư, về cải cách hành chính và tháo gỡ vướng mắc trong quy định về giấy chứng nhận lưu hành tự do và thủ tục cấp phép gia công hàng hoá thuộc diện xuất khẩu, nhập khẩu theo giấy phép tại khoản 2 Điều 51 Luật Quản lý ngoại thương*

*(i) Hoàn thiện khái niệm Giấy chứng nhận lưu hành tự do tại khoản 1 Điều 36 Luật Quản lý ngoại thương:*

Khoản 1 Điều 36 Luật Quản lý ngoại thương quy định “Giấy chứng nhận lưu hành tự do là văn bản chứng nhận do cơ quan nhà nước có thẩm quyền của nước xuất khẩu cấp cho thương nhân xuất khẩu hàng hóa để chứng nhận hàng hóa đó được phép lưu hành tự do tại nước xuất khẩu.”

Với quy định này, trong quá trình triển khai quy định về Giấy chứng nhận lưu hành tự do, liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, Bộ Công Thương không nhận được phản ánh về khó khăn, vướng mắc liên quan đến quy định tại khoản 1, Điều 36 Luật Quản lý ngoại thương do việc cấp CFS đối với hàng xuất khẩu tại Việt Nam.

Đối với hàng nhập khẩu, Bộ Công Thương nhận được phản ánh của Bộ Y tế về khó khăn, vướng mắc khi thực hiện quy định tại khoản 1, Điều 36 Luật Quản lý ngoại thương. Căn cứ điểm a Khoản 4 Điều 4 Thông tư số 06/2011/TT-BYT ngày 25/01/2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về quản lý mỹ phẩm theo đó khi thực hiện công bố sản phẩm mỹ phẩm, thương nhân phải xuất trình hồ sơ công bố sản phẩm mỹ phẩm trong đó có CFS của nước nhập khẩu. Thực tiễn cho thấy, cơ quan cấp CFS của một số nước do các Hội, Hiệp hội chuyên ngành hoặc các tổ chức được ủy quyền thực hiện (không phải cơ quan quản lý nhà nước) dẫn đến khó khăn cho thương nhân khi làm thủ tục công bố sản phẩm mỹ phẩm.

Qua nghiên cứu pháp luật của một số nước trên thế giới về CFS: Các cơ quan cấp CFS không chỉ riêng trong phạm vi nhà nước mà còn có các tổ chức tư nhân cũng được cấp phép, ví dụ như các Phòng Thương mại và công nghiệp, Hiệp hội ngành hàng. Cụ thể:

Cơ quan cấp CFS của Hoa Kỳ là Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ (FDA), Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ (USDA), Phòng Thương mại cấp Tiểu bang hoặc Địa phương (State Chambers).

Cơ quan cấp CFS của Nhật Bản là Bộ Y tế, Lao động và Phúc lợi (Ministry of Health, Labour and Welfare - MHLW), Bộ Nông nghiệp, Lâm nghiệp và Thủy sản (Ministry of Agriculture, Forestry and Fisheries - MAFF), Phòng thương mại và công nghiệp Nhật Bản (JCCI), Chính quyền các tỉnh (ví dụ: Tokyo, Osaka).

Cơ quan cấp CFS của Hàn Quốc là Bộ An toàn Thực phẩm và Dược phẩm (Ministry of Food and Drug Safety – MFDS), Hiệp hội Thương mại Dược phẩm Hàn Quốc (KPTA), Hiệp hội Mỹ phẩm Hàn Quốc (KCA), Viện Thử nghiệm và Nghiên cứu Hàn Quốc (KTR).

Khoản 1 Điều 36 Luật Quản lý ngoại thương đang quy định CFS là văn bản do cơ quan nhà nước cấp. Tuy nhiên, thực tế tại một số quốc gia nêu trên, CFS có thể do các tổ chức không phải cơ quan nhà nước cấp, dẫn đến việc hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam bị vướng mắc vì CFS không được công nhận. Theo đó, hoàn thiện khái niệm về giấy chứng nhận lưu hành tự do tại khoản 1 Điều 36 Luật Quản lý ngoại thương theo hướng bỏ cụm từ “nhà nước” sẽ tạo thuận lợi cho thương nhân khi thực hiện các quy định quản lý chuyên ngành đối với hàng nhập khẩu.

~~Bãi bỏ quy định, thủ tục cấp phép gia công hàng hoá thuộc diện xuất khẩu, nhập~~

khẩu theo giấy phép tại khoản 2 Điều 51 Luật Quản lý ngoại thương:

Tại Hội nghị tham vấn chính sách do Ủy ban Kinh tế và Tài chính của Quốc hội chủ trì và tại cuộc họp thẩm định chính sách do Bộ Tư pháp chủ trì thực hiện, có đề nghị Bộ Công Thương xem xét sự cần thiết bỏ thủ tục hành chính này lý do tại dự thảo Tờ trình và báo cáo đánh giá tác động chính sách có nêu thủ tục này rất ít/chưa phát sinh. Sau khi rà soát, đánh giá kỹ về nội dung này, Bộ Công Thương đề xuất bãi bỏ quy định, thủ tục hành chính này vì không phát huy hiệu quả trong thực tiễn gần 10 năm qua, cụ thể:

– Thực tiễn chưa phát sinh số lượng hồ sơ cấp phép từ khi Luật có hiệu lực thi hành đến nay, đa số các doanh nghiệp gia công hàng hoá thuộc diện không giấy phép như gia công sản phẩm, dệt may da giày...

– Việc tiếp tục duy trì cơ chế cấp phép không còn ý nghĩa trong điều kiện thực tế hiện nay, mang tính hình thức, không phải là công cụ quản lý hiệu quả.

– Việc tiếp tục duy trì cơ chế cấp phép không còn ý nghĩa trong điều kiện thực tế hiện nay, mang tính hình thức, không phải là công cụ quản lý hiệu quả.

Theo quy định hiện hành, các doanh nghiệp chỉ được sản xuất, gia công hàng hóa thuộc ngành nghề kinh doanh có điều kiện khi đáp ứng đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh mặt hàng đó. Các hàng hóa phải có giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu phải đáp ứng quy định về giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hoặc phải đáp ứng các điều kiện khi thực hiện gia công theo pháp luật chuyên ngành. Hoạt động gia công thực chất là hoạt động “làm thuê” theo hợp đồng với đối tác.

Bên cạnh đó, pháp luật hải quan đã thiết lập các công cụ kiểm soát hàng hóa nhập khẩu để gia công bao gồm quản lý nguyên liệu, định mức, giám sát quá trình sản xuất và kiểm tra sau thông quan. Việc rà soát, đề xuất bãi bỏ thủ tục không còn phù hợp là một trong những giải pháp then chốt để nâng cao hiệu quả, hiệu lực quản lý nhà nước và cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, chuyển sang cơ chế hậu kiểm, bảo đảm đúng định hướng cải cách và phù hợp với thông lệ quốc tế.

Quy định cấp phép gia công hàng hóa là một hình thức hạn chế quyền tự do kinh doanh theo cơ chế tiền kiểm. Việc bãi bỏ quy định này góp phần loại bỏ rào cản hành chính không cần thiết, qua đó bảo đảm và mở rộng việc thực hiện quyền tự do kinh doanh của doanh nghiệp. Việc bãi bỏ quy định cấp phép không làm suy giảm vai trò quản lý nhà nước, mà chuyển từ phương thức tiền kiểm sang hậu kiểm, phù hợp với định hướng quản lý hiện nay. Nhà nước vẫn thực hiện quản lý thông qua các công cụ như pháp luật về hải quan, xuất xứ hàng hóa, phòng vệ thương mại và kiểm tra chuyên ngành.

*(ii) Bãi bỏ thủ tục cấp phép gia công hàng hoá thuộc diện xuất khẩu, nhập khẩu theo giấy phép tại khoản 2 Điều 51 Luật Quản lý ngoại thương*

Tại Hội nghị tham vấn chính sách do Ủy ban Kinh tế và Tài chính của Quốc hội chủ trì và tại cuộc họp thẩm định chính sách do Bộ Tư pháp chủ trì thực hiện, có đề nghị Bộ Công Thương xem xét sự cần thiết bỏ thủ tục hành chính này lý do tại dự thảo Tờ trình và báo cáo đánh giá tác động chính sách có nêu thủ tục này rất ít/chưa phát sinh. Sau khi rà soát, đánh giá kỹ về nội dung này, Bộ Công Thương đề xuất bãi bỏ quy định, thủ tục hành chính này vì không phát huy hiệu quả trong thực tiễn gần 10 năm qua, cụ thể:

Bộ Công Thương đề xuất bãi bỏ quy định, thủ tục hành chính này vì không phát huy hiệu quả trong thực tiễn gần 10 năm qua, cụ thể:

- Thực tiễn chưa phát sinh số lượng hồ sơ cấp phép từ khi Luật có hiệu lực thi hành đến nay, đa số các doanh nghiệp gia công hàng hoá thuộc diện không giấy phép như gia công sản phẩm, dệt may da giày...

- Việc tiếp tục duy trì cơ chế cấp phép không còn ý nghĩa trong điều kiện thực tế hiện nay, mang tính hình thức, không phải là công cụ quản lý hiệu quả.

Theo quy định hiện hành, các doanh nghiệp chỉ được sản xuất, gia công hàng hóa thuộc ngành nghề kinh doanh có điều kiện khi đáp ứng đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh mặt hàng đó. Các hàng hóa phải có giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu phải đáp ứng quy định về giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hoặc phải đáp ứng các điều kiện khi thực hiện gia công theo pháp luật chuyên ngành. Hoạt động gia công thực chất là hoạt động “làm thuê” theo hợp đồng với đối tác.

Bên cạnh đó, pháp luật hải quan đã thiết lập các công cụ kiểm soát hàng hoá nhập khẩu để gia công bao gồm quản lý nguyên liệu, định mức, giám sát quá trình sản xuất và kiểm tra sau thông quan

Việc rà soát, xuất bãi bỏ thủ tục không còn phù hợp là một trong những giải pháp then chốt để nâng cao hiệu quả, hiệu lực quản lý nhà nước và cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, chuyển sang cơ chế hậu kiểm, bảo đảm đúng định hướng cải cách và phù hợp thông lệ quốc tế.

Quy định cấp phép gia công hàng hóa là một hình thức hạn chế quyền tự do kinh doanh theo cơ chế tiền kiểm. Việc bãi bỏ quy định này góp phần loại bỏ rào cản hành chính không cần thiết, qua đó bảo đảm và mở rộng việc thực hiện quyền tự do kinh doanh của doanh nghiệp. Việc bãi bỏ quy định cấp phép không làm suy giảm vai trò quản lý nhà nước, mà chuyển từ phương thức tiền kiểm sang hậu kiểm, phù hợp với định hướng quản lý hiện nay. Nhà nước vẫn thực hiện quản lý thông qua các công cụ như pháp luật về hải quan, xuất xứ hàng hóa, phòng vệ thương mại và kiểm tra chuyên ngành.

### **(3) Luật Cạnh tranh**

Qua công tác tổng kết thi hành Luật Cạnh tranh năm 2018, xuất phát từ thực tiễn thực thi và áp dụng các quy định của Luật này, Bộ Công Thương nhận thấy có một số nội dung chưa thống nhất, còn bất cập và có thể gây khó khăn trong quá trình áp dụng, cụ thể như sau:

Qua quá trình tổng kết thi hành Luật Cạnh tranh năm 2018, trên cơ sở theo dõi thực tiễn điều tra, xử lý vụ việc cạnh tranh và giám sát thị trường, có thể nhận diện một số nhóm khó khăn, vướng mắc mang tính phổ biến, xuất phát cả từ nội dung quy định của Luật lẫn bối cảnh kinh tế – xã hội và sự phát triển nhanh chóng của các mô hình kinh doanh mới.

- Vướng mắc trong điều chỉnh hành vi hạn chế cạnh tranh và vai trò của chủ thể giúp sức

Luật Cạnh tranh 2018 hiện nay chủ yếu tập trung điều chỉnh hành vi của các doanh nghiệp trực tiếp thực hiện hành vi hạn chế cạnh tranh hoặc cạnh tranh không lành mạnh. Mặc dù Luật đã đề cập đến hành vi tác động, vận động, kêu gọi hoặc ép buộc doanh nghiệp khác vi phạm, nhưng chưa bao quát đầy đủ các trường hợp tổ chức, cá nhân tham gia với vai trò giúp sức, hỗ trợ gián tiếp.

Trong thực tiễn, nhiều hành vi vi phạm pháp luật cạnh tranh được thực hiện thông

qua sự hỗ trợ về thông tin, kỹ thuật, tài chính hoặc tư vấn của các chủ thể không trực tiếp kinh doanh hoặc không trực tiếp thực hiện hành vi vi phạm. Những chủ thể này tuy không đứng tên trong các thỏa thuận hoặc quyết định kinh doanh nhưng lại đóng vai trò quan trọng trong việc tạo điều kiện để hành vi vi phạm xảy ra hoặc diễn ra thuận lợi hơn. Việc pháp luật chưa quy định rõ về trách nhiệm của người giúp sức đã tạo ra khoảng trống pháp lý nhất định, làm giảm hiệu quả phát hiện và xử lý toàn diện các hành vi hạn chế cạnh tranh có tính chất tổ chức, tinh vi.

Nguyên nhân của hạn chế này xuất phát từ việc pháp luật cạnh tranh chưa tiếp cận đầy đủ theo logic trách nhiệm pháp lý đồng phạm như trong một số lĩnh vực pháp luật khác, dẫn đến phạm vi điều chỉnh chưa tương xứng với thực tiễn hành vi vi phạm ngày càng phức tạp.

- Bất cập trong kiểm soát tập trung kinh tế

Thực tiễn thi hành cho thấy các hình thức tập trung kinh tế ngày càng đa dạng, vượt ra ngoài bốn hình thức được liệt kê tại Điều 29 Luật Cạnh tranh 2018. Nhiều giao dịch làm thay đổi quyền kiểm soát, chi phối doanh nghiệp thông qua việc tăng, giảm tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ hoặc tái cấu trúc nội bộ không thuộc các hình thức sáp nhập, hợp nhất, mua lại hay liên doanh theo nghĩa truyền thống, nhưng vẫn có khả năng gây tác động hạn chế cạnh tranh.

Ngược lại, cũng tồn tại những giao dịch thuộc diện phải thông báo tập trung kinh tế theo quy định hiện hành nhưng trên thực tế không làm thay đổi cấu trúc thị trường và không gây tác động cạnh tranh đáng kể, điển hình là một số trường hợp tái cấu trúc nội bộ trong cùng nhóm công ty. Điều này làm gia tăng chi phí tuân thủ cho doanh nghiệp và áp lực xử lý cho cơ quan cạnh tranh.

Bên cạnh đó, các tiêu chí xác định ngưỡng thông báo tập trung kinh tế hiện hành, chủ yếu dựa trên tài sản, doanh thu, giá trị giao dịch và thị phần, chưa phù hợp với đặc thù của các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực kinh tế số. Việc thiếu các tiêu chí linh hoạt hơn đã làm giảm khả năng phát hiện sớm các giao dịch tiềm ẩn rủi ro hạn chế cạnh tranh.

Ngoài ra, pháp luật hiện hành chưa quy định thời hạn thực hiện các điều kiện trong quyết định cho phép tập trung kinh tế có điều kiện, dẫn đến tình trạng doanh nghiệp phải tiếp tục tuân thủ các điều kiện không còn phù hợp với bối cảnh pháp lý và thực tiễn mới.

- Khó khăn trong việc xác định thị trường liên quan và thị phần

Một trong những vướng mắc căn bản và có tính hệ thống là việc áp dụng các quy định về xác định thị trường liên quan theo Điều 9 Luật Cạnh tranh 2018. Các quy định hiện hành được xây dựng chủ yếu dựa trên cơ sở lý luận của thị trường hàng hóa, dịch vụ truyền thống, trong đó cạnh tranh được đánh giá thông qua khả năng thay thế về đặc tính, mục đích sử dụng và giá cả. Cách tiếp cận này đã phát huy hiệu quả nhất định trong các thị trường tuyến tính, nơi quan hệ cung – cầu và giá cả đóng vai trò trung tâm.

Tuy nhiên, trong bối cảnh kinh tế số phát triển mạnh mẽ, sự xuất hiện ngày càng phổ biến của các thị trường đa diện và nền tảng số đã làm thay đổi đáng kể bản chất cạnh tranh. Trong các thị trường này, nhiều nhóm người dùng tương tác với nhau thông qua một nền tảng trung gian, giá dịch vụ có thể bằng không hoặc mang tính phi tiền tệ, trong khi sức mạnh thị trường lại được hình thành từ hiệu ứng mạng lưới, dữ liệu và khả năng đổi mới sáng tạo. Việc tiếp tục duy trì các định nghĩa mang tính “định hình cứng”

về thị trường sản phẩm liên quan và thị trường địa lý liên quan ngay trong Luật đã bộc lộ hạn chế, làm giảm khả năng vận dụng linh hoạt của cơ quan cạnh tranh khi đánh giá sức mạnh thị trường và hành vi hạn chế cạnh tranh trong các lĩnh vực mới.

Tương tự, các quy định về xác định thị phần tại Điều 10 Luật Cạnh tranh 2018, với các tiêu chí dựa trên doanh thu, sản lượng mua bán hàng hóa, dịch vụ, cũng không còn phản ánh đầy đủ vị thế cạnh tranh của doanh nghiệp trong nền kinh tế số. Trên thực tế, nhiều nền tảng số có doanh thu thấp hoặc chưa phát sinh lợi nhuận tại Việt Nam nhưng lại sở hữu tập người dùng rất lớn, kiểm soát dữ liệu đáng kể và có khả năng chi phối hành vi của các chủ thể khác trên thị trường. Việc thiếu cơ sở pháp lý để tính toán thị phần dựa trên các chỉ số như số lượng người dùng, lưu lượng giao dịch hay mức độ kiểm soát dữ liệu đã gây khó khăn cho cơ quan cạnh tranh trong quá trình điều tra, đánh giá và kết luận vụ việc.

Nguyên nhân của nhóm khó khăn này chủ yếu xuất phát từ việc Luật Cạnh tranh 2018 được ban hành trong bối cảnh kinh tế số mới ở giai đoạn đầu phát triển, trong khi tốc độ thay đổi của thị trường và mô hình kinh doanh lại diễn ra rất nhanh, vượt ra ngoài khuôn khổ dự liệu ban đầu của nhà làm luật.

- Khó khăn trong xử lý hành vi lạm dụng vị trí thống lĩnh, độc quyền trong kinh tế số

Trong lĩnh vực kinh tế số, hiện nay tồn tại song song các khái niệm pháp lý về nền tảng số trung gian quy mô rất lớn theo pháp luật về giao dịch điện tử và doanh nghiệp có vị trí thống lĩnh thị trường theo pháp luật cạnh tranh. Trên thực tế, các nền tảng số trung gian quy mô rất lớn thường có sức mạnh thị trường đáng kể và tiềm ẩn nguy cơ lạm dụng vị trí thống lĩnh hoặc độc quyền.

Tuy nhiên, mối quan hệ giữa hai khái niệm này chưa được luật hóa một cách rõ ràng trong pháp luật cạnh tranh, dẫn đến khó khăn cho cơ quan cạnh tranh trong việc xác định đối tượng điều tra và áp dụng các tiêu chí đánh giá sức mạnh thị trường. Việc phải đánh giá lại toàn bộ các yếu tố đặc thù của thị trường số theo quy định chung tại Điều 26 Luật Cạnh tranh thường kéo dài thời gian điều tra, trong khi các hành vi lạm dụng trên thị trường số có tốc độ lan truyền và tác động rất nhanh.

Bên cạnh đó, Luật Cạnh tranh chưa có quy định cụ thể về các dạng hành vi lạm dụng mới trong môi trường nền tảng số, như việc can thiệp vào thuật toán hiển thị, thứ tự tiếp cận người dùng hoặc tận dụng lợi thế kỹ thuật để tự ưu tiên dịch vụ của mình. Khoảng trống này khiến việc xử lý các hành vi lạm dụng trong thực tiễn gặp nhiều khó khăn.

- Vướng mắc trong điều chỉnh hành vi cạnh tranh không lành mạnh

Thực tiễn giám sát thị trường cho thấy xuất hiện ngày càng nhiều hành vi cạnh tranh không lành mạnh với thủ đoạn tinh vi, như lạm dụng quyền cấp giấy phép bán hàng để cản trở đối tác hoặc đối thủ cạnh tranh, tạo lập và phát tán các đánh giá, phản hồi giả mạo trên nền tảng số, hay sử dụng chỉ dẫn thương mại gây nhầm lẫn nhưng chưa đủ yếu tố cấu thành vi phạm pháp luật sở hữu trí tuệ.

Các hành vi này gây thiệt hại trực tiếp cho doanh nghiệp bị ảnh hưởng, làm sai lệch thông tin thị trường và xâm hại quyền lợi người tiêu dùng, trong khi khuôn khổ pháp lý cạnh tranh hiện hành chưa có quy định đủ cụ thể để xử lý hiệu quả trong mọi trường hợp.

- Hạn chế trong quy định về tổ tụng cạnh tranh

Luật Cạnh tranh 2018 chưa quy định rõ cách thức xử lý đối với hồ sơ khiếu nại vụ việc cạnh tranh không đầy đủ, hợp lệ. Việc thiếu cơ chế yêu cầu bổ sung hồ sơ một cách rõ ràng đã dẫn đến nguy cơ doanh nghiệp mất quyền khiếu nại do hết thời hiệu, làm giảm hiệu quả bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể tham gia thị trường.

#### **(4) Luật Bảo vệ người tiêu dùng**

Bên cạnh đó, nguồn lực tại các địa phương để thực hiện các nhiệm vụ còn chưa được đảm bảo. Mặc dù các văn bản hướng dẫn đã được ban hành đầy đủ, nhưng một số địa phương thiếu nhân sự chuyên môn, cơ sở vật chất và thiết bị cần thiết để triển khai hiệu quả công tác phân cấp, phân quyền.

- Một số nhiệm vụ phân cấp, phân quyền còn mới đối với một số địa phương, đặc biệt trong bối cảnh nguồn lực và năng lực của địa phương còn hạn chế và khối lượng nhiệm vụ tăng đột biến.

- Việc điều chỉnh, bổ sung nhiều văn bản quy phạm pháp luật trong thời gian ngắn gây khó khăn, lúng túng cho các cán bộ trong quá trình tham chiếu để áp dụng.

- Thực tiễn thực thi quy định về bảo vệ thông tin của người tiêu dùng còn nhiều cách hiểu, cách làm khác nhau, tạo ra sự không thống nhất trong triển khai. Cụ thể: về quy định thể hiện sự đồng ý của người tiêu dùng đối với các phạm vi thu thập, mục đích sử dụng thông tin của người tiêu dùng còn chưa rõ ràng, đầy đủ, có thể tiềm ẩn nguy cơ bỏ lọt nội dung bảo vệ thông tin của người tiêu dùng.

Nguyên nhân do số lượng nội dung, văn bản pháp luật phát sinh nhiều trong thời gian ngắn; khối lượng công việc tăng đột biến tác động không nhỏ tới công tác nắm bắt và thực thi các quy định pháp luật.

Nhận thức và ý thức tuân thủ quy định về bảo vệ thông tin của người tiêu dùng tại doanh nghiệp còn hạn chế, còn mang tính hình thức.

- Chưa có quy định tổ chức, cá nhân kinh doanh phải thiết lập phương thức rõ ràng để người tiêu dùng lựa chọn mục đích, phạm vi thu thập, sử dụng thông tin và bày tỏ sự đồng ý hoặc không đồng ý.

- Chưa phù hợp với quy định tại Điều 7 Luật Thanh tra 2025.

### **4. Xác định những vấn đề mới phát sinh trong thực tiễn**

#### **(1) Luật Cạnh Tranh**

Từ những khó khăn, vướng mắc nêu trên, có thể nhận diện một số vấn đề mới phát sinh trong thực tiễn thi hành Luật Cạnh tranh 2018.

Thứ nhất, sự phát triển mạnh mẽ của kinh tế số đặt ra yêu cầu phải đổi mới cách tiếp cận trong xác định thị trường, thị phần và sức mạnh thị trường, chuyển từ các tiêu chí định lượng truyền thống sang các chỉ số phản ánh tốt hơn động lực cạnh tranh mới như dữ liệu, người dùng và hiệu ứng mạng lưới.

Thứ hai, thực tiễn cho thấy cần mở rộng phạm vi điều chỉnh của pháp luật cạnh tranh đối với các chủ thể giúp sức, hỗ trợ hành vi vi phạm, nhằm bảo đảm xử lý đầy đủ các hành vi hạn chế cạnh tranh có tính chất tổ chức và phức tạp.

Thứ ba, xuất hiện nhu cầu cấp thiết phải luật hóa mối quan hệ giữa các khái niệm pháp lý trong lĩnh vực kinh tế số, đồng thời bổ sung các dạng hành vi lạm dụng mới phù hợp với đặc thù của nền tảng số.

Thứ tư, kiểm soát tập trung kinh tế cần được thiết kế linh hoạt hơn, vừa bao quát được các giao dịch tiềm ẩn rủi ro cạnh tranh, vừa giảm gánh nặng tuân thủ đối với các giao dịch không gây tác động hạn chế cạnh tranh.

Thứ năm, các hành vi cạnh tranh không lành mạnh trong môi trường số ngày càng tinh vi, đòi hỏi pháp luật cạnh tranh phải đóng vai trò điều chỉnh hỗ trợ hiệu quả hơn bên cạnh pháp luật sở hữu trí tuệ và bảo vệ người tiêu dùng.

Cuối cùng, thực tiễn áp dụng cho thấy cần tiếp tục hoàn thiện các quy định về tổ tụng cạnh tranh theo hướng minh bạch, thuận lợi và bảo đảm tốt hơn quyền tiếp cận công lý của doanh nghiệp.

## **(2) Luật Bảo vệ người tiêu dùng**

Việc thu thập và sử dụng thông tin của người tiêu dùng trong các giao dịch số đang ngày càng trở thành một vấn đề nhạy cảm, khi người tiêu dùng chưa hoàn toàn kiểm soát được các mục đích và phạm vi sử dụng thông tin của người tiêu dùng của mình. Thêm vào đó, các hành vi gian lận, lừa đảo trong môi trường thương mại điện tử cũng làm gia tăng các khiếu nại liên quan đến quyền lợi người tiêu dùng. Các vấn đề này đòi hỏi sự điều chỉnh kịp thời trong các quy định pháp lý để phù hợp với xu thế phát triển của công nghệ và nhu cầu bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

## **III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

### **(1) Luật Thương mại**

- Phân quyền việc Quy định cụ thể hạn mức tối đa về giá trị của hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại, mức giảm giá tối đa đối với hàng hóa, dịch vụ được khuyến mại mà thương nhân được thực hiện trong hoạt động khuyến mại để thống nhất với quy định tại Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại theo hướng sửa đổi, bổ sung nhiệm vụ của Chính phủ tại khoản 4 Điều 94 Luật Thương mại 2005 đã được phân quyền tại Nghị định số 146/2025/NĐ-CP.

- Phân quyền chấp thuận đăng ký của thương nhân kinh doanh dịch vụ hội chợ, triển lãm thương mại cho thương nhân khác tham gia hội chợ, triển lãm thương mại ở nước ngoài để thống nhất với quy định tại Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại theo hướng sửa đổi, bổ sung nhiệm vụ của Bộ trưởng Bộ Công Thương tại khoản 2 Điều 133 Luật Thương mại 2005 đã được phân quyền tại Nghị định số 146/2025/NĐ-CP.

~~- Phân quyền chấp thuận hàng hóa, dịch vụ thuộc diện cấm xuất khẩu được tham gia hội chợ, triển lãm thương mại ở nước ngoài để thống nhất với quy định tại Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại theo hướng sửa đổi, bổ sung nhiệm vụ, quyền hạn của Thủ tướng Chính phủ tại khoản 2 Điều 135 Luật Thương mại 2005 đã được phân quyền tại Nghị định số 146/2025/NĐ-CP.~~

~~- Phân quyền chấp thuận bán, tặng hàng hóa thuộc diện cấm xuất khẩu nhưng đã được tạm xuất khẩu để tham gia hội chợ, triển lãm thương mại ở nước ngoài để thống nhất với quy định tại Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại theo hướng sửa đổi, bổ sung nhiệm vụ, quyền hạn của Thủ tướng Chính phủ tại Bãi bỏ khoản 2 Điều 135 và khoản 2, 3 Điều 137 Luật Thương mại 2005. Đồng thời, sửa đổi khoản 1 Điều~~

137 Luật Thương mại cho thống nhất với nội dung đã bãi bỏ tại khoản 2, 3 Điều 137. đã được phân quyền tại Nghị định số 146/2025/NĐ-CP.

- Bãi bỏ điều kiện kinh doanh dịch vụ giám định thương mại theo hướng sửa đổi, bổ sung Điều 256 Luật Thương mại theo hướng khẳng định quyền tự do kinh doanh của thương nhân theo pháp luật về doanh nghiệp và pháp luật có liên quan, không đặt ra yêu cầu phải đáp ứng điều kiện đầu tư kinh doanh; Bãi bỏ Điều 257 Luật Thương mại quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ giám định thương mại; Sửa Điều 260 theo hướng bỏ việc đăng ký con dấu nghiệp vụ giám định thương mại để phù hợp với Luật Đầu tư năm 2025.

- Quy định khái niệm “hàng giả” trong Luật Thương mại không chỉ để làm cơ sở pháp lý thống nhất cho toàn bộ hệ thống văn bản pháp luật liên quan đến phòng, chống hàng giả theo 02 phương án:

**Phương án 1:** Quy định liệt kê cụ thể như Nghị định số 98/2020/NĐ-CP và hoàn thiện một số nội dung. Cụ thể:

Hàng giả bao gồm hàng hóa thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Hàng hóa có giá trị sử dụng, công dụng không đúng với nguồn gốc bản chất tự nhiên, tên gọi của hàng hóa; hàng hóa không có giá trị sử dụng, công dụng hoặc có giá trị sử dụng, công dụng không đúng so với giá trị sử dụng, công dụng đã công bố hoặc đăng ký;

b) Hàng hóa có ít nhất một trong các chỉ tiêu chất lượng hoặc đặc tính kỹ thuật cơ bản hoặc định lượng chất chính tạo nên giá trị sử dụng, công dụng của hàng hóa sai lệch so với mức tối thiểu quy định tại quy chuẩn kỹ thuật hoặc tiêu chuẩn chất lượng đã đăng ký, công bố áp dụng hoặc ghi trên nhãn, bao bì hàng hóa theo tỷ lệ, mức độ do Chính phủ quy định;

c) Hàng hóa có nhãn hàng hóa hoặc bao bì hàng hóa ghi chỉ dẫn giả mạo tên, địa chỉ tổ chức, cá nhân sản xuất hoặc nhập khẩu, phân phối hàng hóa; giả mạo mã số đăng ký lưu hành, mã số công bố, mã số mã vạch của hàng hóa hoặc giả mạo bao bì hàng hóa của tổ chức, cá nhân khác; giả mạo về nguồn gốc, xuất xứ hàng hóa hoặc nơi sản xuất, đóng gói, lắp ráp hàng hóa;

d) Tem, nhãn, bao bì hàng hóa giả;

đ) Luật, Nghị quyết của Quốc hội, Pháp lệnh của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Nghị định của Chính phủ có quy định khác về hàng giả thì thực hiện theo quy định đó:

e) Hàng hóa mà pháp luật khác có quy định là hàng giả.

Chính phủ quy định chi tiết tỷ lệ sai lệch đối với từng nhóm hàng hóa.

**Phương án 2:** Quy định chung và giao Chính phủ quy định cụ thể. Cụ thể:

Hàng giả bao gồm hàng hóa thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Hàng giả giá trị sử dụng, công dụng chất lượng;

b) Hàng giả có nhãn, bao bì hàng hoá chứa thông tin giả mạo;

- Bãi bỏ quy định về hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh, hạn chế kinh doanh và kinh doanh có điều kiện; Sửa đổi quy định về độc quyền nhà nước; Bãi bỏ nội dung về hợp đồng và giải quyết tranh chấp tại Luật Thương mại.

+ Bãi bỏ Điều 25 Luật Thương mại quy định về Hàng hoá cấm kinh doanh, hàng

hoá hạn chế kinh doanh, hàng hóa kinh doanh có điều kiện; Điều 76 Luật Thương mại quy định về Dịch vụ cấm kinh doanh, dịch vụ hạn chế kinh doanh và dịch vụ kinh doanh có điều kiện;

+ Sửa đổi khoản 4 Điều 6 Luật Thương mại về độc quyền nhà nước: “4. Nhà nước thực hiện độc quyền Nhà nước có thời hạn về hoạt động thương mại đối với một số hàng hóa, dịch vụ hoặc tại một số địa bàn để bảo đảm lợi ích quốc gia ~~Chính phủ quy định cụ thể danh mục hàng hóa, dịch vụ, địa bàn độc quyền Nhà nước~~. theo quy định của luật chuyên ngành.”;

## (2) Luật Quản lý ngoại thương

- Sửa đổi, bổ sung các nhiệm vụ của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Công Thương, Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tại khoản 2 Điều 10, khoản 1 Điều 14, Điều 34, khoản 1 Điều 44, khoản 2 Điều 44, khoản 2 Điều 47, khoản 3 Điều 51 Luật Quản lý ngoại thương.

- Bãi bỏ quy định, thủ tục cấp phép gia công hàng hoá thuộc diện xuất khẩu, nhập khẩu theo giấy phép tại khoản 2 Điều 51 Luật Quản lý ngoại thương.

- Sửa đổi khoản 1 Điều 36 Luật Quản lý ngoại thương theo hướng bỏ cụm từ “Nhà nước” như sau:

*“1. Giấy chứng nhận lưu hành tự do là văn bản chứng nhận do cơ quan ~~nhà nước~~ có thẩm quyền của nước xuất khẩu cấp cho thương nhân xuất khẩu hàng hóa để chứng nhận hàng hóa đó được phép lưu hành tự do tại nước xuất khẩu.”*

- Sửa đổi Điều 10 Luật Quản lý ngoại thương theo hướng Chính phủ quy định Danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu và các trường hợp, thẩm quyền, trình tự, thủ tục cho phép xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa trong Danh mục. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ quyết định cho phép xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa thuộc danh mục cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu theo các trường hợp ngoại lệ do Chính phủ quy định.

- Sửa đổi Điều 41 Luật Quản lý ngoại thương theo hướng giao Chính phủ quy định các trường hợp hàng hóa được tạm nhập, tái xuất theo hình thức khác (bao gồm cả hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu). Đối với hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu; hàng hóa thuộc diện tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu, thương nhân phải có giấy phép tạm nhập, tái xuất. Đối với hàng hóa khác, thương nhân chỉ phải làm thủ tục tạm nhập, tái xuất tại cơ quan hải quan.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 42 cho thống nhất với Điều 41 Luật Quản lý ngoại thương.

- Sửa đổi Điều 34 Luật Quản lý ngoại thương theo hướng bổ sung phân quyền cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện nhiệm vụ chứng nhận xuất xứ hàng hóa xuất khẩu; Chính phủ phân công bộ, cơ quan ngang bộ thực hiện nhiệm vụ chứng nhận xuất xứ hàng hóa theo quy định pháp luật về xuất xứ hàng hóa; -1 khoản giao cơ quan quản lý nhà nước về ngoại thương quy định tiêu chí cho cơ quan, tổ chức cấp CO và văn bản chấp thuận (dự kiến Bộ Công Thương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) cho thương nhân tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa xuất khẩu, hàng hóa nhập khẩu. xuất xứ hàng hóa xuất khẩu;

~~- Sửa đổi Điều 34 Luật Quản lý ngoại thương theo hướng phân quyền, giao cơ quan quản lý nhà nước về hải quan quy định cơ chế nhà nhập khẩu đủ điều kiện tự chứng~~

nhận xuất xứ hàng hóa nhập khẩu;

- Sửa đổi Điều 32 Luật Quản lý ngoại thương cho thống nhất với Điều 34 sau khi Điều này đã được sửa đổi, bổ sung (~~bổ sung cơ chế nhà nhập khẩu đủ điều kiện tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa nhập khẩu~~);

- Sửa đổi Điều 35 Luật Quản lý ngoại thương theo hướng Chính phủ phân công bộ, cơ quan ngang bộ thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, xác minh, hướng dẫn kiểm tra việc cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và cấp Văn bản chấp thuận cho thương nhân tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa xuất khẩu, hàng hóa nhập khẩu.~~bổ sung trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước về hải quan trong việc kiểm tra, hướng dẫn kiểm tra việc tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa nhập khẩu của thương nhân;~~

### **(3) Luật Cạnh tranh**

- Bổ sung khoản 6 vào sau khoản 5 Điều 29 Luật Cạnh tranh như sau:

*“6. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.”*

- Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 33 Luật Cạnh tranh như sau:

*“1. Các doanh nghiệp tham gia tập trung kinh tế phải nộp hồ sơ thông báo tập trung kinh tế đến Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia theo quy định tại Điều 34 của Luật này trước khi tiến hành tập trung kinh tế nếu thuộc ngưỡng thông báo tập trung kinh tế, trừ trường hợp được miễn thực hiện thông báo tập trung kinh tế theo quy định của Chính phủ.”*

- Sửa đổi khoản 1 Điều 34 Luật Cạnh tranh như sau:

*“1. Chính phủ quy định chi tiết về thành phần hồ sơ thông báo tập trung kinh tế.*

(iv) Sửa đổi Điều 39 Luật Cạnh tranh như sau:

*“Điều 39. Tham vấn trong quá trình thẩm định tập trung kinh tế*

*1. Trong quá trình thẩm định tập trung kinh tế, Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia có quyền tham vấn cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực mà các doanh nghiệp tham gia tập trung kinh tế đang hoạt động.*

*2. Trong quá trình thẩm định tập trung kinh tế, Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia có thể tiến hành tham vấn ý kiến của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.*

*3. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu của Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia về việc tham vấn ý kiến, cơ quan, tổ chức, cá nhân được tham vấn có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về nội dung được tham vấn. Văn bản trả lời được gửi qua bưu điện, trực tuyến hoặc trực liên thông văn bản quốc gia.*

*4. Chính phủ quy định chi tiết về hồ sơ tham vấn của Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia.”*

- Sửa đổi, bổ sung Điều 42 như sau:

**“Điều 42. Tập trung kinh tế có điều kiện**

*Tập trung kinh tế có điều kiện là tập trung kinh tế được thực hiện nhưng phải đáp ứng một hoặc một số điều kiện trong một khoảng thời gian nhất định sau đây: ...”*

- Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 15 như sau:

*“2. Chính phủ quy định chi tiết về thành phần hồ sơ đề nghị hưởng miễn trừ đối với thỏa thuận hạn chế cạnh tranh bị cấm”*

- Sửa đổi, bổ sung Điều 18 như sau:

*“2. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia về việc tham vấn ý kiến, cơ quan, tổ chức, cá nhân được tham vấn có trách nhiệm trả lời bằng văn bản và cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan về nội dung được tham vấn qua bưu điện, trực tuyến hoặc trực liên thông văn bản quốc gia.”*

*3. Chính phủ quy định chi tiết về thành phần hồ sơ tham vấn của Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia trong quá trình xem xét hồ sơ đề nghị hưởng miễn trừ đối với thỏa thuận hạn chế cạnh tranh bị cấm”.*

- Sửa đổi, bổ sung hành vi bị nghiêm cấm có liên quan đến cạnh tranh tại khoản 2 Điều 8 Luật Cạnh tranh nhằm khắc phục khoảng trống pháp lý và tăng hiệu quả thực thi đối với các trường hợp tổ chức, cá nhân không trực tiếp thực hiện hành vi hạn chế cạnh tranh, cạnh tranh không lành mạnh, nhưng đóng vai trò “giúp sức” hoặc tạo điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp khác thực hiện hành vi hạn chế cạnh tranh hoặc cạnh tranh không lành mạnh, theo hướng Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 8 như sau:

*“Tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin, vận động, kêu gọi, ép buộc, tổ chức hoặc giúp sức để doanh nghiệp thực hiện hành vi hạn chế cạnh tranh, cạnh tranh không lành mạnh.”*

- Sửa đổi, bổ sung quy định về xác định thị trường liên quan, xác định thị phần và thị phần kết hợp, xác định sức mạnh thị trường đáng kể để phản ánh đúng bản chất và phù hợp với những tính chất, đặc thù riêng của mô hình kinh doanh trong lĩnh vực thương mại điện tử, kinh tế số, nơi dữ liệu, người dùng và hiệu ứng mạng đóng vai trò then chốt. Trong đó:

+ Sửa đổi khoản 1 Điều 9 như sau:

*“1. Thị trường liên quan được xác định trên cơ sở thị trường sản phẩm liên quan và thị trường địa lý liên quan.”*

+ Sửa đổi, bổ sung Điều 10 như sau:

1. Bổ sung khoản 1a vào sau khoản 1 như sau:

*“1a. Thị phần trên thị trường liên quan của nền tảng số được xác định theo một trong các phương pháp quy định tại khoản 1 Điều này hoặc một trong các phương pháp sau đây phù hợp với đặc điểm, tính chất của thị trường liên quan trong lĩnh vực nền tảng số:*

*a) Tỷ lệ phần trăm giữa số lượng người dùng hoặc khách hàng của doanh nghiệp này với tổng số người dùng hoặc khách hàng của tất cả các doanh nghiệp trên thị trường liên quan theo tháng, quý, năm;*

*b) Tỷ lệ phần trăm giữa số lượng nhà cung cấp tham gia nền tảng của doanh nghiệp này với tổng số nhà cung cấp tham gia của tất cả các doanh nghiệp trên thị trường liên quan theo tháng, quý, năm;*

*c) Tỷ lệ phần trăm giữa số lượng giao dịch, lượt truy cập hoặc chỉ tiêu tương đương của doanh nghiệp này với tổng số giao dịch, lượt truy cập hoặc chỉ tiêu tương ứng của tất cả các doanh nghiệp trên thị trường liên quan theo tháng, quý, năm.”*

+ Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

*“2. Thị phần kết hợp là tổng thị phần trên thị trường liên quan của các doanh nghiệp trong nhóm doanh nghiệp liên kết, nhóm doanh nghiệp có vị trí thống lĩnh thị trường; các doanh nghiệp tham gia thỏa thuận hạn chế cạnh tranh hoặc tập trung kinh tế.”.*

+ Bãi bỏ khoản 3 và khoản 4.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 26 như sau:

+ Bổ sung khoản 1a sau khoản 1 như sau:

*“1a. Sức mạnh thị trường đáng kể của nền tảng số trung gian được xác định căn cứ vào quy mô, số lượng người sử dụng theo pháp luật về giao dịch điện tử trong một số thị trường nhất định.”*

+ Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

*“2. Chính phủ quy định chi tiết Điều này”.*

- Bổ sung quy định về hành vi lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường, vị trí độc quyền khác đặc thù đối với nền tảng số tại điểm g khoản 1 và điểm d khoản 2 Điều 27 Luật Cạnh tranh để phù hợp với tính chất đặc thù trong mô hình kinh doanh của các nền tảng số, đồng thời giao Chính phủ quy định chi tiết các hành vi này trong Nghị định.

- Bổ khoản 1 Điều 45 do quy định trùng lặp với quy định tại Điều 127 Luật Sở hữu trí tuệ.

- Bổ sung quy định về hành vi cạnh tranh không lành mạnh bị cấm tại Điều 45 Luật Cạnh tranh để điều chỉnh đối với một số hành vi phát sinh trong thực tiễn thời gian qua, có ảnh hưởng đến mối quan hệ cạnh tranh giữa các doanh nghiệp trên thị trường, nhưng chưa được pháp luật điều chỉnh, như:

- Bổ sung khoản 6a, khoản 6b sau khoản 6 Điều 45 như sau:

*“6a. Cản trở hoạt động kinh doanh hợp pháp của doanh nghiệp khác thông qua việc lạm dụng quyền cấp, gia hạn, duy trì hoặc chấm dứt hiệu lực giấy phép bán hàng hoặc các văn bản chấp thuận tương đương, bao gồm một trong các hành vi sau đây mà không có lý do chính đáng:*

*a) từ chối cấp hoặc áp dụng điều kiện bất hợp lý khi cấp giấy phép bán hàng hoặc văn bản tương đương;*

*b) đơn phương thu hồi, đình chỉ hoặc không gia hạn giấy phép bán hàng hoặc văn bản tương đương;*

*c) phân biệt đối xử trong việc cấp, duy trì hoặc chấm dứt hiệu lực của giấy phép bán hàng hoặc văn bản tương đương giữa các đối tác, khách hàng có điều kiện như nhau.*

*6b. Sử dụng chỉ dẫn thương mại của mình hoặc của người khác dưới bất kỳ hình thức nào bao gồm việc sử dụng tên thương mại, biểu tượng kinh doanh, khẩu hiệu, bao bì, nhãn hàng hóa, thiết kế giao diện website, ứng dụng hoặc cách thức bài trí, trang trí nơi kinh doanh gây nhầm lẫn hoặc có khả năng gây nhầm lẫn cho khách hàng về chủ thể kinh doanh, quan hệ liên kết trong kinh doanh hoặc nguồn gốc thương mại của hàng hóa, dịch vụ, trù hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ được xử lý theo pháp luật về sở hữu trí tuệ”.*

**Phương án 1:** Sửa đổi, bổ sung quy định của Luật Cạnh tranh theo hướng làm rõ

nội dung của quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh và bổ sung quy định còn thiếu về thời hiệu xử phạt, đồng thời, sửa đổi, bổ sung một số quy định có liên quan tại Luật Xử lý vi phạm hành chính theo hướng cho phép áp dụng quy định của Luật Cạnh tranh về thời hiệu xử phạt; về thủ tục xử phạt (không lập biên bản vi phạm hành chính; không lập quyết định xử phạt vi phạm hành chính), cụ thể như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung một số quy định tại Luật Cạnh tranh như sau:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 94 Luật Cạnh tranh như sau:

*“1. Quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh có các nội dung chủ yếu sau đây:*

*a) Địa danh, ngày, tháng, năm ra quyết định;*

*b) Căn cứ pháp lý để ban hành quyết định;*

*c) Bên bị điều tra, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và những người tham gia tố tụng cạnh tranh khác (nếu có);*

*d) Tóm tắt nội dung vụ việc; kết quả điều tra vụ việc;*

*đ) Hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực cạnh tranh; tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng;*

*e) Điều, khoản của văn bản pháp luật được áp dụng;*

*g) Hình thức xử phạt chính; hình thức xử phạt bổ sung, biện pháp khắc phục hậu quả (nếu có);*

*h) Quyền khiếu nại, khởi kiện đối với quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh;*

*i) Hiệu lực của quyết định, thời hạn và nơi thi hành quyết định, nơi nộp tiền phạt;*

*k) Trách nhiệm thi hành quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh và việc cưỡng chế trong trường hợp cá nhân, tổ chức vi phạm không tự nguyện chấp hành.”*

- Bổ sung khoản 1a vào sau khoản 1 Điều 94 Luật Cạnh tranh như sau:

*“1a. Quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh phải bao gồm nội dung xử phạt vi phạm hành chính về cạnh tranh và thay cho quyết định xử phạt vi phạm hành chính về cạnh tranh”.*

- Bổ sung Điều 94a sau Điều 94 về thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính về cạnh tranh như sau:

***“Điều 94a. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính về cạnh tranh***

*1. Thời hiệu xử phạt đối với vi phạm hành chính về thỏa thuận hạn chế cạnh tranh, lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường, lạm dụng vị trí độc quyền, vi phạm quy định về tập trung kinh tế; cạnh tranh không lành mạnh là 05 năm.*

*2. Thời hiệu xử phạt đối với vi phạm hành chính về cạnh tranh khác là 01 năm.*

*3. Chính phủ quy định chi tiết về thời điểm để tính thời hiệu xử phạt.”*

b) Sửa đổi, bổ sung một số quy định tại Luật Xử lý vi phạm hành chính như sau:

- Sửa đổi, bổ sung đoạn thứ ba điểm a khoản 1 Điều 6 như sau:

*“Vi phạm hành chính về thuế, kiểm toán độc lập và cạnh tranh thì thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về quản lý thuế, pháp luật về kiểm toán độc lập và pháp luật về cạnh tranh”.*

*(hoặc có thể quy định theo phương án Bộ Công an đã đề xuất cho dự án Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi):*

*“Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính là từ 01 năm đến 03 năm, trừ trường hợp vi phạm hành chính về lĩnh vực khác mà luật chuyên ngành quy định thì thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật chuyên ngành đó.”*

- Bổ sung điểm c vào sau điểm b khoản 1 Điều 56 về các trường hợp xử phạt vi phạm hành chính không lập biên bản như sau:

*“c) Hành vi vi phạm quy định về thỏa thuận hạn chế cạnh tranh; hành vi vi phạm quy định về lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường, lạm dụng vị trí độc quyền; hành vi vi phạm quy định về tập trung kinh tế; hành vi vi phạm quy định về cạnh tranh không lành mạnh do cơ quan có thẩm quyền điều tra, xử lý theo quy định của Luật Cạnh tranh”.*

- Bổ sung điểm e vào sau điểm đ khoản 1 Điều 65 về những trường hợp không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính như sau:

*“e) Trường hợp đã có Quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh theo quy định của Luật Cạnh tranh.”*

Ngoài ra, những nội dung Luật Cạnh tranh không quy định sẽ áp dụng các nguyên tắc, quy định trong Luật Xử lý vi phạm hành chính.

**Phương án 2:** Sửa đổi, bổ sung quy định tại Luật Cạnh tranh theo hướng quy định rõ những đặc thù về thời hiệu xử phạt, trình tự, thủ tục xử phạt vi phạm hành chính về thỏa thuận hạn chế cạnh tranh, lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường, lạm dụng vị trí độc quyền, quy định về tập trung kinh tế, cạnh tranh không lành mạnh thực hiện theo quy trình tố tụng cạnh tranh, cụ thể như sau:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 94 Luật Cạnh tranh như sau:

*“1. Quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh có các nội dung chủ yếu sau đây:*

*a) Địa danh, ngày, tháng, năm ra quyết định;*

*b) Căn cứ pháp lý để ban hành quyết định;*

*c) Bên bị điều tra, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và những người tham gia tố tụng cạnh tranh khác (nếu có);*

*d) Tóm tắt nội dung vụ việc; kết quả điều tra vụ việc;*

*đ) Hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực cạnh tranh; tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng;*

*e) Điều, khoản của văn bản pháp luật được áp dụng;*

*g) Hình thức xử phạt chính; hình thức xử phạt bổ sung, biện pháp khắc phục hậu quả (nếu có);*

*h) Quyền khiếu nại, khởi kiện đối với quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh;*

*i) Hiệu lực của quyết định, thời hạn và nơi thi hành quyết định, nơi nộp tiền phạt;*

*k) Trách nhiệm thi hành quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh và việc cưỡng chế trong trường hợp cá nhân, tổ chức vi phạm không tự nguyện chấp hành.”*

- Bổ sung khoản 1a vào sau khoản 1 Điều 94 như sau:

*“1a. Trường hợp đã ra quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh thì không lập biên*

*bản vi phạm hành chính và không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về cạnh tranh”.*

- Bổ sung Điều 94a sau Điều 94 về thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính về cạnh tranh như sau:

**“Điều 94a. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính về cạnh tranh**

*1. Thời hiệu xử phạt đối với vi phạm hành chính về thỏa thuận hạn chế cạnh tranh, lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường, lạm dụng vị trí độc quyền, vi phạm quy định về tập trung kinh tế; cạnh tranh không lành mạnh là 05 năm.*

*2. Thời hiệu xử phạt đối với vi phạm hành chính về cạnh tranh khác là 01 năm.*

*3. Chính phủ quy định chi tiết về thời điểm để tính thời hiệu xử phạt.”*

**(4) Luật Bảo vệ người tiêu dùng**

- Bổ sung nội dung: mục đích thu thập, sử dụng thông tin vào khoản 2 Điều 17 Luật Bảo vệ người tiêu dùng 2023 thành: “2. Tổ chức, cá nhân kinh doanh phải thiết lập phương thức rõ ràng để người tiêu dùng lựa chọn mục đích, phạm vi thu thập, sử dụng thông tin đồng ý cung cấp và bày tỏ sự đồng ý hoặc không đồng ý, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, điểm b và điểm c khoản 3 Điều 18 của Luật này.”

- Bãi bỏ cụm từ “Thanh tra” tại Khoản 10 Điều 75.

Trên đây là nội dung Báo cáo tổng kết các Luật Thương mại, Luật Cạnh tranh, Luật Quản lý ngoại thương, Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, Bộ Công Thương xin báo cáo Chính phủ./.

**Nơi nhận:**

- Như trên (để b/c);
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Văn phòng Quốc hội (để p/h);
- Văn phòng Chính phủ (để p/h);
- Bộ Tư pháp;
- TT Nguyễn Sinh Nhật Tân;
- Các đơn vị: UBCTQG, TTTN, XNK, XTTM;
- Lưu: VT, PC (Anhmn).

**BỘ TRƯỞNG**

**Lê Mạnh Hùng**